

**CƯƠNG LĨNH  
VÀ CHIẾN LƯỢC CỦA  
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM  
TỪ NĂM 1930 ĐẾN NAY**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
Hà Nội - 2009**

**LỜI NHÀ XUẤT BẢN**

Cũng như các đảng cách mạng khác, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác, bằng tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức và kiểm tra, bằng hành động tiên phong gương mẫu của đảng viên, mà trước hết là cương lĩnh, chiến lược - những văn kiện cơ bản xác định mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng. Cương lĩnh và chiến lược cách mạng của Đảng ta được xây dựng trên cơ sở lý luận Mác – Lênin phù hợp với hoàn cảnh thực tế của đất nước và quốc tế qua mỗi thời kỳ cách mạng. Việc xây dựng và thông qua cương lĩnh cách mạng và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội hoàn chỉnh có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với cách mạng trong một thời kỳ tương đối dài, không chỉ đặt nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và xã hội mà còn có vai trò chỉ đạo trong quá trình soạn thảo các văn kiện Đại hội Đảng, các Hội nghị Trung ương. Không chỉ đề ra các cương lĩnh, chiến lược mang tính tổng quát trong quá trình lãnh đạo

cách mạng, Đảng ta còn đưa ra những chiến lược cho những lĩnh vực có ý nghĩa quan trọng trong từng thời kỳ phát triển của đất nước. Xét trên tổng thể, các cương lĩnh và chiến lược đó đã giúp Đảng khơi dậy các nguồn lực, phát huy sức sáng tạo của nhân dân, phát huy nội lực, không ngừng tiến lên giành được những thắng lợi, đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI và chuẩn bị cho việc bổ sung, phát triển cương lĩnh, chiến lược mới phù hợp với tình hình đất nước và quốc tế hiện nay, nhằm cung cấp thêm tài liệu nghiên cứu cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia phối hợp với một số nhà nghiên cứu của Hội đồng lý luận Trung ương và Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh tuyển chọn một số tài liệu quan trọng gắn với chủ đề Cương lĩnh và chiến lược của Đảng ta ở các cấp độ khác nhau cấu trúc thành cuốn sách: ***Cương lĩnh và Chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay.***

Nội dung cuốn sách gồm 2 phần:

Phần I: Cương lĩnh và Chiến lược chung.

Phần II: Cương lĩnh, Chiến lược cụ thể và một số văn kiện mang tính cương lĩnh, chiến lược.

Các văn kiện tuyển chọn trình bày trong cuốn sách đã được các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng hoặc Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua. Tuy nhiên, do những điều kiện khách quan và chủ quan, chắc chắn việc tuyển chọn không thể tránh khỏi còn thiếu sót, Nhà xuất bản rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

*Tháng 6 năm 2009*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC  
GIA



## PHẦN I: CƯƠNG LĨNH VÀ CHIẾN LƯỢC CHUNG

### HÁNH CƯƠNG VĂN TẮT CỦA ĐẢNG

Tư bản bản xứ đã thuộc tư bản Pháp, vì tư bản Pháp hết sức ngăn trở sức sinh sản làm cho công nghệ bản xứ không thể mở mang được. Còn về nông nghệ một ngày một tập trung đã phát sinh ra lắm khủng hoảng, nông dân thất nghiệp nhiều. Vậy tư bản bản xứ không có thể lực gì ta không nên nói cho họ đi về phe đế quốc được, chỉ bọn đại địa chủ mới có thể lực và đứng hẳn về phe đế quốc chủ nghĩa nên chủ trương làm tư sản dân quyền c.m<sup>1</sup> và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

*A - Về phương diện xã hội thì:*

- a) Dân chúng được tự do tổ chức.
- b) Nam nữ bình quyền, v.v...
- c) Phổ thông giáo dục theo công nông hoá.

*B - Về phương diện chính trị:*

- a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến.
- b) Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập.
- c) Dựng ra Chính phủ công nông binh.
- d) Tổ chức ra quân đội công nông.

*C - Về phương diện kinh tế:*

- a) Thủ tiêu hết các thứ quốc trái.
  - b) Thu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v...) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý.
  - c) Thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo.
  - d) Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo.
  - e) Mở mang công nghiệp và nông nghiệp
  - f) Thi hành luật ngày làm tám giờ.
-

1.c.m: cách mạng (B.T).

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện*  
*Đảng toàn tập*, Nxb.Chính trị quốc gia,  
Hà Nội, 1998, t.2, tr.2-3.

## SÁCH LƯỢC VĂN TẮT CỦA ĐẢNG

1. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.
2. Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa c.m đánh trúc bọn đại địa chủ và phong kiến.
3. Đảng phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) khởi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư bản quốc gia.
4. Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh Niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, *trung, tiểu địa chủ* và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản c.m thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản c.m (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ.
5. Trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thoả hiệp, trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu *nước An Nam độc lập*, phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới, nhất là vô sản giai cấp Pháp.

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện*  
*Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia,  
Hà Nội, 1998, t.2, tr.4-5.

# LUẬN CƯƠNG CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG

## (Dự án để thảo luận trong Đảng)

### I. TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ CÁCH MẠNG ĐÔNG DƯƠNG

1. Từ sau lúc đế quốc chiến tranh (1914-18), tình hình thế giới có thể chia ra làm ba thời kỳ:

a) Trong thời kỳ thứ nhất (1918-23), kinh tế tư bản vì chiến tranh mà tiêu điều, khủng hoảng, vô sản Âu châu nhiều chỗ nổi lên tranh đấu cướp chánh quyền. Rút cuộc, một mặt thì vô sản Nga dẹp được bọn đế quốc vây đánh ở ngoài và bọn phản cách mạng phá phách ở trong mà đặt vững nền vô sản chuyên chánh; nhưng một mặt thì vô sản Tây Âu bị thất bại (như vô sản Đức năm 1923).

b) Trong thời kỳ thứ hai (1923-28), các đế quốc chủ nghĩa như vô sản Âu châu vừa thất bại, hết sức tiến công mà bóc lột vô sản giai cấp và dân thuộc địa, làm cho kinh tế đế quốc được tạm thời ổn định. Vô sản giai cấp ở các nước đế quốc vì thất bại trong thời kỳ trước cho nên chỉ lo tranh đấu mà giữ thế thủ. ở các thuộc địa thì cách mạng nổi lên. ở Liên bang Xôviết thì kinh tế trở nên vững vàng, làm cho ảnh hưởng cộng sản lan khắp thế giới.

c) Thời kỳ thứ ba là thời kỳ hiện nay có những đặc điểm sau này:

Sự tạm thời ổn định của tư bản đã không thể giữ lại được nữa, mà lại đã trở vào khủng hoảng, thành thử đế quốc chủ nghĩa lại càng phải giành nhau thị trường rất kịch liệt, làm cho trận đế quốc chiến tranh sắp tới không sao tránh khỏi được.

Kinh tế Liên bang Xôviết đã phát triển lên quá trình độ trước thời kỳ đế quốc chiến tranh, đã gây dựng xã hội chủ nghĩa một cách rất thắng lợi, cho nên các đế quốc chủ nghĩa càng căm tức, muốn đánh đổ Liên bang Xôviết là thành trì cách mạng thế giới.

Ở các nước đế quốc thì vô sản giai cấp tranh đấu kịch liệt (bãi công lớn ở Đức, ở Pháp, ở Ba Lan, v.v.); ở các thuộc địa thì phong trào cách mạng rất là bùng nổ (nhứt là Tàu và Ấn Độ). Có phong trào cách mạng như thế là vì tư bản bị khủng

khoảng và còng thẳng tay bóc lột quần chúng, làm cho số công nhân thất nghiệp trong thế giới có hàng mấy mươi triệu và tình cảnh quần chúng công nông rất khổ cực.

Trong thời kỳ thứ ba này, cách mạng vô sản và cách mạng thuộc địa đã lên đến trình độ rất cao, có nơi đã sắp sửa cướp chính quyền.

Hiện nay Đông Dương đã đem lực lượng cách mạng tham gia vào phong trào tranh đấu rầm rộ trong thế giới, mở rộng hàng trận công nông chống với đế quốc chủ nghĩa. Và lại phong trào cách mạng bùng bột trong thế giới (nhứt là ở Tàu và Ấn Độ) lại ảnh hưởng mạnh đến phong trào tranh đấu ở Đông Dương, làm cho cách mạng Đông Dương càng mau *bành trướng*. Vậy nên cách mạng thế giới và cách mạng Đông Dương rất có quan hệ với nhau.

## II- NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VỀ TÌNH HÌNH Ở ĐÔNG DƯƠNG

2. *Xứ Đông Dương* (Việt Nam, Cao Miên và Lào) là một xứ thuộc địa để khai khẩn của đế quốc chủ nghĩa Pháp. Bởi vậy kinh tế của Đông Dương bị phụ thuộc vào kinh tế của đế quốc chủ nghĩa Pháp. Hai điều đặc điểm hơn hết ở trong sự phát triển Đông Dương là: a) Xứ Đông Dương cần phải phát triển một cách độc lập, nhưng vì là thuộc địa cho nên không phát triển độc lập được.

b) Sự mâu thuẫn giai cấp càng ngày càng kịch liệt: một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa.

### 3. *Mâu thuẫn về kinh tế*

a) Nông nghiệp thì phần nhiều là phải làm ra cho đế quốc chủ nghĩa đem bán ở nước ngoài, tuy vậy mà cách kinh doanh vẫn không thoát khỏi lối phong kiến. Các thứ đồn điền (cao su, bông, cà phê, v.v.) thì phần nhiều là của bọn tư bản Pháp. Ruộng đất phần rất nhiều là của bọn địa chủ bản xứ. Kinh doanh theo lối phong kiến, nghĩa là cho dân cày nghèo thuê từng miếng mà lấy địa tô rất cao. Hoa lợi về nghề làm ruộng ở Đông Dương lại kém hơn ở các xứ khác (một héc-ta ở Mã Lai thì



được 2.150 kilô lúa, ở Xiêm 1.870 kilô, ở Âu châu 4.570 kilô, ở Đông Dương chỉ 1.210 kilô). Lúa gạo xuất cảng hàng năm càng nhiều, nhưng không phải vì nghề nông phát triển mà chính là vì bọn tư bản cướp gạo của dân mà bán.

b) Chế độ áp bức của đế quốc chủ nghĩa Pháp làm ngăn trở không cho sức sản xuất Đông Dương phát triển. Đế quốc chủ nghĩa không khoách trương các công nghệ nặng (như nấu sắt, đúc máy, v.v.), vì những công nghệ ấy phát triển thì hại cho độc quyền của công nghệ Pháp. Nó chỉ phát triển những công nghệ gì rất cần dùng cho sự thống trị và buôn bán của nó mà thôi, như (đường xe lửa, xưởng đóng tàu nhỏ, v.v.). Mục đích của đế quốc Pháp là cốt làm cho Đông Dương thành ra một xứ phụ thuộc về nền kinh tế của nó, vì vậy nên nó chỉ cho phát triển công nghệ gì làm ở Đông Dương có lợi cho nó hơn làm ở Pháp mà thôi. Sự khai khẩn nguyên liệu không phải cốt làm cho xứ Đông Dương phát triển kinh tế một cách độc lập, mà cốt làm cho công nghệ Pháp khỏi phải phụ thuộc vào các đế quốc khác. c) Việc buôn bán xuất cảng thì nằm trong một bọn tư bản Pháp. Bởi vậy cho nên việc buôn bán và việc sản xuất trong xứ đều tùy theo sự cần dùng xuất cảng của đế quốc Pháp. Thành thử xuất cảng càng tăng tiến bao nhiêu thì các sản vật tự nhiên trong xứ lại bị đế quốc chủ nghĩa rút hết bấy nhiêu. Lại có một điều đặc biệt nữa là các nhà ngân hàng Pháp (như Đông Pháp ngân hàng, Địa ốc ngân hàng, v.v.) góp tiền vốn của dân bản xứ để dùng cho bọn buôn bán xuất cảng Pháp.

*Nói tóm lại:* Kinh tế Đông Dương cũng vẫn là kinh tế nông nghiệp, mà trong kinh tế ấy thì những lối phong kiến lại chiếm địa vị trọng yếu. Tất cả những điều kiện ấy làm cho kinh tế Đông Dương không có thể phát triển độc lập được.

#### *4. Mâu thuẫn giai cấp*

Đế quốc chủ nghĩa Pháp liên hiệp với bọn địa chủ, bọn lái buôn và bọn cho vay bản xứ mà bóc lột dân cày một cách rất độc ác. Đế quốc chủ nghĩa rút các sản vật nông nghiệp đem bán cho các nước ngoài, đem hàng hoá của nó vào bán trong xứ,

bắt dân đóng sưu cao, thuế nặng, làm cho dân cày đói khổ và thủ công thất nghiệp rất nhiều.

Ruộng đất thì lần lần rút vào tay đế quốc và địa chủ cả, lại có một bọn bao đất về cho thuê lại (quá đắt), ruộng đất thuê đi mướn lại mấy lần mới đến dân cày nghèo, bởi vậy mà địa tô rất cao.

Dân cày thiếu thốn phải đi vay, thì phải bị bọn cho vay bóc lột, đến nỗi nhiều khi phải đem ruộng đất hoặc con cái mà gán nợ.

Đê giữ nước lụt thì đế quốc không chú ý sửa sang. Dẫn thủy nhập điền thì về tay một bọn tư bản nó cho thuê rất cao, dân cày nghèo không có tiền thì không có nước. Thành thử nạn mất mùa vì nước lụt và đại hạn càng ngày càng nhiều. Vì vậy dân cày chẳng những là không có thể phát triển kinh tế của họ, mà lại càng ngày càng phải phụ thuộc vào bọn tư bản và càng phải suy đồi số người thất nghiệp và chết đói càng ngày càng đông.

Nền kinh tế cũ thì phá hoại rất mau mà công nghệ mới thì phát triển rất chậm; những người đói khổ và thất nghiệp không thể hoá ra công nhân hết mà phải đọng lại trong nhà quê. Tình cảnh ở nhà quê rất là thê thảm.

Ở các sản nghiệp và các đồn điền, mỏ, hầm, bọn tư bản bóc lột đè nén thợ thuyền một cách rất dã man. Tiền lương thì không đủ ăn lại bị cúp ngược, cúp xuôi. Ngày làm thì trung bình cũng 11, 12 giờ. Thường thường lại bị chửi bị đánh. Lúc ốm đau đã không được thuốc thang mà lại còn bị đuổi. Công nhân không có chút xã hội bảo hiểm nào cả. ở trong các đồn điền và hầm mỏ, bọn chủ nhốt thợ thuyền trong trại và không cho đi ra khỏi chỗ làm. Chúng nó dùng giấy giao kèo mà mộ người chở đi chỗ khác rồi tự do cai quản lấy thợ thuyền, thậm chí có quyền xử phạt thợ thuyền. Vì tình cảnh làm ăn cực khổ như thế, cho nên số công nhân Đông Dương bị bệnh nguy hiểm (như ho lao, đau mắt, sốt rét, v.v.) rất đông; số người chết non rất đông và càng ngày càng thêm.

Vô sản giai cấp Đông Dương tuy chưa đông đúc, nhưng số thợ thuyền càng ngày càng thêm, nhứt là thợ đồn điền. Sự tranh đấu của thợ thuyền càng ngày càng hăng hái. Dân cày cũng đã tỉnh dậy chống đế quốc và địa chủ rất kịch liệt. Những cuộc bãi công trong năm 1928-1929, những cuộc tranh đấu rất dữ dội của thợ thuyền và dân cày trong năm nay (1930) đã chứng tỏ ra rằng sự tranh đấu giai cấp ở Đông Dương ngày càng bành trướng. Điều đặc biệt và quan trọng nhứt trong phong trào cách mạng ở Đông Dương là sự tranh đấu của quần chúng công nông có tánh chất độc lập rất rõ rệt, chớ không phải là chịu ảnh hưởng quốc gia chủ nghĩa như lúc trước nữa.

### III - TÍNH CHẤT VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG ĐÔNG DƯƠNG

5. Hết thảy những điều mâu thuẫn đã kể trên làm cho phong trào cách mạng ở Đông Dương càng ngày càng phát triển. Trong lúc đầu, cuộc cách mạng Đông Dương sẽ là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, bởi vì cách mạng chưa có thể trực tiếp giải quyết được những vấn đề tổ chức xã hội chủ nghĩa; sức kinh tế trong xứ còn rất yếu, các di tích phong kiến còn nhiều, sức mạnh giai cấp tương đương chưa mạnh về phía vô sản, và lại còn bị đế quốc chủ nghĩa áp bức. Vì những điều kiện ấy cho nên thời kỳ bây giờ cách mạng chỉ có tánh chất thổ địa và phản đế.

Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng. Tư sản dân quyền cách mạng được thắng lợi, chánh phủ công nông đã dựng lên rồi, thì công nghiệp trong nước được phát triển, các tổ chức vô sản được thêm mạnh, quyền lãnh đạo của vô sản sẽ thêm kiên cố, sức mạnh giai cấp tương đương sẽ nặng về phía vô sản. Lúc đó sự tranh đấu sẽ thêm sâu, thêm rộng, làm cho cách mạng tư sản dân quyền tiến lên con đường cách mạng vô sản. Thời kỳ này là thời kỳ cách mạng vô sản toàn thế giới và thời kỳ kiến trúc xã hội chủ nghĩa ở Liên bang Xôviết; xứ Đông Dương sẽ nhờ vô sản giai cấp chuyên chánh các nước giúp sức cho mà phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp và nông dân là hai động lực chính, nhưng vô sản có cầm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được.

6. Sự cốt yếu của tư sản dân quyền cách mạng thì một mặt là phải tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để, một mặt nữa là tranh đấu để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai mặt tranh đấu có liên lạc mật thiết với nhau, vì có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa. Muốn thực hành được những điều cốt yếu ấy thì phải dựng lên chính quyền Xôviết công nông. Chỉ có chính quyền Xôviết công nông mới là cái khí cụ rất mạnh mà đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, phong kiến, địa chủ, làm cho dân cày có đất mà cày, làm cho vô sản có pháp luật bảo hộ quyền lợi cho mình.

Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là:

- a) Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, phong kiến và địa chủ,
- b) Lập chính phủ công nông,
- c) Tịch ký hết thảy ruộng đất của bọn địa chủ ngoại quốc, bọn xứ và các giáo hội; giao ruộng đất ấy cho trung và bản nông, quyền sở hữu ruộng đất về chính phủ công nông,
- d) Sung công hết thảy các sản nghiệp lớn của bọn tư bản ngoại quốc.
- đ) Bỏ các sưu thuế hiện thời, lập ra thuế lũy tiến,
- e) Ngày làm công tám giờ, sửa đổi sự sanh hoạt cho thợ thuyền và quần chúng lao khổ,
- g) Xứ Đông Dương hoàn toàn độc lập, thừa nhận dân tộc tự quyết,
- h) Lập quân đội công nông,
- i) Nam nữ bình quyền,

k) ủng hộ Liên bang Xôviết; liên kết với vô sản giai cấp toàn thế giới và phong trào cách mạng thuộc địa và bán thuộc địa.

7. Trong cuộc cách mạng ở Đông Dương, địa vị các giai cấp không đều nhau:

a) *Bọn tư bản* đối với đế quốc chủ nghĩa có vị trí không đều nhau: bọn tư bản thương mại vì có lợi quyền dính dáng với đế quốc cho nên đứng về một phe với đế quốc chủ nghĩa và địa chủ mà chống cách mạng. Bọn tư bản công nghệ vẫn có lợi quyền trái với đế quốc chủ nghĩa; nhưng vì:

- Là sức lực của chúng nó rất kém,
- Là chúng nó có dính dáng với địa chủ (có nhiều anh kiem địa chủ),
- Là chúng nó sợ phong trào vô sản và chịu ảnh hưởng phản cách mạng của bọn tư bản Tàu và Ấn Độ, cho nên chúng nó không thể đứng về quốc gia cách mạng mà chỉ đứng về mặt quốc gia cải lương.

Nhưng khi phong trào quần chúng nổi lên cao, cách mạng V.S.<sup>1</sup> đến trước mắt thì bọn này sẽ theo phe đế quốc chủ nghĩa.

b) *Tiểu tư sản* có nhiều hạng, địa vị mỗi hạng lại mỗi khác và trong mỗi thời kỳ cách mạng thì địa vị ấy lại đổi khác nữa:

- Bọn thủ công nghiệp, vì bị hàng hoá của đế quốc chở tới rất nhiều cạnh tranh không nổi, cho nên có ác cảm với đế quốc. Đối với phong trào cách mạng vô sản, bọn này cũng có ác cảm, vì chúng nó muốn giữ lấy cách bóc lột những thợ học nghề với chúng nó. Vì sự mâu thuẫn ấy mà thái độ chúng nó đối với cách mạng rất do dự.

- Bọn tiểu thương gia có quan hệ với cách bóc lột như là buôn bán và cho vay nặng lời, bởi vậy chúng nó muốn giữ lấy chế độ ấy, vì thế mà chúng nó không tán thành cách mạng.

- Bọn trí thức, tiểu tư sản, học sinh, v.v. là bọn xu hướng quốc gia chủ nghĩa, chúng nó đại biểu quyền lợi cho tất cả giai cấp tư bản bản xứ, chớ không phải chỉ bên vực quyền lợi riêng cho bọn tiểu tư sản mà thôi. Trong thời kỳ chống đế quốc

chủ nghĩa thì bọn ấy cũng hăng hái tham gia, nhưng chỉ lúc đầu mà thôi; chúng nó không thể bình vực quyền lợi cho dân cày được, vì chúng nó phần nhiều có dây dướng với bọn địa chủ.

- Các phần tử lao khổ ở thành phố như là bọn bán rao ngoài đường, bọn thủ công nghiệp nhỏ không muốn thợ, bọn trí thức thất nghiệp, v.v. vì sinh hoạt cực khổ cho nên đều theo cách mạng cả.

#### *8. Sức mạnh của cách mạng*

a) Vô sản giai cấp ở Đông Dương phần nhiều do dân cày hoặc là thủ công thất nghiệp mà hoá ra, còn đương mới mẻ chưa thoát khỏi những tư tưởng hẹp hòi, những hủ tục phong kiến và ít biết chữ, cho nên sự giai cấp giác ngộ có bị trở ngại. Tuy vậy, giai cấp ấy rất là tập trung và mỗi ngày lại thêm đông; và cách bóc lột áp bức theo lối thuộc địa rất tàn nhẫn, thành thử vô sản giai cấp mau phá sự trở ngại ấy mà nổi lên tranh đấu càng ngày càng hăng hái để chống lại tư bản đế quốc. Vì vậy cho nên vô sản giai cấp thành một động lực chánh và rất mạnh của cách mạng ở Đông Dương, và lại là giai cấp lãnh đạo cho dân cày và quần chúng lao khổ làm cách mạng.

b) Dân cày là hạng người chiếm đại đa số ở Đông Dương (hơn 90 phần 100 (90%)), họ là một động lực mạnh cho cách mạng tư sản dân quyền. Nhưng dân cày ở Đông Dương không phải là nhứt luật như nhau cả. Trong lúc tranh đấu chống địa chủ và đế quốc chủ nghĩa thì vô sản có thể kéo hết thầy dân cày về phe cách mạng, nhưng lúc sự phân hoá giai cấp ở thôn quê càng rộng càng sâu, cuộc thổ địa cách mạng càng bành trướng thì bọn phú nông càng mau bước sang phe phản cách mạng. Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền, vô sản giai cấp có đứng đầu và cùng với quần chúng dân cày mà tranh đấu để bình vực quyền lợi hằng ngày cho dân cày, và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để, thì mới có thể giành quyền lãnh đạo cho dân cày được. Đồng minh của giai cấp vô sản là bọn trung và bản nông.

### 9. Đối với các giai cấp

a) Tư bản bốn xứ chia làm hai bộ phận: một bộ phận thì đã hiệp tác với đế quốc chủ nghĩa (dựa vào các cơ quan chính trị và kinh tế), một bộ phận nữa (bọn Huỳnh Thúc Kháng, bọn Phạm Quỳnh, bọn Ngô báo, v.v..) hiện còn tìm cách thoả hiệp với đế quốc; chúng nó lợi dụng phong trào cách mạng để yêu cầu đế quốc những quyền lợi riêng của chúng nó, đồng thời để lừa gạt quần chúng (ngoài mặt thì chúng nó làm bộ đòi những sự cải cách, nhưng kỳ thiệt chúng nó kiếm cách phá hoại phong trào cách mạng của công nông. Chiến lược của Đảng là phải chỉ rõ cái tánh chất quốc gia cải lương của bọn này ra. Mục đích của bọn này là cốt làm cho quần chúng sanh mộng tưởng mà quên con đường cách mạng. Nếu từ đây mà Đảng không tranh đấu kịch liệt để kéo quần chúng ra khỏi ảnh hưởng quốc gia cải lương, thì ảnh hưởng ấy sẽ thành một sự nguy hiểm cho sự phát triển của cách mạng. Đảng phải làm cho quần chúng hiểu rõ rằng các bọn quốc gia cải lương chỉ muốn điều đình với đế quốc chủ nghĩa, đã nhiều lần phản cách mạng, hết sức chống những đòi hỏi của quần chúng.

b) Đảng phải nhận rõ cái tánh chất và địa vị các đảng phái *tiểu tư sản* trong cuộc cách mạng (như bọn Quốc dân Đảng, Ng.An Ninh, v.v.). Bây giờ các đảng phái ấy tuy còn ở trong địa vị quốc gia cách mạng nhưng rồi đây cũng hoá ra quốc gia cải lương. Các đảng phái ấy đều dính dáng với giai cấp địa chủ và tư bản bốn xứ. Đối với đế quốc chủ nghĩa thì bọn trí thức tiểu tư sản lãnh tụ các đảng phái ấy và chủ trương quốc gia cách mạng. Nhưng mục đích của họ chỉ chủ trương sự phát triển tư bản cho xứ Đông Dương mà thôi. Khi phong trào cách mạng phản đế mới nổi lên thì họ chống đế quốc chủ nghĩa và binh vực quyền lợi cho giai cấp tư bản bốn xứ. Nhưng đến lúc cách mạng phát triển đã cao; lúc phải giải quyết các vấn đề căn bản như là vấn đề thổ địa cách mạng và vấn đề công nông chuyên chính, thì các đảng phái ấy sẽ bỏ cách mạng mà chạy về cải lương và hiệp tác với đế quốc chủ nghĩa.

Bởi vậy cho nên về mặt chính trị và tổ chức ngay từ lúc đầu, chúng ta phải phân tách giới hạn của Đảng Cộng sản và các đảng phái tiểu tư sản cho thật rõ, như là phải đánh đổ những xu hướng tiểu tư sản (ám sát, không tín nhiệm quần chúng, v.v.) ở trong Đảng mình.

Muốn lợi dụng cho hết mọi cơ hội để mở rộng phong trào cách mạng, Đảng có thể tạm thời hợp tác với các đảng phái ấy, nhưng nếu các đảng phái ấy có thiệt ra tranh đấu chống đế quốc chủ nghĩa và không ngăn trở sự cổ động tuyên truyền cộng sản trong quần chúng công nông thì mới có thể tạm thời hợp tác được. Nếu không có những điều kiện ấy thì không nên hợp tác. Khi hợp tác, thì lúc nào Đảng cũng phải giữ cho phong trào công nông có tánh chất giai cấp, nghĩa là phải giữ lấy quyền tự do cổ động, tuyên truyền, tổ chức và đem quần chúng tranh đấu theo khẩu hiệu phản đế và thổ địa cách mạng của Đảng. Đồng thời lại phải chỉ trích những sự hành động không triệt để và không quả quyết của các đảng phái ấy, và chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi của họ. Phải đề trước những sự do dự của họ để dự bị cách đối phó. Phải hết sức đánh đổ ảnh hưởng của bọn ấy trong quần chúng và phải kéo quần chúng thoát khỏi ảnh hưởng ấy, để giành lấy quyền lãnh đạo cho vô sản.

10. Điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường chính trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành. Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp lấy chủ nghĩa Các Mác và Lênin làm gốc mà đại biểu quyền lợi chính và lâu dài, chung cho cả giai cấp vô sản ở Đông Dương, và lãnh đạo vô sản giai cấp Đông Dương ra tranh đấu để đạt được mục đích cuối cùng của vô sản là chủ nghĩa cộng sản. Muốn làm cho trọn nhiệm vụ của Đảng trong cuộc cách mạng, trước hết Đảng cần phải: tổ chức ra những đoàn thể độc lập (công hội, nông hội, v.v.).

a) Đảng phải thâm phục đại đa số của giai cấp mình, cho nên trách nhiệm trung tâm của Đảng là tổ chức và khoách trương Công hội đỏ trong những sản nghiệp trọng



yếu và trong các thành phố lớn. Công hội phải thống nhất và tập trung theo sản nghiệp và theo địa phương. Phải tổ chức công xưởng uỷ viên hội, và chú ý tổ chức công nhân các đồn điền và mỏ, Đảng không những chỉ công tác trong các công hội đó mà thôi, mà lại cần phải chú ý công tác trong đoàn thể thợ thuyền còn chịu ảnh hưởng bọn phản động hoặc cải lương, để thâm phục quần chúng. Đảng phải hết sức liên lạc những sự hoạt động công khai và bí mật để khoách trương cuộc công nhân vận động.

b) Muốn lập công nông chuyên chánh thì vô sản giai cấp phải lãnh đạo cho đại đa số quần chúng lao khổ, nhất là dân cày. Vậy nên Đảng phải chú ý về việc tập trung ruộng đất phát triển ra thế nào, và sự mâu thuẫn giai cấp ở thôn quê. Ngay từ lúc đầu, Đảng phải lãnh đạo dân cày chống đế quốc và địa chủ. Bàn và trung nông là phần tử hăng hái làm cách mạng thổ địa, cho nên phải hết sức tổ chức họ khắp trong xứ. Điều cần nhất của Đảng là phải tổ chức công hội công nhân nông nghiệp cho kiên cố và làm cho họ thành người lãnh đạo quần chúng nông dân trong cuộc cách mạng. Còn bọn phú nông thì ngay từ lúc bấy giờ phải chú ý đừng cho bọn ấy xen vào nông hội, và ảnh hưởng đến trung và bản nông.

### *11. Cách tranh đấu*

Trong lúc định chiến lược, Đảng phải xét kỹ tình hình trong nước và ngoài thế giới, sức mạnh của địch nhân, sức tranh đấu của quần chúng, thái độ các hạng người đối với cách mạng, v.v.. Đảng căn cứ ở những điều kiện ấy mà định ra chiến lược để lãnh đạo cho quần chúng tranh đấu. Lúc thường thì phải tùy theo tình hình mà đặt khẩu hiệu "phần ít" để binh vực lợi quyền cho quần chúng như: tăng tiền lương, bớt giờ làm, giảm thuế, chống thuế, chống sự sanh hoạt mắc mớ, v.v. Để khoách trương sự tranh đấu cách mạng ra phải đem khẩu hiệu "phần ít" ấy phụ thuộc vào khẩu hiệu chánh của Đảng như: đánh đổ đế quốc chủ nghĩa, địa chủ và phong kiến, xứ Đông Dương hoàn toàn độc lập, lập chánh phủ công nông, v.v..

Không chú ý đến những sự nhu yếu của sự tranh đấu hằng ngày của quần chúng là rất sai lầm. Mà nếu chỉ chú ý đến những sự nhu yếu hằng ngày mà không chú ý đến những mục đích lớn của Đảng cũng là rất sai lầm.

Nhiệm vụ của Đảng là phải lấy những sự nhu yếu hằng ngày làm bước đầu mà dắt vô sản giai cấp và dân cày ra chiến trường cách mạng. Đến lúc sức cách mạng lên rất mạnh, giai cấp thống trị đã rung động, các giai cấp đứng giữa đã muốn bỏ về phe cách mạng, quần chúng công nông thì sôi nổi cách mạng, quyết hy sinh phấn đấu, thì Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chính phủ của địch nhân và giành lấy chính quyền cho công nông.

Lúc đó Đảng phải ra khẩu hiệu "giao tiếp" và nâng cao những khẩu hiệu ấy lên như: lập Xôviết, lập hội đồng tịch ký ruộng đất, sản nghiệp do công nhân kiểm soát, võ trang cho công nông, v.v.. Đồng thời Đảng phải tổ chức và khuếch trương hết cả các cách tranh đấu của quần chúng như bãi công, bãi công vừa thị oai, bãi công vừa võ trang thị oai, tổng bãi công bạo động.

*Võ trang bạo động* không phải là một việc thường, chẳng những là theo hình thức trực tiếp cách mạng, mà lại phải theo khuôn phép nhà binh, cho nên cần phải chú ý. Trong khi không có tình thế trực tiếp cách mạng cũng cứ kịch liệt tranh đấu; nhưng kịch liệt tranh đấu ấy không phải là để tổ chức những cuộc manh động, hoặc là võ trang bạo động quá sớm, mà cốt là để suy động đại quần chúng ra thị oai, biểu tình bãi công, v.v. để dự bị họ về cuộc võ trang bạo động sau này.

## *12. Phản đối đế quốc chiến tranh*

Thời kỳ này là thời kỳ khủng hoảng khắp cả các nước đế quốc, phong trào công nhân ở các nước và ở Đông Dương nổi lên rất mạnh. Cái nguy cơ chiến tranh của các đế quốc càng ngày càng gần. Bởi vậy Đảng phải hết sức khoách trương công tác "phản đối binh bị", và một mặt tổ chức trong quân đội, một mặt tổ chức đội tự vệ của công nông, phải làm cho các khẩu hiệu chống đế quốc chủ nghĩa chiến tranh lan khắp và sâu vào trong quần chúng, như: đối chiến tranh đế quốc ra chiến tranh

cách mạng, đánh đổ đế quốc chủ nghĩa và giai cấp bóc lột. Binh vực Liên bang Xôviết và phong trào cách mạng trong thế giới, v.v..

### *13. Liên lạc với vô sản và dân thuộc địa thế giới*

Vô sản Đông Dương phải liên lạc mật thiết với vô sản thế giới, nhất là vô sản Pháp để làm mặt trận vô sản "mẫu quốc" và thuộc địa cho sức tranh đấu cách mạng được mạnh lên.

Trong cuộc tranh đấu chống đế quốc, quần chúng cách mạng ở Đông Dương lại phải liên lạc với quần chúng cách mạng ở các thuộc địa và bán thuộc địa, nhất là ở Tàu và Ấn Độ, v.v..

Trong công tác, Đảng phải liên lạc mật thiết với Đảng Cộng sản Pháp, Tàu và Ấn Độ.

---

1.V.S.: vô sản (*B.T.*).

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện*  
*Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia,  
Hà Nội, 1998, t.2, tr.88-103.

# CHÍNH CƯƠNG CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM\*

## CHƯƠNG I

### THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

1. Sau chiến tranh thứ hai, chế độ phát-xít sụp đổ, cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản thêm trầm trọng, Liên-xô ngày càng cường thịnh, phong trào dân chủ lên cao. Thế giới chia làm hai phe: phe dân chủ chống đế quốc do Liên-xô lãnh đạo, phe đế quốc phản dân chủ do Mỹ cầm đầu.

Phe dân chủ ngày một mạnh, phe đế quốc ngày một suy. Cán cân lực lượng giữa hai phe đã nghiêng hẳn về phe dân chủ.

Muốn thoát khỏi nạn khủng hoảng, đế quốc Mỹ và các đế quốc khác đang ra sức chuẩn bị chiến tranh thứ ba và mở rộng các cuộc chiến tranh xâm lược. Nguy cơ chiến tranh đã rõ rệt. Nhiệm vụ trung tâm của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới lúc này là đấu tranh bảo vệ hòa bình. Dưới sự lãnh đạo của Liên-xô đứng đầu là Thống chế Xít-ta-lin, phe dân chủ mở rộng thành mặt trận hòa bình thế giới, kiên quyết chống bọn gây chiến. Phong trào hòa bình sâu rộng, mạnh mẽ chưa từng có trong lịch sử. Đế quốc gây ra chiến tranh thứ ba tức là tự sát.

2. Trong chiến tranh và sau chiến tranh thứ hai nhờ chủ nghĩa xã hội thắng chủ nghĩa phát xít, cách mạng dân chủ nhân dân lan rộng và đã thành công ở nhiều nước Trung Đông Âu và Viễn đông. Chế độ dân chủ nhân dân thành lập, tách những nước đó ra khỏi hệ thống đế quốc chủ nghĩa.

Cách mạng dân chủ nhân dân ngày càng có tính chất phổ biến. Nó là con đường chung cho các nước tiên tiến cũng như các nước thuộc địa, và nửa thuộc địa, cho những nước gần Liên-xô cũng như những nước xa Liên-xô.

3. Một đặc điểm của thế giới sau chiến tranh thứ hai là phong trào giải phóng thuộc địa và nửa thuộc địa sôi nổi làm lay chuyển hệ thống đế quốc chủ nghĩa đến tận nền tảng.

Phong trào đấu tranh của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa đã trở thành một bộ phận khăng khít của phong trào chống bọn đế quốc gây chiến, bảo vệ hòa bình và giành dân chủ trên thế giới.

Hiện nay bọn đế quốc Anh, Pháp, Hà v.v.. đang dùng thủ đoạn xảo quyệt thừa nhận độc lập giả hiệu, mua chuộc giai cấp tư sản và địa chủ bản quốc để duy trì quyền thống trị của chúng ở các thuộc địa. Đế quốc Mỹ cũng ra sức biến những thuộc địa đó thành thị trường và căn cứ quân sự của mình. Nhưng các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa đã nhận rõ con đường cứu sống duy nhất của mình là: đoàn kết dân tộc mật thiết liên lạc với nhân dân thế giới, đặc biệt với nhân dân lao động chính quốc kiên quyết tiến hành đấu tranh vũ trang lâu dài dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Họ nhất định sẽ thắng lợi.

4. Việt Nam là một tiền đồn của phe dân chủ ở Đông Nam á.

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của phong trào giải phóng dân tộc, bảo vệ hoà bình và dân chủ trên thế giới. Trong khi giành tự do, độc lập cho mình, dân tộc Việt Nam bảo vệ hoà bình thế giới và làm cho chế độ dân chủ phát triển ở Đông Nam á. Nhờ những thắng lợi của phe dân chủ trên thế giới đặc biệt là sự thành công vĩ đại của nhân dân Trung Quốc và do sự cố gắng của toàn thể dân tộc, cách

mạng Việt Nam nhất định sẽ thành công.

## *CHƯƠNG II*

### **XÃ HỘI VIỆT NAM VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

#### **I. Xã hội Việt Nam**

1. Trước khi thuộc Pháp, xã hội Việt Nam căn bản là một xã hội phong kiến. Nền tảng của xã hội đó là kinh tế nông nghiệp phần lớn có tính chất kinh tế tự nhiên. Ruộng đất là của vua quan và địa chủ phong kiến.

Nông dân bị bóc lột áp bức nặng nề, sống rất cực khổ. Họ càng thống khổ hơn khi có bọn phong kiến nước ngoài đến thống trị. Họ cần được giải phóng. Họ cần có ruộng đất. Vì vậy nông dân đã nhiều lần khởi nghĩa. Những lần họ đấu tranh rộng rãi và quyết liệt đều đưa đến một cuộc thay đổi triều đại trong nước hoặc một cuộc giải phóng dân tộc vẻ vang. Nhưng vì điều kiện kinh tế và xã hội chưa đầy đủ, thiếu một giai cấp tiên tiến lãnh đạo, cho nên trải qua bao nhiêu thế kỷ, cuộc đấu tranh của nông dân không thay đổi được tính chất phong kiến của xã hội Việt Nam.

2. Từ khi bị đế quốc Pháp chinh phục, Việt Nam biến thành một thị trường độc chiếm, một nguồn cung cấp nguyên liệu một nơi cho vay lãi và một căn cứ đóng quân của thực dân Pháp. Tính chất tự cấp tự túc của kinh tế phong kiến Việt Nam bị lay chuyển.

Sau chiến tranh thứ nhất do chính sách "đặc biệt khai thác thuộc địa" của đế quốc Pháp, kỹ nghệ khai mỏ và kỹ nghệ nhẹ của Pháp được mở mang thêm ở Việt Nam.

Giai cấp công nhân Việt Nam thành hình và trưởng thành mau chóng. Tư bản Việt Nam ra đời nhưng bị tư bản độc quyền Pháp đè nén nên không phát triển được mấy.

Chính sách thuộc địa của đế quốc Pháp ở Việt Nam là một chính sách hẹp hòi, bảo thủ. Chính sách ấy làm cho Việt Nam hoàn toàn phụ thuộc vào nước Pháp. Nó kìm hãm sức phát triển của lực lượng sản xuất ở Việt Nam. Nó kết hợp những hình thức áp bức bóc lột tư bản với những hình thức áp bức bóc lột phong kiến và nửa phong kiến, làm cho nhân dân Việt Nam nhất là công nhân và nông dân vô cùng thống khổ.

Trong chiến tranh thứ hai phát xít Nhật xâm chiếm Việt Nam, chế độ thuộc địa của Pháp ở Việt Nam cũng phát xít hóa. Nhân dân Việt Nam càng thống khổ hơn.

Nhiều cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Các khu căn cứ du kích phát triển và chính quyền nhân dân thành lập ở khu giải phóng Việt Bắc.

Song nói chung, dưới thời thuộc Pháp, xã hội Việt Nam là một xã hội thuộc địa và nửa phong kiến.

3. Năm 1945, bị quân đội Xô-viết đánh bại, phát xít Nhật đầu hàng. Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng cộng sản Đông dương, nhân dân Việt Nam tổng khởi nghĩa thắng lợi. Nước cộng hòa dân chủ Việt Nam thành lập.

Nhưng cải cách dân chủ được thực hiện. Xã hội Việt Nam bước vào con đường dân chủ nhân dân.

Nhưng đế quốc Pháp trở lại xâm lược. Cuộc kháng chiến trường kỳ và toàn diện

của dân tộc Việt Nam bắt đầu. Hiện nay được bọn can thiệp Mỹ viện trợ và bù nhìn phản quốc giúp sức, đế quốc Pháp đã đặt lại chế độ thuộc địa, phát xít trên một phần đất nước ta.

Xã hội Việt Nam hiện nay gồm có ba tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến.

Ba tính chất đó đang đấu tranh lẫn nhau. Nhưng mâu thuẫn chủ yếu lúc này là mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân và tính chất thuộc địa. Mâu thuẫn đó đang được giải quyết trong quá trình cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp và bọn can thiệp.

## **II. Cách mạng Việt Nam**

1. Hiện nay cách mạng Việt Nam phải giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân Việt Nam và những thế lực phản động, khiến cho chế độ ấy phát triển mạnh mẽ và thuận chiều tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Thế lực phản động chính đang ngăn cản sự phát triển của xã hội Việt Nam là chủ nghĩa đế quốc xâm lược.

Những di tích phong kiến cũng làm cho xã hội Việt Nam đình trệ. Do đó cách mạng Việt Nam có hai đối tượng. Đối tượng chính hiện nay là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động.

2. Nhiệm vụ cơ bản hiện nay của cách mạng Việt Nam là đánh đuổi bọn đế quốc



xâm lược giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

Ba nhiệm vụ đó khăng khít với nhau. Song nhiệm vụ chính trước mắt là hoàn thành giải phóng dân tộc. Cho nên lúc này phải tập trung lực lượng vào việc kháng chiến để quyết thắng quân xâm lược.

3. Động lực của cách mạng Việt Nam lúc này là: công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những giai cấp, tầng lớp và phần tử đó hợp thành nhân dân. Nền tảng của nhân dân là công nông và lao động trí thức. Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân.

4. Giải quyết những nhiệm vụ cơ bản nói trên do nhân dân làm động lực, công nông và lao động trí thức làm nền tảng và giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng Việt Nam hiện nay là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Cách mạng đó không phải là cách mạng dân chủ tư sản lối cũ cũng không phải là cách mạng xã hội chủ nghĩa mà là một thứ cách mạng dân chủ tư sản lối mới tiến triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa, không phải trải qua một cuộc nội chiến cách mạng. Đó là một thứ cách mạng điển hình trong điều kiện lịch sử hiện nay.

5. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam nhất định sẽ đưa Việt Nam tiến tới chủ nghĩa xã hội. Do giai cấp công nhân lãnh đạo, liên minh chặt chẽ với nông dân và lao động trí óc, lại được sự giúp đỡ của Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân, nhất là Trung Quốc, cách mạng Việt Nam không thể đi con đường nào khác ngoài con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đó là một con đường đấu tranh lâu dài, đại thể trải qua ba giai đoạn: giai đoạn thứ nhất, nhiệm vụ chủ yếu là hoàn thành giải phóng dân tộc; giai đoạn thứ hai, nhiệm vụ chủ yếu là xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển kỹ nghệ, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; giai đoạn thứ ba, nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.

Ba giai đoạn ấy không tách rời nhau, mà mật thiết liên hệ xen kẽ với nhau. Nhưng mỗi giai đoạn có một nhiệm vụ trung tâm, phải nắm vững nhiệm vụ trung tâm đó để tập trung lực lượng vào đó mà thực hiện.

Trong giai đoạn thứ nhất, giai đoạn hiện tại, mũi nhọn của cách mạng chĩa vào đế quốc xâm lược. Đảng phải tập hợp mọi lực lượng dân tộc, lập Mặt trận dân tộc thống nhất, kháng chiến chống bọn đế quốc xâm lược và các hạng Việt gian. Đồng thời phải cải thiện đời sống cho nhân dân, đặc biệt là nhân dân lao động, để cho nhân dân hăng hái kháng chiến.

Song giai đoạn thứ hai, mũi nhọn của cách mạng chĩa vào lực lượng phong kiến. Lúc đó Đảng phải tập trung lực lượng xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, triệt để thực hiện người cày có ruộng, đẩy mạnh việc kỹ nghệ hóa: hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân. Song, vẫn tiếp tục chống đế quốc thế giới bảo vệ độc lập của dân tộc.

Đến giai đoạn thứ ba, trọng tâm của cách mạng là phát triển cơ sở xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị thực hiện chủ nghĩa xã hội. Những bước cụ thể của giai đoạn này phải tùy theo điều kiện cụ thể của tình hình trong nước và ngoài nước khi đó mà

quyết định.

### **CHƯƠNG III**

## **CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM**

Đảng Lao động nhằm hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, xóa bỏ di tích phong kiến và nửa phong kiến, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, làm cho nước Việt Nam độc lập và thống nhất, dân chủ tự do, phú cường và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Trong kháng chiến và ngay sau kháng chiến Đảng Lao động Việt Nam chủ trương thi hành những chính sách sau đây đặng đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở kiến thiết quốc gia.

### **1. Kháng chiến**

1. Nhân dân Việt Nam kiên quyết kháng chiến đến cùng chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ để giành độc lập và thống nhất thật sự cho Tổ quốc.
2. Cuộc kháng chiến của ta là một cuộc chiến tranh nhân dân. Đặc điểm của nó là: toàn dân, toàn diện trường kỳ. Nó phải trải qua ba giai đoạn: phòng ngự, cầm cự và tổng phản công.
3. Nhiệm vụ trọng tâm của cuộc kháng chiến từ nay đến thắng lợi là: hoàn thành việc chuẩn bị tổng phản công và tổng phản công thắng lợi. Muốn vậy phải tổng động viên nhân lực, vật lực, tài lực vào việc kháng chiến theo khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả chiến thắng. Đồng thời phải luôn luôn bồi dưỡng lực lượng

kháng chiến về mọi mặt.

4. Phải nắm vững phương châm chiến lược của chiến tranh nhân dân là :

- Các mặt công tác chính trị, kinh tế, văn hóa đều nhằm mục đích làm cho quân sự thắng lợi. Đồng thời, đấu tranh quân sự phải phối hợp với đấu tranh chính trị, kinh tế vv...

- Phối hợp việc tác chiến trước mặt địch với việc đánh du kích quấy rối phá hoại sau lưng địch.

## **2. Chính quyền nhân dân**

1. Chính quyền của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là chính quyền dân chủ của nhân dân nghĩa là của công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức, tư sản dân tộc và các thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những tầng lớp nhân dân ấy chuyên chính đối với đế quốc xâm lược và bọn phản quốc. Cho nên nội dung chính quyền đó là nhân dân dân chủ chuyên chính.

2. Chính quyền đó dựa vào Mặt trận dân tộc thống nhất lấy liên minh công nhân, nông dân và lao động trí thức làm nền tảng và do giai cấp công nhân lãnh đạo.

3. Nguyên tắc, tổ chức của chính quyền đó là dân chủ tập trung. Cơ quan chính quyền ở địa phương là Hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính (hiện nay là ủy ban kháng chiến hành chính). Cơ quan chính quyền tối cao toàn quốc là Quốc hội và Hội đồng Chính phủ.

### **3. Mặt trận dân tộc thống nhất**

1. Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam đoàn kết tất cả mọi đảng phái, mọi đoàn thể và mọi thân sĩ yêu nước, không phân biệt giai cấp, chủng tộc tôn giáo, nam nữ để cùng nhau kháng chiến kiến quốc. Nó ủng hộ chính quyền bằng cách động viên và giáo dục nhân dân thi hành mệnh lệnh chính quyền cũng như bằng cách đề đạt ý kiến, nguyện vọng của nhân dân lên chính quyền.

2. Mặt trận dân tộc thống nhất lấy liên minh công nông và lao động trí thức làm nòng cốt và do giai cấp công nhân lãnh đạo.

3. Đảng Lao động Việt Nam đoàn kết với các đảng phái, các đoàn thể các thân sĩ trong Mặt trận dân tộc thống nhất theo nguyên tắc :

Đoàn kết thành thực: các bộ phận của Mặt trận giúp đỡ lẫn nhau và phê bình lẫn nhau một cách thân ái để cùng nhau tiến.

- Thống nhất hành động: các bộ phận của Mặt trận thương lượng thỏa thuận với nhau để thống nhất mọi hành động theo một chương trình chung. Song mỗi đoàn thể của Mặt trận vẫn độc lập về tổ chức và có chương trình hoạt động tối đa của mình.

- Hợp tác lâu dài: các bộ phận trong Mặt trận đoàn kết nhau trong trường kỳ kháng chiến và trong công cuộc kiến quốc sau khi kháng chiến thắng lợi.

### **4, Quân đội**

1. Quân đội Việt Nam là quân đội nhân dân, do nhân dân tổ chức và vì nhân dân mà chiến đấu. Nó có tính chất: dân tộc, dân chủ và hiện đại.

2. Trong kháng chiến, nguồn bổ sung chủ yếu của nó là bộ đội địa phương và dân quân du kích và nguồn trang bị chủ yếu của nó là tiền tuyến.

Kỷ luật của nó rất nghiêm, nhưng là kỷ luật tự giác và dân chủ. Vừa tác chiến, nó vừa tiến hành công tác chính trị rộng rãi làm cho trên dưới một lòng, quân dân nhất trí và tinh thần lính địch tan rã.

## **5. Kinh tế tài chính**

1. Nhưng nguyên tắc lớn của chính sách kinh tế hiện nay là đảm bảo quyền lợi của công và tư, của tư bản và lao động tăng gia sản xuất mọi mặt để cung cấp cho nhu cầu kháng chiến và cải thiện dân sinh, đặc biệt là cải thiện đời sống của nhân dân lao động.

2. Trong các ngành sản xuất, hiện nay phải chú trọng nhất việc phát triển nông nghiệp. Về công nghiệp chú trọng phát triển tiểu công nghệ và thủ công nghiệp đồng thời xây dựng kỹ nghệ phát triển thương nghiệp. Phát triển nền tài chính theo nguyên tắc. Tài chính dựa vào sản xuất và đẩy mạnh sản xuất. Chính sách tài chính là: .

- Tăng thu bằng cách tăng gia sản xuất, giảm chi bằng cách tiết kiệm.

- Thực hiện chế độ đóng góp dân chủ,

Chú trọng gây cơ sở kinh tế Nhà nước và phát triển kinh tế hợp tác xã. Đồng thời giúp đỡ tư nhân trong việc sản xuất. Đặc biệt đối với tư sản dân tộc, khuyến khích, giúp đỡ và hướng dẫn họ kinh doanh.

3. Trong kháng chiến đi đôi với việc mở mang kinh tế quốc dân, phải tùy nơi, tùy lúc mà phá hoại và bao vây kinh tế địch một cách có kế hoạch, có hại cho địch mà không hại cho ta. Giải phóng đến đâu thì tịch thu tài sản của địch đến đó, thủ tiêu kinh tế thực dân của chúng.

## **6. Cải cách ruộng đất**

1. Trong kháng chiến chính sách ruộng đất chủ yếu là giảm tô, giảm tức. Ngoài ra thi hành những cải cách khác như: quy định chế độ lĩnh canh, tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo, chia lại công điền, sử dụng hợp lý ruộng vắng chủ và ruộng bỏ hoang v.v...

2. Mục đích của những cải cách đó là cải thiện đời sống nông dân, đồng thời xúc tiến tăng gia sản xuất, bảo đảm cung cấp và đoàn kết toàn dân để kháng chiến.

## **7. Văn hoá giáo dục**

1. Để đào tạo con người mới và cán bộ mới và để đẩy mạnh kháng chiến kiến quốc, phải bài trừ những di tích văn hóa giáo dục thực dân và phong kiến phát triển nền văn hóa giáo dục có tính chất: về hình thức thì dân tộc, về nội dung thì khoa học, về đối tượng thì đại chúng.

2. Chính sách văn hoá giáo dục hiện nay là:

- Thủ tiêu nạn mù chữ, cải cách chế độ giáo dục, mở mang các trường chuyên nghiệp.
- Phát triển khoa học, kỹ thuật và văn nghệ nhân dân.
- Phát triển tinh hoa của văn hoá dân tộc đồng thời học tập văn hóa Liên-xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác.
- Phát triển văn hóa dân tộc thiểu số.

## **8. Đối với tôn giáo**

Tôn trọng và bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng. Đồng thời nghiêm trị những kẻ lợi dụng tôn giáo mà phản quốc.

## **9. Chính sách dân tộc**

1. Các dân tộc sống trên đất Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, đoàn kết giúp đỡ nhau để kháng chiến và kiến quốc; chống chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, bài trừ mọi hành động gây hấn thù, chia rẽ giữa các dân tộc.
2. Thừa nhận quyền tự trị địa phương đối với những dân tộc thiểu số tương đối đông sống tập trung vào một vùng. Song phải chuẩn bị cán bộ địa phương thiểu số và tư tưởng để khi có điều kiện thì thực hiện quyền đó.
3. Đối với những dân tộc thiểu số ở rải rác, giúp đỡ và đảm bảo việc họ tham gia



chính quyền và dùng tiếng mẹ đẻ trong việc giáo dục.

4. Không xúc phạm đến tín ngưỡng, phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số làm cho các dân tộc ấy tự giác cải cách tùy theo điều kiện của họ. .

5. Giúp đỡ các dân tộc thiểu số tiến bộ về mọi mặt chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá.

## **10. Đối với vùng tạm bị chiếm**

1. Vùng tạm bị chiếm là hậu phương của địch. Công tác vùng đó là một phần trọng yếu của toàn bộ công tác kháng chiến.

2. Chính sách đối với vùng tạm bị chiếm là: đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân, đẩy mạnh chiến tranh du kích, củng cố chính quyền cách mạng, phá nguy quyền nguy quân, phối hợp đấu tranh với vùng tự do.

3. Đối với các hạng người trong hàng ngũ của địch thì trừng trị bọn cầm đầu nếu chúng không hối cải, khoan hồng đối với những kẻ lầm lỡ đã biết ăn năn.

4. Khu mới giải phóng đoàn kết an dân.

## **11. Ngoại giao**

1. Nhưng nguyên tắc của chính sách ngoại giao là nước ta và các nước tôn trọng độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ, thống nhất quốc gia của nhau và cùng nhau bảo vệ hòa bình dân chủ thế giới, chống bọn gây chiến.

2. Đoàn kết chặt chẽ với Liên-xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân khác và tích cực ủng hộ phong trào giải phóng thuộc địa và nửa thuộc địa. Mở rộng ngoại giao nhân dân; giao thiệp thân thiện với chính phủ nước nào tôn trọng chủ quyền của Việt Nam, đặt quan hệ ngoại giao với các nước đó theo nguyên tắc tự do, bình đẳng và có lợi cho cả hai bên.

## **2. Đối với Miên Lào**

1. Dân tộc Việt Nam đoàn kết chặt chẽ với hai dân tộc Miên, Lào và hết sức giúp đỡ hai dân tộc ấy cùng nhau kháng chiến chống đế quốc xâm lược, giải phóng cho tất cả các dân tộc Đông dương.

2. Nhân dân Việt Nam đứng trên lập trường lợi ích chung mà hợp tác lâu dài với hai dân tộc Miên Lào trong kháng chiến và sau kháng chiến.

## **13. Đối với ngoại kiều**

1. Tất cả mọi ngoại kiều tôn trọng pháp luật nước Việt Nam đều được quyền cư trú, được bảo đảm sinh mệnh, tài sản và được làm ăn tự do trên đất nước Việt Nam.

2. Các kiều dân thuộc quốc tịch các nước dân chủ nhân dân được hưởng quyền lợi và làm nghĩa vụ như công dân Việt Nam, nếu họ muốn và Chính phủ nước họ thỏa thuận với Chính phủ nước ta.

Đặc biệt đối với Hoa kiều :

- Hoa kiều vùng tự do được hưởng tất cả quyền lợi của công dân Việt Nam, đồng thời ta vận động họ tình nguyện làm nghĩa vụ của công dân Việt Nam.

- Đối với Hoa kiều vùng tạm bị chiếm, vận động họ ủng hộ, tham gia kháng chiến chống đế quốc xâm lược Pháp, Mỹ.

3. Các người ngoại quốc vì đấu tranh cho độc lập, dân chủ hòa bình, bị các chính phủ phản động truy nã mà lánh nạn vào nước ta thì được ta nhiệt liệt bảo vệ và giúp đỡ.

#### **14. Đấu tranh cho hoà bình và dân chủ thế giới**

1. Đấu tranh cho hòa bình thế giới là nhiệm vụ quốc tế của nhân dân Việt Nam. Kháng chiến chống đế quốc xâm lược là một phương pháp triệt để nhất của dân ta để làm nhiệm vụ ấy.

2. Phối hợp cuộc kháng chiến của ta với các cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới, nhất là của nhân dân Liên xô, Trung quốc và các nước dân chủ nhân dân khác của các dân tộc bị áp bức, của nhân dân Pháp.

#### **15. Thi đua ái quốc**

1. Thi đua ái quốc là một điều làm việc mới. Phong trào thi đua là một phong trào quần chúng. Thi đua là thực hiện kế hoạch đã định.

2. Lúc này kế hoạch thi đua nhằm giết giặc ngoại xâm, tăng gia sản xuất và diệt

giặc đốt. Bộ đội, nông dân, công xưởng và lớp học là những nơi thi đua chính.

Trên đây là chính sách của Đảng Lao động Việt Nam.

Tất cả mọi đảng viên phải hiểu rõ chính sách đó.

Đồng thời làm cho quần chúng nhân dân và các đoàn thể trong Mặt trận dân tộc thống nhất nhận định chính sách đó là chính sách chung.

Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch, toàn Đảng và toàn dân hãy hăng hái phấn đấu tiêu diệt đế quốc xâm lược, đảng thực hiện chính sách đó trong phạm vi toàn quốc mang lại độc lập tự do, hạnh phúc cho dân tộc.

---

\**Chính cương Đảng Lao động Việt Nam* được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng thông qua (2-1951) (B.T.).

Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*,  
Nxb. Chính trị quốc gia,  
Hà Nội, 2001, t.12, tr.429-443.

**BÁO CÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**  
**TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN BAN CHẤP HÀNH**  
**TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ V)**

Ngày 9 tháng 12 năm 1985

**Về chiến lược phát triển kinh tế, xã hội và kế hoạch 5 năm 1986-1990\***

*Thưa các đồng chí,*

Hội nghị Trung ương lần này sẽ thảo luận hai nội dung chính: Phương hướng chiến lược phát triển kinh tế, xã hội và kế hoạch 5 năm 1986-1990 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1986.

Trong phần đầu của chương trình, hội nghị sẽ thảo luận về tình hình phát triển kinh tế, xã hội 10 năm qua, phương hướng chiến lược phát triển kinh tế, xã hội trong thời gian tới và nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1986-1990.

Những vấn đề này có tầm quan trọng lớn:

Đây là nội dung chủ yếu của Báo cáo chính trị mà Ban Chấp hành Trung ương chúng ta sẽ trình ra Đại hội Đảng lần thứ VI.

Đây cũng là cơ sở để xác định nhiệm vụ kế hoạch nhà nước năm 1986, năm đầu tiên của kế hoạch 5 năm lần thứ tư.

Hiện nay chúng ta chưa có điều kiện xem xét các mặt cân đối cụ thể, chưa thể quyết định được các chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm. Đề nghị Ban Chấp hành Trung ương sẽ cho những ý kiến về mục tiêu, phương hướng, chủ trương, xác định những tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch để sau đây các cơ quan nhà nước, các ngành, các cấp căn cứ vào đó tiếp tục nghiên cứu, xây dựng kế hoạch cụ thể 5 năm và từng năm.

Những kết luận rút ra từ việc tổng kết tình hình và những phương hướng, chủ trương chiến lược về phát triển kinh tế, xã hội và về kế hoạch 5 năm 1986-1990 mà Hội nghị Trung ương lần này xác định, sẽ được cụ thể hoá và hoàn chỉnh thêm trong quá trình chuẩn bị Đại hội Đảng.

Để chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương, Bộ Chính trị đã lập ra một tiểu ban với 13 tổ nghiên cứu chuyên đề. Báo cáo của Bộ Chính trị trình ra Hội nghị Trung ương hôm nay là dựa vào ý kiến thảo luận của Bộ Chính trị về các kết quả nghiên cứu của tiểu ban và các tổ nghiên cứu chuyên đề đó. Báo cáo cũng đã tiếp thụ, phản ánh một số ý kiến lớn mà các đồng chí Trung ương đã phát biểu sau khi nghiên cứu lần đầu. Được sự uỷ nhiệm của Bộ Chính trị, tôi xin trình bày với Trung ương một số ý kiến nhằm làm sáng tỏ thêm một số quan điểm trong báo cáo, cung cấp thêm cơ sở để Trung ương thảo luận.

## I- VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI 1976-1985

Việc đánh giá tình hình 10 năm qua không thể tách rời bối cảnh lịch sử cụ thể. Phải đứng trên quan điểm lịch sử mà xem xét những thuận lợi và những khó khăn, những thành công và những khuyết điểm.

Với thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đất nước ta được hoàn toàn độc lập và thống nhất, dân tộc ta hoàn toàn làm chủ vận mệnh của mình, cả nước cùng tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là chiến công vĩ đại nhất trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc. Song mới ra khỏi chiến tranh, nhân dân ta đã phải đương đầu với biết bao khó khăn tai hoạ! Chưa kịp khôi phục đất nước bị chiến tranh tàn phá ác liệt, vực dậy nền kinh tế nghèo nàn kiệt quệ, chúng ta đã phải đối phó với hai cuộc chiến tranh xâm lược ở hai đầu biên giới phía tây nam và phía bắc, của bọn ..., cùng sự phá hoại điên cuồng nhiều mặt của chúng trong nội địa và sự bao vây của các loại đế quốc và phản động khác. Chúng ta lại đã phải chịu đựng biết bao thiên tai, nhất là ở miền Bắc và miền Trung. Mặc dù vậy, 10 năm qua, vượt qua mọi địch hoạ, thiên tai, nhân dân ta đã chiến đấu vô cùng kiên cường và dũng cảm, giành được *những thành tựu to lớn trên cả hai nhiệm vụ chiến lược*, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; lại đã hết lòng hết sức giúp đỡ hai nước anh em Campuchia và Lào vượt qua những thử thách cực kỳ nghiêm

trọng, giành những thắng lợi vẻ vang, *tạo ra cục diện cách mạng chung của cả ba nước Đông Dương vững mạnh hơn bao giờ hết.*

Đó là điều rất đáng phấn khởi, rất đáng tự hào.

Nói riêng 5 năm vừa qua (1981-1985), thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng, chúng ta đã đạt được những tiến bộ và thành tích quan trọng, đánh dấu một bước chuyển biến mới trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- Về kinh tế, chúng ta đã chặn đứng đà giảm sút của sản xuất trong những năm 1979-1980; đưa nền kinh tế từng bước đi lên cả nông nghiệp và công nghiệp, mà nổi bật là phát triển sản xuất lương thực. Trong 10 năm qua, chúng ta đã và đang xây dựng thêm được không ít cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng của chủ nghĩa xã hội, sẽ phát huy tác dụng lớn trong những năm tới.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đã giành thắng lợi lớn, xoá bỏ về cơ bản các giai cấp bóc lột; công cuộc hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Nam sắp hoàn thành, đại bộ phận nông dân đã đi vào con đường làm ăn tập thể. Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa đã chiếm địa vị chủ yếu trong nền kinh tế quốc dân. Về quản lý, những năm qua chúng ta đã tiến từng bước và đang cố gắng phấn đấu theo hướng xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu và bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh tế, kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Mặc dù trước mắt còn có những khuyết điểm, vấp vấp, song sự đổi mới cực kỳ quan trọng này đang ngày càng phát huy tác dụng và chắc chắn thời gian tới sẽ tạo những chuyển động tích cực trong toàn bộ tình hình kinh tế và xã hội.

Về đời sống nhân dân, tuy còn nhiều thiếu thốn, song nói chung, về cơ bản đã bảo đảm được về ăn, mặc, sức khoẻ, học hành; cuộc sống ở nông thôn có tiến bộ rõ, trừ những lúc, những nơi bị thiên tai nặng.

Tóm lại, so với bốn mục tiêu kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng lần thứ V đã đề ra, chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng. Song cũng rõ ràng là so với nhu cầu và khả năng, chúng ta làm được còn ít và chưa thật tốt. Kinh tế phát triển

chậm, hiệu quả rất thấp. Chúng ta đã phải trả giá quá đắt về hao phí vật tư, lao động, về vốn đầu tư, và chung lại là về thời gian, cho những gì đã đạt được. Những khó khăn và mất cân đối trong nền kinh tế vẫn còn nghiêm trọng, có mặt gay gắt, căng thẳng hơn trước. Tình hình kinh tế và xã hội chưa ổn định; những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước còn nhiều.

*Một số vấn đề đặc biệt* là thời gian gần đây, từ khi đổi tiền và thực hiện giá, lương mới, trong tình hình kinh tế, xã hội, bên cạnh những kết quả tích cực bước đầu, đã xuất hiện những khó khăn, phức tạp mới. Tuy các chủ trương, chính sách và những phương án cụ thể đã cố gắng quán triệt Nghị quyết Trung ương 8 và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị, nhưng việc chỉ đạo thực hiện đã phạm nhiều khuyết điểm, làm cho tình hình sản xuất, lưu thông bị rối ren, ách tắc, đến nay vẫn chưa trở lại bình thường; hoạt động đầu cơ, nâng giá của tư thương và các phần tử xấu tăng lên, nhiều lúc, nhiều nơi gây ra sự hỗn loạn trên thị trường; điều đáng lo ngại nhất là giá cả tăng nhanh, không chỉ trên thị trường tự do, mà cả trong khu vực kinh tế nhà nước và tập thể. Giá mua lúa mà chúng ta lấy làm gốc của hệ thống giá nhà nước đang bị chi phối bởi giá thị trường và đang bị đẩy lên vượt xa mức chỉ đạo ở nhiều nơi. Mặt bằng giá đã được thiết kế và mới được công bố với giá thóc, gạo làm chuẩn và với những quan hệ giữa giá mua nông sản và giá bán vật tư và hàng công nghiệp tiêu dùng, giữa giá với tiền lương của công nhân, viên chức đang có nguy cơ bị phá vỡ ở khá nhiều nơi, Nhà nước không làm chủ được thị trường và giá cả, ngân sách nhà nước và tiền mặt thâm hụt với mức độ lớn. Tình hình này đòi hỏi cấp bách phải kiên trì những nguyên tắc và chính sách của Nghị quyết Trung ương 8 và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị, *kiên quyết giữ mặt bằng giá đã thiết kế với giá thóc làm chuẩn* và quan hệ tỷ giá công - nông đã được bố trí trên cơ sở phát triển sản xuất và làm chủ thị trường, nếu không như vậy thì nền kinh tế sẽ lâm vào thế không ổn định hơn trước, các cơ sở sản xuất sẽ không có điều kiện hạch toán kinh tế nghiêm túc và kinh doanh xã hội chủ nghĩa thuận lợi, đời sống của người



lao động, cả cán bộ, công nhân, viên chức cũng như nông dân, sẽ càng khó khăn, Nhà nước chúng ta sẽ không có tích lũy để công nghiệp hoá.

Tình hình 10 năm qua, nhất là của thời gian gần đây, đòi hỏi phải làm rõ nguyên nhân và rút ra những bài học kinh nghiệm cần thiết. Trong báo cáo đã phân tích vấn đề này, khẳng định đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng được vạch ra suốt thời kỳ quá độ là đúng đắn, nhưng trong việc vận dụng đường lối ấy vào chặng đường trước mắt, chúng ta đã có những sai lầm, khuyết điểm. Đó là những sai lầm và khuyết điểm về *chỉ đạo chiến lược* thể hiện trong đánh giá tình hình, lựa chọn mục tiêu, xác định cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, trong công tác tư tưởng và công tác tổ chức, cán bộ. Tôi sẽ không nói lại mà chỉ nhấn mạnh thêm mấy ý sau đây:

1. Xét cho cùng, những sai lầm, khuyết điểm nêu trên đây đều gắn liền với một *nguyên nhân chung* là chưa thật sự đi sâu làm sáng tỏ những đặc điểm, yêu cầu cụ thể có tính đặc thù về phát triển kinh tế, xã hội của nước ta trong chặng đường đầu tiên quá độ lên chủ nghĩa xã hội, để có những chủ trương sát hợp cả về cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý. Về lựa chọn mục tiêu, xây dựng cơ cấu kinh tế, sai lầm lớn nhất vừa qua là đã không thực sự quán triệt chủ trương chiến lược coi *nông nghiệp là mặt trận hàng đầu*, đi đôi với đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và xây dựng một cách cân đối, có hiệu quả *những cơ sở công nghiệp nặng* phục vụ trực tiếp nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, ưu tiên đầu tư cho việc *khôi phục, đồng bộ hoá và mở rộng cơ sở sản xuất đã có đi đôi với sắp xếp lại sản xuất, phân bố lại lao động trên phạm vi cả nước nhằm sử dụng hết lao động, đất đai và khai thác tối đa năng lực sản xuất sẵn có*. Chúng ta đã không làm đúng như vậy mà lại đề ra nhiều mục tiêu vượt quá khả năng thực tế, thiên về xây dựng mới, với quy mô không phù hợp. Kết quả là đã chậm giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, chậm đáp ứng những nhu cầu cấp bách về hàng tiêu dùng; chưa giải quyết đủ việc làm cho người lao động; để phí nhiều đất đai và cơ sở vật

chất kỹ thuật, làm cho đời sống của nhân dân và tình hình kinh tế, xã hội nói chung không ổn định kéo dài và *chậm tạo ra tiền đề thuận lợi cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa.*

Về *cơ chế quản lý*, thiếu sót lớn là đã để kéo dài cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chậm chuyển sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chậm tìm ra những hình thức cơ chế quản lý cụ thể phù hợp với hoàn cảnh kinh tế của nước

ta, vừa bảo đảm yêu cầu quản lý tập trung của Nhà nước, vừa bảo đảm phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cơ sở, của địa phương và ngành, phát huy được khả năng của mọi thành phần kinh tế trong cơ cấu kinh tế thống nhất, mà vai trò chủ đạo thuộc về kinh tế quốc doanh; các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng chiếm địa vị thống trị.

2. *Nguồn gốc* của những sai lầm và khuyết điểm của chúng ta có mặt khách quan là sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, trong những hoàn cảnh phức tạp cụ thể của nước ta, thật sự là một sự nghiệp đầy khó khăn và mới mẻ. Đi vào sự nghiệp ấy, chúng ta rõ ràng là *thiếu kiến thức và kinh nghiệm*, và do vậy không khỏi phải trả giá nhất định cho những vấp vấp. Song *chủ yếu là do những khuyết điểm chủ quan* của chúng ta, trước hết của các cơ quan trung ương. Chắc chắn là chúng ta sẽ phạm ít sai lầm hơn nếu những cán bộ lãnh đạo và quản lý từ trung ương đến địa phương, đều cố gắng đi sâu vào thực tế cuộc sống, bám sát thực tiễn, phát huy thật sự năng lực làm chủ và trí tuệ tập thể của nhân dân lao động, nhất là ở cơ sở, phát huy thật sự dân chủ nội bộ; đồng thời chăm lo nâng cao hiểu biết của mình về lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, về khoa học kỹ thuật, nhất là về kinh nghiệm thực tiễn của quần chúng, của cơ sở, và chú trọng học tập kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và cả của những nước khác.

Cần khẳng định điều đó, vì sự thực là năng lực nghiên cứu, tổ chức, chỉ đạo, điều hành của chúng ta còn rất thấp so với đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng. Điều đó

bộc lộ trước hết ở các cơ quan quản lý cấp trung ương, song cũng bộc lộ rõ ở mọi ngành, mọi cấp.

Về cách làm việc, tôi muốn nói thêm một vấn đề chưa được nêu rõ trong báo cáo. Lâu nay việc quyết định những chủ trương về phát triển kinh tế thường thiếu nghiên cứu những phương án cụ thể, những khả năng cân đối vững chắc, các điều kiện thực hiện và phân tích kỹ hiệu quả kinh tế; thiếu sự cân nhắc lựa chọn giữa những phương án khác nhau về đầu tư, lao động, vật tư...

Cũng tương tự như vậy khi quyết định các chủ trương về quản lý kinh tế, chúng ta thường không có ngay những chính sách, chế độ, quy định cụ thể cần ban hành đồng bộ. Vì vậy mà nhiều nghị quyết không được thực hiện nhanh chóng, thậm chí không được các cấp, các ngành hiểu và làm một cách thống nhất. Thường xảy ra những lệch lạc, thậm chí có khi nghị quyết không được thi hành hoặc trở thành lạc hậu với thực tế đã biến đổi.

Trách nhiệm của những sai lầm, khuyết điểm về chỉ đạo chiến lược, chấp hành đường lối của Đảng trong 5 năm qua trước hết thuộc về Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, nhất là Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng trong việc chỉ đạo thực hiện; đồng thời mỗi ngành, mỗi cấp có trách nhiệm của mình trong phạm vi mình phụ trách.

## II- VỀ PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH 5 NĂM 1986-1990

Như đã trình bày trong báo cáo, bài học lớn rút ra từ thực tiễn lãnh đạo và quản lý công cuộc cải tạo và xây dựng kinh tế, xã hội ở nước ta 10 năm qua cho thấy phải quán triệt và cụ thể hoá đường lối của Đảng thành *chiến lược* đúng đắn cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, làm căn cứ cho việc xây dựng các kế hoạch 5 năm, hằng năm.

Chiến lược ấy là sự thể hiện và cụ thể hoá những quan điểm cơ bản trong đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng, được xây dựng xuất phát từ đặc điểm và tình

hình thực tế của kinh tế, xã hội nước ta hiện nay và dựa vào những dự báo triển vọng của thời gian tới. Chiến lược ấy là chương trình hành động của toàn Đảng, toàn dân ta nhằm từng bước thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập, tự do của Tổ quốc. Chiến lược bao gồm một hệ thống các *mục tiêu* về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh được xác định dựa theo các quan điểm cơ bản của Đảng ta và phù hợp với những *nguồn lực* (lao động, đất đai, tài nguyên, cơ sở vật chất - kỹ thuật sẵn có...) mà chúng ta có thể huy động được ở trong nước cùng với nguồn vốn có thể tranh thủ được ở bên ngoài, thông qua việc thực hiện những phương hướng, chủ trương và biện pháp có tính chiến lược, chủ yếu được thể hiện trong bố trí *cơ cấu kinh tế* và trong việc xác định và vận dụng *cơ chế quản lý* thích hợp.

Trong cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, chặng đường đầu tiên là một đoạn thời gian vô cùng khó khăn, gian khổ và có những diễn biến phức tạp nhất.

Như đã nêu trong bản báo cáo, đó là tất cả khó khăn, phức tạp trong những *bước đầu* đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ, trình độ sản xuất thấp, nông nghiệp còn chiếm phần rất lớn và giữ vị trí rất quan trọng, công nghiệp còn rất yếu. Thu nhập quốc dân sản xuất của ta tính theo đầu người hiện nay thuộc loại thấp trên thế giới. Nền kinh tế vẫn còn mất cân đối nặng, nhất là về lương thực, năng lượng, nguyên liệu, giao thông vận tải..., rất thiếu ngoại tệ và chưa có tích lũy từ thu nhập quốc dân sản xuất trong nước, còn phụ thuộc quá nhiều vào bên ngoài. Còn nhiều thành phần kinh tế, tuy thành phần xã hội chủ nghĩa đã chiếm vị trí chủ yếu, nhưng cuộc đấu tranh giữa hai con đường còn gay gắt, phức tạp. Tình hình tiêu cực trong kinh tế và trong đời sống xã hội còn nặng nề. Từ sản xuất đến phân phối, lưu thông và đời sống của nhân dân đều có tình trạng không bình thường, không ổn định. Sự phát triển kinh tế, xã hội trên các vùng đất nước chưa đồng đều, còn có những sự khác biệt tương đối lớn.

Hoàn cảnh quốc tế nói chung có nhiều thuận lợi, nhất là sự phân công, hợp tác trong Hội đồng tương trợ kinh tế; nhưng những thế lực phản động quốc tế đang tiếp tục chính sách bao vây phá hoại kinh tế nước ta. Đất nước ta còn phải thường xuyên chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch và đề phòng chiến tranh xâm lược trên quy mô lớn.

Căn cứ vào đường lối và các quan điểm chiến lược của Đảng, theo những mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng đã đề ra, xuất phát từ tình hình thực tế trước mắt, trong *những năm còn lại của chặng đường đầu tiên*, nhân dân ta phải phấn đấu theo năm mục tiêu đã nêu trong báo cáo (ổn định tình hình, xây dựng cơ cấu nông - công nghiệp, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, quan hệ sản xuất và cơ chế quản lý, quốc phòng và an ninh). Ở đây xin nhấn mạnh *hai yêu cầu cơ bản* về kinh tế và xã hội:

*Một là*, ổn định sản xuất, ổn định thị trường, giá cả, tài chính, tiền tệ; ổn định và cải thiện một bước đời sống của nhân dân trước hết là về ăn, mặc, chữa bệnh, học hành; tiến tới ổn định toàn diện và vững chắc tình hình kinh tế, xã hội.

Chỉ có ổn định tình hình kinh tế - xã hội vững chắc mới có thể phát huy được những thế mạnh hiện có để phát triển sản xuất, giải quyết những nhu cầu cấp thiết về đời sống, đồng thời mới tạo ra những tiền đề, những điều kiện cần thiết cho bước phát triển tiếp theo, đẩy mạnh *công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa* trên quy mô lớn và với tốc độ cao.

Để đạt được sự ổn định vững chắc, đương nhiên phải có sự phát triển mạnh của cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cả kinh tế và văn hoá, xã hội; phải sắp xếp lại và tạo cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp hợp lý, đồng thời phải tạo ra cơ chế quản lý mới thích hợp; phải khắc phục về cơ bản các hiện tượng không bình thường, không lành mạnh trong kinh tế và xã hội, chủ yếu bằng sự phát huy mạnh mẽ các yếu tố tích cực, tạo nên phong trào cách mạng của quần chúng lao động

trong sản xuất cũng như phân phối lưu thông, tích lũy, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như bảo vệ Tổ quốc.

*Hai là*, tạo ra được một mức tích lũy đáng kể ở trong nước để cùng với việc tranh thủ nguồn vốn của bên ngoài, có thể đáp ứng được yêu cầu tiến hành công nghiệp hoá trên quy mô lớn, tập trung xây dựng công nghiệp nặng ở chặng đường tiếp theo. Ổn định tình hình là để phát triển sản xuất, tạo ra thu nhập quốc dân đủ dùng và có tích lũy. Chúng ta nhấn mạnh mục tiêu ổn định và cải thiện một bước đời sống, nhưng nhất thiết phải đặt vấn đề đời sống *trong phạm vi thu nhập quốc dân làm ra*, và hết sức xem trọng và chăm lo *tạo ra nguồn tích lũy* (chủ yếu từ trong sản xuất với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao) và phân phối hợp lý nguồn tích lũy đó theo yêu cầu công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Theo kinh nghiệm của nhiều nước, và theo tính toán sơ bộ, muốn công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa phải có mức tích lũy trên 25% thu nhập quốc dân sử dụng, trong đó một nửa là nguồn tích lũy ở trong nước.

Cùng với việc giải quyết hai yêu cầu cơ bản về kinh tế, xã hội nêu trên, còn phải luôn luôn đáp ứng được yêu cầu của *quốc phòng, an ninh*, bảo vệ vững chắc nền độc lập tự do của Tổ quốc và những thành quả của chủ nghĩa xã hội, đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế của nhân dân ta đối với nhân dân hai nước láng giềng anh em Lào và Campuchia trong khối liên minh toàn diện và đặc biệt của ba nước Đông Dương.

Do đến nay chúng ta còn *chưa đạt được mục tiêu cơ bản ổn định tình hình kinh tế, xã hội như Đại hội lần thứ V của Đảng đã đề ra* và vẫn chưa tạo được tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, nên thời gian để đạt mục tiêu của *chặng đường đầu tiên có thể kéo dài thêm một ít năm, sau năm 1990*, tùy theo sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân ta và cũng còn tùy theo diễn biến của tình hình quốc tế và trong khu vực.

Vì lẽ đó, kế hoạch 5 năm 1986-1990 thật sự là một bước *có ý nghĩa quyết định* để đạt tới các yêu cầu mục tiêu nêu trên làm chuyển hẳn tình hình kinh tế và xã

hội sang một thế mới ổn định và đi lên toàn diện và vững chắc, bằng việc thực hiện thắng lợi các Nghị quyết 6, 7, 8 của Trung ương và cũng vì lẽ đó, các phương hướng, chủ trương định ra cho những năm còn lại của chặng đường hiện nay đồng thời là của kế hoạch 5 năm 1986-1990; chỗ khác biệt chỉ ở mức độ cần đạt được của 5 năm thấp hơn của cả chặng đường.

Xuất phát từ những yêu cầu cơ bản nêu trên, đồng thời tính tới những đặc điểm và điều kiện thực tế của kinh tế và xã hội nước ta hiện nay và trong những năm sắp tới, Bộ Chính trị cho rằng chúng ta phải ra sức thực hiện các phương hướng và chủ trương lớn như đã được nêu trong bản báo cáo trình Trung ương. Ở đây tôi xin trình bày rõ thêm về một số vấn đề *cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý*.

### VỀ CƠ CẤU KINH TẾ

1. Vấn đề cơ bản nhất trong cơ cấu kinh tế là *quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp* và điều quan trọng là xác định cho thật rõ cần làm gì, đến mức nào trong công nghiệp và nông nghiệp. Đường lối công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa của Đảng trong chặng đầu tiên là "tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp với công nghiệp hàng tiêu dùng, với công nghiệp nặng thành một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý".

Tiếp tục thực hiện đường lối ấy trong những năm còn lại của chặng đường này, chúng ta phải tập trung sức của cả nước, cả trung ương và địa phương, vào việc thực hiện chương trình *phát triển nông nghiệp toàn diện* trong cơ cấu nông - công nghiệp, chủ yếu là trên *địa bàn huyện*, nhằm *sử dụng hết lao động xã hội, khai thác phần lớn đất đai* còn bỏ trống, phát triển mạnh các ngành nghề, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, tăng thêm nguồn nguyên liệu cho công nghiệp và hàng xuất khẩu.

Trong điều kiện hiện nay của nước ta, đây là một sự *lựa chọn chiến lược quan trọng nhất, hợp lý nhất*. Đây cũng là sự thể hiện tập trung nhất của đường lối nhân dân lao động làm chủ tập thể, trước hết là làm chủ sức lao động và đất đai, làm chủ trên địa bàn huyện. Để thực hiện những mục tiêu nêu ở trên, không có con đường nào khác là phải sử dụng hết lực lượng lao động xã hội với số người chưa có việc làm hiện nay hàng triệu người và mỗi năm tăng thêm một triệu người, và quỹ thời gian lao động chưa được sử dụng còn rất lớn. Như đã phân tích ở phần trên, một thiếu sót lớn nhất của chúng ta những năm vừa qua là đã để kéo dài tình trạng không sử dụng hết lao động. Tình hình đó chẳng những ngăn trở sự phát triển của kinh tế, mà còn gây ra những hậu quả tai hại về mặt xã hội. Điều càng đáng nói là lao động để thừa trong khi hơn 10 triệu hécta đất còn bỏ trống và trên nhiều vùng, vòng quay sử dụng đất còn rất thấp, nhất là ở Nam Bộ, chỉ mới được khoảng trên một lần, trình độ thâm canh còn chưa cao. Phải bằng mọi cách để trước hết lao động kết hợp với đất đai, tạo ra nguồn sản phẩm. Về vấn đề này, có ý kiến cho là không thể làm nhiều, làm nhanh được vì chúng ta có ít vốn. Thực tế đã có những nơi làm được tốt vì biết tổ chức kết hợp, kết nghĩa giữa nơi đưa lao động đi và nơi tiếp nhận đến; với số vốn không phải là quá lớn vẫn có thể đạt được những kết quả khả quan, chẳng hạn như Thái Bình đưa người đi đến Krông Pa (Đắc Lắc). Kết hợp lao động với đất đai để phát triển nông - lâm nghiệp là phương hướng chủ yếu. Đồng thời, ra sức sử dụng lao động vào các ngành nghề thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp ở cả nông thôn và thành phố cũng hết sức quan trọng. Từ nguồn nguyên liệu nông, lâm, hải sản mà phát triển công nghiệp chế biến, đồng thời tạo thêm nguồn nguyên liệu từ việc khai thác các loại khoáng sản khác có sẵn ở trong nước, trong từng địa phương, và cả nguồn nguyên liệu nhập khẩu, nhất là nhập khẩu để làm ra sản phẩm xuất khẩu, kể cả hình thức gia công cho nước ngoài và các loại dịch vụ, phải tạo ra nhiều việc làm để thu hút hết lao động nhàn rỗi. Hiện nay và trong thời gian tới khả năng nhận gia công hàng may mặc cho Liên Xô rất lớn,



hàng năm có thể lên tới hàng tỷ rúp. Vấn đề là phải tổ chức lại, phải có chính sách đúng, có vốn đầu tư ban đầu cần thiết, và phải có phong trào cách mạng của quần chúng. Đây là trách nhiệm chỉ đạo của cả trung ương và địa phương, nhưng quan trọng nhất là công việc của từng *huyện*, từng *quận*. Tất cả sức chỉ đạo và giúp đỡ của trung ương, của các ngành, của các cấp uỷ tỉnh và thành phố phải nhằm vào giải quyết vấn đề ở từng huyện, từng quận. Mục tiêu và chính sách của chúng ta là: mỗi huyện phải có cơ cấu nông - công nghiệp phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế của mình, giải quyết được vấn đề phân công và phân bố lao động của mình để phát triển sản xuất, bảo đảm và cải thiện đời sống, đẩy mạnh xuất khẩu trang trải nhập khẩu và có tích lũy cho bản thân mình, góp phần ngày càng nhiều cho tích lũy chung của cả nước. Trong một số năm trước mắt, từng huyện phải cố gắng tự tích lũy rồi tiến lên có đóng góp cho tích lũy tập trung ở trung ương.

Mục tiêu phấn đấu là đến năm 1990, cơ bản sử dụng hết lao động và đất nông nghiệp, đến năm 1995 cơ bản sử dụng hết đất đồi núi còn bỏ trống. Đến năm 1990 giải quyết được lương thực với mức 400 kg/người và không phải điều lương thực từ Nam ra Bắc, lương thực dôi ra ở đồng bằng sông Cửu Long dành cho dự trữ quốc gia và xuất khẩu. Từng bước tạo ra được những mặt hàng xuất khẩu chủ lực là cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày với diện tích khoảng vài ba triệu hécta với những vùng chuyên canh lớn về một số cây, có tỷ suất hàng hoá cao. Ra sức đẩy mạnh chăn nuôi cân đối với trồng trọt, kể cả chăn nuôi xuất khẩu, phát triển mạnh lâm nghiệp, thủy sản để cung cấp một nguồn sản phẩm lớn cho cả sản xuất, tiêu dùng trong nước và cho xuất khẩu. Phải phát triển đồng bộ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản với công nghiệp chế biến, kho tàng, vận tải. Có đủ phân bón, thuốc trừ sâu, năng lượng, nhiên liệu, công cụ, thiết bị, vật liệu xây dựng và hàng tiêu dùng cần thiết, kể cả có phần nhập từ bên ngoài. Hệ thống kết cấu hạ tầng, dịch vụ phải được xây dựng và tổ chức đồng bộ cho yêu cầu nói trên. *Không có sự*

*tác động tích cực đó của công nghiệp, dứt khoát không thể có sự phát triển mạnh mẽ của nông nghiệp để đạt được mục tiêu đề ra.*

Cùng với nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất, phải củng cố và hoàn thiện không ngừng *quan hệ sản xuất mới*, liên kết và phát huy được hết tác dụng các thành phần kinh tế ở trên từng địa bàn, chủ yếu là trên từng huyện, xây dựng văn hoá mới, con người mới ở nông thôn, tức là tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật thật sự là then chốt, thay đổi rõ rệt bộ mặt kinh tế, xã hội của nông thôn theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Làm được như vậy sẽ làm cho nông nghiệp trở thành cơ sở vững chắc để đẩy mạnh công nghiệp hoá.

Việc thực hiện chương trình nông - công nghiệp như nói trên cũng thể hiện một nội dung cơ bản, một đặc thù của cơ cấu kinh tế trong chặng đường đầu tiên này.

2. Trong khi tập trung sức rất cao để thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp toàn diện trong cơ cấu nông - công nghiệp, chúng ta không một chút nào xem nhẹ sự phát triển cân đối đi cùng của công nghiệp (bao gồm cả công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng) *trực tiếp phục vụ cho nông nghiệp* để bảo đảm mục tiêu chung ổn định và cải thiện một bước đời sống của nhân dân, cũng như để xây dựng từng bước cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội mà nền tảng không thể gì khác hơn là nền công nghiệp nặng; làm như vậy cũng là để chuẩn bị một bước gói đầu cần thiết cho chặng đường sau, *đẩy mạnh công nghiệp hoá trên quy mô lớn và tốc độ cao*. Ở đây không thể có sự do dự, chập chờn về vị trí và tầm quan trọng của công nghiệp kể cả công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng, nhưng bước đi và quy mô của công nghiệp nặng phải được tính toán rất chặt chẽ, phù hợp với khả năng thực tế và đạt hiệu quả nhất. Chúng ta khẳng định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, nhưng luôn luôn đặt nó trong cơ cấu công - nông nghiệp, *kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ngay từ đầu* và xây dựng ngay công nghiệp một cách cân đối, nhằm vừa phục vụ đắc lực cho nông nghiệp, vừa xây dựng từng bước bản thân

ngành công nghiệp nặng. Không có nông nghiệp làm cơ sở thì không xây dựng được công nghiệp; ngược lại không có công nghiệp thì không xeo nông nghiệp lên được, không thực hiện được chương trình phát triển nông nghiệp toàn diện và từng bước tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Sự phát triển của công nghiệp trong những năm tới đây phải nắm vững những phương hướng và yêu cầu chủ yếu là: phát huy hết những năng lực sản xuất hiện có, trên cơ sở sắp xếp lại, cải tạo và đầu tư đồng bộ. Chỉ cần làm được việc đó, sản lượng công nghiệp có thể tăng lên gấp đôi và nhiều hơn nữa. Việc này chúng ta đề ra đã lâu, nhưng thực hiện quá chậm, còn là một sự trì trệ lớn hạn chế hiệu quả và đó chính là tình trạng không bình thường, không ổn định trong sản xuất. Phải tập trung những nguồn năng lượng, nguyên liệu, vật tư mà chúng ta có được trong 5 năm tới vào chương trình nông - công nghiệp và phát huy hết năng lực của công nghiệp hiện có cùng những công trình mới sắp hoàn thành sẽ đưa vào sử dụng.

Bên cạnh đó, nhằm vào nguồn tài nguyên khoáng sản, nhất là một số loại có triển vọng khá, phải xúc tiến khai thác ngay, càng nhanh càng tốt để tạo ra những nguồn năng lượng, nhiên liệu, nguyên vật liệu mới quan trọng. Đó là *dầu khí* đang thăm dò và khai thác ở thềm lục địa phía nam, sẽ mở ra cả thềm lục địa phía bắc khi mà điều kiện hợp tác cho phép. Đó là *than* hiện đang vô cùng quan trọng đối với toàn bộ sản xuất và đời sống kinh tế của đất nước. Phải bảo đảm đầu tư và sự chỉ đạo, cải tiến tổ chức quản lý, chăm lo đời sống của công nhân ngành than để đưa sản lượng than lên đáp ứng cho được nhu cầu tối thiểu của nền kinh tế (vào năm 1990 phải có 8-9 triệu tấn). Ngành *điện* cũng phải bảo đảm đúng tiến độ xây dựng các công trình then chốt và mở mang thêm những công trình mới đã được lựa chọn và nhất là phát triển thủy điện vừa và nhỏ.

*Năng lượng*, cùng với *giao thông vận tải* là kết cấu hạ tầng quan trọng nhất của nền kinh tế lúc này phải được ưu tiên một bước trong xây dựng và phát triển để đáp ứng nhu cầu cấp bách trước mắt và để chuẩn bị cho những năm sau.

Các loại khoáng sản khác như thiếc, đồng, chì, kẽm, vàng phải được đẩy mạnh khai thác kể cả với quy mô nhỏ và bằng lao động thủ công... Đối với bôcxít, phải xúc tiến hợp tác với nước ngoài để có thể khai thác sớm. *Đất hiếm* là một thế mạnh trong tài nguyên nước ta, cũng không thể để chậm trễ, cần hết sức tranh thủ làm được lớn bằng vốn vay và hợp tác với nước ngoài.

*Gang thép* là vật liệu chiến lược trong quá trình công nghiệp hoá đất nước, phải tận lực phát huy năng lực hiện có, và ráo riết chuẩn bị cho các công trình mới. Trong khi chưa sản xuất được nhiều, phải đẩy mạnh xuất khẩu để nhập thép và trong sản xuất, trong xây dựng mới, phải đi ngay vào các loại thép có chất lượng cao, các loại hợp kim dựa trên nguồn nguyên liệu có sẵn ở nước ta (đất hiếm, kim loại màu).

*Cơ khí* - xương sống của công nghiệp nặng, phải được rất coi trọng. Trong bước này, chúng ta dồn sức của ngành cơ khí phục vụ cho các yêu cầu nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, cho giao thông vận tải và khai thác mỏ. Từ công cụ, phụ tùng, sửa chữa đến thiết bị và phương tiện loại tương đối đơn giản là những sản phẩm mà ngành cơ khí phải vươn lên bảo đảm cho được, chuẩn bị để tranh thủ khởi công một số công trình then chốt mới.

xuất nông nghiệp. Sau khi có dầu khí, phải xây dựng thêm nhà máy sản xuất phân đạm lớn và sản xuất sợi tổng hợp.

*Vật liệu xây dựng*, từ xi măng đến gạch ngói, đều có khả năng để tăng nhanh sản xuất. Khai thác thêm các nguồn than địa phương để mở rộng sản xuất các loại vật liệu này, có thêm vật liệu xây dựng để trao đổi giữa Nhà nước và nông dân.

Về *hàng tiêu dùng*, như trên đã nói, không thể để thiếu và căng thẳng như hiện nay. Chúng ta hoàn toàn có khả năng đáp ứng những nhu cầu về hàng tiêu dùng thông thường, trước hết là vải, giấy, đồ sành sứ thủy tinh, đồ nhựa, gỗ tre, v.v.. Không có những thứ này, không thể bảo đảm ổn định đời sống nhân dân, không thể có quan hệ bình thường giữa Nhà nước và nông dân. Huy động mọi khả năng của công

nghiệp trung ương, công nghiệp địa phương, nhất là tiểu thủ công nghiệp, để tận lực phát triển sản xuất; phải tạo ra nguyên liệu, cấp đủ năng lượng cho các cơ sở sản xuất đã có, kể cả các nhà máy lớn và cả khu vực tiểu thủ công nghiệp. Phải tạo ra sản phẩm có chất lượng cùng với số lượng - thứ gì cũng phải cố làm tốt, bền, đẹp với khả năng cho phép. Dùng hàng trong nước là biểu hiện của lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Phải giáo dục nhân dân dùng hàng sản xuất trong nước, hết sức hạn chế hàng nhập khẩu loại xa xỉ.

Tóm lại, công nghiệp phải xeo được nông nghiệp lên ngay trong chặng đường hiện nay, thực hiện một bước công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

3. Cơ cấu nông - công nghiệp nói trên phải và chỉ có thể hình thành được trong sự bố trí đúng đắn mối quan hệ giữa *tiêu dùng* và *tích lũy* trong chiến lược phân phối sử dụng thu nhập quốc dân. Nhân dân ta đang có nhu cầu bức bách phải được bảo đảm ổn định và cải thiện một bước đời sống. Do đó, chính sách của Đảng và Nhà nước ta khẳng định dứt khoát phải trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, sắp xếp và tổ chức lại sản xuất và bộ máy quản lý, tạo ra đủ việc làm cho người lao động, thực hiện ráo riết việc giảm tốc độ tăng dân số, bảo đảm cho được đời sống của nhân dân với mức ăn và tiêu dùng tối cần thiết để tái sản xuất sức lao động bình thường phù hợp với yêu cầu làm việc có năng suất và chất lượng tốt. Đối với thế hệ trẻ, phải phấn đấu nâng dần từng bước các chỉ số trung bình về tầm vóc, thể trọng để bảo đảm tương lai của cả dân tộc. Mặt khác, Đảng và Nhà nước ta cũng cần thẳng thắn nói rõ với nhân dân và cán bộ: Hiện nay và trong nhiều năm nữa, chúng ta phải chấp nhận một mức sống phù hợp với hoàn cảnh đất nước còn nghèo, còn phải hết sức chặt chiu để xây dựng cơ đồ: tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa và củng cố quốc phòng. Mọi người, mọi ngành từ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, cho đến nội thương, ngoại thương, ngân hàng..., mọi cấp từ trung ương đến cơ sở đều phải thấu suốt và làm tất cả những gì cần thiết để bảo đảm được *đời sống*, để có *tích lũy* cho tái sản xuất mở

rộng ở ngay đơn vị mình, và để đóng góp ngày càng nhiều hơn cho tích lũy, tập trung cho sự nghiệp công nghiệp hoá của cả nước. Đó là biểu hiện của lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần làm chủ tập thể, là phẩm chất và đạo đức của con người mới xã hội chủ nghĩa. Đó là kết quả của việc đổi mới quản lý, vận dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, thực hành tiết kiệm triệt để, tạo ra năng suất cao, chất lượng tốt và hiệu quả lớn.

Muốn giải quyết được mối quan hệ tiêu dùng - tích lũy, tạo được nguồn vốn cho công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, điều cơ bản là phải tạo ra một khối lượng thu nhập quốc dân ngày càng lớn. Nhưng có nguồn rồi thì phải có đường lối, chính sách phân phối đúng, thích hợp với chiến lược chung của chặng đường đầu tiên.

Trong điều kiện hiện nay, như trên đã nói, mọi người phải chấp nhận một mức sống phải chăng, phù hợp với trình độ phát triển của nền sản xuất xã hội, sống giản dị, tiết kiệm, để dành vốn tích lũy cho xây dựng, cho công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Nguồn vốn tích lũy ấy được phân bố cho tái sản xuất mở rộng theo cơ cấu kinh tế dự kiến, và theo một cơ chế ba cấp làm chủ: tích tụ cho tái sản xuất mở rộng của đơn vị sản xuất - kinh doanh, tập trung tạo thành nguồn vốn của Nhà nước, trong đó có phân chia ra nguồn vốn tập trung của địa phương để địa phương chủ động phát triển kinh tế địa phương, và nguồn vốn tập trung của trung ương để phát triển kinh tế trung ương và xây dựng những cơ sở có ý nghĩa và trên quy mô toàn quốc. Tập trung nguồn vốn lên trên mà bỏ qua hoặc xem nhẹ yêu cầu khách quan của quá trình tích tụ của cơ sở là tập trung quan liêu, là trái với yêu cầu tạo ra quyền chủ động kế hoạch hoá và kinh doanh, quyền tự chủ tài chính của cơ sở, là cắt đứt nguồn tái sản xuất mở rộng của tế bào cơ sở, và từ đó cũng cắt đứt nguồn tạo ra vốn tích lũy tập trung cho Nhà nước. Nhưng mọi nguồn vốn tích lũy tập trung của Nhà nước xét cho cùng cũng bắt nguồn từ giá trị mới và sản phẩm thặng dư do các đơn vị sản xuất - kinh doanh, các cơ sở tạo ra. Cho nên mỗi đơn vị phải rất xem trọng làm nghĩa vụ tạo nguồn và giao nộp đầy đủ nguồn thu cho ngân sách

nhà nước. Về vấn đề phân bố nguồn vốn tập trung giữa trung ương và địa phương, trung ương khuyến khích mạnh các địa phương phát triển kinh tế địa phương, tạo ra nhiều nguồn tích lũy ở địa phương, trên từng huyện, và trong những năm trước mắt, cần dành một phần quan trọng của nguồn tích lũy ấy để trực tiếp trang trải cho các nhu cầu hợp lý của địa phương (tỉnh, huyện). Đồng thời, trung ương yêu cầu từng địa phương, từng ngành làm đúng những quy định về giao nộp, đóng góp nguồn tích lũy cho trung ương để lo chung cho cả nước, không được có chủ nghĩa cục bộ, địa phương. Đó là một quá trình thống nhất của hai mặt, từ dưới lên và từ trên xuống, tích tụ và tập trung, thể hiện sự kết hợp gắn bó giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương trong tổng thể kinh tế quốc dân thống nhất. Đó cũng là sự kết hợp hài hoà giữa quá trình tự tạo nguồn vốn ở trong nước với tranh thủ nguồn vốn từ bên ngoài để thực hiện công nghiệp hoá.

Nguồn vốn tích lũy thể hiện chủ yếu trên vốn đầu tư xây dựng cơ bản phải bao gồm cả nguồn vốn ngân sách và nguồn vốn tín dụng, bao gồm cả vốn trong nước và vốn ngoài nước, cả vốn của bản thân xí nghiệp và hợp tác xã, của địa phương, của các ngành và của trung ương... Tất cả nguồn vốn đó phải được phân bố và sử dụng có kế hoạch một cách hợp lý nhất, đầu tư có hiệu quả nhanh nhất, không được sử dụng phân tán vào những công trình không có hiệu quả, càng không được phân tán vào tiêu dùng, kể cả vào việc nhập những ngoại hoá tiêu dùng không cần thiết, những hàng xa xỉ, vừa không bảo hộ mà làm hại cho nền công nghiệp trong nước, vừa tạo nên một lối sống không lành mạnh.

Trong 5 năm tới, việc sử dụng nguồn vốn đầu tư đó phải được bảo đảm theo đúng thứ tự ưu tiên là:

- Công trình chuyển tiếp có ý nghĩa quan trọng;
- Cải tạo, đồng bộ hoá trên cơ sở sắp xếp lại để phát huy hết năng lực sản xuất hiện có và đầu tư chiều sâu;

- Mở rộng và khởi công mới một số công trình được lựa chọn rất kỹ, trước hết là trong chương trình nông - công nghiệp (phân công và phân bố lao động, sử dụng có hiệu quả đất đai) và khai thác dầu - khí, tăng sản xuất than, điện, bảo đảm giao thông vận tải.

Cùng với nguồn vốn bên trong (mà chủ yếu là đi từ lao động, đất đai, rừng, biển, khoáng sản, các cơ sở vật chất - kỹ thuật, các ngành nghề hiện có...), nguồn vốn từ bên ngoài có vị trí cực kỳ quan trọng. Toàn bộ nguồn vốn có được sẽ phân bố theo hướng: nguồn vốn tích tụ ở cơ sở và tập trung ở địa phương chủ yếu là để đầu tư cho đồng bộ hoá và cải tạo cơ sở hiện có, cho những công trình nhỏ và vừa của kinh tế địa phương, còn nguồn vốn tập trung của trung ương (kể cả vốn vay và hợp tác với bên ngoài) là để đầu tư vào những công trình then chốt, những cơ sở có ý nghĩa toàn quốc.

Để thực hiện được đường lối phân phối trên, phải có *chính sách giá* đúng đắn, xem giá là một công cụ phân phối rất có hiệu lực, đồng thời là một đòn bẩy rất nhạy bén trong cơ chế quản lý. Chúng ta đã có Nghị quyết Trung ương 8, là một nghị quyết có ý nghĩa cách mạng to lớn không chỉ về bản thân giá - lương - tiền, mà còn về cả đường lối, chính sách phân phối thu nhập quốc dân và cơ chế quản lý chuyển từ quan liêu bao cấp sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Quán triệt Nghị quyết Trung ương 8 và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị, chúng ta đã xây dựng và bắt đầu thực hiện các phương án giá - lương - tiền... Chúng ta đang điều chỉnh và uốn nắn những sai lầm, khuyết điểm trong phương án cũng như trong chỉ đạo thực hiện. Từ trong thực tiễn cuộc sống, chúng ta có thể khẳng định phương hướng tiếp tục thi hành một chính sách giá - lương - tài chính - tiền tệ phù hợp với chiến lược chung về kinh tế, xã hội.

Về *giá cả*: phải kiên quyết *giữ mặt bằng giá cả* Nhà nước đã được thiết kế trên cơ sở lấy *giá thóc làm chuẩn*, với những quan hệ hợp lý giữa giá nông sản với giá hàng công nghiệp (tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng), và trên cơ sở làm chủ thị



trường mà thi hành nhất quán *chính sách một giá, giá chỉ đạo của Nhà nước*. Nếu để giá cả trôi nổi theo sự biến động của thị trường tự do còn đầy rẫy những hoạt động đầu cơ, buôn lậu và sự phá hoại của địch, nếu không lập lại trật tự trong hệ thống cơ quan nhà nước và hệ thống các tổ chức kinh tế, sản xuất - kinh doanh của Nhà nước, chấm dứt tình trạng tùy tiện nâng giá, không tôn trọng giá Nhà nước quy định, nhất là giá do trung ương quy định; nếu vì áp lực của thị trường và vì sự rối loạn trong hệ thống giá Nhà nước mà vội thay đổi giá chuẩn của thóc, gạo thì toàn bộ hệ thống giá bị đảo lộn, toàn bộ sự phân phối thu nhập quốc dân, mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa tích lũy - tiêu dùng, giữa trong nước và ngoài nước phải thay đổi theo chiều hướng không có lợi cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa đất nước và đời sống của nhân dân. Hệ thống giá - lương đã được thiết kế là đã trải qua một quá trình tính toán, bàn bạc, cân nhắc đi lại nhiều lần. Tuy chưa thể hoàn chỉnh, nhưng về cơ bản nó thể hiện những quan điểm, nguyên tắc, phương hướng của Nghị quyết Trung ương 8 và Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị. Mức lùi bù lỗ của Nhà nước (chủ yếu thông qua nhập khẩu), mức duy trì một phần sự bao cấp của Nhà nước (chủ yếu thông qua hệ thống giá vật tư nhập khẩu và một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu) như trong phương án thiết kế là vừa phải, không nên đòi hỏi hơn nữa.

Vấn đề chủ yếu hiện nay không phải là nâng hệ thống giá nông sản nhất là giá thóc, hay lùi hệ thống giá hàng công nghiệp nói chung, đặc biệt là giá vật tư; vấn đề chủ yếu là làm sao với hệ thống giá mới, các ngành sản xuất và lưu thông (nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, vận tải, cung ứng vật tư, nội thương, ngoại thương...) phải đi vào *sắp xếp và tổ chức lại sản xuất, thực hiện cơ chế quản lý mới, tăng cường quản lý, nắm vững và hạ các định mức tiêu hao vật tư, sắp xếp lại lao động, bỏ những khâu trung gian vô ích, giảm định mức tiêu hao lao động, nâng cao hệ số sử dụng công suất máy móc, thiết bị...* để từ đó có giá thành và phí lưu thông hạ hơn, giá bán của Nhà nước không đội giá thị trường. Thực tế trong mấy

tháng qua chứng minh tiềm năng và khả năng hiện thực trước mắt để hạ giá thành là *rất lớn*. (Có nhiều ví dụ tốt trong ngành dệt, cơ khí...). Đó là con đường duy nhất đúng để đưa Nghị quyết 8 về giá - lương - tiền đi vào cuộc sống như là khâu đột phá để mở đường đi vào cơ chế quản lý mới để sản xuất và kinh doanh có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, tạo cơ sở cho hệ thống giá ngày càng ổn định và hợp lý.

Cần đặt vấn đề giá - lương trong tổng thể sự phân phối thu nhập quốc dân, trực tiếp là trong ngân sách nhà nước. Với hệ thống giá - lương mới, tuy chưa hình thành hoàn chỉnh, sơ bộ tính toán ngân sách nhà nước thì sự thâm hụt của ngân sách kể cả của trung ương và địa phương là rất lớn. Con đường để giải quyết khó khăn về ngân sách không phải bằng cách nâng giá bán theo thị trường, thậm chí đội giá thị trường để tăng thu, ăn chênh lệch giá, không phải là hạ giá vật tư và hàng công nghiệp của Nhà nước và nâng giá nông sản...; con đường chủ yếu là phát triển sản xuất với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao hơn, tạo ra thu nhập quốc dân và sản phẩm thặng dư nhiều hơn cho bản thân và cho Nhà nước.

Để thực hiện được chính sách và chủ trương giá nói trên, vấn đề có ý nghĩa quyết định là *cải tạo, quản lý và làm chủ thị trường*, mở rộng hệ thống tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, kiên quyết thực hiện ngay việc Nhà nước *thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh lương thực* và các mặt hàng *chiến lược quan trọng khác*, nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu, cải tạo và quản lý chặt chẽ tiểu thương, loại bỏ những phần tử thoái hoá trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức kinh tế quốc doanh, lập lại trật tự, kỷ luật và kỷ cương trong nội bộ Đảng và Nhà nước. Phải khẳng định rằng chúng ta hoàn toàn có đủ sức mạnh để làm được việc đó: sức mạnh về kinh tế, về chính trị, về hành chính, về vai trò làm chủ tập thể của quần chúng lao động. Đó là sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản. Để cho thị trường tự do phát triển, lấn chiếm và lũng đoạn thị trường xã hội chủ nghĩa có tổ chức, nhất là

trong điều kiện kinh tế còn mất cân đối, thì không có cách nào giữ được các quan hệ tỷ giá hợp lý luôn luôn bị bóp méo bởi quan hệ cung cầu tự phát và các hoạt động đầu cơ, phá hoại vốn có của thị trường tự do không được cải tạo và quản lý chặt chẽ.

4. Về cơ cấu thành phần kinh tế và công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Đây là một vấn đề rất quan trọng trong quan điểm và phương hướng chiến lược của chúng ta trong những năm tới. Trên vấn đề này, thật sự đã và đang có nhiều suy nghĩ tìm tòi, nhiều ý kiến cọ xát trong thảo luận. Bản báo cáo đã nêu ra những quan điểm cơ bản thể hiện sự quán triệt và cụ thể hoá đường lối và những chủ trương đã có của Đảng, đồng thời cũng có phần phát triển và làm rõ hơn. Có thể nêu lại tóm tắt như sau:

- Chúng ta nhận rõ một đặc điểm của kinh tế, xã hội hiện nay là sự tồn tại năm thành phần kinh tế, trong khoảng một thời gian đến khi kết thúc chặng đường đầu tiên này. Sự tồn tại năm thành phần kinh tế đặt ra vấn đề: một là các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và không xã hội chủ nghĩa không phải song song cùng phát triển, mà vận động trong cuộc đấu tranh với nhau, cho nên phải tiếp tục tiến hành cuộc đấu tranh giữa hai con đường, đi đến xoá bỏ và cải tạo xong các thành phần kinh tế không xã hội chủ nghĩa; hai là trong một thời gian nhất định, trong chặng đường đầu tiên, khách quan còn tồn tại các thành phần kinh tế không xã hội chủ nghĩa, thì chúng ta phải biết sử dụng nó, sử dụng để cải tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn, đi đến cuối cùng biến nó thành xã hội chủ nghĩa. Đến khi kết thúc chặng đường đầu tiên, nền kinh tế nước ta về cơ bản sẽ *chỉ còn hai thành phần*: kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, và gắn liền với nó là kinh tế gia đình như một bộ phận hữu cơ của hai thành phần kinh tế ấy. Kinh tế cá thể và tư nhân nếu còn, sẽ không đáng kể.

- Sau khi đã cơ bản hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa mà vẫn còn thành phần kinh tế tư nhân và cá thể trong một phạm vi nhỏ hẹp và trong một thời

gian nhất định tức là chúng ta để cho các thành phần không xã hội chủ nghĩa ấy tồn tại với tư cách rất thứ yếu và ngày càng ít ý nghĩa và tác dụng. Chủ trương như vậy không phải vì chúng ta cố ý muốn kéo dài tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, mà là thừa nhận một tất yếu khách quan trong sự phát triển của kinh tế, xã hội, đồng thời cũng là một nghệ thuật vận dụng tính quy luật của sự phát triển ấy trong đường lối, chính sách của Đảng. Các thành phần kinh tế ấy tồn tại ở những lĩnh vực khác nhau, chủ yếu trong một số ngành nghề, trên những địa bàn nhất định với những mức độ khác nhau.

Không phải vì nền kinh tế có đặc điểm năm thành phần mà ngành nào, ở đâu cũng có năm thành phần và với mức độ phát triển như nhau. Đặc biệt là trong lĩnh vực *nội thương* (về những mặt hàng chủ yếu), *ngoại thương*, *ngân hàng*... thì *không thể để tồn tại thành phần kinh tế không xã hội chủ nghĩa*. Nhưng trên một số ngành như tiểu công nghiệp, chế biến nông, lâm, thủy sản, một số dịch vụ... thì thành phần kinh tế tư nhân và cá thể có khả năng kinh doanh có lợi. Như vậy là tận dụng được mọi khả năng vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế và xã hội. Muốn nhanh chóng xoá bỏ nó trên những lĩnh vực này là chủ quan nóng vội, có hại cho nền sản xuất xã hội. Nhưng thừa nhận sự tồn tại và phát triển trong chừng mực nhất định thành phần kinh tế tư nhân, không có nghĩa là kéo dài sự tồn tại nền kinh tế năm thành phần, sự tồn tại của kinh tế tư nhân, mà qua mỗi bước càng đưa họ đi gần đến chủ nghĩa xã hội hơn. Phải tạo ra những điều kiện cần thiết để làm được việc ấy. Một trong những điều kiện quan trọng nhất là phải đặt họ trong sự quản lý, hướng dẫn bằng kế hoạch, chính sách và cả sự kiểm tra giám sát của Nhà nước và trong mối quan hệ liên kết chặt chẽ với các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế cụ thể. Không làm được như vậy mà lại để cho họ mặc sức tự do phát triển là không nắm vững chuyên chính vô sản, là làm hại công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thực tế nhiều năm qua, kể cả thực tế thi hành chính sách giá - lương - tiền

vừa qua đã làm bộc lộ rõ những nhược điểm của kinh tế xã hội chủ nghĩa và năng lực quản lý của Nhà nước ta, và khả năng phá hoại và gây rối loạn của kinh tế tư nhân nhất là của tư thương và thị trường tự do; thực tế cũng cho thấy có những lúc, những nơi trên địa kinh tế xã hội chủ nghĩa bị kinh tế tư nhân bao vây, rìa rói, xâm lấn chính là như vậy. Tình hình kinh tế, xã hội chưa ổn định, một phần cũng là ở đó.

Trong khi chủ trương như trên, chúng ta luôn luôn khẳng định dứt khoát rằng: *kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể phải là nòng cốt, chủ đạo trong toàn nền kinh tế*, phải được củng cố, phát triển không ngừng, ngày càng mạnh lên cả về cơ sở vật chất - kỹ thuật và chế độ quản lý. Trong công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, kinh tế quốc doanh phải thật sự đi đầu về năng suất, chất lượng, hiệu quả, làm trụ cột thu hút và lãnh đạo các thành phần kinh tế khác. Trong nông nghiệp, kinh tế quốc doanh và tập thể phải tiến tới hơn hẳn cá thể. Trong thương nghiệp, phải phát triển mạnh thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán cả về lượng và về chất, phải khẩn trương cải tạo tư thương và sắp xếp lại tiểu thương. Các đơn vị công tư hợp doanh trong công thương nghiệp cũng phải có tính chất đích thực của nó, phải xoá bỏ những "tổ hợp" trá hình. Kinh tế gia đình sẽ được coi trọng và khuyến khích phát triển đúng hướng, nhất là trong chặng đường hiện nay đang cần tạo đủ việc làm cho mọi người lao động và trong lúc đời sống của cả nông dân và công nhân viên chức đều còn có nhiều khó khăn.

### *5. Về kinh tế đối ngoại*

Phát triển kinh tế đối ngoại trong toàn bộ quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là trong chặng đường đầu tiên và thời kỳ quá độ là một vấn đề có tầm quan trọng chiến lược. Đường lối chung của Đảng ta là xây dựng một nền kinh tế *độc lập, tự chủ*; nhưng mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài cũng là đường lối chiến lược kinh tế cực kỳ quan trọng. Khắc phục những khó khăn gay gắt trước mắt, tạo vốn cho công nghiệp hoá, tranh thủ kỹ thuật hiện đại, xây dựng cơ cấu kinh tế công -

nông nghiệp ngày càng đi vào hiện đại, một phần có tính quyết định tùy thuộc ở chỗ chúng ta làm tốt được xuất nhập khẩu và mở mang quan hệ hợp tác kinh tế với bên ngoài đến mức nào. Đường lối kinh tế đối ngoại của ta trước hết là mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác với Liên Xô và các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, với hai nước láng giềng anh em Lào và Campuchia, đó là những đồng minh chiến lược lâu dài, những trụ cột vững chắc trong quan hệ quốc tế. Chúng ta chủ trương mở mang quan hệ với các nước bạn Ấn Độ và thế giới thứ ba, với các nước khác trong khu vực châu Á, Thái Bình Dương, Bắc Âu, Tây Âu..., các tổ chức quốc tế và tư nhân nước ngoài. Chính sách của chúng ta với các nước ngoài khu vực xã hội chủ nghĩa là sẵn sàng "mở cửa" và hoan nghênh bất cứ một sự hợp tác thiện chí nào, trên nguyên tắc bình đẳng, hai bên cùng có lợi. Tình hình sắp tới có nhiều triển vọng. Tuy vậy, khả năng biến thành hiện thực được đến mức nào, lúc nào, một phần rất quan trọng tùy thuộc khả năng bản thân của chúng ta, ở sự đổi mới cung cách làm ăn để xây dựng lòng tin, tạo ra sức hấp dẫn trong quan hệ kinh tế đối ngoại.

Mặt trận chủ yếu của chúng ta ở đây vẫn là phải đẩy mạnh *xuất khẩu*, và các hoạt động thu ngoại tệ bởi vì mọi thứ vay được của nước ngoài cuối cùng cũng phải bằng xuất khẩu để trả nợ. Phương hướng, mục tiêu và cơ cấu xuất khẩu, như trong báo cáo đã nêu rõ, phải tập trung tạo ra được các mặt hàng, nguồn hàng chủ lực từ cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày: lạc, đỗ tương, đậu, thuốc lá, cao su, cà phê, chè, một số cây có dầu (dừa, trầu, thầu dầu), rau quả, dược liệu; từ nguồn hải sản, chăn nuôi, lâm sản. Một triệu hecta đất đai sẽ khai phá chủ yếu là để dành cho mở mang trồng cây công nghiệp; lâu nay chúng ta làm chưa có kết quả và hiệu quả nhiều bởi lẽ công tác nghiên cứu thị trường, điều tra đất đai, phân vùng quy hoạch chưa đầy đủ, chưa có chính sách khuyến khích thoả đáng người trồng cây công nghiệp, chưa tổ chức tốt sản xuất cả nông nghiệp và công nghiệp chế biến, kho tàng, vận tải... Những nhược điểm này phải được kiên quyết khắc phục.

Khu vực hàng công nghiệp nhẹ và tiểu, thủ công nghiệp cũng có tiềm năng to lớn. Chúng ta có thuận lợi rất lớn là có thị trường của Liên Xô và các nước anh em khác. Như trên đã nói, mỗi năm có thể làm hàng tỷ rúp hàng gia công may mặc quần áo, giày dép, những nghề mà ta hoàn toàn có thể đáp ứng được về số lượng lao động và cả tay nghề.

Ngoài dầu khí là sản phẩm chiến lược hàng đầu mà ta đang tập trung sức đẩy nhanh việc thăm dò, khai thác, phải chú trọng đến nguồn khoáng sản, kim loại quý, nhất là bôcxít và đất hiếm.

Từng bước, chúng ta sẽ tham gia ngày càng nhiều hơn vào quá trình phân công hợp tác trong lĩnh vực cơ khí, điện tử với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, và đây là con đường làm ăn lâu dài với những triển vọng to lớn. Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đang tạo ra những tiền đề rộng lớn trong những lĩnh vực này mà nhiều nước anh em đều đặc biệt quan tâm. Các hoạt động để thu ngoại tệ như du lịch, vận tải viễn dương, dịch vụ hàng không, xuất khẩu lao động kỹ thuật, kiều hối... đều phải mở mạnh ra nhiều hơn nữa.

Trong kế hoạch 5 năm tới, phải phấn đấu tăng được gấp đôi mức kim ngạch xuất khẩu và các hoạt động thu ngoại tệ khác. Yêu cầu đó hoàn toàn có khả năng đạt được, và đó cũng là mức tối thiểu cần thiết để đạt các mục tiêu của chặng đường này và đẩy mạnh công nghiệp hoá ở chặng đường sau.

Về cơ chế quản lý trong lĩnh vực xuất khẩu và ngoại tệ, Bộ Chính trị đã cho ý kiến nhiều lần, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã từng bước hướng dẫn thực hiện. Những vướng mắc vừa qua cần được giải quyết sớm để phát huy nhanh các khả năng của tất cả các địa phương và các ngành. Tinh thần chung là tạo mọi điều kiện vật chất, tổ chức cần thiết và giải quyết thoả đáng lợi ích của cơ sở, của địa phương, của ngành, để tạo ra nhiều hàng xuất khẩu, dưới sự quản lý thống nhất của Trung ương, và tập trung được những nguồn ngoại tệ cần thiết để trang trải cho nhu cầu chung của cả nước và của địa phương.

## VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ

Trong những năm tới, cùng với việc xây dựng cơ cấu kinh tế mới, chúng ta quyết tâm đổi mới cơ chế quản lý, đó là một chủ trương chiến lược cực kỳ quan trọng, thực sự là cái chìa khoá để nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn bộ kinh tế quốc dân, để tạo ra nguồn động lực mạnh mẽ đối với người lao động, khơi dậy những khả năng tiềm tàng, kích thích mạnh mẽ việc đưa nhanh những tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, nói tóm lại là thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển toàn diện của kinh tế, khoa học, văn hoá, xã hội, thúc đẩy mạnh mẽ việc xây dựng cơ cấu kinh tế mới, và qua đó mà rèn luyện, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ tài năng của con người Việt Nam chúng ta. Có thể nói sự nghiệp của chúng ta tùy thuộc rất nhiều ở việc này. Đó là kinh nghiệm của rất nhiều nước trên thế giới. Nhưng đây là một việc không dễ dàng, mà rất phức tạp.

Mấy năm nay, nhất là từ sau Nghị quyết 6 của trung ương, chúng ta đã làm nhiều việc theo hướng này, đã thu một số kết quả tích cực, cũng có những vấp vấp, và cũng từ đó mà có nhiều bài học quý báu. Trước mắt nhiều việc đang đòi hỏi tiếp tục theo dõi, xử lý rất khẩn trương, nhạy bén, và cũng phải rất bình tĩnh, tỉnh táo. Tuy nhiên, chúng ta *khẳng định quyết tâm* sẽ kiên trì phấn đấu xây dựng một hệ thống cơ chế quản lý mới, đồng bộ, phù hợp với đòi hỏi của công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của nước ta trong chặng đường trước mắt. Vừa làm, vừa rút kinh nghiệm để ngày càng làm tốt hơn.

Nội dung và tư tưởng chỉ đạo của việc đổi mới cơ chế quản lý đã được trình bày trong báo cáo. Tôi chỉ xin nói thêm một số ý.

Nội dung thực chất nhất của việc đổi mới cơ chế quản lý là kiên quyết xoá bỏ tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn nền kinh tế *sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên cơ sở lấy kế hoạch hoá làm trung tâm* và thực hiện đầy đủ nguyên tắc *tập trung dân chủ*. Tinh thần cơ bản của cơ chế quản lý mới



là *phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động*, thể hiện tập trung ở việc phát huy *quyền chủ động sản xuất - kinh doanh của cơ sở*.

Việc xây dựng cơ chế quản lý mới phải nắm vững hai yêu cầu sau đây:

+ Phải luôn luôn nhằm đúng cái đích là phục vụ việc xây dựng nền *kinh tế mới* (sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cơ cấu kinh tế mới), *chế độ mới* (làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa), và *con người mới* xã hội chủ nghĩa.

+ Phải thích hợp với những *điều kiện kinh tế, xã hội thực tế của nước ta trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ* mà những đặc điểm nổi bật là: sản xuất đang trong quá trình từ nhỏ lên lớn; về quan hệ sản xuất, kinh tế xã hội chủ nghĩa đã chiếm địa vị thống trị, song chưa bao quát được hết toàn bộ nền kinh tế còn tồn tại nhiều thành phần, và chất lượng của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa còn phải từng bước nâng cao.

Cơ chế quản lý phải biến đổi theo với sự biến đổi của những đặc điểm cơ bản này.

Nội dung quan trọng của cơ chế quản lý mới là thực hiện *hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa*. Điều này xuất phát từ thực tế nền sản xuất trong thời kỳ quá độ là nền sản xuất hàng hoá; việc quản lý nền sản xuất ấy tất yếu phải sử dụng các quan hệ hàng hoá - tiền tệ, phải rất xem trọng các công cụ giá cả, lợi nhuận, vận dụng quy luật giá trị, quy luật cung cầu mà trong cơ chế quản lý bao cấp thường bị xem nhẹ, hoặc vận dụng một cách rất hình thức. Song mặt khác, trong nền sản xuất hàng hoá ở nước ta, kinh tế xã hội chủ nghĩa đang chiếm vị trí thống trị, ngày càng lớn, đó là *nền sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa, phát triển có kế hoạch*, nhằm phục vụ những nhu cầu sản xuất và đời sống của xã hội. Phù hợp với nền sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa ấy, cơ chế quản lý mới phải bảo đảm vận dụng đúng đắn hệ thống các quy luật kinh tế, trong đó các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là quy luật kinh tế cơ bản và quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối, đóng vai trò *chủ đạo*, đồng thời quy luật giá trị phát huy tác dụng rất

quan trọng; việc thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh phải *theo hướng xã hội chủ nghĩa* trên cơ sở *lấy kế hoạch làm trung tâm*, không ngừng nâng cao vị trí và chất lượng của kế hoạch, làm cho *công tác kế hoạch hoá ngày càng có tác dụng quyết định* đến những phương hướng phát triển và các lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, điều khiển được hoạt động của kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, hướng dẫn được hoạt động của các thành phần kinh tế khác.

*Kinh doanh xã hội chủ nghĩa khác với kinh doanh tư bản chủ nghĩa cơ bản là ở chỗ:*

- Về mục đích, một bên là kinh doanh nhằm phục vụ sản xuất và đời sống của xã hội, thoả mãn những nhu cầu vật chất và văn hoá của nhân dân; một bên là nhằm thu được nhiều lợi nhuận bất kể sản xuất mặt hàng gì, bán cho ai, với giá cả nào, miễn là có lợi.

- Về phương pháp, một bên là kinh doanh trên cơ sở *lấy kế hoạch làm trung tâm*, xét tới quy mô toàn bộ nền kinh tế quốc dân cũng như đối với từng địa phương, từng ngành, từng cơ sở; một bên là cạnh tranh, chèn ép lẫn nhau.

Sự khác biệt cơ bản đó không phải để dẫn đến kiểu quản lý theo một "kế hoạch" cứng nhắc, quan liêu, bao cấp, tách rời sản xuất với thị trường, tách rời giá trị sử dụng với giá trị, không tính toán thị trường tiêu thụ, giá cả, lợi nhuận... chúng ta chống cơ chế quản lý quan liêu bao cấp, nhưng cũng kiên quyết chống cơ chế quản lý lấy thị trường thay kế hoạch, dùng thị trường điều tiết kế hoạch.

Trong điều kiện nền kinh tế còn nhiều thành phần, và Nhà nước còn chưa bảo đảm cân đối vững chắc các điều kiện sản xuất ngay cả cho các cơ sở quốc doanh thì phương pháp *kế hoạch hoá* vừa phải là *kế hoạch hoá trực tiếp bằng các chỉ tiêu pháp lệnh* với mức độ thích hợp; đồng thời chúng ta cần coi trọng hơn nữa các phương pháp *kế hoạch hoá gián tiếp, thông qua hệ thống đòn bẩy*, các chính sách giá cả, thuế, tín dụng, lợi nhuận, tiền lương, mà bảo đảm điều khiển các cơ sở sản xuất, lưu thông kinh doanh *theo phương hướng mục tiêu của kế hoạch nhà*

*nước*. Cơ chế kế hoạch hoá phải tiến tới tạo điều kiện khuyến khích các ngành, các cấp, các cơ sở tự cân đối, tự bảo đảm tối đa những nhu cầu về vật tư tiền vốn, kể cả việc qua xuất khẩu để bảo đảm nhu cầu nhập khẩu.

Coi trọng kế hoạch hoá gián tiếp cũng là coi trọng kế hoạch hoá và quản lý các công cụ đòn bẩy, trong đó việc *kế hoạch hoá và quản lý giá cả* là đặc biệt quan trọng. Chính vì thế chúng ta khẳng định Nhà nước phải quản lý giá (trong đó có phân cấp giữa trung ương, ngành, địa phương, cơ sở), phải quản lý mặt bằng giá, trước hết là giá những sản phẩm quan trọng, thiết yếu đối với sản xuất, đời sống. Đối với giá những sản phẩm này và mặt bằng giá chung không thể phó mặc cho thị trường, để nó hình thành và biến động tự phát; phải có kỷ luật nghiêm ngặt trong nội bộ Nhà nước các cấp, không thể tùy tiện. Về mặt này, việc duy trì *kỷ luật về giá* mua lúa và giá bán các vật tư và hàng công nghiệp thiết yếu hiện nay, khắc phục những hiện tượng nâng giá tự tiện, vô nguyên tắc là vấn đề rất cấp bách. Mặt khác, phải tiếp tục xem xét cải tiến cơ chế định giá và quản lý giá sao cho trên cơ sở bảo đảm Nhà nước quản lý được mặt bằng giá chung, các ngành, địa phương và cơ sở sản xuất được quyền tham gia định giá trong phạm vi và mức độ thích hợp để thích ứng được với điều kiện sản xuất, tình hình thị trường, quan hệ cung cầu còn nhiều biến động và rất đa dạng hiện nay, nhằm tạo điều kiện cho ngành, địa phương và cơ sở kinh doanh năng động hơn, lưu thông hàng hoá được thông suốt nhanh nhạy, làm chủ được thị trường. Đây là vấn đề rất phức tạp chúng ta cần tiếp tục giải quyết.

Bảo đảm nguyên tắc *tập trung dân chủ* là yêu cầu lớn của cơ chế quản lý mới. Chúng ta nhận định rằng cơ chế quản lý hiện nay vừa còn tập trung quan liêu, chưa bảo đảm quyền chủ động cho cơ sở, ngành và địa phương, còn gò bó cơ sở, ngành và địa phương về nhiều mặt; song mặt khác lại có tình trạng phân tán, cục bộ, chưa bảo đảm yêu cầu về quản lý tập trung thống nhất của trung ương. Phải tìm ra những cơ chế quản lý cụ thể trong các chế độ kế hoạch hoá, quản lý tài chính, tiền

tệ, giá cả, thị trường, vật tư... sao cho vừa "mở" thêm quyền chủ động chính đáng cho bên dưới, vừa bảo đảm tốt hơn yêu cầu quản lý tập trung, chứ không thể chỉ nhấn mạnh một mặt nào.

Cơ chế quản lý hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa được thể hiện chủ yếu bằng *mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh và xác lập chế độ tự chủ tài chính của cơ sở* (trước hết là cơ sở sản xuất), bảo đảm Nhà nước nắm vững sự quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân, theo kế hoạch, theo đường lối chính sách và pháp luật; đồng thời phát huy mạnh mẽ tính chủ động, sáng tạo của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh; khuyến khích mạnh mẽ người lao động, gắn bó chặt chẽ trách nhiệm với quyền hạn, nghĩa vụ với lợi ích, tăng cường kỷ luật lao động và công tác, nghiêm chỉnh thực hiện hợp đồng kinh tế, xoá bỏ mọi biểu hiện tập trung quan liêu và bao cấp trong các hoạt động kinh tế, xã hội.

Cơ chế quản lý mới gắn liền với cơ cấu kinh tế mới phải bảo đảm *trung ương* nắm chắc và giải quyết những vấn đề then chốt, những cân đối cơ bản, những sản phẩm chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, đồng thời phải phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ của *địa phương*, nhất là của *cấp huyện*, tạo điều kiện cho huyện chủ động về kế hoạch hoá, về phát huy các tiềm năng lao động, đất đai, tài nguyên, về sử dụng các nguồn thiết bị, vật tư, vốn tài chính, về phân phối và lưu thông, về sắp xếp cuộc sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động nhằm nhanh chóng xây dựng cơ cấu nông - công nghiệp trên địa bàn 400 huyện. Cơ chế quản lý mới phải có tác dụng phát huy vai trò làm chủ của các *ngành*, tạo điều kiện chủ động hơn trong việc xây dựng các ngành kinh tế, kỹ thuật, nhất là các ngành chủ yếu có vị trí rất quan trọng trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân; thực hiện nguyên tắc *kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ*, làm cho kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, công nghiệp và nông nghiệp gắn bó với nhau, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau trong *một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất và trong một hệ thống quản lý thống nhất*.

Bộ Chính trị đã thành lập Tiểu ban chuẩn bị đề án về bảo đảm *quyền chủ động của cơ sở trong sản xuất, kinh doanh*. Công tác của tiểu ban này rất quan trọng, đang triển khai, và sẽ liên quan đến nhiều ngành, đặc biệt là các ngành quản lý tổng hợp, trước hết là Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, các ngành tài chính, ngân hàng, giá cả, vật tư. Sắp tới, tất cả các ngành này phải có sự tham gia rất chủ động và nhạy bén vào công việc này.

\*

\* \*

*Cuối cùng*, tôi xin nêu lại một số vấn đề đề nghị Trung ương thảo luận, chủ yếu về mặt quan điểm và tư tưởng chỉ đạo.

1. *Đánh giá tổng quát* tình hình, rút ra những kết luận lớn và bài học kinh nghiệm.
2. *Chặng đường đầu tiên và kế hoạch 5 năm 1986 - 1990* cần đạt những mục tiêu gì, trong đó mấu chốt nhất là những mục tiêu nào?
3. Có phải sự lựa chọn chiến lược quan trọng nhất, hợp lý nhất trong những năm tới là tập trung sức thực hiện chương trình *phát triển nông nghiệp toàn diện* trong cơ cấu nông - công nghiệp, sử dụng hết lao động, khai thác mạnh đất đai. Đồng thời phải bảo đảm sự phát triển cân đối, đồng bộ của *công nghiệp, giao thông vận tải* vừa để phục vụ yêu cầu của nông nghiệp vừa thực hiện ngay một bước công nghiệp hoá và có sự chuẩn bị cần thiết cho chặng đường tiếp theo?
4. Quan điểm và chính sách của chúng ta về vấn đề *tiêu dùng và tích lũy*, về *sử dụng các thành phần kinh tế* trong giai đoạn hiện nay. Phương hướng và biện pháp tiếp tục xử lý vấn đề *giá - lương - tiền*, nhất là làm thế nào để làm chủ được thị trường, giá cả. Vấn đề quan hệ giữa tập trung và dân chủ, kế hoạch và thị trường trong việc tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý.

Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.46, tr. 310-351.



**CHIẾN LƯỢC ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN  
KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2000**

*Phần thứ nhất*

**THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI  
CÁC LỢI THẾ VÀ NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN  
I- THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI**

1. Nước ta bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội từ điểm xuất phát rất thấp, đến nay vẫn là một *nước nghèo và kém phát triển*.

Sau khi hoàn thành sự nghiệp giải phóng và thống nhất đất nước, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, mở mang giáo dục, khoa học, văn hóa, y tế.

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn ở tình trạng nông nghiệp lạc hậu, còn nặng tính chất tự cấp, tự túc. Trang bị kỹ thuật và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thấp kém. Cơ cấu kinh tế mất cân đối nặng. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp để lại nhiều hậu quả nặng nề. Nền kinh tế rất kém hiệu quả, năng suất lao động thấp, tích lũy trong nước chưa đáng kể, còn lệ thuộc nhiều vào bên ngoài.

Khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài nhiều năm nay: lạm phát nghiêm trọng; sản xuất bấp bênh; thất nghiệp tăng; tiền lương không đủ sống; trật tự an toàn xã hội không được bảo đảm; tham nhũng và nhiều tệ nạn xã hội khác lan rộng, công bằng xã hội bị vi phạm; nếp sống văn hóa, tinh thần và đạo đức bị xói mòn; lòng tin vào Đảng và Nhà nước giảm sút.

Thực trạng nêu trên có nguồn gốc sâu xa do lịch sử để lại và hậu quả nhiều năm chiến tranh, song chủ yếu là do chúng ta đã phạm sai lầm chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong tiến trình công nghiệp hóa và trong cơ chế quản lý kinh tế. Những sai lầm đó cùng với sự trì trệ

trong công tác tổ chức, cán bộ đã kìm hãm lực lượng sản xuất và triệt tiêu nhiều động lực phát triển.

**2.** Những quan điểm và chính sách đổi mới về kinh tế - xã hội do Đại hội VI của Đảng đề ra được cụ thể hóa và phát triển trong quá trình thực hiện, đặc biệt là những giải pháp tích cực từ cuối năm 1988 đã đưa tới những thành tựu bước đầu rất quan trọng: hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; xóa bỏ về cơ bản cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, bước đầu chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; giảm tốc độ lạm phát; đáp ứng tốt hơn nhu cầu lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng; tăng nhanh xuất khẩu và có bước phát triển mới về kinh tế đối ngoại.

Tuy nhiên, bước tiến đó chưa vững chắc. Lạm phát còn ở mức cao; sản xuất chưa ổn định; tiêu cực xã hội vẫn trầm trọng. *Đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.*

Việc chuyển sang cơ chế thị trường còn thiếu nhất quán, chưa đồng bộ, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ; quản lý vĩ mô chưa thoát hẳn cơ chế cũ, lại buông lỏng nhiều mặt; thể chế, bộ máy và đội ngũ cán bộ chưa theo kịp yêu cầu mới.

Hậu quả của những sai lầm cũ chưa khắc phục hết, lại thêm những khó khăn mới do những khuyết điểm trong quá trình đổi mới và những biến động bất lợi trong tình hình quốc tế.

Đất nước đang chuyển biến với những thành công bước đầu về cải cách kinh tế, có thêm thuận lợi mới, đồng thời đang đứng trước những thử thách rất gay gắt.

## II- CÁC LỢI THẾ VÀ NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN

### **1. Nguồn nhân lực và con người Việt Nam**

Bước vào thập kỷ 90, nước ta có 66 triệu dân với 33 triệu người trong tuổi lao động; đến năm 2000 có khoảng 80 triệu dân với hơn 40 triệu lao động.



Nguồn lao động dồi dào, con người Việt Nam có truyền thống yêu nước, cần cù, sáng tạo, có nền tảng văn hóa, giáo dục, có khả năng nắm bắt nhanh khoa học và công nghệ... đó là nguồn lực quan trọng nhất.

Mặt khác, dân số tăng nhanh gây sức ép lớn về đời sống và việc làm. Người Việt Nam đang có những hạn chế về thể lực, kiến thức, tay nghề, còn mang thói quen sản xuất lạc hậu và dấu ấn của cơ chế cũ. Khắc phục được những nhược điểm đó thì nguồn nhân lực và nhân tố con người mới thật sự trở thành thế mạnh của đất nước.

## **2. Tài nguyên thiên nhiên**

Tài nguyên thiên nhiên nước ta tương đối phong phú, đa dạng.

Điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, tài nguyên sinh vật cho phép phát triển nông - lâm - ngư nghiệp nuôi được số dân đông và có nhiều loại sản phẩm xuất khẩu. Song thiên tai thường xảy ra cũng gây nhiều thiệt hại.

Đất canh tác ít, điều kiện mở rộng có hạn, nhưng khả năng tăng vụ và thâm canh còn lớn.

Rừng bị khai thác và đốt phá bừa bãi trở nên nghèo kiệt, song nếu có chính sách và giải pháp đúng sẽ khôi phục nhanh. Khoảng 9 triệu ha rừng còn lại được bảo vệ và khai thác tốt cùng với khoảng 10 triệu ha đất trồng, đòi trực được phủ xanh và sử dụng có hiệu quả sẽ là một thế mạnh về kinh tế và môi sinh.

Vùng biển và thềm lục địa rộng lớn có nhiều tiềm năng về thủy sản, dầu khí và sa khoáng, dịch vụ hàng hải và du lịch...

Tài nguyên nước đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống. Nguồn thủy năng có thể khai thác trên nhiều vùng, cung cấp một phần năng lượng đáng kể.

Tài nguyên khoáng sản là một nguồn lực và lợi thế quan trọng, nhưng chưa được khảo sát kỹ và mới được khai thác ở mức thấp. Một số loại có trữ lượng đáng kể như dầu khí, than, bôcxít, apatít, quặng sắt, đất hiếm, đá quý, các khoáng sản dùng

làm vật liệu xây dựng... Nhiều loại khác phân bố rải rác, có thể khai thác theo quy mô và công nghệ thích hợp.

### **3. Vị trí địa lý**

Ở vào khu vực đang phát triển kinh tế năng động nhất thế giới, lại nằm trên các tuyến giao thông quốc tế quan trọng, có nhiều cửa ngõ thông ra biển thuận lợi (kể cả cho một số nước và vùng trong khu vực), nước ta có lợi thế để mở rộng kinh tế đối ngoại, thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển thương mại và các dịch vụ hàng không, hàng hải, du lịch.

### **4. Cơ sở vật chất và tiềm lực khoa học - kỹ thuật**

Cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có tuy thiếu đồng bộ và phần lớn lạc hậu về công nghệ, song là vốn ban đầu để đi lên, trong đó có một số cơ sở quan trọng.

Nguồn vốn của các đơn vị kinh tế và trong dân không nhỏ, có thể sớm khai thác và phát huy hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và công nhân cùng với mạng lưới các trường đào tạo, các viện nghiên cứu còn nhiều tiềm năng. Mặt khác, so với yêu cầu phát triển, chúng ta còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm về kinh tế thị trường, thiếu những nhà kinh doanh và quản lý giỏi, những nhà khoa học và công nghệ có tài năng, những công nhân lành nghề.

### **5. Các nguồn lực ngoài nước**

Trong thập kỷ 90, tình hình thế giới còn diễn biến phức tạp, đặt nước ta trước nhiều khó khăn gay gắt, đặc biệt là trong những năm đầu. Mặt khác, quá trình quốc tế hóa nền kinh tế thế giới, quan hệ giao lưu kinh tế và khoa học, kỹ thuật, xu thế hòa bình và hợp tác ở khu vực và trên thế giới ngày càng phát triển. Với đường lối đổi mới và cởi mở, nước ta có thể tận dụng được những khả năng to lớn về vốn, thị trường, công nghệ và kinh nghiệm quản lý của bên ngoài để bổ sung và phát huy sức mạnh trong nước.

Các nguồn lực và lợi thế nêu trên phần lớn còn ở dạng tiềm năng mà việc khai thác phải vượt qua nhiều trở ngại. Xác định đúng các quan điểm, mục tiêu và giải pháp chiến lược là điều kiện tiên quyết để biến tiềm năng thành hiện thực.

### *Phần thứ hai*

## **QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN**

### **I**

Xuất phát từ mục tiêu, phương hướng cơ bản và lâu dài đã nêu trong Cương lĩnh của Đảng, Chiến lược đến năm 2000 được xây dựng theo các **quan điểm phát triển** dưới đây:

*Phát triển kinh tế - xã hội theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình thực hiện dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội nhân dân làm chủ, nhân ái, có văn hóa, có kỷ cương, xóa bỏ áp bức, bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.*

Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người. Chiến lược kinh tế - xã hội đặt con người vào vị trí trung tâm, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể lao động và của cả cộng đồng dân tộc, động viên và tạo điều kiện cho mọi người Việt Nam phát huy ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. Lợi ích của mỗi người, của từng tập thể và của toàn xã hội gắn bó hữu cơ với nhau, trong đó lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp.

Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp. Nền kinh tế có nhiều thành phần với nhiều dạng sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển có hiệu quả nền sản xuất xã hội. Mọi đơn vị kinh tế, không phân biệt quan hệ sở hữu đều hoạt động theo cơ chế tự chủ kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau bình đẳng trước pháp luật.

Nền kinh tế vận động theo *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Khuyến khích tính năng động, sáng tạo đi đôi với thiết lập trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế. Phát huy lợi thế tương đối, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của sản xuất và đời sống, hướng mạnh về xuất khẩu, thay thế nhập khẩu những mặt hàng trong nước sản xuất có hiệu quả.

*Mở rộng quan hệ kinh tế* với tất cả các nước, các tổ chức quốc tế, các công ty và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Phát huy tinh thần độc lập tự chủ, không ỷ lại vào bên ngoài, khai thác tối đa mọi lợi thế và nguồn lực của đất nước là điều kiện cơ bản để mở rộng có hiệu quả kinh tế đối ngoại, bảo đảm cho nền kinh tế luôn luôn phát triển trong thể chủ động.

*Hiệu quả kinh tế - xã hội là tiêu chuẩn quan trọng nhất của sự phát triển.* Các đơn vị kinh tế kinh doanh có hiệu quả, có lãi và thực hiện các trách nhiệm xã hội theo luật pháp. Nhà nước có chính sách khuyến khích và hỗ trợ cho các đơn vị kinh tế bị thua thiệt khi phục vụ lợi ích chung.

Phát triển mạnh *giáo dục và đào tạo*, không ngừng nâng cao năng lực *khoa học và công nghệ*, chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai để *công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước*. *Kết hợp nhiều trình độ công nghệ khác nhau*, tranh thủ tối đa công nghệ tiên tiến, tận dụng lợi thế của nước đi sau. Khai thác các yếu tố phát triển cả về *chiều rộng và chiều sâu*, ngày càng hướng mạnh vào chiều sâu. Tận dụng lợi thế của loại hình xí nghiệp *quy mô vừa và nhỏ*.

Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với *tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường*. Lấy phân phối theo lao động làm hình thức chính, khuyến khích làm giàu đi đôi với giảm số người nghèo, nâng cao phúc lợi xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, thực hiện nam nữ bình đẳng, tạo cơ hội cho mọi người đều được cống hiến và được hưởng thành quả của sự phát triển.

Dân chủ hóa đời sống xã hội; *quyền công dân, quyền con người và tự do cá nhân* được bảo đảm bằng pháp luật, được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và chỉ bị ràng buộc bởi pháp luật.

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với *ổn định và đổi mới về chính trị, tăng cường củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.*

## II

**Mục tiêu tổng quát** của Chiến lược đến năm 2000 là: *ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ XXI.* Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đến năm 2000 tăng khoảng gấp đôi so với năm 1990.

Mục tiêu này bao gồm những nội dung dưới đây:

*Một là, vượt qua những khó khăn gay gắt trước mắt, ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội.* Đẩy lùi và khống chế lạm phát, ổn định và phát triển sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân, thu hẹp chênh lệch trong thanh toán quốc tế; chấm dứt tình trạng xuống cấp về giáo dục, văn hóa, y tế, đẩy lùi các tệ nạn xã hội; tiếp tục đẩy mạnh cải cách kinh tế, hình thành đồng bộ cơ chế thị trường; chỉnh đốn và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, chống tham nhũng, thiết lập trật tự, kỷ cương trong kinh tế và xã hội. Nhiệm vụ này là trọng tâm của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995.

*Hai là, phấn đấu xóa nạn đói, giảm số người nghèo khổ, giải quyết vấn đề việc làm, bảo đảm các nhu cầu cơ bản, cải thiện đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân, tăng dần tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, thu hút nhiều nguồn lực bên ngoài; tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, chuyển dịch rõ rệt cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.*

*Ba là, củng cố và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí, năng lực khoa học và công nghệ đáp ứng nhu cầu của những năm 90 và chuẩn bị cho tương lai.*

*Bốn là, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh trong tình hình mới, bảo đảm trật tự, an toàn và môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác cho sự nghiệp phát triển kinh tế.*

### *Phần thứ ba*

## **CƠ CẤU KINH TẾ**

Để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu chiến lược, cơ cấu kinh tế trong những năm 90 phải chuyển dịch rõ rệt theo những hướng chính dưới đây:

- Khắc phục tính chất tự cấp tự túc, khép kín, chuyển mạnh sang nền kinh tế hàng hóa, gắn thị trường trong nước với ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu nhập khẩu.

- Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ *quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội*; tăng tốc độ và tỷ trọng của công nghiệp, mở rộng kinh tế dịch vụ, tăng cường cơ sở hạ tầng, bước đầu đưa nền kinh tế vượt khỏi tình trạng nông nghiệp lạc hậu. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của nông nghiệp đạt khoảng 4 - 5%, của công nghiệp khoảng 10 - 12%.

- Sắp xếp lại và đổi mới quản lý để bảo đảm sự phát triển có hiệu quả của kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể; khuyến khích mọi loại hình kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, tạo môi trường hợp tác và cạnh tranh bình đẳng giữa các đơn vị kinh tế.

- Hướng trọng điểm đầu tư và phát triển của nền kinh tế vào những ngành, những sản phẩm, những vùng đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội nhanh nhất và nhiều nhất, tạo nguồn tích lũy làm đòn xoay thúc đẩy và hỗ trợ các lĩnh vực và các vùng khác.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu được thực hiện thông qua hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của mọi thành phần kinh tế dưới tác động của cơ chế thị trường

được Nhà nước hướng dẫn và thúc đẩy bằng các công cụ quản lý vĩ mô và bằng chương trình đầu tư dựa vào nguồn vốn tập trung.

## I- CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

Trong nền kinh tế thị trường, với quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo đảm, từ ba loại hình sở hữu cơ bản (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân), sẽ hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng.

*Kinh tế quốc doanh* được củng cố và phát triển trong những ngành và lĩnh vực then chốt, nắm những doanh nghiệp trọng yếu và đảm đương những hoạt động mà các thành phần khác không có điều kiện hoặc không muốn đầu tư kinh doanh. Khu vực quốc doanh được sắp xếp lại, đổi mới công nghệ và tổ chức quản lý, kinh doanh có hiệu quả, liên kết và hỗ trợ các thành phần kinh tế khác, thực hiện vai trò chủ đạo và chức năng của một công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước.

Các xí nghiệp quốc doanh tồn tại và phát triển dưới hình thức 100% vốn Nhà nước hoặc hình thức doanh nghiệp cổ phần trong đó vốn nhà nước chiếm tỷ lệ không chế, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ kinh doanh, tự trang trải và tích lũy trong môi trường hợp tác, cạnh tranh; Nhà nước chỉ tài trợ có thời hạn cho một số cơ sở thật sự cần thiết.

Những cơ sở không cần giữ hình thức quốc doanh thì Nhà nước chuyển hình thức kinh doanh, hình thức sở hữu hoặc giải thể, đồng thời có chính sách giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động.

*Kinh tế tập thể*, với hình thức phổ biến là hợp tác xã, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, phát triển rộng rãi và đa dạng trong các ngành, nghề với quy mô và mức độ tập thể hóa khác nhau, trên cơ sở tự nguyện góp vốn, góp sức của những người lao động. Tổ chức và hoạt động của hợp tác xã không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Một hộ gia đình có thể tham gia các hợp tác xã khác nhau và có quyền rút ra khỏi hợp tác xã theo điều lệ.

Ở nông thôn, trên cơ sở tăng cường vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ xã viên, các hợp tác xã hướng hoạt động vào những khâu và lĩnh vực mà hộ xã viên không có điều kiện tự làm hoặc làm kém hiệu quả hơn kinh doanh tập thể; cùng với chính quyền và các đoàn thể chăm lo các vấn đề xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Đất đai thuộc sở hữu toàn dân. Các hộ nông dân được Nhà nước giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài và cấp giấy chứng nhận. Luật pháp quy định cụ thể việc thừa kế và chuyển quyền sử dụng ruộng đất.

*Kinh tế cá thể* được khuyến khích phát triển trong các ngành nghề ở cả thành thị và nông thôn, không bị hạn chế việc mở rộng kinh doanh, có thể tồn tại độc lập, tham gia các loại hình hợp tác xã, liên kết với các doanh nghiệp lớn bằng nhiều hình thức.

*Kinh tế tư bản tư nhân* được phát triển không hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động trong những ngành, nghề mà luật pháp không cấm. Nhà nước có thể liên doanh bằng nhiều hình thức với tư nhân trong và ngoài nước, hình thành loại doanh nghiệp thuộc thành phần *tư bản nhà nước*.

*Kinh tế gia đình* không là một thành phần kinh tế độc lập nhưng được khuyến khích phát triển mạnh.

Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có thể liên kết thành các liên hiệp hoặc tập đoàn kinh doanh theo nguyên tắc tự nguyện, trên cơ sở hiệu quả kinh tế và cùng có lợi.

Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, không phân biệt đối xử, không tước đoạt tài sản hợp pháp, không gò ép tập thể hóa tư liệu sản xuất, không áp đặt hình thức kinh doanh, khuyến khích các hoạt động có lợi cho quốc kế dân sinh.

## II- CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC KINH TẾ

### **1. Nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới**



Nông - lâm - ngư nghiệp phát triển theo hướng kinh tế hàng hóa, gắn với công nghiệp chế biến, đáp ứng nhu cầu trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu, phát huy lợi thế sinh thái, bảo vệ môi trường và tài nguyên.

Sản xuất *nông nghiệp* đi vào chuyên canh kết hợp với kinh doanh tổng hợp nhằm đạt giá trị cao nhất trên một đơn vị diện tích. Thâm canh, tăng vụ là chính và mở thêm diện tích ở những nơi có điều kiện. Tăng sản lượng lương thực đủ nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu. Tăng nhanh tỷ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm và chăn nuôi. Hình thành một số vùng chuyên canh cây công nghiệp và chăn nuôi, có cả công nghiệp chế biến, dành cho thị trường ngoài nước.

Phát triển và hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, giải quyết về căn bản vấn đề tưới tiêu nước cho những vùng trọng điểm lương thực và cây công nghiệp tập trung. Tận dụng phân hữu cơ, tăng mức đáp ứng nhu cầu phân hóa học, tích cực phòng trừ sâu bệnh. Áp dụng rộng rãi công nghệ và các biện pháp sinh học trong các khâu chính của quá trình sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, hạn chế ô nhiễm môi trường và thoái hóa đất. Từng bước cơ giới hóa có hiệu quả các khâu sản xuất chủ yếu.

*Lâm nghiệp* có nhiệm vụ hàng đầu là bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng và đất rừng. Đẩy nhanh việc trồng và khoanh nuôi rừng, phủ xanh và sử dụng đất trống, đồi trọc gắn liền với phân bố lao động lên trung du, miền núi, thực hiện định canh, định cư, ổn định đời sống của các dân tộc. Mọi đất rừng đều có người làm chủ trực tiếp, kể cả rừng kinh tế, rừng phòng hộ và các khu bảo tồn thiên nhiên. Kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp, gắn với công nghiệp khai thác và chế biến, kinh doanh tổng hợp đất rừng.

*Ngư nghiệp* phát triển đánh bắt và nuôi trồng các loại thủy, hải sản nhất là các loại có khả năng xuất khẩu. Thực hiện nghiêm quy chế bảo vệ nguồn lợi thủy, hải sản, ngăn chặn việc khai thác hủy diệt tài nguyên. Xây dựng đội ngũ lao động giỏi nghề biển, cơ sở hạ tầng và chế biến, bảo hộ nghề cá nhân dân. Phát triển lực lượng tàu thuyền khai thác vùng biển xa.

Coi trọng các công nghệ sau thu hoạch. Phát triển rộng khắp *công nghiệp chế biến* nông, lâm, thủy sản, kết hợp nhiều hình thức, trình độ công nghệ, hợp tác, liên doanh với nước ngoài để hiện đại hóa công nghệ, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm. Giảm dần và tiến tới chấm dứt việc xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu.

Phát triển kinh tế gắn với *xây dựng nông thôn mới*. Phát huy tối đa tiềm năng của kinh tế hộ nông dân, kết hợp với hoạt động có hiệu quả của các tổ chức kinh tế hợp tác thu hút phần lớn số hộ ở nông thôn và liên kết bằng nhiều hình thức với kinh tế quốc doanh.

Phát triển mạnh các ngành nghề, đặc biệt là công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; đưa nhanh kỹ thuật nông nghiệp và công nghệ mới đến tận hộ gia đình; giải quyết việc làm và thay đổi cơ cấu lao động, giảm bớt số lao động sản xuất nông nghiệp. Hình thành các điểm công thương nghiệp và văn hóa ở nông thôn.

Nhà nước hỗ trợ xây dựng nông thôn mới chủ yếu là về xây dựng kết cấu hạ tầng và dùng các chính sách tài chính, tín dụng, giá cả, đầu tư để khuyến khích sản xuất, tăng thu nhập và sức mua của dân cư nông thôn.

Phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ với xây dựng văn hóa mới, thực hiện những tiến bộ xã hội, đặc biệt là về giáo dục, chăm sóc sức khỏe, thu hẹp diện những gia đình thiếu đói và vùng thiếu đói. Kiến thiết nông thôn mới theo quy hoạch, hết sức hạn chế mất đất canh tác.

## **2. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu**

Tận dụng khả năng của tất cả các thành phần kinh tế, phát triển mạnh công nghiệp hàng tiêu dùng bằng nhiều hình thức, quy mô và công nghệ thích hợp để thỏa mãn nhu cầu về các loại hàng thông thường (hàng dệt và may mặc, giấy, thuốc chữa bệnh, kim khí tiêu dùng...), tăng mức đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của nhân dân và đẩy mạnh xuất khẩu.

Tích cực tạo nguồn nguyên liệu và tăng năng lực trang bị kỹ thuật trong nước, đồng thời đẩy mạnh nhập nguyên liệu và thiết bị mà sản xuất trong nước chưa đáp

ứng được. Đổi mới thiết bị, công nghệ và bảo đảm chất lượng các loại nguyên liệu, vật liệu để tăng sức cạnh tranh của hàng hóa. Khuyến khích chế tạo mặt hàng mới. Mở rộng các hình thức liên doanh, hợp tác với nước ngoài làm hàng xuất khẩu là một hướng ưu tiên để phát triển và hiện đại hóa các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng.

### **3. Công nghiệp tư liệu sản xuất và khai thác, chế biến khoáng sản**

Phát triển có chọn lựa một số ngành, trước hết hướng vào phục vụ sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Quy mô, thời điểm xây dựng và mức độ phát triển các ngành này căn cứ vào hiệu quả, khả năng đầu tư, nhất là khả năng tranh thủ vốn và kỹ thuật ngoài nước.

Xây dựng quy hoạch tổng thể và chính sách năng lượng quốc gia, ưu tiên phát triển ngành *năng lượng*.

Thực hiện quy hoạch phát triển *điện*, cân đối nguồn thủy điện và nhiệt điện cùng với mạng lưới truyền tải và phân phối; chú ý đáp ứng nhu cầu điện ở miền Trung và miền Nam.

Xúc tiến mạnh việc hợp tác và liên doanh với nước ngoài thăm dò, khai thác và chế biến *dầu khí*. Xây dựng công nghiệp lọc, hóa dầu theo công nghệ hiện đại kéo theo sự phát triển một số ngành khác đi từ nguyên liệu dầu và khí.

Ổn định và phát triển sản xuất *than* đáp ứng nhu cầu nhiên liệu, chất đốt sinh hoạt và đẩy mạnh xuất khẩu; hợp tác với nước ngoài về khai thác, vận tải, sàng tuyển, chế biến than có kỹ thuật cao.

Phát triển một số ngành *công nghiệp nguyên liệu, vật liệu*, chủ yếu là hóa chất cơ bản, phân bón, thuốc trừ sâu, vật liệu xây dựng, một số kim loại đen và màu; hợp tác khai thác, chế biến quặng sắt, bôcxít, đất hiếm... Sớm phát triển các vật liệu mới và tranh thủ công nghệ hiện đại trong công nghiệp nguyên liệu, vật liệu.

Điều tra, bảo vệ và đưa nhanh vào khai thác một số khoáng sản quý hiếm.

Sắp xếp lại, đổi mới kỹ thuật, công nghệ và sản phẩm *ngành cơ khí* nhằm phục vụ trước hết nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp chế biến và vận tải; bảo đảm dịch vụ sửa chữa. Mở rộng hợp tác trong nước và với nước ngoài trong lĩnh vực cơ khí, tăng sức cạnh tranh với hàng ngoại, tận dụng khả năng làm hàng xuất khẩu.

Phát huy năng lực khoa học và công nghệ trong nước và tranh thủ hợp tác quốc tế để phát triển ngành công nghiệp *điện tử - tin học* đi thẳng vào hiện đại, góp phần đáp ứng nhu cầu về hàng điện tử thông dụng, nâng cao từng bước trình độ tự động hóa sản xuất và tin học hóa quản lý.

Nâng cao năng lực và trình độ công nghệ của ngành *xây dựng* đáp ứng các nhu cầu xây dựng trong nước và mở rộng hoạt động ở nước ngoài.

Xây dựng *công nghiệp quốc phòng* phù hợp với khả năng của nền kinh tế, làm nòng cốt cùng với các ngành công nghiệp dân dụng bảo đảm nhiệm vụ sửa chữa, phục hồi và sản xuất một phần trang bị cho lực lượng vũ trang; phân công hiệp tác giữa công nghiệp dân dụng và công nghiệp quốc phòng, đáp ứng yêu cầu động viên công nghiệp khi tình thế đòi hỏi; huy động năng lực của xí nghiệp quốc phòng làm hàng dân dụng với hiệu quả thiết thực.

#### **4. Kinh tế dịch vụ**

Mở mang kinh tế dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn, tăng tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động.

Phát triển thương nghiệp nhiều thành phần trên cơ sở tự do lưu thông hàng hóa theo luật pháp; sắp xếp lại và củng cố thương nghiệp quốc doanh trong kinh doanh vật tư kỹ thuật và một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu. Phát triển nhanh các dịch vụ vận tải, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học và chuyển giao công nghệ, thông tin kinh tế và quảng cáo, đầu tư, pháp lý, xuất khẩu lao động và chuyên gia...

Khai thác sự hấp dẫn của thiên nhiên, di sản văn hóa phong phú và các lợi thế khác của đất nước, mở rộng hợp tác với nước ngoài để phát triển mạnh du lịch.

#### **5. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội**

Cải tạo, nâng cấp và mở rộng mạng lưới *giao thông vận tải*.

Ưu tiên đường thủy, tăng năng lực cảng biển, cảng sông hiện có, xây dựng thêm cảng biển nước sâu ở phía bắc và phía nam; phát triển các phương tiện vận tải thủy, tăng thêm tàu viển dương.

Củng cố và nâng cấp các tuyến đường sắt Bắc - Nam và liên vận quốc tế.

Nâng cấp một số trục đường bộ chính, trước hết là quốc lộ số 1, số 5 và xây dựng một số cầu quan trọng trên các tuyến này; cải tạo các quốc lộ khác. Bảo đảm giao thông thông suốt bốn mùa trên các đường liên tỉnh, liên huyện. Phát triển giao thông nông thôn, miền núi.

Hợp tác với nước ngoài để phát triển hàng không dân dụng trong nước và trên một số tuyến quốc tế; hiện đại hoá các sân bay quốc tế.

Hiện đại hoá và nâng cao năng lực *bưu điện* quốc tế và trong nước, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt đến nông thôn, miền núi, hải đảo; chú trọng xây dựng công nghiệp sản xuất thiết bị bưu điện.

Coi trọng xây dựng *kết cấu hạ tầng văn hoá và xã hội* ở cả thành thị và nông thôn, trước hết là nhà ở, nước sinh hoạt, cơ sở vật chất cho nghiên cứu khoa học, giáo dục, y tế và văn hoá.

Trong sự phát triển chung của nền kinh tế, mấy ngành và lĩnh vực dưới đây *có điều kiện và cần phải tăng trưởng mạnh* trong thập kỷ 90 để thúc đẩy và hỗ trợ các ngành khác:

- Sản xuất lương thực, thực phẩm.
- Chế biến nông, lâm, thủy sản và hàng công nghiệp xuất khẩu.
- Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí và một số loại khoáng sản.
- Điện, giao thông, thủy lợi, thông tin liên lạc.

Trong quá trình thực hiện chiến lược sẽ xác định rõ thêm những sản phẩm mũi nhọn trong các ngành và lĩnh vực nêu trên và tùy theo khả năng mới về vốn, công

nghệ và thị trường mà một số ngành và sản phẩm khác có thể trở thành mũi nhọn như điện tử - tin học, vật liệu mới, du lịch, v.v..

### III - HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN CÁC VÙNG

*Đồng bằng* giữ vị trí hàng đầu trong sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả, chăn nuôi, phát triển công nghiệp nông thôn, mở mang dịch vụ.

Tập trung sức phát triển lương thực, thực phẩm ở đồng bằng sông Cửu Long và sông Hồng; ưu tiên cho những địa bàn có ưu thế về hiệu suất đầu tư và tỷ suất hàng hoá.

*Trung du và miền núi* chuyển sang kinh tế hàng hoá, phát huy thế mạnh về lâm nghiệp, hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, gắn với công nghiệp chế biến, phát triển chăn nuôi, khai khoáng. Huy động mọi nguồn lực tại chỗ và của cả nước đi đôi với tranh thủ viện trợ quốc tế nhằm sử dụng triệt để và có hiệu quả đất trồng, đồi trọc. Khai thác đi đôi với bảo vệ, tái tạo các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo đảm lợi ích của đồng bào các dân tộc. Đẩy mạnh việc khai thác khoáng sản và thuỷ năng, hình thành những trung tâm công thương nghiệp và đô thị gắn với các tổ hợp kinh tế lãnh thổ như than ở Đông Bắc, hoá chất, phân bón, luyện kim, điện ở Tây Bắc và trung du phía bắc, thuỷ điện và khai khoáng ở Tây Nguyên.

Đối với miền núi, Nhà nước hỗ trợ về đầu tư mở mang giao thông vận tải, bảo vệ môi trường, tài trợ cho y tế, giáo dục và đào tạo cán bộ người dân tộc, đồng thời thực hiện chính sách ưu đãi về tài chính, tín dụng, tiền lương... để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

*Vùng biển và hải đảo* hướng vào khai thác, nuôi trồng và chế biến thuỷ sản, khai thác chế biến dầu khí và các sa khoáng, phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ về hàng hải, mở mang du lịch... Từng bước khai thác toàn diện các tiềm năng to lớn

của kinh tế biển, phát triển kinh tế ở hải đảo, làm chủ lãnh hải và thềm lục địa, thực hiện chủ quyền đối với vùng đặc quyền kinh tế.

Các tỉnh ven biển phát huy thuận lợi mở cửa ra bên ngoài, điều chỉnh phương hướng sản xuất và xây dựng thích nghi với điều kiện bất lợi về thiên tai, phát triển và bảo vệ kinh tế gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

Các *thành phố, thị xã, thị trấn* là những trung tâm kinh tế và văn hoá, chủ yếu là trung tâm công nghiệp và thương mại trên từng vùng lớn, nhỏ. Phương hướng phát triển đô thị là hình thành nhiều trung tâm vừa và nhỏ, phân bố hợp lý, không tập trung dân quá đông vào các thành phố lớn.

Một số địa bàn có vị trí quan trọng đối với từng vùng lớn và đối với cả nước (ở phía bắc là khu vực Hà Nội - Hải Phòng, Quảng Ninh, phía nam là khu vực thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hoà - Vũng Tàu - Côn Đảo, miền Trung là Đà Nẵng và một số thành phố cảng khác) cần thu hút đầu tư của cả nước và của nước ngoài để phát huy mạnh mẽ vai trò trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học và kỹ thuật, đầu mối phát triển kinh tế đối ngoại, liên kết, thúc đẩy và lôi kéo các vùng khác phát triển. Hình thành trên các địa bàn này một số khu có quy chế đặc biệt về hành chính - kinh tế thuận lợi cho đầu tư làm hàng xuất khẩu và buôn bán với bên ngoài. Từng tỉnh, thành phố căn cứ vào chiến lược cả nước và chiến lược vùng để xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn lãnh thổ, xây dựng nông thôn, đô thị, từ địa bàn dân cư nhỏ nhất (thôn, xã) tới thị trấn, thị xã, các khu phố và thành phố. Cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư hướng vào khai thác các thế mạnh, động viên các nguồn lực của tất cả các thành phần kinh tế ở địa phương và hợp tác, liên kết với các nơi khác, kể cả với nước ngoài; *kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng*. Trung ương và địa phương cùng đầu tư vào các vùng và cơ sở sớm đưa lại hiệu quả lớn, đồng thời trung ương hỗ trợ cho các địa bàn xung yếu về quốc phòng, một số địa phương miền núi và những nơi đang có nhiều khó khăn ở các vùng căn cứ cũ trong kháng chiến.

## *Phần thứ tư*

# CƠ CHẾ QUẢN LÝ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH LỚN

## I - ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ

Tiếp tục xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, hình thành đồng bộ và vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Thiết lập trật tự, kỷ cương theo cơ chế mới vừa là nội dung vừa là điều kiện để ra khỏi khủng hoảng, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

**1. Thị trường** trực tiếp hướng dẫn các doanh nghiệp lựa chọn lĩnh vực hoạt động, mặt hàng, quy mô, công nghệ và hình thức tổ chức sản xuất - kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong môi trường hợp tác và cạnh tranh.

Hình thành *thị trường hoàn chỉnh*, bao gồm cả sức lao động, vốn và tiền tệ... thông suốt trong cả nước và với thị trường thế giới. Xoá bỏ các quan hệ hiện vật còn lại trong trả lương, sử dụng nhà, đất, phương tiện đi lại...

*Giá cả, tỷ giá hối đoái, lãi suất tín dụng hình thành theo cơ chế thị trường.* Nhà nước dùng các biện pháp kinh tế là chủ yếu để tác động đến cung cầu trên thị trường, ổn định giá cả, chỉ định giá một số rất ít sản phẩm thuộc diện độc quyền và thiết yếu, có chính sách bảo hiểm giá cho một số nông sản và hàng xuất khẩu.

Hình thành thị trường ngoại hối chính thức tạo thuận lợi cho việc giao dịch và mua bán ngoại tệ thông qua ngân hàng theo tỷ giá thị trường. Có chính sách khuyến khích sử dụng ngoại tệ theo định hướng kế hoạch.

Phấn đấu cân bằng cán cân thanh toán quốc tế, trả được nợ đến hạn. Tạo dự trữ ngoại tệ ngày càng lớn để có thực lực điều tiết thị trường ngoại hối, làm cho tỷ giá hối đoái phản ánh đúng hơn sức mua thực tế của đồng tiền Việt Nam, tiến tới làm cho đồng tiền có khả năng chuyển đổi.

Gắn hệ thống giá nội địa với giá quốc tế; áp dụng chính sách bảo hộ hợp lý, có thời hạn đối với sản xuất nội địa, trong chừng mực không dẫn đến sự ỷ lại, làm giảm sức cạnh tranh của hàng hoá.



Tôn trọng nguyên tắc lãi suất tín dụng cao hơn mức lạm phát, lãi suất tiền vay cao hơn lãi suất tiền gửi, xoá bỏ cấp qua tín dụng, bảo đảm cho ngân hàng thương mại có điều kiện kinh doanh bình thường. Ngân hàng mở rộng hoạt động không phân biệt đối xử đến tất cả các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư.

Tạo môi trường và điều kiện cho sự  *cạnh tranh hợp pháp* và sự  *hợp tác, liên doanh tự nguyện, bình đẳng* giữa các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế ở trong nước và với nước ngoài. Xoá bỏ độc quyền và đặc quyền ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế. Đối với những trường hợp không thể tránh được độc quyền, Nhà nước có cơ chế kiểm soát để tránh cửa quyền, lũng đoạn. Chấp nhận sự phá sản của những đơn vị làm ăn thua lỗ, ban hành luật phá sản.

Cả nước chấp hành  *luật kinh doanh thống nhất*, áp dụng các đơn vị đo lường và tiêu chuẩn chất lượng thống nhất.

Phát triển giao thông vận tải và mạng lưới các chợ, các điểm mua bán, các cơ sở thương nghiệp trên khắp các địa bàn. Phá bỏ mọi hàng rào chia cắt giao lưu hàng hoá giữa các ngành, các địa phương trong nước.

Nâng cao  *khả năng tiếp thị* (marketing) của các doanh nghiệp. Xây dựng các hiệp hội kinh doanh, tăng cường phòng thương mại và công nghiệp làm đầu mối hỗ trợ quan hệ giao dịch giữa các nhà kinh doanh trong và ngoài nước. Phát triển nhiều hình thức dịch vụ thông tin kinh tế, quảng cáo, hội chợ, triển lãm... Tạo điều kiện thuận lợi cho người sản xuất trực tiếp tìm hiểu nhu cầu thị trường, giao dịch với bạn hàng trong và ngoài nước.

Các cơ sở thương nghiệp, đặc biệt là thương nghiệp quốc doanh làm tốt chức năng đại diện cho người tiêu dùng để đặt hàng cho người sản xuất. Mở rộng quan hệ hợp đồng. Tăng cường các bảo đảm pháp lý, kinh tế và tác động của dư luận xã hội nhằm đề cao chữ "tín" trong kinh doanh, chống hàng giả, đầu cơ buôn lậu.

**2. Trên cơ sở bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của các doanh nghiệp, Nhà nước tập trung thực hiện tốt những chức năng quản lý vĩ mô sau đây:**

*Tạo môi trường và điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Bảo đảm sự ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội cho mọi người yên tâm sản xuất kinh doanh. Duy trì luật pháp, trật tự và an toàn xã hội; thi hành nhất quán các chính sách và thể chế theo hướng đổi mới; ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, không chế lạm phát, điều tiết thị trường, ngăn ngừa và xử lý những đột biến xấu.

Xây dựng cơ sở hạ tầng bảo đảm điều kiện cơ bản cho hoạt động kinh tế: cơ sở hạ tầng vật chất (như giao thông, điện, nước, thông tin, dự trữ quốc gia...), hệ thống tài chính - tiền tệ, hệ thống pháp chế, cơ sở hạ tầng văn hoá - xã hội (giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, y tế, bảo vệ môi trường...).

- *Dẫn dắt và hỗ trợ những nỗ lực phát triển* thông qua kế hoạch và các chính sách kinh tế, sử dụng có trọng điểm các nguồn tài lực tập trung và lực lượng dự trữ, phát huy vai trò của kinh tế quốc doanh, khai thông các quan hệ bang giao và làm chỗ dựa cho các tổ chức và cá nhân trong kinh tế đối ngoại.

- *Hoạch định và thực hiện các chính sách xã hội*, bảo đảm sự thống nhất giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội.

- *Quản lý và kiểm soát việc sử dụng tài sản quốc gia* nhằm bảo tồn và phát triển các tài sản đó, trong đó có bộ phận tài sản giao cho kinh tế quốc doanh.

### **3. Đổi mới và hoàn thiện các công cụ quản lý vĩ mô** trọng yếu của Nhà nước

- Đổi mới việc xây dựng, ban hành và thực thi *luật pháp* đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội theo cơ chế thị trường. Bảo đảm tính hệ thống của luật và các văn bản dưới luật, chú ý đến luật pháp và thông lệ quốc tế. Khẩn trương xây dựng và ban hành hệ thống luật kinh tế, luật bảo vệ môi trường, luật dân sự... Phổ cập luật pháp cho toàn dân. Phát triển các hình thức dịch vụ pháp lý. Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo các luật gia, nhất là về luật kinh tế. Kiện toàn bộ máy kiểm tra và thi hành luật pháp. Nghiên cứu việc tổ chức toà án kinh tế.

- Tăng cường *kế hoạch hoá* vĩ mô trên cơ sở đổi mới *kế hoạch hoá*, chuyển từ *kế hoạch hoá* tập trung quan liêu sang *kế hoạch hoá* định hướng, bảo đảm các cân đối tổng thể cơ bản của nền kinh tế (cung - cầu, tiền - hàng, thu - chi, xuất - nhập, tích lũy - tiêu dùng...). *Kế hoạch* nhà nước có chương trình, dự án đầu tư của Chính phủ bảo đảm điều kiện thực hiện các mục tiêu lớn, đi đôi với sử dụng các chính sách đòn bẩy kinh tế là chính để hướng dẫn và hỗ trợ các ngành, các địa phương và cơ sở phát triển theo định hướng *kế hoạch*.

Xây dựng hệ thống *kế toán, thống kê và thông tin kinh tế* phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh đáp ứng yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và từng bước hiện đại hoá.

- Đổi mới căn bản hệ thống *tài chính - tiền tệ*.

Chính sách *tài chính* quốc gia hướng vào việc tạo vốn, và sử dụng vốn có hiệu quả trong toàn xã hội, tăng nhanh sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, điều tiết quan hệ tích lũy - tiêu dùng theo hướng nâng dần tỷ lệ tích lũy, cải thiện từng bước vững chắc đời sống của nhân dân, thực hiện công bằng xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế.

Phấn đấu cân bằng ngân sách nhà nước một cách tích cực: nuôi dưỡng và phát triển các nguồn thu, chống thất thu, đáp ứng nhu cầu chi tiêu cần thiết phục vụ lợi ích chung của sự phát triển; nếu còn bội chi thì bù đắp bằng các nguồn vay, không dựa vào phát hành tiền.

Hoàn chỉnh pháp chế về thuế làm đòn bẩy kích thích và hướng dẫn sản xuất kinh doanh, bảo đảm nguồn thu ngân sách và điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội. Giáo dục toàn dân nghĩa vụ đóng thuế. Xây dựng bộ máy và phương thức thu thuế có hiệu lực, đúng luật.

Cải tổ hệ thống *ngân hàng* để hoạt động có hiệu quả, thực sự trở thành trung tâm tiền tệ, tín dụng, thanh toán, đóng vai trò nòng cốt trên thị trường vốn và tiền tệ.

Ngân hàng nhà nước làm chức năng quản lý nhà nước đối với mọi hoạt động kinh doanh tín dụng - tiền tệ, cung ứng và điều hoà lưu thông tiền tệ, ổn định giá trị đồng tiền. Các ngân hàng thương mại làm chức năng đơn vị kinh doanh tín dụng - tiền tệ, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ tài chính, chịu sự kiểm soát của ngân hàng nhà nước về chế độ chính sách tín dụng - tiền tệ. Cùng cố hoạt động của các ngân hàng thương mại quốc doanh, phát triển các tổ chức tín dụng nông thôn, xúc tiến hình thành các ngân hàng cổ phần, ngân hàng liên doanh với nước ngoài. Cho phép ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh hoạt động ở Việt Nam và tạo điều kiện cho ngân hàng Việt Nam lập chi nhánh ở nước ngoài.

#### **4. Thực hiện chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp quốc doanh**

Xí nghiệp quốc doanh có *trách nhiệm* tuân thủ luật pháp, bảo tồn và phát triển vốn được Nhà nước giao, thực hiện các nghĩa vụ do Nhà nước quy định, bao gồm cả nhiệm vụ và đơn đặt hàng mà Nhà nước giao khi thấy cần thiết.

Xí nghiệp được bảo đảm thực hiện đầy đủ *các quyền*: chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh; tự chủ về tài chính; tuyển chọn, sắp xếp lao động, trả lương và cho thôi việc theo luật lao động; giao dịch với khách hàng trong và ngoài nước; lựa chọn hình thức liên kết, liên doanh với các đơn vị kinh tế khác, không bị hạn chế bởi địa giới hành chính.

Các liên hiệp sản xuất kinh doanh được tổ chức và hoạt động có hiệu quả, có lợi cho các đơn vị thành viên; liên hiệp không phải là cấp quản lý hành chính nhà nước trung gian. Các xí nghiệp có tư cách pháp nhân là đơn vị tự chủ kinh doanh, được quyền tham gia hoặc rút khỏi liên hiệp theo điều lệ.

Mở rộng dần các hình thức doanh nghiệp cổ phần trong khu vực quốc doanh. Phân định rõ và có tổ chức, cơ chế bảo đảm thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn của chủ sở hữu tài sản và của giám đốc điều hành. Xây dựng quy chế hoạt động của tổ chức đảng và các đoàn thể trong các đơn vị kinh tế quốc doanh cho phù hợp với cơ chế mới.

## II - CÁC CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP VỀ VỐN VÀ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

### 1. Chính sách và giải pháp về vốn

Tích cực *tạo vốn trong nước*. Nguồn tích lũy trong nước so với thu nhập quốc dân sản xuất từ 2 - 3% năm 1990 phải nâng lên 8 - 10% vào năm 1995 và khoảng 15% vào năm 2000, bảo đảm khoảng 1/2 đến 2/3 nhu cầu vốn phát triển trong 10 năm. Nâng dần tỷ lệ động viên thu nhập quốc dân vào ngân sách đồng thời dành phần tích lũy cần thiết cho các doanh nghiệp và nhân dân tự đầu tư.

Nguồn cơ bản để tạo vốn là làm ăn có hiệu quả, *cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng*. Mọi người có sức lao động có việc làm, mọi tài năng được trọng dụng, mọi tài nguyên, tài sản, tiền nhàn rỗi được đưa vào phát triển kinh tế, mọi doanh nghiệp hạch toán kinh doanh đầy đủ, tự trang trải, tự phát triển và đóng góp cho Nhà nước.

Đánh giá đúng và khai thác, sử dụng có hiệu quả tài sản, tài nguyên quốc gia. Thực hiện cơ chế bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước giao cho các đơn vị kinh doanh. Nhà nước cho thuê hoặc nhượng bán một số tài sản, tài nguyên chưa được khai thác hoặc sử dụng rất kém hiệu quả, để chuyển thành vốn sống, sinh lời, đầu tư vào những lĩnh vực cần thiết.

Đi đôi với việc cải tổ hệ thống ngân hàng, xúc tiến thành lập các tổ chức bảo hiểm, phát triển các loại doanh nghiệp cổ phần, các hình thức cổ phiếu, trái phiếu, tạo điều kiện hình thành thị trường chứng khoán. Ngăn chặn tệ cho vay nặng lãi, các hiện tượng lừa đảo và đầu cơ trên thị trường vốn và tiền tệ.

Khuyến khích và bảo đảm cho mọi tổ chức và cá nhân an tâm bỏ vốn đầu tư tự kinh doanh, mua cổ phiếu, trái phiếu, mua bảo hiểm, gửi quỹ tiết kiệm nhằm huy động mọi nguồn vốn trong xã hội vào chu chuyển kinh tế.

Tranh thủ mọi khả năng và dùng nhiều hình thức *thu hút vốn ngoài nước*.

Nắm vững nguyên tắc chính sách đối ngoại, kết hợp chính sách kinh tế cởi mở với sách lược ngoại giao mềm dẻo để phá thế bao vây, cấm vận về kinh tế đối với nước ta.

Tranh thủ viện trợ và vay dài hạn lãi suất thấp. Chú trọng hình thức công ty nước ngoài đầu tư trực tiếp vào nước ta, gắn với chuyển giao công nghệ tiên tiến và đẩy mạnh xuất khẩu.

Tạo điều kiện thuận tiện cho người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư phát triển kinh tế, trợ giúp người thân và đóng góp xây dựng quê hương, đất nước.

Các doanh nghiệp trong nước có thể vay vốn nước ngoài để tự đầu tư với điều kiện bảo đảm chắc chắn việc trả nợ, tranh thủ công nghệ tiên tiến.

Nhà nước quản lý chặt chẽ việc vay nợ, trả nợ nước ngoài. Điều đình với các chủ nợ về cách giải quyết trước mắt các khoản nợ đến hạn trả, bảo đảm thực hiện cam kết, tạo lập tín nhiệm, tranh thủ nguồn vay mới.

Nguồn vốn của Nhà nước được tập trung đầu tư cho các cơ sở chủ yếu thuộc kết cấu hạ tầng và những công trình quan trọng khác. Các công trình đầu tư bằng vốn của Nhà nước phải được quản lý chặt chẽ từ luận chứng kinh tế kỹ thuật đến thiết kế, dự toán, thi công, kết toán... chống lãng phí và tham nhũng. Hoàn thiện cơ chế đấu thầu để áp dụng phổ biến trong xây dựng.

Các doanh nghiệp và nhân dân đầu tư sản xuất kinh doanh bằng nguồn vốn tự có, vốn cổ phần, vốn đi vay; góp phần cùng Nhà nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và công trình phúc lợi.

## **2. Chính sách kinh tế đối ngoại**

*Đa dạng hoá và đa phương hoá* quan hệ kinh tế với mọi quốc gia, mọi tổ chức kinh tế trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. củng cố và tăng cường vị trí ở các thị trường quen thuộc và với các bạn hàng truyền thống, tích cực thâm nhập, tạo chỗ đứng ở các thị trường mới, phát triển các quan hệ mới.

Tăng nhanh kim ngạch và cải tiến cơ cấu *xuất khẩu* theo hướng tăng các mặt hàng chế biến, giảm tỷ trọng các sản phẩm thô, tạo một số mặt hàng có khối lượng lớn và thị trường tương đối ổn định. Áp dụng các chính sách tỷ giá và thuế khuyến khích mạnh mẽ xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm 1991-1995 gấp 2-2,5 lần so với 5 năm trước, đến năm 2000 tăng khoảng 5 lần so với năm 1990.

Phát triển nhiều hình thức dịch vụ thu ngoại tệ, nhất là hoạt động du lịch.

Chính sách *nhập khẩu* phải phục vụ có hiệu quả cho phát triển sản xuất và đổi mới công nghệ, thúc đẩy nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hoá, đáp ứng nhu cầu cần thiết về đời sống.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý xuất nhập khẩu và quản lý ngoại tệ.

Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài vào nước ta *đầu tư, hợp tác kinh doanh*. Xây dựng thể chế đồng bộ, ổn định, thuận tiện và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh; thống nhất đầu mối giải quyết các thủ tục và yêu cầu đầu tư của nước ngoài. Bảo đảm những điều kiện thiết yếu về cơ sở hạ tầng, phương tiện làm việc và sinh hoạt cho người nước ngoài, trước hết là ở các khu chế xuất và những địa bàn đầu mối trong quan hệ kinh tế đối ngoại. Tổ chức tốt thông tin kinh tế và chủ động chuẩn bị các dự án gọi vốn đầu tư nước ngoài. Đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh tế đối ngoại theo cơ chế mới, với các đối tượng mới.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền hạn thành viên của nước ta trong các tổ chức quốc tế; gia nhập các tổ chức và hiệp hội kinh tế quốc tế khác khi cần thiết và có điều kiện.

### III- CÁC CHÍNH SÁCH VỀ DÂN SỐ VÀ VIỆC LÀM, VỀ THU NHẬP, BẢO ĐẢM XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ SỨC KHOẺ

#### 1. Chính sách dân số và việc làm

Thực hiện đồng bộ chiến lược *dân số* trên cả ba mặt: quy mô dân số, cơ cấu dân số và sự phân bố dân số; giảm tỷ lệ phát triển dân số mỗi năm khoảng 0,4-0,6 phần nghìn.

Thực hiện chương trình kế hoạch hoá gia đình với những giải pháp mạnh mẽ, đồng bộ dựa trên cuộc vận động xã hội rộng lớn và sâu sắc, huy động mọi lực lượng, bằng nhiều hình thức tổ chức, bảo đảm tính tự nguyện, tính thuyết phục gắn với lợi ích của các đối tượng, với việc bảo vệ sức khoẻ bà mẹ và trẻ em, với sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Giảm tỷ lệ phát triển dân số hằng năm là một nhiệm vụ quan trọng của các cấp chính quyền và đoàn thể, nhất là ở những nơi, những tầng lớp dân cư đang còn tỷ lệ sinh đẻ cao. Nhà nước đầu tư đúng mức cho chương trình này đồng thời huy động các hình thức tự nguyện góp công, góp của, tích cực tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn tài trợ của Quỹ dân số Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác.

*Giải quyết việc làm*, sử dụng tối đa tiềm năng lao động xã hội là mục tiêu quan trọng hàng đầu của chiến lược, là một tiêu chuẩn để định hướng cơ cấu kinh tế và lựa chọn công nghệ. Hướng ưu tiên là giải quyết việc làm cho những người đến tuổi lao động, đặc biệt ở thành phố và bộ đội xuất ngũ, học sinh ra trường.

Người lao động chủ động tạo việc làm và tìm việc làm. Mọi nghề mang lại thu nhập cho người lao động và có ích cho xã hội đều được tôn trọng. Nhà nước tạo điều kiện về cơ chế, chính sách, môi trường sản xuất kinh doanh và đào tạo nghề nghiệp. Tăng nhanh tỷ trọng lao động có nghề chuyên môn, khuyến khích biết nhiều nghề.

Ban hành Luật lao động, bảo đảm cho mọi người làm chủ sức lao động của mình. Trong khuôn khổ luật pháp, mọi người được tự do học nghề và hành nghề, lựa chọn việc làm và nơi làm việc, thuê mướn nhân công. Tổ chức thị trường sức lao động, các hình thức giao dịch về việc làm; đổi mới các chính sách cư trú và hộ



khẩu; mở rộng chế độ hợp đồng lao động; có chính sách ưu đãi người làm việc ở những nơi điều kiện lao động và sinh hoạt khó khăn.

Chương trình quốc gia về việc làm hướng vào phát triển một số ngành và địa bàn trọng điểm tạo được nhiều việc làm như: nuôi trồng và chế biến nông, lâm, thủy sản, làm hàng xuất khẩu, các ngành công nghiệp dùng nhiều lao động, phủ xanh và sử dụng đất trồng, đòi trợ, xây dựng kết cấu hạ tầng, mở mang các ngành dịch vụ, xuất khẩu lao động.

## **2. Chính sách thu nhập và bảo đảm xã hội**

Khuyến khích mọi người làm ăn hợp pháp để tăng thu nhập. *Trả công lao động* theo năng suất lao động, hiệu quả sản xuất - kinh doanh và hiệu suất công tác; hình thành tương quan thu nhập phù hợp với thang bậc giá trị tiến bộ trong xã hội. Nhà nước dùng thuế thu nhập để góp phần thực hiện công bằng xã hội.

*Cải cách chế độ tiền lương* trong khu vực nhà nước theo hướng bảo đảm tái sản xuất sức lao động, tiền tệ hoá tiền lương, xoá bao cấp và khắc phục tính chất bình quân. Cải cách tiền lương gắn với việc cải tổ bộ máy; sắp xếp lại biên chế theo cơ chế mới, cải cách chế độ bảo hiểm. Khi giá cả biến động lớn, Nhà nước bù đắp kịp thời và thoả đáng cho những người hưởng lương và trợ cấp cố định.

Phát triển các dịch vụ bảo hiểm sản xuất và đời sống dựa trên đóng góp tự nguyện, hoạt động theo phương thức hạch toán kinh doanh, được Nhà nước bảo hộ.

Thực hiện chính sách toàn dân đóng góp để *đền ơn trả nghĩa* đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với nước; chính sách *bảo trợ* trẻ mồ côi, người tàn tật, người già cô đơn; chính sách *cứu hộ* những vùng gặp thiên tai, rủi ro và những gia đình quá nghèo khổ. Nguồn kinh phí dựa vào các quỹ xã hội, các hội từ thiện, tranh thủ sự viện trợ của các tổ chức nhân đạo quốc tế và một phần dựa vào ngân sách nhà nước.

Đổi mới chính sách *nhà ở*. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân xây dựng nhà theo quy hoạch. Người có nhà được quyền cho thuê,

nhượng, bán. Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước được bán hoặc cho thuê đúng giá, tính đủ tiền nhà vào tiền lương. Các công ty nhà ở hoạt động theo cơ chế hạch toán kinh doanh, thu hồi vốn để tái đầu tư. Phát triển ngân hàng nhà ở.

### **3. Chính sách bảo vệ sức khỏe**

Bảo vệ, nâng cao sức khỏe và thể chất của nhân dân, chống suy dinh dưỡng trong trẻ em, tăng chiều cao, cân nặng của thể hệ trẻ, tăng tuổi thọ trung bình của người Việt Nam.

Xoá nạn đói kinh niên và giáp hạt còn tồn tại trên một số vùng; cải thiện bữa ăn, tăng thức ăn giàu năng lượng, chất dinh dưỡng; phát triển sản xuất thực phẩm chế biến sẵn; phấn đấu đến năm 2000 đạt mức ăn bình quân đầu người 2.400 calo/ngày.

Mở rộng và nâng cao chất lượng *phòng bệnh và chữa bệnh*; phát triển đồng bộ nền y học dự phòng, kết hợp y dược học truyền thống với y dược học hiện đại, tạo một số mũi nhọn của y học Việt Nam.

Củng cố và mở rộng mạng lưới y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu đến hộ gia đình. Thực hiện tốt các chương trình tiêm chủng miễn dịch cho trẻ em, chống bệnh sốt rét, broun cổ. Thanh toán trên từng vùng các bệnh nhiễm trùng, ký sinh trùng, các bệnh xã hội nhiều người mắc, không chế các bệnh phổ biến khác; ngăn chặn kịp thời bệnh SIDA. Thực hiện các chương trình cung cấp nước sạch, xử lý chất thải, xây dựng các công trình vệ sinh ở thành thị và nông thôn. Khắc phục tình trạng xuống cấp, trang bị thêm phương tiện, nâng cao chất lượng điều trị của các bệnh viện nhà nước. Phát triển các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe người già. Xây dựng một số trung tâm y tế hiện đại. Khuyến khích, hướng dẫn và kiểm soát hoạt động của các cơ sở dịch vụ y tế tập thể và tư nhân. Phát triển sản xuất và đẩy mạnh xuất nhập khẩu đáp ứng nhu cầu dược liệu, thuốc chữa bệnh và phương tiện y tế.

Thu phí dịch vụ y tế hợp lý; đưa kinh phí bảo vệ sức khoẻ của công nhân, viên chức vào tiền lương; có chính sách trợ cấp trực tiếp cho một số đối tượng cần thiết. Mở rộng hình thức mua bảo hiểm sức khoẻ, bảo hiểm tai nạn.

Xây dựng phong trào toàn dân rèn luyện thân thể, hoạt động *thể dục, thể thao*, nhất là trong thanh, thiếu niên; kết hợp phổ cập và nâng cao. Phát triển các câu lạc bộ và hội thể dục, thể thao hoạt động theo nguyên tắc tự quản và tự bù đắp chi phí có sự quản lý và tài trợ một phần cần thiết của Nhà nước.

#### IV- CÁC CHÍNH SÁCH VỀ VĂN HOÁ, GIÁO DỤC, KHOA HỌC, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

##### 1. Chính sách văn hoá

Nâng cao đời sống văn hoá và tinh thần của nhân dân, xây dựng nền văn hoá mới, lối sống mới, con người mới, bắt đầu từ mỗi gia đình.

Chọn lọc, giữ gìn và nâng cao tinh hoa văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và của từng dân tộc; bảo tồn và phát triển ngôn ngữ và chữ viết của các dân tộc; tiếp thu những giá trị văn hoá, khoa học của nhân loại. Dùng nhiều hình thức sinh động giáo dục lý tưởng, trau dồi đạo đức, bồi dưỡng tình cảm, tâm hồn và thẩm mỹ, nâng cao trình độ hiểu biết và hưởng thụ văn hoá, nghệ thuật của nhân dân, ngăn chặn các văn hoá phẩm và hoạt động nghệ thuật gây độc hại. Hình thành nếp sống và tâm lý xã hội có sức đề kháng chống những lề thói, tư tưởng lạc hậu, lối sống thấp hèn, suy đồi đạo đức. Bảo vệ nhân phẩm của phụ nữ.

Khuyến khích tự do sáng tạo các giá trị văn hoá, vun đắp các tài năng. Giữ gìn và nâng cao các loại hình văn hoá, nghệ thuật truyền thống, bảo vệ và tôn tạo các di tích văn hoá, lịch sử. Nhà nước đầu tư thích đáng và có cơ chế quản lý thích hợp với các hoạt động văn hoá, nghệ thuật.

Tăng cường và hiện đại hoá công tác thông tin đại chúng, nâng cao chất lượng, nội dung phù hợp với các loại đối tượng, các dân tộc và mở rộng tới các vùng xa xôi hẻo lánh; phủ sóng phát thanh, truyền hình trên cả nước.

Phát triển các hình thức hoạt động văn hoá của cả Nhà nước, tập thể và tư nhân. Khắc phục tình trạng hành chính hoá các đơn vị hoạt động văn hoá, nghệ thuật và xu hướng thương mại hoá đơn thuần trong lĩnh vực này.

## **2. Chính sách giáo dục và đào tạo**

Chính sách giáo dục và đào tạo hướng vào bồi dưỡng nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài; xây dựng đội ngũ trí thức, nhà kinh doanh, người quản lý, chuyên gia công nghệ và công nhân lành nghề đảm đương nhiệm vụ trước mắt và chuẩn bị tốt cho đất nước và thế hệ trẻ Việt Nam bước vào thế kỷ XXI.

Đổi mới hệ thống giáo dục và đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng và đạt hiệu quả thiết thực, mở rộng quy mô phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Đánh giá cải cách *giáo dục phổ thông* trong thời gian qua để có chủ trương phù hợp với định hướng chiến lược. Tập trung sức phổ cập giáo dục cấp I; bảo đảm cho trẻ em đến tuổi đều đi học; đại bộ phận thanh niên có học vấn từ cấp II trở lên; chống mù chữ và mù chữ lại; củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non; đẩy mạnh bỏ túc văn hoá.

Phát triển nhiều hình thức hướng nghiệp, dạy và truyền nghề của Nhà nước, tập thể và tư nhân, hình thành nền *giáo dục kỹ thuật* trong xã hội. Khuyến khích các doanh nghiệp tự tổ chức đào tạo, huấn luyện và dạy nghề. Phổ biến rộng rãi các nghề phổ thông, phát triển việc dạy các nghề kỹ thuật, nghiệp vụ bằng các lớp học ngắn hạn và dài hạn, học chính quy và không chính quy; đưa việc dạy nghề vào giáo dục phổ thông. Các phương tiện truyền thông đại chúng dành thời gian truyền bá kiến thức và giảng dạy theo chương trình.

Sắp xếp hợp lý hệ thống *đào tạo đại học và giáo dục chuyên nghiệp*; đổi mới và hiện đại hoá nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng, chú trọng trau dồi đạo đức, nhân cách và năng lực thực hành. Trường đại

học đồng thời là trung tâm văn hoá, khoa học và công nghệ, đào tạo nhân tài. Mở rộng việc đào tạo và đào tạo lại sau đại học.

Khai thác mọi tiềm năng của toàn xã hội tham gia phát triển giáo dục và đào tạo. Đề cao vai trò và trách nhiệm của gia đình trong việc giáo dục con cái, chăm sóc và bồi dưỡng thế hệ trẻ. Tạo điều kiện và khuyến khích tự học; người tự học có quyền dự thi để được cấp bằng hoặc chứng chỉ. Bảo đảm cho mọi người, trong khuôn khổ pháp luật, có quyền được dạy, được học, được thi, được chọn nghề, chọn trường, chọn thầy, được đi học nước ngoài. Hoàn chỉnh chế độ học phí. Cấp học bổng cho những học sinh giỏi và các đối tượng cần trợ cấp xã hội. Củng cố hệ thống trường quốc lập và mở rộng các hình thức trường, lớp dân lập.

Có chính sách đặc biệt để phát triển *giáo dục và đào tạo ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số*; mở rộng và nâng cao chất lượng các trường, lớp nội trú; coi trọng việc đào tạo cán bộ và trí thức người dân tộc.

Bằng vốn ngân sách và các nguồn khác, *tăng kinh phí cho giáo dục và đào tạo*. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ giáo viên; củng cố các trường sư phạm, tôn vinh nghề dạy học và các giáo viên dạy giỏi, mẫu mực. Xây dựng và tu bổ trường sở, bảo đảm chất lượng và số lượng sách giáo khoa, tăng thêm phương tiện dạy và học, từng bước đưa kiến thức tin học vào nhà trường, kể cả trường phổ thông.

### **3. Chính sách khoa học và công nghệ**

Khoa học và công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao trình độ quản lý của Nhà nước và năng lực lãnh đạo của Đảng.

Phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, hướng vào thực hiện các chức năng cơ bản:

- Xây dựng luận cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, cho các chính sách và kế hoạch lớn.

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu những thành tựu mới của thế giới, nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản, đồng thời góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách về kinh tế và xã hội. Chú trọng các vấn đề thuộc khoa học nhân văn.

- Làm đòn xeo phát triển lực lượng sản xuất, từng bước hiện đại hoá đất nước. Hướng trọng tâm vào nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Cải tạo, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ của các cơ sở sản xuất hiện có, cải tiến, hiện đại hoá công nghệ truyền thống; xây dựng có trọng điểm một số hướng công nghệ hiện đại: điện tử và tin học, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, các dạng năng lượng mới, công nghệ chế biến tiên tiến; hình thành một số ngành công nghiệp và dịch vụ có trình độ công nghệ cao.

- Kết hợp chặt chẽ với giáo dục và đào tạo, không ngừng nâng cao tiềm lực trí tuệ của dân tộc, xây dựng nền văn hoá mới, con người mới, xây dựng nền khoa học và công nghệ tiên tiến đủ sức giải quyết những vấn đề do cuộc sống đặt ra.

Đổi mới *cơ chế quản lý khoa học*, thoát ra khỏi phương thức hành chính, bao cấp; mở rộng quyền chủ động của các cơ sở nghiên cứu và triển khai.

Nhà nước giao đề tài nghiên cứu theo phương thức đặt hàng, đấu thầu. Các cơ sở nghiên cứu khoa học ký hợp đồng trực tiếp với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế để tiến hành các hoạt động nghiên cứu khác. Sản phẩm khoa học và công nghệ là một loại hàng hoá đặc biệt được trả giá xứng đáng. Nhà nước bảo hộ quyền tác giả các sản phẩm khoa học và quyền sở hữu công nghiệp.

*Tăng đầu tư cho nghiên cứu khoa học và công nghệ* bằng nhiều nguồn vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Ngân sách nhà nước chủ yếu được sử dụng để xây dựng

các cơ sở nghiên cứu khoa học và triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu có ý nghĩa quốc gia.

Khuyến khích sáng tạo và tranh luận khoa học, phát huy dân chủ, chống độc quyền, độc tôn trong khoa học. Tổ chức tốt thông tin khoa học, đáp ứng nhu cầu thông tin cho công tác nghiên cứu. Các tổ chức và cá nhân đều có quyền nghiên cứu, làm dịch vụ khoa học và công nghệ theo pháp luật.

Sắp xếp lại các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ theo cơ chế mới, liên kết khoa học với đào tạo và sản xuất - kinh doanh. Xây dựng một số tổ chức nghiên cứu - đào tạo - sản xuất tầm cỡ quốc gia trong một số lĩnh vực công nghệ cao, tạo ra các mũi nhọn theo kịp trình độ quốc tế.

Có chính sách và quy chế tuyển chọn, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài; bảo đảm điều kiện cho cán bộ khoa học chuyên tâm vào công việc nghiên cứu.

Mở rộng, đa dạng hoá và nâng cao hiệu quả *hợp tác quốc tế* về khoa học và công nghệ, tranh thủ sự hợp tác và tài trợ của các nước, các tổ chức và cá nhân, các nhà khoa học người Việt sống ở nước ngoài. Khuyến khích các quan hệ trực tiếp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của các tổ chức và cá nhân với bên ngoài theo luật pháp.

Đẩy mạnh phong trào toàn dân học tập, tiếp thu, ứng dụng, làm chủ các tiến bộ khoa học và công nghệ.

Coi trọng việc nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở miền núi; đẩy mạnh việc ứng dụng kỹ thuật mới, chuyển giao công nghệ gắn với đào tạo cán bộ kỹ thuật cho miền núi.

#### **4. Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường**

Bảo vệ và sử dụng hợp lý các tài nguyên, cải thiện môi trường, ngăn chặn tình trạng hủy hoại đang diễn ra nghiêm trọng, chống xu hướng chạy theo tốc độ tăng

trường và lợi ích trước mắt, gây hại cho môi trường. Tích cực phòng chống thiên tai.

Mọi tài nguyên đưa vào sử dụng phải nộp thuế hoặc trả tiền thuê.

Đối với các nguồn tài nguyên tái tạo, khai thác phải đi đôi với bảo vệ, tận dụng những ưu thế của thiên nhiên nhiệt đới để bồi dưỡng, phục hồi và phát triển chúng; giữ gìn *quỹ gen* sinh vật. Giữ cho được vốn *rừng*, nhất là rừng đầu nguồn và phục hồi độ che phủ của rừng lên khoảng 40% vào năm 2000. Sử dụng hợp lý tài nguyên *đất*, hạn chế việc dùng đất canh tác vào các mục đích phi nông nghiệp; chống xói mòn và thoái hoá đất. Lập quy hoạch khai thác và sử dụng tài nguyên *nước*; giải quyết nguồn nước cho công nghiệp và sinh hoạt ở thành thị và một số vùng nông thôn; thường xuyên kiểm tra các hệ thống xử lý nước thải. Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên *biển*, ngăn chặn nguy cơ làm cạn kiệt nguồn hải sản; chủ động phòng ngừa ô nhiễm biển khi phát triển công nghiệp dầu khí. Khai thác và sử dụng tổng hợp, có hiệu quả nhất tài nguyên *khoáng sản*. Tất cả các xí nghiệp phải có luận chứng xử lý chất thải, không gây ô nhiễm hoặc gây tiếng ồn lớn cho các khu dân cư. Có biện pháp giảm bụi trong các thành phố.

Nhà nước quy định cụ thể quyền sở hữu, quyền và trách nhiệm sử dụng tài nguyên để chấm dứt tình trạng tài nguyên vô chủ. Ban hành Luật bảo vệ thiên nhiên. Giáo dục và tuyên truyền sâu rộng việc bảo vệ tài nguyên và môi trường ngay từ lứa tuổi trẻ em. Xây dựng tổ chức bảo vệ tài nguyên và môi trường từ trung ương đến địa phương, kết hợp với phong trào quần chúng trong lĩnh vực này. Sớm tham gia và phối hợp hoạt động với các tổ chức quốc tế và khu vực trong việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và cảnh quan.

## V- TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VÀ CÁN BỘ

**1. Cải cách bộ máy nhà nước** nhằm nâng cao hiệu lực quản lý, tăng cường pháp quyền.



Bảo đảm quyền lực nhà nước thống nhất, phân định chức năng và quyền hạn của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; phân biệt bộ máy quản lý nhà nước và các tổ chức kinh doanh; đổi mới quan hệ làm việc giữa bộ máy nhà nước với hệ thống tổ chức đảng và các đoàn thể; xây dựng cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của bộ máy nhà nước một cách khoa học, có đội ngũ cán bộ đủ năng lực. Trọng tâm *cải cách nhằm vào hệ thống hành chính* với nội dung chính là xây dựng một hệ thống hành pháp và quản lý hành chính nhà nước thông suốt từ trung ương xuống cơ sở, có đủ quyền lực, năng lực, hiệu lực.

*Các bộ* thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành hoặc lĩnh vực trong phạm vi cả nước. Chức năng quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật đối với tất cả các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế bao gồm việc xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành, quản lý khoa học và công nghệ, xây dựng và kiểm tra việc thực hiện các luật lệ, chính sách, thể chế quản lý và đào tạo cán bộ. Giảm bớt các bộ chuyên ngành, tăng cường sự điều phối hoạt động giữa các bộ.

Cơ quan *chính quyền nhà nước ở các cấp địa phương* dựa trên hệ thống thống nhất về luật pháp, chính sách và theo định hướng của kế hoạch nhà nước để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội đối với mọi tổ chức và cá nhân hoạt động trên lãnh thổ, bảo đảm thi hành pháp luật nghiêm minh, chăm lo đời sống nhân dân, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở địa phương, củng cố an ninh và quốc phòng.

*Ngân sách nhà nước* là một hệ thống thống nhất về chính sách, chế độ thu chi; nguồn thu và nhiệm vụ chi hằng năm có hiệu lực pháp luật, được phân cấp thực hiện tương ứng với trách nhiệm quản lý của chính quyền từng cấp. Các cơ quan chính quyền không được lập quỹ để ngoài sổ sách kế toán. Xoá bỏ sự chia cắt, cát cứ trong quản lý kinh tế và quản lý ngân sách. Xoá bỏ sự phân biệt kinh tế trung ương và kinh tế địa phương.

Giảm bớt cấp quản lý hành chính từ trung ương đến cơ sở, thu gọn chức năng và bộ máy của cấp huyện. Xác định hợp lý quy mô và địa giới các cấp hành chính.

Cải cách tổ chức và quy chế hoạt động của các loại công sở, loại bỏ những khâu trung gian không cần thiết, tinh giản biên chế. Cải cách các thủ tục và nghiệp vụ hành chính, từng bước hiện đại hoá kỹ thuật hành chính.

## **2. Đổi mới căn bản công tác cán bộ phù hợp với cơ chế mới**

Phân định rõ *cán bộ dân cử* hoạt động theo nhiệm kỳ và các loại *công chức, viên chức chuyên nghiệp*.

Đối với cán bộ quản lý nhà nước do dân cử, tiêu chuẩn bầu cử bao gồm cả phẩm chất, kiến thức và năng lực cần thiết để đảm đương được trách nhiệm khi được bầu.

Xây dựng quy chế công chức, viên chức trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước, hoạt động sự nghiệp, sản xuất - kinh doanh nhằm hình thành đội ngũ cán bộ chuyên môn có phẩm chất, có kiến thức, thành thạo nghề nghiệp, nắm vững pháp luật.

Phát triển đội ngũ những nhà kinh doanh giỏi thuộc nhiều tầm cỡ, từ người chủ kinh tế hộ gia đình đến người quản lý các doanh nghiệp lớn. Tạo môi trường cho những người có khả năng kinh doanh phát huy được tài năng.

Đánh giá và sử dụng cán bộ qua hiệu quả công tác thực tiễn, không phân biệt đối xử giữa đảng viên và người ngoài Đảng; xoá bỏ những định kiến về thành phần xuất thân. Sửa đổi những cơ chế, chính sách tạo kẽ hở và điều kiện cho tệ quan liêu, tham nhũng. Thanh trừng những phần tử tham nhũng, áp chế dân ở bất cứ cương vị nào; kịp thời thay thế những người không đủ khả năng thực hành chức trách. Thực hiện nguyên tắc người phụ trách công việc có quyền hạn và trách nhiệm chính trong việc tuyển chọn, sử dụng cán bộ dưới quyền.

Đổi mới công tác *đào tạo cán bộ*. Phát triển nhiều hình thức đào tạo lại, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước và các nhà kinh doanh thuộc các

thành phần kinh tế theo kịp yêu cầu của cơ chế quản lý mới và nắm bắt được kiến thức quản lý hiện đại.

\*

\* \*

Chiến lược này là phương hướng hành động của nhân dân Việt Nam đến năm 2000 nhằm chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, làm giàu cho mình và cho đất nước.

Toàn Đảng, toàn dân ta khăng định quyết tâm thực hiện thành công chiến lược này, đáp ứng điều mong muốn cuối cùng của Bác Hồ để lại trong Di chúc là *"xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"*.

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2001 - 2010

### (Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng)

Đại hội VII của Đảng quyết định Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991- 2000. Đại hội IX đánh giá việc thực hiện chiến lược đó và quyết định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho 10 năm đầu của thế kỷ XXI - *Chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.*

## I- TÌNH HÌNH ĐẤT NƯỚC VÀ BỐI CẢNH QUỐC TẾ

### 1- Đánh giá việc thực hiện Chiến lược kinh tế - xã hội 1991 - 2000

Chiến lược 10 năm 1991 - 2000 được thực hiện khi nền kinh tế đang có một số chuyển biến tích cực, nhưng đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tan vỡ; Mỹ tiếp tục bao vây, cấm vận nước ta; các thế lực thù địch tìm cách chống phá ta về nhiều mặt; những năm cuối thập kỷ 90, nước ta lại chịu tác động bất lợi của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực và bị thiệt hại lớn do thiên tai liên tiếp xảy ra trên nhiều vùng.

Mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức gay gắt, nhìn chung việc thực hiện Chiến lược 1991 - 2000 đã đạt được những **thành tựu to lớn và rất quan trọng**:

(1)- Sau mấy năm đầu thực hiện Chiến lược, đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) sau 10 năm tăng hơn gấp đôi (2,07 lần). Tích lũy nội bộ của nền kinh tế từ mức không đáng kể, đến năm 2000 đã đạt

27% GDP. Từ tình trạng hàng hoá khan hiếm nghiêm trọng, nay sản xuất đã đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu của nhân dân và nền kinh tế, tăng xuất khẩu và có dự trữ. Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội phát triển nhanh. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tích cực. Trong GDP, tỷ trọng nông nghiệp từ 38,7% giảm xuống 24,3%, công nghiệp và xây dựng từ 22,7% lên 36,6%, dịch vụ từ 38,6% tăng lên 39,1%.

(2)- Quan hệ sản xuất đã có bước đổi mới phù hợp hơn với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và thúc đẩy sự hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế; doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp lại một bước, thích nghi dần với cơ chế mới, hình thành những tổng công ty lớn trên nhiều lĩnh vực then chốt. Kinh tế tập thể có bước chuyển đổi và phát triển đa dạng theo phương thức mới. Kinh tế hộ phát huy tác dụng rất quan trọng trong nông nghiệp; kinh tế cá thể, tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh. Cơ chế quản lý và phân phối có nhiều đổi mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

(3)- Từ chỗ bị bao vây, cấm vận, nước ta đã phát triển quan hệ kinh tế với hầu khắp các nước, gia nhập và có vai trò ngày càng tích cực trong nhiều tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực, chủ động từng bước hội nhập có hiệu quả với kinh tế thế giới. Nhịp độ tăng kim ngạch xuất khẩu gần gấp ba nhịp độ tăng GDP. Thu hút được một khối lượng khá lớn vốn từ bên ngoài cùng nhiều công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến.

(4)- Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực và tính năng động trong xã hội được nâng lên đáng kể. Đã hoàn thành mục tiêu xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước; bắt đầu phổ cập trung học cơ sở ở một số thành phố, tỉnh đồng bằng. Số sinh viên đại học, cao đẳng tăng gấp 6 lần. Đào tạo nghề được mở rộng. Năng lực

ngiên cứu khoa học được tăng cường, ứng dụng nhiều công nghệ tiên tiến. Các hoạt động văn hoá, thông tin phát triển rộng rãi và nâng cao chất lượng.

Mỗi năm tạo thêm 1,2 - 1,3 triệu việc làm mới. Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chuẩn của nước ta) từ trên 30% giảm xuống 11%. Người có công với nước được quan tâm chăm sóc. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm từ 2,3% giảm xuống 1,4%. Tuổi thọ bình quân từ 65,2 tuổi tăng lên 68,3 tuổi. Việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em, chăm lo sức khoẻ cộng đồng, phòng, chống dịch bệnh có nhiều tiến bộ. Phong trào thể dục rèn luyện sức khoẻ phát triển; thành tích thi đấu thể thao trong nước và quốc tế được nâng lên.

Trong hoàn cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, những thành tựu và tiến bộ về văn hoá, xã hội là sự cố gắng rất lớn của toàn Đảng, toàn dân ta.

5)- Cùng với những nỗ lực to lớn của lực lượng vũ trang nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội đã tạo điều kiện tăng cường tiềm lực, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

*Đánh giá tổng quát, phần lớn các mục tiêu chủ yếu đề ra trong Chiến lược kinh tế - xã hội 1991 - 2000 đã được thực hiện. Nền kinh tế có bước phát triển mới về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và hội nhập kinh tế quốc tế; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, văn hoá xã hội không ngừng tiến bộ; thế và lực của đất nước hơn hẳn 10 năm trước, khả năng độc lập tự chủ được nâng lên, tạo thêm điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa.*

*Nguyên nhân của những thành tựu là đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng cùng những cố gắng và tiến bộ trong công tác quản lý của Nhà nước đã phát huy được nhân tố có ý nghĩa quyết định là ý chí kiên cường, tinh năng động, sáng tạo và sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân ta.*

Tuy nhiên, những thành tựu và tiến bộ đã đạt được chưa đủ để vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước. Trình độ phát triển kinh tế của nước ta còn thấp xa so với mức trung bình của thế giới và kém nhiều nước xung quanh. Thực trạng kinh tế - xã hội vẫn còn những mặt **yếu kém, bất cập**, chủ yếu là:

(1)- Nền kinh tế kém hiệu quả và sức cạnh tranh còn yếu. Tích lũy nội bộ và sức mua trong nước còn thấp. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, gắn sản xuất với thị trường; cơ cấu đầu tư còn nhiều bất hợp lý. Tình trạng bao cấp và bảo hộ còn nặng. Đầu tư của Nhà nước còn thất thoát và lãng phí. Nhịp độ thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài giảm mạnh. Tăng trưởng kinh tế những năm gần đây giảm sút, năm 2000 tuy đã tăng lên nhưng còn thấp hơn mức bình quân của thập kỷ 90.

(2)- Quan hệ sản xuất có mặt chưa phù hợp, hạn chế việc giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất. Chưa có chuyển biến đáng kể trong việc đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước. Kinh tế tập thể phát triển chậm, việc chuyển đổi các hợp tác xã theo Luật ở nhiều nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả thấp. Các thành phần kinh tế khác chưa phát huy hết năng lực, chưa thực sự được bình đẳng và yên tâm đầu tư kinh doanh. Cơ chế quản lý, chính sách phân phối có mặt chưa hợp lý, chưa thúc đẩy tiết kiệm, tăng năng suất, kích thích đầu tư phát triển; chênh lệch giàu nghèo tăng nhanh.

(3)- Kinh tế vĩ mô còn những yếu tố thiếu vững chắc. Hệ thống tài chính, ngân hàng, kế hoạch đổi mới chậm, chất lượng hoạt động hạn chế; môi trường đầu tư, kinh doanh còn nhiều vướng mắc, chưa tạo điều kiện và hỗ trợ tốt cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh.

(4)- Giáo dục, đào tạo còn yếu về chất lượng, cơ cấu đào tạo chưa phù hợp, có nhiều tiêu cực trong dạy, học, và thi cử... Khoa học và công nghệ chưa thật sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Cơ sở vật chất của các ngành y tế, giáo

dục, khoa học, văn hoá, thông tin, thể thao còn nhiều thiếu thốn. Việc đổi mới cơ chế quản lý và thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực này triển khai chậm.

(5)- Đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là ở vùng núi, vùng sâu, vùng thường bị thiên tai. Số lao động chưa có việc làm và thiếu việc làm còn lớn. Nhiều tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi, nạn ma túy, mại dâm, lây nhiễm HIV-AIDS có chiều hướng lan rộng. Tai nạn giao thông ngày càng tăng. Môi trường sống bị ô nhiễm ngày càng nhiều.

*Những mặt yếu kém, bất cập nói trên có phần do điều kiện khách quan, nhưng chủ yếu là do những khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, nổi lên là:*

Công tác tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước chưa nghiêm, kém hiệu lực, hiệu quả. Sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành có phần thiếu nhanh nhạy, chưa thật chủ động tranh thủ thời cơ. Vai trò lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý, điều hành của Nhà nước ở các cấp chưa được phân định rành mạch và phát huy đầy đủ. Nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được thực hiện tốt, trách nhiệm tập thể chưa được xác định rõ ràng, vai trò cá nhân phụ trách chưa được đề cao; kỷ luật không nghiêm.

Một số vấn đề về quan điểm như sở hữu và thành phần kinh tế, vai trò của Nhà nước và thị trường, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, hội nhập kinh tế quốc tế... chưa được làm rõ, chưa có sự thống nhất trong nhận thức và thông suốt trong thực hiện, làm cho việc hoạch định chủ trương, chính sách và thể chế hoá thiếu dứt khoát, thiếu nhất quán, chậm trễ, gây trở ngại cho công cuộc đổi mới và công tác tổ chức thực hiện.

Công tác cải cách hành chính tiến hành chậm, thiếu kiên quyết cả về xây dựng và hoàn thiện thể chế, kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực và làm trong sạch đội ngũ cán bộ, công chức.



Công tác tư tưởng, công tác lý luận, công tác tổ chức, cán bộ có nhiều yếu kém, bất cập. Việc tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận không theo kịp yêu cầu. Tổ chức bộ máy chồng chéo, chồng chéo, kém hiệu lực và hiệu quả. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức, thoái hoá biến chất, thiếu năng lực. Tình trạng mất dân chủ, tệ quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, sách nhiễu dân, lãng phí còn nặng, đang là lực cản của sự phát triển và gây bất bình trong nhân dân.

## **2- Bối cảnh quốc tế**

Bối cảnh quốc tế trong thời gian tới có nhiều thời cơ lớn đan xen với nhiều thách thức lớn. Khả năng duy trì hoà bình, ổn định trên thế giới và khu vực cho phép chúng ta tập trung sức vào nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế; đồng thời đòi hỏi phải đề cao cảnh giác, chủ động đối phó với những tình huống bất trắc, phức tạp có thể xảy ra. Một số xu thế tác động trực tiếp tới sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta 10 năm tới là:

Khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tiếp tục có những bước nhảy vọt, ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, thúc đẩy sự phát triển kinh tế tri thức, làm chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và biến đổi sâu sắc các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tri thức và sở hữu trí tuệ có vai trò ngày càng quan trọng. Trình độ làm chủ thông tin, tri thức có ý nghĩa quyết định sự phát triển. Chu trình luân chuyển vốn, đổi mới công nghệ và sản phẩm ngày càng được rút ngắn; các điều kiện kinh doanh trên thị trường thế giới luôn thay đổi đòi hỏi các quốc gia cũng như doanh nghiệp phải rất nhanh nhạy nắm bắt, thích nghi. Các nước đang phát triển, trong đó có nước ta, có cơ hội thu hẹp khoảng cách so với các nước phát triển, cải thiện vị thế của mình; đồng thời đứng trước nguy cơ tụt hậu, xa hơn nếu không tranh thủ được cơ hội, khắc phục yếu kém để vươn lên.

Toàn cầu hoá kinh tế là xu thế khách quan, lôi cuốn các nước, bao trùm hầu hết các lĩnh vực, vừa thúc đẩy hợp tác, vừa tăng sức ép cạnh tranh và tính tùy thuộc lẫn

nhau giữa các nền kinh tế. Quan hệ song phương, đa phương giữa các quốc gia ngày càng sâu rộng cả trong kinh tế, văn hoá và bảo vệ môi trường, phòng chống tội phạm, thiên tai và các đại dịch... Các công ty xuyên quốc gia tiếp tục cấu trúc lại, hình thành những tập đoàn khổng lồ chi phối nhiều lĩnh vực kinh tế. Sự cách biệt giàu nghèo giữa các quốc gia ngày càng tăng.

Toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình vừa hợp tác để phát triển, vừa đấu tranh rất phức tạp, đặc biệt là đấu tranh của các nước đang phát triển bảo vệ lợi ích của mình, vì một trật tự kinh tế quốc tế công bằng, chống lại những áp đặt phi lý của các cường quốc kinh tế, các công ty xuyên quốc gia. Đối với nước ta, tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới được nâng lên một bước mới gắn với việc thực hiện các cam kết quốc tế, đòi hỏi chúng ta phải ra sức nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế, tham gia có hiệu quả vào phân công lao động quốc tế.

Châu á - Thái Bình Dương vẫn là khu vực phát triển năng động, trong đó Trung Quốc có vai trò ngày càng lớn. Sau khủng hoảng tài chính - kinh tế, nhiều nước ASEAN và Đông á đang khôi phục đà phát triển với khả năng cạnh tranh mới. Tình hình đó tạo thuận lợi cho chúng ta trong hợp tác phát triển kinh tế, đồng thời cũng gia tăng sức ép cạnh tranh cả trong và ngoài khu vực.

## II- MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

Tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân ta phải phát huy cao độ tinh thần cách mạng tiến công, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, đưa đất nước tiến nhanh và vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Không làm được như vậy, sẽ tụt hậu xa hơn về trình độ phát triển kinh tế so với các nước xung quanh, ảnh hưởng trực tiếp tới niềm tin của nhân dân, sự ổn định chính trị, xã hội và an ninh quốc gia.

### **1- Mục tiêu chiến lược**

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược 10 năm 2001 - 2010 là:

*Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.*

Mục tiêu cụ thể của Chiến lược là:

- Đưa GDP năm 2010 lên ít nhất gấp đôi năm 2000. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế; đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng thiết yếu, một phần đáng kể nhu cầu sản xuất và đẩy mạnh xuất khẩu. Ổn định kinh tế vĩ mô; cán cân thanh toán quốc tế lành mạnh và tăng dự trữ ngoại tệ; bội chi ngân sách, lạm phát, nợ nước ngoài được kiểm soát trong giới hạn an toàn và tác động tích cực đến tăng trưởng. Tích lũy nội bộ nền kinh tế đạt trên 30% GDP. Nhịp độ tăng xuất khẩu gấp trên 2 lần nhịp độ tăng GDP. Tỷ trọng trong GDP của nông nghiệp 16 - 17%, công nghiệp 40 - 41%, dịch vụ 42 - 43%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp còn khoảng 50%.

- Nâng lên đáng kể chỉ số phát triển con người (HDI) của nước ta. Tốc độ tăng dân số đến năm 2010 còn 1,1%. Xoá hộ đói, giảm nhanh hộ nghèo. Giải quyết việc làm ở cả thành thị và nông thôn (thất nghiệp ở thành thị dưới 5%, quỹ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn khoảng 80-85%); nâng tỷ lệ người lao động được đào tạo nghề lên khoảng 40%. Trẻ em đến tuổi đi học đều được đến trường; hoàn thành phổ cập trung học cơ sở trong cả nước. Người có bệnh được chữa trị; giảm tỷ lệ trẻ em (dưới 5 tuổi) suy dinh dưỡng xuống khoảng 20%; tăng tuổi thọ trung bình lên 71 tuổi. Chất lượng đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần được nâng lên rõ rệt trong môi trường xã hội an toàn, lành mạnh; môi trường tự nhiên được bảo vệ và cải thiện.

- Năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ đủ khả năng ứng dụng các công nghệ hiện đại, tiếp cận trình độ thế giới và tự phát triển trên một số lĩnh vực, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hoá.

- Kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và có bước đi trước. Hệ thống giao thông bảo đảm lưu thông an toàn, thông suốt quanh năm và hiện đại hoá một bước. Mạng lưới giao thông nông thôn được mở rộng và nâng cấp. Hệ thống đê xung yếu được củng cố vững chắc; hệ thống thủy nông phát triển và phần lớn được kiên cố hóa. Hầu hết các xã được sử dụng điện, điện thoại và các dịch vụ bưu chính - viễn thông cơ bản, có trạm xá, trường học kiên cố, nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao. Bảo đảm về cơ bản cơ sở vật chất cho học sinh phổ thông học cả ngày tại trường. Có đủ giường bệnh cho bệnh nhân.

- Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước được tăng cường, chi phối các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế; doanh nghiệp nhà nước được đổi mới, phát triển, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đều phát triển mạnh và lâu dài. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả.

## **2- Quan điểm phát triển**

*- Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.*

Phát huy mọi nguồn lực để phát triển nhanh và có hiệu quả những sản phẩm, ngành, lĩnh vực mà nước ta có lợi thế, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước. Tăng nhanh năng suất lao động xã hội và nâng cao chất lượng tăng trưởng. Triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tăng tích lũy cho đầu tư phát triển.

Các vùng kinh tế trọng điểm có nhịp độ tăng trưởng cao hơn mức bình quân chung, đóng góp lớn vào tăng trưởng của cả nước và lôi kéo, hỗ trợ các vùng khác, nhất là các vùng có nhiều khó khăn, cùng phát triển.

Tăng nhanh năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đẩy mạnh việc ứng dụng có hiệu quả các công nghệ nhập khẩu. Đi nhanh vào công nghệ hiện đại ở những ngành và lĩnh vực then chốt để tạo bước nhảy vọt về công nghệ và kinh tế, tạo tốc độ tăng trưởng vượt trội ở những sản phẩm và dịch vụ chủ lực. Công nghiệp hoá gắn với hiện đại hoá ngay từ đầu và trong suốt các giai đoạn phát triển. Nâng cao hàm lượng tri thức trong các nhân tố phát triển kinh tế - xã hội, từng bước phát triển kinh tế tri thức ở nước ta.

Nâng cao năng lực và tạo cơ hội cho mọi người đều có thể phát huy hết tài năng, tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả phát triển, đồng thời nâng cao trách nhiệm của mỗi người góp sức thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, giữ gìn và phát triển nền văn hóa dân tộc, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân về ăn, mặc, ở, đi lại, phòng và chữa bệnh, học tập, làm việc, tiếp nhận thông tin, sinh hoạt văn hóa. Khuyến khích làm giàu hợp pháp, đồng thời ra sức xoá đói giảm nghèo, tạo điều kiện về hạ tầng và năng lực sản xuất để các vùng, các cộng đồng đều có thể tự phát triển, tiến tới thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội. Thiết thực chăm lo sự bình đẳng về giới, sự tiến bộ của phụ nữ; đặc biệt chăm lo sự phát triển và tiến bộ của trẻ em.

Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo đảm sự hài hoà giữa môi trường nhân tạo với môi trường thiên nhiên, giữ gìn đa dạng sinh học. Chủ động phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, của sự biến động khí hậu bất lợi và tiếp tục giải quyết hậu quả chiến tranh còn lại đối với môi

trường. Bảo vệ và cải tạo môi trường là trách nhiệm của toàn xã hội, tăng cường quản lý nhà nước đi đôi với nâng cao ý thức trách nhiệm của mọi người dân. Chủ động gắn kết yêu cầu cải thiện môi trường trong mỗi quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội, coi yêu cầu về môi trường là một tiêu chí quan trọng đánh giá các giải pháp phát triển.

*- Coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng đồng bộ nền tảng cho một nước công nghiệp là yêu cầu cấp thiết.*

Bằng sức mạnh tổng hợp của đất nước, kết hợp các nguồn lực trong nước và ngoài nước, tập trung sức phát triển kinh tế để xây dựng đồng bộ nền tảng cho một nước công nghiệp theo hướng hiện đại với những nội dung chủ yếu như sau:

Xây dựng tiềm lực kinh tế và cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bao gồm: kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội; nền công nghiệp, trong đó có công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp quốc phòng; nền nông nghiệp hàng hoá lớn; các dịch vụ cơ bản; tiềm lực khoa học và công nghệ. Trên cơ sở hiệu quả tổng hợp về kinh tế - xã hội, trước mắt và lâu dài, triển khai xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu và xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng quan trọng, cấp thiết, có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, phát huy nhanh tác dụng, đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế và quốc phòng, an ninh. Phát triển mạnh nguồn lực con người Việt Nam với yêu cầu ngày càng cao. Hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

*- Đẩy mạnh công cuộc đổi mới, tạo động lực giải phóng và phát huy mọi nguồn*

*lực.*

Tiếp tục đổi mới sâu rộng, đồng bộ về kinh tế, xã hội và bộ máy nhà nước hướng vào hình thành và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, phát huy sức mạnh vật chất, trí tuệ và tinh thần của toàn dân tộc, tạo động lực và nguồn lực phát triển nhanh, bền vững.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo. Tập trung tháo gỡ mọi vướng mắc, xoá bỏ mọi trở lực để khơi dậy nguồn lực to lớn trong dân, cổ vũ các nhà kinh doanh và mọi người dân ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư để thu hút tốt hơn và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài. Nội lực là quyết định, ngoại lực là quan trọng, gắn kết với nhau thành nguồn lực tổng hợp để phát triển đất nước.

*- Gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.*

Độc lập tự chủ về kinh tế tạo cơ sở cho hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả tạo điều kiện cần thiết để xây dựng kinh tế độc lập tự chủ.

Xây dựng kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đủ mạnh; có cơ cấu kinh tế hợp lý, có hiệu quả và sức cạnh tranh; có thể chế kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm nền kinh tế đủ sức đứng vững và ứng phó được với các tình huống phức tạp, tạo điều kiện thực hiện có hiệu quả các cam kết hội nhập quốc tế.

Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tranh thủ mọi thời cơ để phát triển trên nguyên tắc giữ vững độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ quyền quốc gia và bản sắc văn hoá dân tộc; bình đẳng cùng có lợi, vừa hợp tác vừa đấu tranh; đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ kinh tế đối ngoại; đề cao cảnh giác trước mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

Trong quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, chú trọng phát huy lợi thế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, không ngừng tăng năng lực cạnh tranh và giảm dần hàng rào bảo hộ. Nâng cao hiệu quả hợp tác với bên ngoài; tăng cường vai trò và ảnh hưởng của nước ta đối với kinh tế khu vực và thế giới.

*- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế- xã hội với quốc phòng - an ninh.*

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng tiềm lực và thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, được thể hiện trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, của các ngành, các địa phương và trong các dự án đầu tư lớn. Phân bố hợp lý việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật trên các vùng của đất nước, vừa phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội, vừa sử dụng được cho quốc phòng, an ninh khi cần thiết. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, ổn định dân cư các vùng xung yếu, vùng biên giới, cửa khẩu, hải đảo phù hợp với chiến lược quốc phòng và chiến lược an ninh quốc gia. Hoàn chỉnh chiến lược quốc phòng và chiến lược an ninh quốc gia phù hợp với tình hình mới, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng kinh tế đối ngoại. Phát triển công nghiệp quốc



phòng và kết hợp sử dụng năng lực đó để tham gia phát triển kinh tế - xã hội. Coi trọng sản xuất một số mặt hàng vừa phục vụ kinh tế, vừa phục vụ quốc phòng - an ninh.

### III- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH KINH TẾ VÀ CÁC VÙNG

#### A- *Định hướng phát triển các ngành*

##### 1. **Nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và kinh tế nông thôn**

(1)- Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn theo hướng hình thành nền nông nghiệp hàng hoá lớn phù hợp với nhu cầu thị trường và điều kiện sinh thái của từng vùng; chuyển dịch cơ cấu ngành, nghề, cơ cấu lao động, tạo việc làm thu hút nhiều lao động ở nông thôn. Đưa nhanh tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, đạt mức tiên tiến trong khu vực về trình độ công nghệ và về thu nhập trên một đơn vị diện tích; tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản trong và ngoài nước, tăng đáng kể thị phần của các nông sản chủ lực trên thị trường thế giới.

Chú trọng điện khí hoá, cơ giới hoá ở nông thôn. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu, cơ khí phục vụ nông nghiệp, công nghiệp gia công và dịch vụ; liên kết nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ trên từng địa bàn và trong cả nước.

Tăng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội nông thôn. Quy hoạch hợp lý và nâng cao hiệu quả việc sử dụng quỹ đất, nguồn nước, vốn rừng gắn với bảo vệ

môi trường. Quy hoạch các khu dân cư, phát triển các thị trấn, thị tứ, các điểm văn hoá ở làng xã; nâng cao đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần, xây dựng cuộc sống dân chủ, công bằng, văn minh ở nông thôn.

(2)- Xây dựng hợp lý cơ cấu sản xuất nông nghiệp.

Điều chỉnh quy hoạch sản xuất lương thực phù hợp với nhu cầu và khả năng tiêu thụ, tăng năng suất đi đôi với nâng cấp chất lượng. Bảo đảm an ninh lương thực trong mọi tình huống. Xây dựng các vùng sản xuất tập trung lúa hàng hoá và ngô làm thức ăn chăn nuôi; tận dụng điều kiện thích hợp của các địa bàn khác để sản xuất lương thực có hiệu quả. Nâng cao giá trị và hiệu quả xuất khẩu gạo. Có chính sách bảo đảm lợi ích của người sản xuất lương thực.

Phát triển theo quy hoạch và chú trọng đầu tư thâm canh các vùng cây công nghiệp như cà phê, cao su, chè, điều, hạt tiêu, dừa, dâu tằm, bông, mía, lạc, thuốc lá..., hình thành các vùng rau, hoa, quả có giá trị cao gắn với phát triển cơ sở bảo quản, chế biến.

Phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả chăn nuôi gia súc, gia cầm; mở rộng phương pháp nuôi công nghiệp gắn với chế biến sản phẩm; tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trong nông nghiệp.

Phát huy lợi thế về thủy sản, tạo thành một ngành kinh tế mũi nhọn, vươn lên hàng đầu trong khu vực. Phát triển mạnh nuôi, trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn, nhất là nuôi tôm, theo phương thức tiên bộ, hiệu quả và bền vững môi trường. Tăng cường năng lực và nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ; chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp, ổn định khai thác gần bờ; nâng cao năng lực bảo quản, chế biến sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường quốc tế và trong nước. Mở rộng và nâng

cấp các cơ sở hạ tầng, dịch vụ nghề cá. Giữ gìn môi trường biển và sông, nước, bảo đảm cho sự tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, nâng độ che phủ của rừng lên 43%. Hoàn thành việc giao đất, giao rừng ổn định và lâu dài theo hướng xã hội hoá lâm nghiệp, có chính sách bảo đảm cho người làm rừng sống được bằng nghề rừng. Kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp và có chính sách hỗ trợ để định canh, định cư, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân miền núi. Ngăn chặn nạn đốt, phá rừng. Đẩy mạnh trồng rừng kinh tế, tạo nguồn gỗ trụ mỏ, nguyên liệu cho công nghiệp bột giấy, công nghiệp chế biến gỗ và làm hàng mỹ nghệ xuất khẩu; nâng cao giá trị sản phẩm rừng.

(3)- Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ trong nông nghiệp, nhất là công nghệ sinh học kết hợp với công nghệ thông tin. Chú trọng tạo và sử dụng giống cây, con có năng suất, chất lượng và giá trị cao. Đưa nhanh công nghệ mới vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến, vận chuyển và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Ứng dụng công nghệ sạch trong nuôi, trồng và chế biến rau quả, thực phẩm. Hạn chế việc sử dụng hoá chất độc hại trong nông nghiệp. Xây dựng một số khu nông nghiệp công nghệ cao. Tăng cường đội ngũ, nâng cao năng lực và phát huy tác dụng của cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư.

(4)- Tiếp tục phát triển và hoàn thiện về cơ bản hệ thống thủy lợi ngăn mặn, giữ ngọt, kiểm soát lũ, bảo đảm tưới, tiêu an toàn, chủ động cho sản xuất nông nghiệp (kể cả cây công nghiệp, nuôi, trồng thủy sản) và đời sống nông dân. Đối với những khu vực thường bị bão, lũ, cùng với các giải pháp hạn chế tác hại thiên tai, phải điều chỉnh quy hoạch sản xuất và dân cư thích nghi với điều kiện thiên nhiên. Nâng cao năng lực dự báo thời tiết và khả năng chủ động phòng chống thiên tai, hạn chế

thiệt

hại.

(5)- Phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Hình thành các khu vực tập trung công nghiệp, các điểm công nghiệp ở nông thôn, các làng nghề gắn với thị trường trong nước và xuất khẩu. Chuyển một phần doanh nghiệp gia công (may mặc, da-giày...) và chế biến nông sản ở thành phố về nông thôn. Có chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư của mọi thành phần kinh tế vào phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

Trên cơ sở chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang các ngành, nghề khác, từng bước tăng quỹ đất canh tác cho mỗi lao động nông nghiệp, mở rộng quy mô sản xuất, tăng việc làm và thu nhập cho dân cư nông thôn.

*Giá trị gia tăng nông nghiệp (kể cả thủy sản, lâm nghiệp) tăng bình quân hàng năm 4,0 - 4,5%. Đến năm 2010, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt khoảng 40 triệu tấn. Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP khoảng 16-17%; tỷ trọng ngành chăn nuôi trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp tăng lên khoảng 25%. Thủy sản đạt sản lượng 3,0-3,5 triệu tấn (trong đó khoảng 1/3 là sản phẩm nuôi, trồng). Bảo vệ 10 triệu ha rừng tự nhiên, hoàn thành chương trình trồng 5 triệu ha rừng. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản đạt 9-10 tỷ USD, trong đó thủy sản khoảng 3,5 tỷ USD.*

**2- Công nghiệp, xây dựng**

**2.1. Phát triển công nghiệp**

Phát triển nhanh các ngành công nghiệp có khả năng phát huy lợi thế cạnh tranh,

chiếm lĩnh thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, như chế biến nông, lâm, thủy sản, may mặc, da - giày, điện tử - tin học, một số sản phẩm cơ khí và hàng tiêu dùng...

Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng: dầu khí, luyện kim, cơ khí chế tạo, hoá chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng... với bước đi hợp lý, phù hợp điều kiện vốn, công nghệ, thị trường, phát huy được hiệu quả.

Phát triển mạnh các ngành công nghiệp công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, viễn thông, điện tử, tự động hoá. Chú trọng phát triển công nghiệp sản xuất phần mềm tin học thành ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng vượt trội.

Phát triển các cơ sở công nghiệp quốc phòng cần thiết, kết hợp công nghiệp quốc phòng với công nghiệp dân dụng.

Quy hoạch phân bố hợp lý công nghiệp trên cả nước. Phát triển có hiệu quả các khu công nghiệp, khu chế xuất, xây dựng một số khu công nghệ cao, hình thành các cụm công nghiệp lớn và khu kinh tế mở.

Phát triển rộng khắp các cơ sở sản xuất công nghiệp nhỏ và vừa với ngành, nghề đa dạng. Đổi mới, nâng cấp công nghệ trong các cơ sở hiện có để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Sử dụng phù hợp các công nghệ có khả năng thu hút nhiều lao động. Phát triển nhiều hình thức liên kết giữa các doanh nghiệp nhỏ, vừa và lớn, giữa sản xuất nguyên liệu với chế biến, tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở đảm bảo hài hoà về lợi ích. Tăng tỷ lệ nội địa hoá trong công nghiệp gia công, lắp ráp. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, bảo hộ sở hữu công nghiệp, bảo vệ môi trường.

2.2- *Phát triển ngành xây dựng* đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, đáp ứng nhu cầu xây dựng trong nước và có năng lực đấu thầu công trình xây dựng ở nước ngoài. ứng dụng công nghệ hiện đại, nâng cao chất lượng và hiệu lực quy hoạch, năng lực thiết kế, xây dựng và thẩm mỹ kiến trúc. Phát triển các hoạt động tư vấn

và các doanh nghiệp xây dựng, trong đó chú trọng các doanh nghiệp mạnh theo từng lĩnh vực thuỷ điện, thuỷ lợi, cảng, cầu đường... Tăng cường quản lý nhà nước về quy hoạch, kiến trúc và xây dựng.

*Nhịp độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp (kể cả xây dựng) bình quân trong 10 năm tới đạt khoảng 10 - 10,5%/năm. Đến năm 2010, công nghiệp và xây dựng chiếm 40 - 41% GDP và sử dụng 23 - 24% lao động. Giá trị xuất khẩu công nghiệp chiếm 70 - 75% tổng kim ngạch xuất khẩu. Bảo đảm cung cấp đủ và an toàn năng lượng (điện, dầu khí, than); đáp ứng đủ nhu cầu về thép xây dựng, phân lân, một phần phân đạm; cơ khí chế tạo đáp ứng 40% nhu cầu trong nước, tỷ lệ nội địa hoá trong sản xuất xe cơ giới, máy và thiết bị đạt 60 - 70%; công nghiệp điện tử - thông tin trở thành ngành mũi nhọn; chế biến hầu hết nông sản xuất khẩu; công nghiệp hàng tiêu dùng đáp ứng được nhu cầu trong nước và tăng nhanh xuất khẩu.*

### **3- Kết cấu hạ tầng**

Phát triển năng lượng đi trước một bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm an toàn năng lượng quốc gia. Sử dụng tốt các nguồn thuỷ năng (kết hợp với thuỷ lợi), khí và than để phát triển cân đối nguồn điện. Xây dựng các cụm khí - điện - đạm ở Phú Mỹ và khu vực Tây Nam. Xúc tiến nghiên cứu, xây dựng thuỷ điện Sơn La. Nghiên cứu phương án sử dụng năng lượng nguyên tử. Đồng bộ hóa, hiện đại hóa mạng lưới phân phối điện quốc gia. Đa dạng hoá phương thức đầu tư và kinh doanh điện; có chính sách thích hợp về sử dụng điện ở nông thôn, miền núi. Tăng sức cạnh tranh về giá điện so với khu vực.

Phát triển mạng lưới thông tin hiện đại và đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ

thông tin trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là trong hệ thống lãnh đạo, quản lý và các dịch vụ tài chính, thương mại, giáo dục, y tế, tư vấn... Mở rộng khả năng hoà mạng viễn thông với chi phí có khả năng cạnh tranh quốc tế, phủ sóng phát thanh, truyền hình đến các xã, thôn trong cả nước và mở rộng đến nhiều nơi trên thế giới với chất lượng ngày càng cao.

Về đường bộ, hoàn thành nâng cấp quốc lộ 1 và xây dựng đường Hồ Chí Minh. Nâng cấp, xây dựng các tuyến quốc lộ khác, chú trọng các tuyến đường biên giới, các tuyến đường vành đai và tuyến đường nối các vùng tới các trung tâm phát triển lớn, các cầu vượt sông lớn, các tuyến nối với các nước thuộc tiểu vùng sông Mê-kông mở rộng. Phát triển, nâng cấp hệ thống giao thông trên từng vùng, kể cả giao thông nông thôn, bảo đảm thông suốt quanh năm. Nâng cấp hệ thống đường sắt hiện có, mở thêm tuyến mới đến các trung tâm kinh tế. Hoàn thiện hệ thống cảng biển quốc gia và mạng lưới các cảng địa phương theo quy hoạch. Phát triển vận tải thủy, tăng năng lực vận tải biển gắn với phát triển công nghiệp đóng và sửa chữa tàu. Hiện đại hoá các sân bay quốc tế, nâng cấp các sân bay nội địa.

Cung cấp đủ nước sạch cho đô thị, khu công nghiệp và cho trên 90% dân cư nông thôn. Giải quyết cơ bản vấn đề thoát nước và xử lý chất thải ở các đô thị.

#### **4- Các ngành dịch vụ**

Phát triển mạnh *thương mại*, nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động để mở rộng thị trường trong nước và hội nhập quốc tế có hiệu quả. Hình thành các trung tâm thương mại lớn, các chợ nông thôn, nhất là ở miền núi, bảo đảm cung cấp một số sản phẩm thiết yếu cho vùng sâu, vùng xa và hải đảo; tạo thuận lợi cho việc tiêu thụ nông sản. Phát triển thương mại điện tử. Nhà nước, các hiệp hội, các doanh

nghiệp phối hợp tìm kiếm, mở rộng thị trường cho sản phẩm Việt Nam.

Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách ngày càng hiện đại, an toàn, có sức cạnh tranh, vươn nhanh ra thị trường khu vực và thế giới. Dành thị phần lớn cho doanh nghiệp trong nước trong vận chuyển hàng hoá Việt Nam theo đường biển và đường hàng không quốc tế. Phát triển mạnh vận chuyển hành khách công cộng ở các thành phố lớn.

Tiếp tục phát triển nhanh và hiện đại hoá dịch vụ *bưu chính - viễn thông*; phổ cập sử dụng Internet. Điều chỉnh giá cước để khuyến khích sử dụng rộng rãi. Đến năm 2010, số máy điện thoại, số người sử dụng Internet trên 100 dân đạt mức trung bình trong khu vực.

Phát triển *du lịch* thật sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trên cơ sở khai thác lợi thế về điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hoá, lịch sử, đáp ứng nhu cầu du lịch trong nước và phát triển nhanh du lịch quốc tế, sớm đạt trình độ phát triển du lịch của khu vực. Xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất, hình thành các khu du lịch trọng điểm, đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các nước.

Mở rộng các *dịch vụ tài chính - tiền tệ* như tín dụng, bảo hiểm, kiểm toán, chứng khoán,... đi thẳng vào công nghệ hiện đại, áp dụng các quy chuẩn quốc tế. Từng bước hình thành trung tâm dịch vụ tài chính lớn trong khu vực.

Phát triển mạnh các *dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phục vụ đời sống*, đáp ứng nhu cầu đa dạng trong sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội.



*Toàn bộ các hoạt động dịch vụ tính theo giá trị gia tăng đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân 7 - 8%/năm và đến 2010 chiếm 42 - 43% GDP, 26 - 27% tổng số lao động.*

## ***B- Định hướng phát triển các vùng***

Các vùng, khu vực đều phát huy lợi thế để phát triển, tạo nên thế mạnh của mình theo cơ cấu kinh tế mở, gắn với nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước. Nhà nước tiếp tục thúc đẩy các vùng kinh tế trọng điểm phát huy vai trò đầu tàu tăng trưởng nhanh, đồng thời tạo điều kiện và đầu tư thích đáng hơn cho vùng nhiều khó khăn. Thống nhất quy hoạch phát triển trong cả nước, giữa các vùng, tỉnh, thành phố, tạo sự liên kết trực tiếp về sản xuất, thương mại, đầu tư, giúp đỡ kỹ thuật và nguồn nhân lực. Nâng cao trình độ dân trí và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng và khu vực. Gắn chặt phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ, cải thiện môi trường và quốc phòng, an ninh, coi trọng chiến lược phát triển các vùng biên giới.

***Khu vực đô thị:*** phát huy vai trò của các trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá trên từng vùng và địa phương, đi nhanh trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ, đi đầu trong việc phát triển kinh tế tri thức. Tạo vành đai nông nghiệp hiện đại ở các thành phố lớn.

Quy hoạch mạng lưới đô thị với một số ít thành phố lớn, nhiều thành phố vừa và hệ thống đô thị nhỏ phân bố hợp lý trên các vùng; chú trọng phát triển đô thị ở miền núi. Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng đồng bộ theo quy hoạch. Đưa việc quy hoạch và quản lý đô thị vào nền nếp, ngày càng xanh, sạch đẹp, văn minh. Hoàn thiện quy hoạch giao thông lâu dài, hợp lý ở tất cả các đô thị; khắc phục tình trạng

ách tắc giao thông ở các đô thị lớn. Cung cấp đủ nước sạch, thoát nước và xử lý chất thải; xoá nhà tạm bợ. Đẩy lùi các tệ nạn xã hội, xây dựng đời sống văn hoá, tinh thần lành mạnh.

***Khu vực nông thôn đồng bằng:*** phát triển nông nghiệp sinh thái đa dạng trên nền cây lúa, cây rau, quả, chăn nuôi, thủy sản và ứng dụng phổ biến các tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm. Hoàn thành điện khí hoá và thực hiện cơ giới hoá ở những khâu cần thiết. Nâng cao nhanh thu nhập trên một đơn vị diện tích nông nghiệp. Chuyển nhiều lao động sang khu vực công nghiệp và dịch vụ. Phát triển mạnh tiểu, thủ công nghiệp, các làng nghề, mạng lưới công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và các dịch vụ.

***Khu vực nông thôn trung du, miền núi:*** phát triển mạnh cây dài ngày, chăn nuôi đại gia súc và công nghiệp chế biến. Bảo vệ và phát triển vốn rừng. Hoàn thành và ổn định vững chắc định canh, định cư. Bố trí lại dân cư, lao động và đất đai theo quy hoạch đi đôi với xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội để khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên. Phát triển kinh tế trang trại. Giảm bớt khoảng cách phát triển với nông thôn đồng bằng. Có chính sách đặc biệt để phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng sâu, vùng xa, biên giới, cửa khẩu.

***Khu vực biển và hải đảo:*** xây dựng chiến lược phát triển kinh tế biển và hải đảo, phát huy thế mạnh đặc thù của hơn 1 triệu km<sup>2</sup> thềm lục địa. Tăng cường điều tra cơ bản làm cơ sở cho các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển. Đẩy mạnh nuôi, trồng, khai thác, chế biến hải sản; thăm dò, khai thác và chế biến dầu khí; phát triển đóng tàu, thuyền và vận tải biển; mở mang du lịch; bảo vệ môi trường; tiến mạnh ra biển và làm chủ vùng biển. Phát triển tổng hợp kinh tế biển và ven biển, khai thác lợi thế của các khu vực cửa biển, hải cảng để tạo thành vùng phát

triển cao, thúc đẩy các vùng khác. Xây dựng căn cứ hậu cần ở một số đảo để tiến ra biển khơi. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh trên biển.

Trong 10 năm tới, phát triển từng vùng lớn tập trung vào những định hướng quan trọng như sau:

## **1- Đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ**

Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, đưa nhiều lao động nông nghiệp sang các ngành công nghiệp, dịch vụ và đi lập nghiệp nơi khác.

Phát triển nông nghiệp hàng hóa đa dạng. Cùng với lương thực, đưa vụ đông thành một thế mạnh, hình thành các vùng chuyên canh rau, cây ăn quả, thịt, hoa; mở rộng nuôi, trồng thủy sản. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến và cơ khí phục vụ nông nghiệp, các cụm, điểm công nghiệp, dịch vụ và làng nghề ở nông thôn. Trong vùng kinh tế trọng điểm, phát triển các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công nghiệp xuất khẩu, công nghiệp điện tử, thông tin và một số cơ sở cơ khí đóng tàu, luyện kim, phân bón; các dịch vụ có hàm lượng tri thức cao; các trung tâm mạnh của vùng và cả nước về đào tạo, khoa học và công nghệ, thương mại, y tế, văn hoá, du lịch.

Hoàn thiện và nâng cấp kết cấu hạ tầng, trước hết là các tuyến trục quốc lộ, các cảng khu vực Hải Phòng, Cái Lân, các sân bay.

## **2- Miền Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam**

Hình thành và phát huy vai trò các trung tâm thương mại, xuất khẩu, viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng, khoa học và công nghệ, văn hoá, đào tạo đối với khu

vực phía Nam và cả nước. Đẩy mạnh công nghiệp khai thác dầu khí; sản xuất điện, phân bón và hoá chất từ dầu khí. Hoàn chỉnh và nâng cấp các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Mở mang công nghiệp ở các tỉnh, không tập trung quá mức vào các đô thị lớn.

Phát triển mạnh cây công nghiệp (cao su, cà phê, điều, mía đường, bông...), cây ăn quả, chăn nuôi công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, hình thành các vùng chuyên canh tập trung gắn với công nghiệp chế biến, tạo điều kiện thu hút thêm lao động từ đồng bằng sông Cửu Long.

Nâng cấp các tuyến quốc lộ nối với các vùng và quốc tế; nâng cấp và xây dựng mới một số cảng biển, sân bay. Xây dựng đô thị trên các trục phát triển gắn với khu công nghiệp. Giải quyết tốt hệ thống giao thông đô thị, cấp và thoát nước, khắc phục ô nhiễm môi trường.

### **3- Bắc Trung Bộ, Duyên hải Trung Bộ và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung**

Phát huy lợi thế biển và ven biển, khai thác có hiệu quả các tuyến đường trục Bắc - Nam, các tuyến đường ngang, các tuyến đường xuyên á, các cảng biển. Hình thành các khu công nghiệp ven biển, các khu công nghiệp - thương mại tổng hợp và phát triển kinh tế trên các cửa khẩu và hành lang dọc các tuyến đường. Phát triển các ngành công nghiệp lọc, hoá dầu, vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến và chế tạo khác, các loại hình dịch vụ. Xây dựng theo quy hoạch một số cảng nước sâu với tiến độ hợp lý. Đẩy nhanh việc xây dựng khu kinh tế Dung Quất - Chu Lai. Phát triển mạnh du lịch biển và ven biển, gắn liền với các khu di tích, danh lam thắng cảnh của cả vùng, đặc biệt là trên tuyến Huế - Đà Nẵng - Hội An - Nha

Trang.

Phát triển nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, tăng nhanh sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi đại gia súc, kết hợp với công nghiệp chế biến, đẩy mạnh trồng rừng. Có giải pháp hạn chế tác hại của thiên tai lũ lụt, hạn hán nặng, kết hợp với bố trí lại sản xuất và dân cư. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường toàn dải ven biển. Khai thác có hiệu quả vùng đất phía Tây, chú ý xây dựng các hồ chứa nước chống lũ và làm thủy điện.

Từng bước tạo điều kiện để vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải Trung Bộ liên kết với Tây Nguyên tham gia có hiệu quả việc hợp tác kinh tế với Lào, Campuchia, nhất là các tỉnh biên giới.

#### **4- Trung du và miền núi Bắc Bộ (Tây Bắc và Đông Bắc)**

Phát triển mạnh cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu, cây đặc sản, chăn nuôi đại gia súc gắn với chế biến. Tạo các vùng rừng phòng hộ đầu nguồn sông Đà, rừng nguyên liệu công nghiệp, gỗ trụ mỏ.

Xúc tiến nghiên cứu và xây dựng thủy điện Sơn La. Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, nông sản, lâm sản, chú trọng chế biến xuất khẩu. Hình thành một số cơ sở công nghiệp lớn theo tuyến đường 18 gắn với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Phát triển nhanh các loại dịch vụ, chú trọng thương mại. Nâng cấp các tuyến đường trục từ Hà Nội đi các tỉnh biên giới, hoàn thành các tuyến đường vành đai biên giới và các đường nhánh. Phát triển thủy lợi nhỏ gắn với thủy điện nhỏ, giải quyết việc cấp nước sinh hoạt và điện cho đồng bào vùng cao. Phát triển các đô thị trung tâm, các đô thị gắn với khu công nghiệp. Nâng cấp các cửa

khẩu biên giới và phát triển kinh tế cửa khẩu.

Thực hiện tốt chính sách dân tộc, định canh, định cư vững chắc, ổn định và cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc.

## **5- Tây Nguyên**

Tây Nguyên là địa bàn chiến lược quan trọng của cả nước cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh, có lợi thế để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp sản xuất hàng hoá lớn kết hợp với công nghiệp chế biến, phát triển công nghiệp năng lượng và công nghiệp khai thác khoáng sản. Có chiến lược và quy hoạch xây dựng Tây Nguyên giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng, an ninh, tiến tới thành vùng kinh tế động lực.

Phát triển nhanh theo hướng thâm canh là chính đối với các cây công nghiệp gắn với thị trường xuất khẩu (cà phê, cao su, chè, bông...), chăn nuôi đại gia súc, trồng và bảo vệ rừng, cây dược liệu, cây đặc sản và công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Phát triển thủy điện lớn và vừa, các hồ chứa nước cho thủy lợi. Khai thác và chế biến quặng bôxít. Phát triển công nghiệp giấy. Nâng cấp, khai thác tốt các tuyến đường trục và đường ngang nối xuống vùng Duyên hải. Phát triển sự hợp tác liên kết kinh tế - thương mại - dịch vụ với các nước láng giềng Lào, Campuchia. Có chính sách thu hút vốn đầu tư, bố trí dân cư và lao động và đất đai theo quy hoạch, nâng cao dân trí và trình độ công nghệ. Thực hiện tốt chính sách dân tộc, thật sự cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của đồng bào dân tộc.

## **6- Đồng bằng sông Cửu Long**

Tiếp tục phát huy vai trò của vùng lúa và nông sản, thủy sản xuất khẩu lớn nhất cả nước; đẩy mạnh sản xuất và nâng cao chất lượng lương thực, rau quả, chăn nuôi, thủy sản hàng hoá. Phát triển công nghiệp chế biến, cơ khí phục vụ nông nghiệp, các ngành, nghề tiểu, thủ công nghiệp và các dịch vụ. Triển khai xây dựng các cụm công nghiệp sử dụng khí Tây Nam. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng lao động công nghiệp, dịch vụ.

Hoàn chỉnh mạng lưới đường bộ và mạng giao thông thủy. Nâng cấp và mở rộng quốc lộ 1A, mở thêm một số tuyến trục để phát triển giao thông phía Tây Nam. Nâng cấp các quốc lộ đến các tỉnh lỵ. Xây dựng cầu qua sông Hậu và có đủ cầu trên các tuyến này. Phát triển mạng đường liên huyện và giao thông nông thôn, xây cầu kiên cố thay "cầu khỉ". Hoàn chỉnh các cảng sông, nâng cấp các sân bay. Quy hoạch và xây dựng khu dân cư, kết cấu hạ tầng phù hợp với điều kiện chống lũ hàng năm và ngăn mặn.

#### IV- HÌNH THÀNH ĐỒNG BỘ THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

##### **1- Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu**

*Đổi mới và hoàn thiện khung pháp lý, tháo gỡ mọi trở ngại về cơ chế, chính sách và thủ tục hành chính để huy động tối đa mọi nguồn lực, tạo sức bật mới cho phát triển sản xuất, kinh doanh của mọi thành phần kinh tế với các hình thức sở hữu khác nhau. Mọi doanh nghiệp, mọi công dân được đầu tư kinh doanh theo các hình thức do luật định và được pháp luật bảo vệ. Mọi tổ chức kinh doanh theo các hình thức sở hữu khác nhau hoặc đan xen hỗn hợp đều được khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác, cạnh tranh bình đẳng và là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển mạnh các doanh nghiệp nhỏ*

và vừa; từng bước hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh.

*Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế nhà nước để thực hiện tốt vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.* Kinh tế nhà nước là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế; tập trung đầu tư cho kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và một số cơ sở công nghiệp quan trọng. Doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt trong nền kinh tế; đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội và chấp hành pháp luật.

Phát triển doanh nghiệp nhà nước trong những ngành sản xuất và dịch vụ quan trọng; xây dựng các tổng công ty nhà nước đủ mạnh để làm nòng cốt trong những tập đoàn kinh tế lớn, có năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế như dầu khí, điện, than, hàng không, đường sắt, vận tải viễn dương, viễn thông, cơ khí, luyện kim, hoá chất, vật liệu xây dựng, xuất nhập khẩu, ngân hàng, bảo hiểm, kiểm toán...

Đổi mới cơ chế quản lý, phân biệt quyền của chủ sở hữu và quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Chuyển các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh sang hoạt động theo cơ chế công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần. Bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm đầy đủ trong sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật; xoá bỏ bao cấp của Nhà nước đối với doanh nghiệp.

Thực hiện chủ trương cổ phần hoá những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn để huy động thêm vốn, tạo động lực và cơ chế quản lý năng động thúc đẩy doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Ưu tiên cho người lao động được



mua cổ phần và từng bước mở rộng bán cổ phần cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Thực hiện việc giao, bán, khoán, cho thuê các doanh nghiệp loại nhỏ mà Nhà nước không cần nắm giữ. Sáp nhập, giải thể, phá sản những doanh nghiệp không hiệu quả và không thực hiện được các biện pháp trên.

Phấn đấu trong khoảng 5 năm cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước; củng cố và hiện đại hoá một bước các tổng công ty nhà nước.

Phát triển *kinh tế tập thể* với các hình thức hợp tác đa dạng. Chuyển đổi hợp tác xã cũ theo Luật Hợp tác xã đạt hiệu quả thiết thực. Phát triển hợp tác xã kinh doanh tổng hợp đa ngành hoặc chuyên ngành để sản xuất hoặc kinh doanh dịch vụ, tạo điều kiện mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh phù hợp quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trong nông nghiệp, trên cơ sở phát huy tính tự chủ của hộ gia đình, chú trọng phát triển các hình thức hợp tác và hợp tác xã cung cấp dịch vụ, vật tư và tiêu thụ sản phẩm cho kinh tế hộ gia đình và trang trại. Mở rộng các hình thức kinh tế hỗn hợp, liên kết, liên doanh giữa hợp tác xã với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật và quản lý, mở rộng thị trường, ứng dụng công nghệ mới, phát triển vốn tập thể, giải quyết nợ tồn đọng của hợp tác xã cũ.

*Kinh tế cá thể và tiểu chủ* ở nông thôn và thành thị được Nhà nước tạo điều kiện để phát triển.

*Kinh tế tư bản tư nhân* được khuyến khích phát triển không hạn chế về quy mô

trong những ngành, nghề, lĩnh vực và địa bàn mà pháp luật không cấm; khuyến khích hợp tác, liên doanh với nhau và với doanh nghiệp nhà nước, chuyển thành doanh nghiệp cổ phần và bán cổ phần cho người lao động.

*Kinh tế tư bản nhà nước* dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư nhân trong và ngoài nước ngày càng phát triển đa dạng.

*Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài* là một bộ phận của nền kinh tế Việt Nam, được khuyến khích phát triển, hướng mạnh vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá và dịch vụ xuất khẩu, hàng hoá và dịch vụ có công nghệ cao, xây dựng kết cấu hạ tầng.

## **2- Tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước**

Hình thành đồng bộ và tiếp tục phát triển, hoàn thiện các loại thị trường đi đôi với xây dựng khuôn khổ pháp lý và thể chế, để thị trường hoạt động năng động, có hiệu quả, có trật tự, kỷ cương trong môi trường cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh. Có giải pháp hữu hiệu chống buôn lậu và gian lận thương mại.

Phát triển thị trường vốn và tiền tệ, nhất là thị trường vốn trung hạn và dài hạn. Tổ chức và vận hành an toàn, hiệu quả thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm, từng bước mở rộng quy mô và phạm vi hoạt động, kể cả việc thu hút vốn nước ngoài. Hình thành và phát triển thị trường bất động sản, bao gồm cả quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; từng bước mở thị trường bất động sản cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia đầu tư. Phát triển thị trường lao động; người lao động được tìm và tạo việc làm ở mọi nơi trong nước; đẩy

mạnh xuất khẩu lao động với sự tham gia của các thành phần kinh tế. Phát triển các loại thị trường dịch vụ khoa học, công nghệ, sản phẩm trí tuệ, dịch vụ bảo hiểm, các dịch vụ tư vấn và phục vụ sản xuất kinh doanh...

Nhà nước tôn trọng nguyên tắc và cơ chế hoạt động khách quan của thị trường, tạo điều kiện phát huy mặt tích cực, đồng thời khắc phục, hạn chế những tác động tiêu cực của thị trường. Nhà nước tập trung làm tốt chức năng hoạch định chiến lược, quy hoạch và kế hoạch định hướng phát triển, thực hiện những dự án trọng điểm bằng nguồn lực tập trung; đổi mới thể chế quản lý, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; điều tiết thu nhập hợp lý; xây dựng pháp luật và kiểm tra giám sát việc thực hiện; giảm mạnh sự can thiệp trực tiếp bằng biện pháp hành chính vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đơn giản hóa các thủ tục hành chính; công khai hóa và thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong quan hệ với doanh nghiệp và nhân dân; kiên quyết xoá bỏ những quy định và thủ tục mang nặng tính hành chính quan liêu, bao cấp, kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất, gây phiền hà, sách nhiễu cho doanh nghiệp và nhân dân.

### **3- Đổi mới chính sách và kiện toàn hệ thống tài chính - tiền tệ**

Tích cực đổi mới và hoàn thiện hệ thống *chính sách tài chính - tiền tệ quốc gia*, động viên hợp lý và phân phối có hiệu quả mọi nguồn lực nhằm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện nguyên tắc công bằng, hiệu quả trong chính sách phân phối và phân phối lại nguồn thu nhập trong xã hội. Tạo lập môi trường tài chính lành mạnh, thông thoáng nhằm giải phóng và phát triển các nguồn lực tài chính và tiềm năng sản xuất của các doanh nghiệp, các tầng lớp dân cư; bồi dưỡng và mở rộng nguồn thu ngân sách, thu hút các nguồn vốn bên ngoài; đa dạng hóa các công cụ và hình thức tổ chức tài chính, tiền tệ phi ngân hàng và

các quỹ đầu tư nhằm động viên các nguồn lực cho phát triển kinh tế, xã hội. Kết hợp chặt chẽ kế hoạch hoá với các chính sách kinh tế, tài chính để định hướng và khuyến khích nhân dân, doanh nghiệp tiết kiệm đầu tư, kinh doanh.

Bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của thị trường tài chính - tiền tệ trong toàn bộ nền kinh tế.

Tiếp tục cải cách hệ thống thuế phù hợp với tình hình đất nước và các cam kết quốc tế. Bổ sung, hoàn thiện, đơn giản hoá các sắc thuế, từng bước áp dụng hệ thống thuế thống nhất, không phân biệt doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác nhau, doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. áp dụng thuế thu nhập cá nhân thống nhất và thuận lợi cho mọi đối tượng chịu thuế, bảo đảm công bằng xã hội và tạo động lực phát triển. Hiện đại hoá công tác thu thuế và tăng cường quản lý của Nhà nước.

Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, tăng dần tỷ lệ tích lũy cho đầu tư phát triển, phân định rõ hoạt động sự nghiệp và quản lý hành chính công để có chính sách tài chính thích hợp; thực hiện cải cách tiền lương đi liền với tinh giản biên chế bộ máy và cải cách thủ tục hành chính; giảm mạnh và tiến tới xoá bỏ những khoản chi mang tính chất bao cấp trong ngân sách. Sử dụng ngân sách nhà nước phải chủ động và có hiệu quả, tăng cường kiểm soát các khoản chi, kiên quyết chống lãng phí, thất thoát. Nâng cao hiệu quả đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước từ xác định chủ trương, lập và duyệt dự án đến thực hiện dự án. Bảo đảm nguồn tài chính cho những nhiệm vụ ưu tiên của chiến lược. Thực hiện chính sách khuyến khích phát triển đối với các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời quan tâm đầu tư nhiều hơn cho các vùng khó khăn. Tiếp tục đổi mới chính sách tài trợ giải quyết việc làm, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, giúp đỡ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; thúc đẩy

xã hội hoá khu vực sự nghiệp, đồng thời bảo đảm cho người nghèo được hưởng các phúc lợi cơ bản.

Đổi mới và hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý tài chính và ngân sách nhà nước, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống tài chính quốc gia và vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương và các ngành trong việc quản lý tài chính và ngân sách đã được phân cấp.

Thực hiện chế độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính của doanh nghiệp; tách biệt tài chính nhà nước và tài chính doanh nghiệp. Thực hiện công khai hoá tài chính doanh nghiệp và tài chính công. Nhà nước giám sát, điều tiết tài chính doanh nghiệp thông qua chế độ kế toán, kiểm toán và hệ thống thuế, bảo hộ các nguồn thu nhập hợp pháp, khuyến khích tất cả các tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế cần kiệm đầu tư kinh doanh, làm giàu chính đáng.

Cân đối ngân sách một cách tích cực, tăng dần dự trữ, giữ bội chi ở mức hợp lý, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Quản lý chặt chẽ việc vay nợ và trả nợ nước ngoài, giữ mức nợ quốc gia trong giới hạn an toàn; bảo đảm nghiêm ngặt hiệu quả sử dụng vốn vay; quy định rõ và thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Thực thi *chính sách tiền tệ* bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng, kích thích đầu tư phát triển. Sử dụng linh hoạt, có hiệu quả các công cụ chính sách tiền tệ như tỷ giá, lãi suất, nghiệp vụ thị trường mở theo các nguyên tắc của thị trường. Nâng dần và tiến tới thực hiện đầy đủ tính chuyên đổi của đồng tiền Việt Nam.

Hình thành môi trường minh bạch, lành mạnh và bình đẳng cho hoạt động tiền tệ -

ngân hàng. ứng dụng phổ biến công nghệ thông tin, mở rộng nhanh các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt và thanh toán qua ngân hàng. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, cho vay, cung ứng các dịch vụ và tiện ích ngân hàng thuận lợi và thông thoáng đến mọi doanh nghiệp và dân cư, đáp ứng kịp thời các nhu cầu vốn tín dụng cho sản xuất, kinh doanh và đời sống, chú trọng khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Hình thành đồng bộ khuôn khổ pháp lý, áp dụng đầy đủ hơn các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn trong kinh doanh tiền tệ - ngân hàng. Giải quyết nợ tồn đọng đi đôi với tăng cường những chế định pháp lý, kinh tế và hành chính về nghĩa vụ trả nợ của người đi vay và bảo vệ quyền thu nợ hợp pháp của người cho vay. Tăng cường năng lực tự kiểm tra của các tổ chức tín dụng và công tác thanh tra, giám sát của các cơ quan chức năng, không để xảy ra đổ vỡ tín dụng.

Cơ cấu lại hệ thống ngân hàng. Phân biệt chức năng của Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng thương mại nhà nước, chức năng cho vay của ngân hàng chính sách với chức năng kinh doanh tiền tệ của ngân hàng thương mại. Bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của ngân hàng thương mại trong kinh doanh. Giúp đỡ và thúc đẩy các tổ chức tín dụng trong nước nâng cao năng lực quản lý và trình độ nghiệp vụ, có khả năng cạnh tranh với các chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Bảo đảm quyền kinh doanh của các ngân hàng và các tổ chức tài chính nước ngoài theo các cam kết của nước ta với quốc tế. Gắn cải cách ngân hàng với cải cách doanh nghiệp nhà nước. Sắp xếp lại các ngân hàng cổ phần, xử lý các ngân hàng yếu kém. Đưa hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân đi đúng hướng và bảo đảm an toàn.

#### **4- Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại**

Tiếp tục mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá; chủ động hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp với điều kiện của nước ta và bảo đảm thực hiện những cam kết trong quan hệ song phương và đa phương như AFTA, APEC, Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, tiến tới gia nhập WTO...

Nhà nước có chính sách khuyến khích mạnh mẽ mọi thành phần kinh tế tham gia sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ. Nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển mạnh những sản phẩm hàng hoá và dịch vụ có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế; giảm mạnh xuất khẩu sản phẩm thô và sơ chế, tăng nhanh tỷ trọng sản phẩm chế biến và tỷ lệ nội địa hoá trong sản phẩm; nâng dần tỷ trọng sản phẩm có hàm lượng trí tuệ hàm lượng công nghệ cao. Xây dựng các quỹ hỗ trợ xuất khẩu, nhất là đối với hàng nông sản. Khuyến khích sử dụng thiết bị, hàng hoá sản xuất trong nước. Tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, tiến tới cân bằng xuất nhập. Thực hiện chính sách bảo hộ có lựa chọn, có thời hạn đối với sản phẩm sản xuất trong nước.

Đẩy mạnh các lĩnh vực dịch vụ thu ngoại tệ: du lịch, xuất khẩu lao động, vận tải, bưu chính - viễn thông, tài chính - tiền tệ, dịch vụ kỹ thuật, tư vấn, thu hút kiều hối...

Chủ động và tích cực thâm nhập thị trường quốc tế, chú trọng thị trường các trung tâm kinh tế thế giới, duy trì và mở rộng thị phần trên các thị trường quen thuộc, tranh thủ mọi cơ hội mở thị trường mới. Từng bước hiện đại hoá phương thức kinh doanh phù hợp với xu thế mới của thương mại thế giới. Đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, xúc tiến thương mại, thông tin thị trường bằng nhiều phương tiện và tổ chức

thích hợp, kể cả các cơ quan đại diện ngoại giao ở nước ngoài. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia các hoạt động môi giới, khai thác thị trường quốc tế.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, hoàn thiện các hình thức đầu tư, nâng cao khả năng cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Giảm mạnh, tiến tới xoá bỏ sự phân biệt về chính sách và pháp luật giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Cải tiến nhanh các thủ tục hành chính để đơn giản hoá việc cấp phép đầu tư, thực hiện từng bước cơ chế đăng ký đầu tư. Chú trọng thu hút đầu tư của các công ty nắm công nghệ nguồn và có thị phần lớn trên thị trường thế giới. Tăng cường hỗ trợ và quản lý sau cấp giấy phép, tạo điều kiện cho các dự án đã được cấp phép triển khai thực hiện có hiệu quả. Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với các khu công nghiệp, khu chế xuất và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Thực hiện cổ phần hoá những doanh nghiệp có điều kiện. Triển khai từng bước vững chắc các hình thức đầu tư gián tiếp của nước ngoài ở nước ta.

Khuyến khích người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước đầu tư kinh doanh, doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài và có chính sách hỗ trợ công dân Việt Nam kinh doanh hợp pháp ở nước ngoài.

Tiếp tục tranh thủ nguồn tài trợ của các chính phủ và các tổ chức tài chính quốc tế, các tổ chức phi chính phủ. Đẩy nhanh tốc độ giải ngân, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, gắn chặt việc sử dụng vốn vay với trách nhiệm trả nợ.

## V- PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

### 1- Giáo dục và đào tạo



Để đáp ứng yêu cầu về con người và nguồn nhân lực là nhân tố quyết định sự phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cần tạo chuyển biến cơ bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo.

Bồi dưỡng thế hệ trẻ tinh thần yêu nước, yêu quê hương, gia đình và tự tôn dân tộc, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, lòng nhân ái, ý thức tôn trọng pháp luật, tinh thần hiếu học, chí tiến thủ lập nghiệp, không cam chịu nghèo hèn. Đào tạo lớp người lao động có kiến thức cơ bản, làm chủ kỹ năng nghề nghiệp, quan tâm hiệu quả thiết thực, nhạy cảm với cái mới, có ý thức vươn lên về khoa học và công nghệ. Xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề, các chuyên gia và nhà khoa học, nhà văn hoá, nhà kinh doanh, nhà quản lý. Chính sách sử dụng lao động và nhân tài phải tận dụng mọi năng lực, phát huy mọi tiềm năng của các tập thể và cá nhân phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Để thực hiện mục tiêu đó, trong 10 năm tới cần:

Phát triển giáo dục mầm non. Củng cố vững chắc kết quả xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, tiến hành phổ cập trung học cơ sở trong cả nước; phần lớn thanh, thiếu niên trong độ tuổi ở thành thị và vùng nông thôn đồng bằng được học hết trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp hoặc đào tạo nghề. Tạo điều kiện cho mọi người, ở mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, suốt đời.

Điều chỉnh hợp lý cơ cấu bậc học, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu vùng trong hệ thống giáo dục và đào tạo phù hợp yêu cầu học tập của nhân dân, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và các mục tiêu của Chiến lược. Chú trọng giáo dục hướng nghiệp thiết thực trong trường phổ thông. Mở rộng đào tạo công nhân, kỹ thuật viên và nhân

viên nghiệp vụ theo nhiều trình độ. Phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo đại học, sau đại học; tập trung đầu tư xây dựng một số trường đại học trọng điểm quốc gia ngang tầm khu vực, tiến tới đạt trình độ quốc tế. Phát triển giáo dục thường xuyên và đào tạo từ xa. Nhà nước dành ngân sách đưa người giỏi đi đào tạo ở các nước phát triển; khuyến khích, tạo thuận lợi cho việc học tập và nghiên cứu ở nước ngoài. Coi trọng đào tạo đội ngũ công nhân tay nghề cao, kỹ sư thực hành và nhà kinh doanh giỏi. Ưu tiên đào tạo nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp và nông thôn, miền núi, xuất khẩu lao động, một số ngành mũi nhọn. Phát triển và nâng cao chất lượng các trường dân tộc nội trú; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ người dân tộc.

Khẩn trương biên soạn và đưa vào sử dụng ổn định trong cả nước bộ chương trình và sách giáo khoa phổ thông phù hợp với yêu cầu phát triển mới. Ngoài tiếng phổ thông, các dân tộc có chữ viết riêng được khuyến khích học chữ dân tộc. Đổi mới chương trình đào tạo đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề theo hướng thiết thực, hiện đại. Chú trọng trang bị và nâng cao kiến thức tin học, ngoại ngữ cho học sinh, sinh viên.

Đổi mới phương pháp dạy và học, phát huy tư duy sáng tạo và năng lực tự đào tạo của người học, coi trọng thực hành, thực nghiệm, ngoại khoá, làm chủ kiến thức, tránh nhồi nhét, học vẹt, học chay. Đổi mới và tổ chức thực hiện nghiêm minh chế độ thi cử. Đề cao tính tự chủ của trường đại học.

Phát triển đội ngũ giáo viên, coi trọng chất lượng và đạo đức sư phạm, cải thiện chế độ đãi ngộ. Bảo đảm về cơ bản đội ngũ giáo viên đạt chuẩn quốc gia và tỷ lệ giáo viên so với học sinh theo yêu cầu của từng cấp học. Có cơ chế, chính sách bảo đảm đủ giáo viên cho các vùng miền núi cao, hải đảo.

Tăng cường cơ sở vật chất và từng bước hiện đại hoá nhà trường (lớp học, sân chơi, bãi tập, phòng thí nghiệm, máy tính nối mạng Internet, thiết bị giảng dạy và học tập hiện đại, thư viện, ký túc xá...). Phần đầu đến năm 2010 phần lớn các trường phổ thông có đủ điều kiện cho học sinh học tập và hoạt động cả ngày tại trường.

Tăng đầu tư cho giáo dục từ ngân sách nhà nước và đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, đào tạo. Khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển giáo dục ở tất cả các bậc học, đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội. Ngân sách nhà nước tập trung nhiều hơn cho các bậc giáo dục phổ cập, cho vùng nông thôn, miền núi, cho đào tạo trình độ cao và những ngành khó thu hút đầu tư ngoài ngân sách nhà nước; bảo đảm điều kiện học tập cho con em người có công và gia đình nghèo. Tăng cường quản lý nhà nước, đặc biệt là hệ thống thanh tra giáo dục, thiết lập kỷ cương, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực. Tăng cường quản lý và giúp đỡ người đi học tập, nghiên cứu ở nước ngoài.

## **2- Khoa học và công nghệ**

Tăng cường tiềm lực và đổi mới cơ chế quản lý để khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực phát triển đất nước.

*Khoa học xã hội và nhân văn* đặt trọng tâm nghiên cứu vào tổng kết thực tiễn, đi sâu vào những vấn đề lớn của đất nước, khu vực và toàn cầu, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, cung cấp luận cứ cho việc hoạch định đường lối, chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phát huy nhân tố con người và văn hoá Việt Nam. Khoa học tự nhiên chú

trọng hướng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, nghiên cứu cơ sở khoa học của sự phát triển các lĩnh vực công nghệ trọng điểm và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, dự báo, phòng, tránh, giảm nhẹ hậu quả thiên tai. Khoa học công nghệ tập trung vào đáp ứng yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh, bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh quốc phòng; coi trọng phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hoá.

Đẩy mạnh đổi mới công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và các lĩnh vực hoạt động khác, thu hẹp khoảng cách về trình độ công nghệ so với các nước tiên tiến trong khu vực. Đi thẳng vào công nghệ hiện đại đối với các ngành mũi nhọn, đồng thời lựa chọn các công nghệ thích hợp, không gây ô nhiễm và khai thác được lợi thế về lao động. Chú trọng nhập khẩu công nghệ mới, hiện đại, thích nghi công nghệ nhập khẩu, cải tiến từng bộ phận, tiến tới tạo ra những công nghệ đặc thù Việt Nam. Hiện đại hoá công nghệ trong quản lý. Hoàn thành xây dựng hai khu công nghệ cao ở gần Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng một số phòng thí nghiệm trọng điểm đạt trình độ tiên tiến của khu vực.

Thực hiện cơ chế kết hợp chặt chẽ giữa khoa học xã hội - nhân văn với khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo và sản xuất, kinh doanh; ứng dụng nhanh các kết quả nghiên cứu. Khẩn trương đổi mới tổ chức, sắp xếp hợp lý các viện, trung tâm, các cơ sở nghiên cứu trong cả nước. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các viện nghiên cứu quốc gia, các hội, liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật.

Đẩy mạnh xã hội hoá, đa dạng hoá các nguồn đầu tư phát triển khoa học và công nghệ. Dành vốn đầu tư thích đáng cho nghiên cứu cơ bản trong các ngành khoa

học. Tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức khoa học, doanh nghiệp và cá nhân được hoạt động khoa học theo luật định. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tạo môi trường cạnh tranh, bảo hộ sở hữu trí tuệ và quyền tác giả. Có cơ chế thúc đẩy doanh nghiệp tăng đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất và đặt hàng cho cơ quan nghiên cứu.

Phát huy tính sáng tạo, tính dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ. Đổi mới chính sách đào tạo, sử dụng và đãi ngộ trí thức, trọng dụng và tôn vinh nhân tài, kể cả người Việt Nam ở nước ngoài. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, thu hút chuyên gia giỏi của thế giới đóng góp vào sự phát triển đất nước bằng nhiều hình thức thích hợp.

## VI- PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, XÃ HỘI

### **1-Phát triển văn hóa, nghệ thuật, thông tin, thể dục thể thao**

Mở rộng và nâng cao hiệu quả cuộc vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*", "*Xây dựng nếp sống văn minh và gia đình văn hoá*", phong trào "*Người tốt, việc tốt*", làm cho văn hoá thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người, hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam, kế thừa các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá của loài người, tăng sức đề kháng chống văn hoá đồi trụy, độc hại. Nâng cao tính văn hoá trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân.

Chú trọng gìn giữ, phát triển các di sản văn hoá phi vật thể, tôn tạo và quản lý tốt các di sản văn hoá vật thể, các di tích lịch sử; nâng cấp các bảo tàng. Phát triển

mạng lưới thư viện, hiện đại hoá công tác thư viện, lưu trữ. Xây dựng các công trình văn hoá, các khu vui chơi công cộng.

Khuyến khích sáng tác những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị theo các chủ đề lớn về chiến tranh và cách mạng, về sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, về xã hội và con người Việt Nam. Nâng cao chất lượng nền điện ảnh Việt Nam, phấn đấu xây dựng nhiều bộ phim hay và tốt. Chú trọng thể hiện bản sắc văn hoá Việt Nam trong các công trình xây dựng, kiến trúc mới.

Phát triển và hiện đại hoá mạng lưới thông tin đại chúng, nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ phát thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản. Đến năm 2010 hoàn thành cơ bản việc phổ cập các phương tiện phát thanh, truyền hình đến mỗi gia đình. Phát triển các điểm văn hoá kết hợp với hệ thống bưu cục khắp các xã trong cả nước. Dùng tiếng nói dân tộc và chữ viết của các dân tộc có chữ viết trên các phương tiện thông tin đại chúng ở vùng đồng bào dân tộc.

Ban hành và thực hiện chính sách thể hiện rõ sự quan tâm và chăm sóc đối với văn nghệ sỹ và những người hoạt động trong các lĩnh vực nghệ thuật, nhất là nghệ thuật truyền thống.

Đẩy mạnh hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể trạng và tầm vóc của người Việt Nam. Phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng với mạng lưới cơ sở rộng khắp. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ vận động viên thể thao thành tích cao, đưa thể thao Việt Nam lên trình độ chung trong khu vực Đông Nam á và có vị trí cao trong nhiều bộ môn.

Đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích nhân dân và các tổ chức tham gia thiết thực,

có hiệu quả các hoạt động văn hoá, thể thao. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư và bảo trợ các hoạt động văn hoá, thể thao. Phát triển thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hoá, thể thao phong phú, lành mạnh.

Tăng đầu tư ngân sách cho văn hoá tương ứng với tăng trưởng kinh tế, tập trung xây dựng một số trung tâm lớn gắn kết văn hoá, thể thao, du lịch như Làng văn hoá các dân tộc Việt Nam, Trung tâm thể thao quốc gia và các trung tâm đào tạo về văn hoá, thể thao ngang tầm khu vực.

Mở rộng giao lưu văn hoá, thể thao quốc tế. Đầu tư thích đáng cho việc truyền bá ở trong nước các giá trị văn hoá của loài người và giới thiệu đất nước, văn hoá, con người Việt Nam với thế giới.

## **2- Dân số và việc làm**

Tiếp tục giảm tốc độ tăng dân số, sớm ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý (khoảng 88 - 89 triệu người vào năm 2010); giải quyết đồng bộ, từng bước và có trọng điểm chất lượng dân số, cơ cấu dân số và phân bố dân cư.

Giải quyết việc làm là yếu tố quyết định để phát huy nhân tố con người, ổn định và phát triển kinh tế, làm lành mạnh xã hội, đáp ứng nguyện vọng chính đáng và yêu cầu bức xúc của nhân dân. Đến năm 2010, nước ta có 56,8 triệu người ở độ tuổi lao động, tăng gần 11 triệu người so với năm 2000. Để giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, phải tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành phần kinh tế đầu tư phát triển rộng rãi các cơ sở sản xuất, kinh doanh, tạo nhiều việc làm và phát triển thị trường lao động. Thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội phù hợp với cơ cấu kinh tế. Chú trọng bảo đảm an toàn lao động.

Đẩy mạnh xuất khẩu lao động. Xây dựng và thực hiện đồng bộ, chặt chẽ cơ chế, chính sách về đào tạo nguồn lao động, đưa lao động ra nước ngoài, bảo vệ quyền lợi và tăng uy tín của người lao động Việt Nam ở nước ngoài.

### **3- Xóa đói, giảm nghèo**

Bằng nguồn lực của Nhà nước và của toàn xã hội, tăng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, cho vay vốn, trợ giúp đào tạo nghề, cung cấp thông tin, chuyển giao công nghệ, giúp đỡ tiêu thụ sản phẩm... đối với những vùng nghèo, xã nghèo và nhóm dân cư nghèo. Chủ động di dời một bộ phận nhân dân không có đất canh tác và điều kiện sản xuất đến lập nghiệp ở những vùng còn tiềm năng. Nhà nước tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích mọi người dân vươn lên làm giàu chính đáng và giúp đỡ người nghèo. Thực hiện trợ cấp xã hội đối với những người có hoàn cảnh đặc biệt không thể tự lao động, không có người bảo trợ, nuôi dưỡng.

Phấn đấu đến năm 2010 về cơ bản không còn hộ nghèo. Thường xuyên củng cố thành quả xóa đói, giảm nghèo.

### **4- Tiền lương và thu nhập**

Các doanh nghiệp, kể cả doanh nghiệp nhà nước, được tự chủ trong việc trả lương và tiền thưởng trên cơ sở hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và năng suất lao động của mỗi người. Nhà nước và xã hội tôn trọng thu nhập hợp pháp của người kinh doanh. Xác định hợp lý thuế thu nhập cá nhân.

Cải cách cơ bản tiền lương đối với cán bộ, công chức nhà nước. Tiền tệ hoá đầy đủ



tiền lương, điều chỉnh tiền lương bảo đảm mức sống tương ứng với nhịp độ tăng thu nhập trong xã hội. Hệ thống thang, bậc lương bảo đảm tương quan hợp lý, khuyến khích người giỏi, lao động có năng suất cao. Thay đổi cơ chế tài chính đối với khu vực sự nghiệp, tạo điều kiện đổi mới chế độ tiền lương của khu vực này. Thông qua cải cách chế độ tiền lương, thúc đẩy việc tinh giản biên chế bộ máy công quyền.

Từng bước mở rộng vững chắc hệ thống bảo hiểm và an sinh xã hội. Tiến tới áp dụng chế độ bảo hiểm cho mọi người lao động, mọi tầng lớp nhân dân. Kết hợp sự trợ giúp của Nhà nước với việc phát triển các quỹ từ thiện, quỹ xã hội, quỹ đền ơn đáp nghĩa, nhằm giúp đỡ có hiệu quả người được hưởng chính sách xã hội, nạn nhân chiến tranh, thiên tai, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, những người tàn tật và người già không nơi nương tựa. Bảo đảm người có công với nước có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của dân cư cùng xã, phường.

## **5- Phát triển sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân**

Nâng cao tính công bằng và hiệu quả trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Tiếp tục thực hiện các chương trình mục tiêu về y tế quốc gia. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ở tất cả các tuyến. Đặc biệt coi trọng tăng cường dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, người bị di chứng chiến tranh, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng, vùng sâu, vùng xa. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi, tỷ lệ tử vong của bà mẹ có liên quan đến thai sản. Giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong do các bệnh truyền nhiễm, không để xảy ra dịch lớn. Tích cực phòng, chống các bệnh không do nhiễm trùng, khắc phục hậu quả tai nạn và thương tích. Bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm và

an

toàn

truyền

máu.

Hoàn chỉnh quy hoạch, củng cố và nâng cấp mạng lưới y tế cơ sở, có bác sỹ làm việc ở tất cả các trạm y tế xã đồng bằng và trung du, phần lớn xã miền núi. Nâng cấp bệnh viện huyện, tỉnh; phát triển các bệnh viện đa khoa khu vực (liên huyện) ở các địa bàn xa trung tâm tỉnh. Hoàn thiện hai trung tâm y tế chuyên sâu tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng trung tâm y tế chuyên sâu tại miền Trung và phát triển các trung tâm y tế vùng. Từng bước hiện đại hoá trang bị y tế, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến. Kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc, kết hợp quân - dân y; phấn đấu có một số lĩnh vực y, dược học có thể mạnh trở thành trung tâm của khu vực Đông Nam á. Tiêu chuẩn hoá và tăng cường đào tạo cán bộ y tế, chú ý người dân tộc thiểu số; phân bố cán bộ theo vùng phù hợp nhu cầu. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các cơ sở khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ, đáp ứng yêu cầu đa dạng của xã hội. Đề cao y đức gắn với xây dựng và thực hiện quy chế hành nghề, xóa bỏ các tiêu cực.

Thực hiện chính sách quốc gia về thuốc, tăng cường khả năng sản xuất và cung ứng thuốc đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Đổi mới cơ chế, chính sách viện phí; mở rộng y tế tự nguyện, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Có chính sách trợ giúp cho người nghèo được khám chữa bệnh.

## **6- Đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội và bệnh dịch AIDS**

Phòng chống, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma tuý. Thực hiện cơ chế, giải pháp đồng bộ về tuyên truyền, giáo dục, chữa trị, đào tạo nghề, tạo việc làm. Xử lý nghiêm theo pháp luật những hành động gây tệ nạn xã hội.

Xây dựng nếp sống lành mạnh trong toàn xã hội, ngăn chặn lây nhiễm HIV/AIDS. Tổ chức chữa cho bệnh nhân AIDS và người nghiện ma túy, giúp những người này sống, lao động có ý nghĩa trong cộng đồng.

Có biện pháp đồng bộ ngăn chặn tai nạn giao thông.

Đề cao trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể đối với tình trạng tệ nạn xã hội trên từng địa bàn. Phát huy vai trò của từng người dân, từng cộng đồng tham gia đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi những tệ nạn này.

## VII- ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH XÂY DỰNG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

### 1- Đổi mới thể chế

Hình thành về cơ bản và vận hành thông suốt, có hiệu quả thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới thể chế và thủ tục hành chính, tập trung trước hết vào xoá bỏ những quy định mang nặng tính hành chính quan liêu, bao cấp, gây phiền hà, sách nhiễu doanh nghiệp và nhân dân, kìm hãm sự phát triển lực lượng sản xuất. Xây dựng và thực hiện chương trình đổi mới thể chế trong từng năm. Bảo đảm các văn bản pháp quy có nội dung đúng đắn, nhất quán, khả thi. Chỉ đạo sát từ khâu soạn thảo, thông qua đến phổ biến, thực hiện và tổng kết.

Đổi mới phương thức và quy trình xây dựng thể chế, cải tiến sự phối hợp giữa các ngành, các cấp có liên quan, coi trọng sử dụng các chuyên gia liên ngành và dành vai trò rất quan trọng cho tiếng nói của nhân dân, của doanh nghiệp. Đặc biệt tăng cường việc chỉ đạo, kiểm tra, nâng cao kỷ luật và hiệu lực thi hành pháp luật trong bộ máy nhà nước và trong xã hội.

## **2- Kiện toàn hợp lý tổ chức bộ máy nhà nước**

Trên cơ sở tách chức năng quản lý nhà nước với hoạt động kinh doanh, xúc tiến việc đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động và quy chế làm việc của các cơ quan nhà nước. Thực hiện mạnh mẽ việc phân cấp trong hệ thống hành chính đi đôi với nâng cao tính tập trung, thống nhất trong việc ban hành thể chế. Quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cấp, từng tổ chức, từng cá nhân. Đề cao trách nhiệm cá nhân, khen thưởng, kỷ luật nghiêm minh. Khắc phục tình trạng trùng chéo, đùn đẩy trách nhiệm, gây khó khăn, chậm trễ trong công việc và giải quyết khiếu kiện của dân. Nâng cao vai trò của toà hành chính trong việc giải quyết khiếu kiện hành chính.

Tách cơ quan hành chính công quyền với tổ chức sự nghiệp. Khuyến khích và hỗ trợ các tổ chức hoạt động không vì lợi nhuận mà vì nhu cầu và lợi ích của nhân dân; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức thực hiện một số dịch vụ công với sự giám sát của cộng đồng như vệ sinh môi trường, tham gia giữ gìn trật tự trị an xóm, phường...

Xúc tiến nhanh và có hiệu quả việc hiện đại hoá công tác hành chính, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin. Kiện toàn bộ máy và tinh giản biên chế một cách cơ bản. Có chính sách giải quyết thỏa đáng số người dôi ra.

## **3- Nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức**

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức với chương trình, nội dung sát hợp; chú trọng đội ngũ cán bộ xã, phường. Đổi mới và đưa vào nền nếp việc thực

hiện quy chế tuyển chọn, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu. Thực hiện nguyên tắc người phụ trách công việc có quyền hạn và trách nhiệm trong việc tuyển chọn, sử dụng cán bộ, công chức dưới quyền. Thanh lọc những kẻ tham nhũng, vô trách nhiệm; chuyển đổi công tác những người không đủ năng lực.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ, mở rộng dân chủ trực tiếp ở cơ sở, bảo đảm cho dân tiếp xúc dễ dàng các cơ quan công quyền, có điều kiện kiểm tra cán bộ, công chức, nhất là những người trực tiếp làm việc với dân.

#### **4- Ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng, quan liêu**

Nghiêm trị những kẻ tham nhũng, vô trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; người lãnh đạo cơ quan để xảy ra tham nhũng cũng phải bị xử lý về trách nhiệm. Bảo vệ những người kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng; khen thưởng người phát hiện đúng những vụ tham nhũng. Thực hiện các biện pháp ngăn chặn tham nhũng, quan liêu:

- Đổi mới và hoàn thiện thể chế, thủ tục hành chính, kiên quyết chống tệ cửa quyền, sách nhiễu, "xin - cho" và sự tắc trách, vô kỷ luật trong công việc. Thực hiện nghiêm những điều cấm đối với cán bộ, công chức đã quy định trong pháp luật.

- Tăng cường quản lý, kiểm tra, ngăn chặn lãng phí, tham nhũng tiền và tài sản công, nhất là trong khu vực doanh nghiệp nhà nước.

- Thực hiện quy chế dân chủ và công khai tài chính ở cơ sở và các cấp chính quyền; thực hiện chế độ kê khai tài sản đối với cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành.

Phát huy vai trò của các đoàn thể nhân dân và phương tiện thông tin đại chúng.

- Cải cách tiền lương đi đôi với tăng cường giáo dục và kiểm tra việc thực hiện công vụ của cán bộ, công chức.

## VIII- TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

### **1- Đột phá những lĩnh vực then chốt**

Tập trung sức đột phá những lĩnh vực then chốt để làm chuyển động toàn bộ tình hình kinh tế - xã hội:

- Xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà trọng tâm là đổi mới cơ chế, chính sách nhằm giải phóng triệt để lực lượng sản xuất, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

- Tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

- Đổi mới tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, trọng tâm là cải cách hành chính, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh.

### **2- Cải tiến các biện pháp tổ chức thực hiện**

Nâng tầm hoạch định chính sách để thực hiện nghị quyết của Đảng; chú ý tới tính đặc thù của các ngành và các vùng.

Đổi mới cơ bản công tác kế hoạch hoá theo hướng tăng cường dự báo, nâng cao

chất lượng kế hoạch định hướng, giữ vững các cân đối vĩ mô, kết hợp chặt chẽ với việc sử dụng các công cụ chính sách kinh tế, luật pháp, tạo điều kiện cho thị trường hoạt động có hiệu quả, nhằm bảo đảm mục tiêu của chiến lược.

Nâng cao chất lượng các quy hoạch. Xây dựng kế hoạch 5 năm trở thành công cụ kế hoạch chủ yếu, được điều chỉnh, bổ sung hàng năm phù hợp với tiến độ thực hiện kế hoạch và những diễn biến mới của tình hình trong, ngoài nước. Trong xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, phải quán triệt tư tưởng và nội dung của chiến lược.

Tăng cường theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện chiến lược của các cấp uỷ đảng và cơ quan nhà nước. Đồng thời, phát huy vai trò giám sát, góp ý kiến của nhân dân, thu hút trí tuệ của nhân dân trong quá trình thực hiện chiến lược.

### **3- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng**

Thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân, các ngành, các đoàn thể từ Trung ương đến cơ sở. Các cấp uỷ đảng cần quán triệt sâu sắc nội dung chiến lược này trong toàn Đảng, toàn dân, thống nhất ý chí và hành động, cụ thể hoá và tổ chức thực hiện có hiệu quả trong các lĩnh vực hoạt động ở mọi cấp, gắn chặt với nhiệm vụ xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Đây là vấn đề có ý nghĩa quyết định bảo đảm cho Chiến lược được thực hiện thắng lợi.

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX,*

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.148-221.

## PHẦN II: CƯƠNG LĨNH, CHIẾN LƯỢC CỤ THỂ VÀ MỘT SỐ VĂN KIỆN MANG TÍNH CƯƠNG LĨNH, CHIẾN LƯỢC

### A. CƯƠNG LĨNH VÀ CHIẾN LƯỢC CỤ THỂ CƯƠNG LĨNH CỦA CÔNG HỘI GIAI CẤP ĐÔNG DƯƠNG\*

Anh em và chị em thợ thuyền Đông Dương!

Chúng ta rên xiết vì ách của kẻ bóc lột bản quốc và ngoại quốc rất là nặng nề trên cổ chúng ta: Thợ thuyền Đông Dương, đầy tớ làm các trại, cu li đồn điền thật đã thành ra nô lệ hẳn cho người tư bản.

Làm cực khổ từ 13 tới 14 giờ mà chúng chỉ trả một món tiền công không đủ cho gia quyến ta ăn cho khỏi chết. Nào tiền vạ, nào tiền thuế, đã vậy mà chúng còn nhục mạ và đánh đập thợ thuyền. Vai của chúng ta từng phải quen với gậy của thằng cai. Thường thì nhà ở của chúng ta là người thợ thuyền không khác gì nhà pha. Điều kiện sinh hoạt và lao động ác nghiệt như vậy làm cho số tử trong dân lao động tăng gia ghê gớm và khiến cho giai cấp thợ thuyền Đông Dương phải đến suy tòi. Cả bộ máy cảnh sát của quốc gia và tất cả pháp luật đều hướng về sự chống giai cấp thợ thuyền. Những tiểu ban trọng tài, "thanh tra lao động" vân vân, chỉ bênh vực quyền lợi của bọn chủ. Cuộc tranh đấu, các cuộc đình công của chúng ta đều bị trấn áp tàn nhẫn bằng vũ lực.

Luật đã man trị người dự cuộc đình công phải đầy nhiều năm. Lính kín truy nã riết công nông làm tiên phong hướng đạo. Tổ chức của thợ thuyền bị truy vấn. Người chiến sĩ thợ thuyền bị giam, bị đánh khảo, bị hành hình từng đám.

Ngay đến những quyền lợi cón con mà lao động mấy xứ tư bản tiên tiến đã thu



hoạch, thợ thuyền các thuộc địa cũng không có.

Chúng ta không có xã hội bảo hiểm phòng cơn đau ốm, nạn bất kỳ, tàn tật, thất nghiệp, già yếu vân vân. Chúng ta không nhờ được luật bảo hộ và vệ sinh cho lao động.

Cuộc khủng hoảng kinh tế tiến thêm mỗi ngày, càng nặng nề cho giai cấp thợ thuyền và bản nông. Các xí nghiệp đuổi hàng vạn thợ; vì không có bảo hiểm thất nghiệp, không có cứu tế, hàng vạn anh em thật là bị kết án chết vì đói.

Thợ thuyền còn việc thì chịu bao nhiêu nỗi ghê gớm về cái nạn "hợp lý hoá thuộc địa và tư bản". Bọn chủ dùng lắm phương lắm chước để làm cho điều kiện sinh hoạt của thợ càng khó. Chúng giảm lương, thêm giờ làm, bày ra những cách bóc lột quá sức; chúng ứng dụng cái phương pháp "thất nghiệp không trọn", tiền thất nghiệp không đủ cung tiền ăn. Hàng vạn nông dân ở Nghệ An, Hà Tĩnh và các tỉnh khác ở xứ ta chết đói, ấy thế mà cuộc thương mại lúa gạo làm cho bọn chủ lời hàng triệu.

Đày tớ của đế quốc Pháp thì là bọn tư bản nước ta, tức là bọn đại địa chủ và cho vay cắt cổ. Bọn này bóc lột thợ thuyền, nông dân và các phần tử cơ hàn ở thành phố càng nghiệt, chúng đề huề với bọn chủ ngoại quốc để thoát khỏi vòng khủng hoảng. Gạo bán rẻ mạt trên thị trường thế giới, thế mà thợ thuyền chúng ta phải mua đắt đỏ, chỉ vì kẻ bóc lột ta bị thiệt về giá hạ trong thế giới nên gán phần lỗ lãi ấy cho chúng ta phải gánh chịu.

Đế quốc Pháp vì cần cho tiêu thụ hàng hoá trong xứ ta, nên ngăn trở không cho kỹ nghệ nước ta phát triển, thành ra hàng chục vạn thợ thuyền phải nạn thất nghiệp,

nghèo nản, đói rét.

Đông Dương là tổ quốc cho sự súc nô, cho sự khổ sai, cho sự đói khát, cho sự quốc gia áp chế, và cho sự khủng bố lưu huyết của đế quốc Pháp.

Anh em và chị em thợ thuyền!

Muốn thắng đoạt địch nhân, các đồng chí phải biết chúng nó cho thật rõ. Bọn chủ và tư bản ngoại quốc, bọn phú hào bản xứ, thương nghiệp - chủ địa chủ lớn, quan trường, lý hào và các đảng phái của họ (bọn Lập hiến Nam Kỳ, v.v.) tất cả những kẻ bênh vực và phụng sự đế quốc Pháp là kẻ thù của chúng ta, địch nhân của giai cấp thợ thuyền Đông Dương.

Bọn chó săn này của đế quốc Pháp có tổ chức ra những toán lính làng để đàn áp các cuộc thị uy của nông dân và cuộc tranh đấu cách mạng của giai cấp thợ thuyền. Nhờ bọn ấy giúp sức, đế quốc Pháp tổ chức những đoàn dân tuần ở phía bắc xứ Trung Kỳ và bày ra cơ quan bang tá.

Chúng nó dám nhân danh cả quốc dân mà làm tập "chương trình dân nguyện An Nam" là một cái chương trình bóc lột và đàn áp quần chúng về sau này.

Cuộc tranh đấu rất hăng hái của chúng ta trong những điều kiện khủng bố bắt buộc đế quốc phải hứa cả một xâu toàn những là cải cách nói rằng cốt để cải thiện số phận của giai cấp thợ thuyền. Pasquier và bày tôi của nó hứa cả sự cho phép tổ chức công hội. Họ có công bố một dự án luật về đàn bà và trẻ con lao động, v.v.. Nhưng tất cả những lời hứa này chỉ là những câu phỉnh dân.

Giai cấp thợ thuyền Đông Dương phải am hiểu giá trị tất cả những lời hứa của quân bóc lột. Bọn đế quốc Pháp cùng với lũ tôi tớ là bọn quốc gia cải lương như Bùi Quang Chiêu, Phạm Quỳnh, và Công ty phát hành bao nhiêu là lời hứa cốt để giấu giếm thế công chống thợ thuyền của chúng nó. Họ muốn vừa ru ngủ giai cấp thợ thuyền và quần chúng lao động, vừa tìm mưu gì để cho giai cấp thợ thuyền và quần chúng lao động, thêm nô lệ, và để trút gánh nặng hoạn trên vai chúng ta.

Địch nhân sự cuộc tranh đấu cách mạng của giai cấp thợ thuyền, ra sức giết cuộc tranh đấu; *vì thợ thuyền chúng ta mà thắng ra thì sẽ lật ngả ách đế quốc, đổi hẳn và cải thiện sự sinh hoạt của quần chúng lao động.*

Do đó, mà cuộc tranh đấu cách mạng chống kẻ thù chính của giai cấp thợ thuyền là đế quốc Pháp cũng phải đồng thời chống cái trụ của đế quốc, chống bọn đồng minh là các tay địa chủ lớn, bọn tư bản, bọn lý hào quan trường, quốc gia cải lương, phú hào và các đảng phái của họ. Chúng ta phải tố cáo để quần chúng thợ thuyền biết những sự hành vi giả trá của địch nhân khiến lao động đề phòng chạm bẫy, tranh đấu kịch liệt để gỡ cho quần chúng thợ thuyền ra khỏi các tổ chức quốc gia cải lương.

*Hãy lợi dụng bài học những cuộc tranh đấu cách mạng năm 1930-1931.*

Nhờ cuộc tranh đấu hùng dũng của chúng ta, nhờ các cuộc đình công yêu cầu về kinh tế và chính trị, trong nhiều xí nghiệp, chúng ta đã được tăng lương bổng và bớt  
giờ  
làm.

Lao động ở Phú Riềng, Bến Thủy, Sài Gòn và nhiều nơi khác đứng đầu cuộc vận động quần chúng. Anh em các nơi ấy đã xướng xuất ra các cuộc tranh đấu cộng tác

của thợ thuyền và dân cày để chống kẻ áp chế. Lần đầu ở các tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, ách kẻ bóc lột bị nghiêng ngửa và các cơ quan quyền cách mạng thật đã dựng lên, để tịch ký và phân phát đất của các tay đại địa chủ.

Những toán quân tiên phong của giai cấp vô sản đã lập trong nhiều kỹ nghệ và trong nông nghiệp, những Công hội đỏ, những tổ chức Thanh niên Đoàn. Dân cày nhờ thợ thuyền giúp đỡ tổ chức ra Nông hội. Trong khoảng vận động này, quần chúng được kinh nghiệm về sự chiến đấu chống kẻ áp chế từ bao nhiêu thế kỷ. Kinh nghiệm này đã chứng minh một cách thiết thực rằng: chỉ có cuộc tranh đấu cách mạng của quần chúng mới có thể cởi trói cho xứ sở khỏi dây xiềng của lũ bóc lột và áp chế mọi thứ và mọi loài.

Nhưng tại sao cuộc vận động cách mạng mạnh mẽ trong năm 1930-1931 không thể biến thành những cuộc tranh đấu thành công để cải thiện triệt để cảnh huống của quần chúng lao động và để giải phóng quốc gia?

Chúng ta không đắc thắng như vậy là tại chúng ta không biết làm cho quần chúng thợ thuyền và dân cày cả xứ quan thiết và tham gia đến cuộc tranh đấu; Chúng ta không biết tổ chức quần chúng và làm cho các công hội của ta thành tổ chức quần chúng, cũng không biết lập ra những công hội mới trong tất cả kỹ nghệ trọng đại nhất và trong phần nhiều các địa phương.

Chúng ta không biết nhóm và tổ chức cho thành công hội độc lập đạo quân tiên phong của thôn quê là bọn làm công nông nghiệp và bọn đày tớ các trại.

Kinh nghiệm về cuộc vận động cách mạng năm 1930-1931 chỉ rằng sự tổ chức quần chúng và cuộc tranh đấu để dựng công hội cách mạng giai cấp là một cái bảo chứng to nhất khiến cho cuộc tranh đấu thợ thuyền thành công.

Nếu quần chúng không nhóm nhau chặt chẽ và không tổ chức, thì không thể thắng đoạt địch nhân, thì khó mà thực hành những cuộc đình công, khó mà làm cho các điều yêu cầu được thắng.

## CÁC ĐIỀU YÊU CẦU CỦA CHÚNG TA

Ngày làm tám giờ, cải thiện triệt để sinh hoạt của thợ thuyền, muốn được những điều ấy phi dùng cách thợ thuyền quần chúng tranh đấu kịch liệt và thiết lập mặt trận duy nhất của cuộc tranh đấu vô sản thì không xong.

Các công hội đỏ hiệu triệu thợ thuyền Đông Dương hợp cùng nhau tổ chức cùng nhau, nỗ lực tranh đấu để làm thắng đoạt các điều yêu cầu căn bản của vô sản Đông Dương:

1. Ngày làm tám giờ; sáu giờ cho thiếu niên dưới 18 tuổi, cho thợ đàn ông và đàn bà làm trong các kỹ nghệ thiếu vệ sinh (kể cả việc làm dưới hầm mỏ); cấm dùng trẻ con dưới 14 tuổi; cấm dùng đàn bà có thai và đàn bà nuôi sữa cho con trong ban đêm.

2. Tăng tiền lương. Giá mục bội nhĩ trong ban đêm; định giá tiền lương hạ nhất thế nào cho cung cấp được sự sống của người thợ cùng gia quyến. Công việc bằng nhau thì tiền lương bằng nhau, không phân biệt nam nữ, tuổi tác và chủng tộc. Tiền lương trả mỗi tuần chủ nhật. Thủ tiêu tiền phạt và các hình thức về sự bớt lương như: trả lương bằng hàng hoá, giữ bớt tiền để trừ những miếng sắt, hay gỗ thiếu.

3. Chống sự sa thải thợ và buộc phải cho các tổ chức thợ thuyền trong xưởng được nhận lại những người lao động đã bị đuổi.

4. Trả tiền trợ cấp cho người thất nghiệp, thủ tiêu tiền thuế là tiền thưởng nay người thất nghiệp phải trả.

5. Thủ tiêu lối nô lệ cưỡng bách thợ thuyền, tức là lối mộ phu cưỡng bách, và làm công sous-contrat<sup>1</sup>). Thủ tiêu những giao kèo làm từng cá nhân, đặt ra giấy giao kèo công cộng (cả đoàn thể) do các công hội thợ đứng làm.

6. Cải thiện điều kiện sinh hoạt: a) Nghỉ mỗi tuần ít ra là hai giờ; ngày thứ bảy việc làm phải bãi trước giờ thường hai tiếng đồng hồ; b) Những ngày lễ nghỉ trả trọn lương; c) Cấm chửi mắng và đánh đập; d) Cấm chụp hình thợ; e) Cấm lấy thẻ cá nhân, giấy thuế và công ta<sup>2</sup>; f) Cấm khám thân thợ lúc ra sở làm; g) Cải thiện đường vệ sinh trong trại. Nhà đặc biệt để thợ ngồi ăn và rửa ráy.

7. Tổ chức xã hội bảo hiểm cưỡng bách cho tất cả người làm công không phân biệt quốc tịch, hoàn toàn về bọn chủ và nhà nước phải trả (thất nghiệp, đau ốm, nạn bất kỳ trong lúc làm, tật nguyên, thai sản); thuốc men thường và không mất tiền cho người lao động và gia quyến; thuốc thí; người thất nghiệp cũng phải được hưởng những cái bảo hiểm này.

8. Hoàn toàn tự do tổ chức công hội; tự do đình công, thị uy, được quyền tổ chức quân tự vệ cho thợ thuyền. Thủ tiêu hoàn toàn sở trọng tài cưỡng bách. Thủ tiêu những luật chống công hội và quyền đình công.

9. Quyền bằng nhau cho tất cả thợ vô luận quốc tịch nào; tranh đấu kịch liệt chống các mưu gây ra sự ác cảm trong thợ thuyền khác nước.

10. Giải phóng các lao động bị bắt vì làm "reo" và vì hành động trong các công hội và các thợ thuyền khác.

Thảo luận về những điều yêu cầu trên này trong các xưởng và các mỏ, trên tàu hoả và tàu thuỷ. Anh em hãy đệ trình những điều chưa sửa và bổ khuyết tùy theo điều kiện thực tế trong từng kỹ nghệ, từng xí nghiệp. Anh em hãy tranh đấu để thực hành.

Anh em thợ nông phố, chị em và cu li làm đồn điền! Anh em chị em là bọn bị áp chế khổ hơn hết trong giai cấp vô sản Đông Dương! Chúng tôi gọi anh em hợp lực lại để gây nên công hội giai cấp. Ngay tại trường sở lao công, ngay tại đồn điền trong các sở đất, anh em hãy hợp lại thành đoàn thể công hội để tranh đấu cho được cải thiện số phận của mình, cải thiện điều kiện lao động.

Hãy tranh đấu để đạt những mục đích sau này:

1. Tăng tiền lương, bỏ cách trả lương bằng hoá vật; trả tiền lương không trừ tiền đã đưa trước (khi mới mộ).
2. Cấm dùng trẻ con của người làm công nông phố và dân cày, để trừ nợ cho cha mẹ. Cấm dùng trẻ con dưới 14 tuổi.
3. Cấm dùng hình phạt (bằng roi vọt đánh đập, giam cầm) và các sự khổ nhục khác đối với lao động.
4. Thủ tiêu các giấy giao kèo ngang ngược làm nô lệ người thợ, cấm dùng bọn phá reo; cấm cưỡng bách gửi thợ đi làm các vùng khác hay là các thuộc địa khác.

5. Bọn chủ phải trả phí tổn đi đường cho thợ nông phổ trong các đồn điền, tiền đi và tiền về: bỏ tiền chặn lại cưỡng bách.

6. Vào ra tự do trong các đồn điền và xí nghiệp. Nhà ở riêng cho đàn bà và đàn ông có gia quyến.

7. Tổ chức trong các đồn điền và sở ruộng những uỷ viên thợ để tranh đấu cho các điều yêu cầu của thợ và để kiểm điểm sự thực hành các điều yêu cầu ấy.

Anh em thợ nông phổ, chị em và cu li đồn điền! Hãy thảo luận về các điều yêu cầu trên này ở các buổi họp trong các đồn điền, trong mỗi sở ruộng, trong mỗi làng. Hãy bồi bổ vào thêm cho đúng quyền lợi và nhu yếu của mỗi nhóm thợ, tùy theo trường sở cho xí nghiệp của anh em, tùy theo tính cách việc làm. Cu li đồn điền Nam Kỳ, miền nam Trung Kỳ, Ai Lao và các vùng khác ở Đông Dương ta! Anh em làm công nông phổ và đày tớ các trại! Hãy trình tập yêu cầu cho bọn chủ, nhập vào với các tờ giao kèo công cộng và tranh đấu để thực hành! Anh em chớ để làm mưu hèn của quân đồn điền ăn cướp ở Nam Kỳ! Chúng nó bịa ra chuyện; phát đất cho người làm mướn ở nhà quê và dân cày nghèo để dùng những miếng đất manh mún ấy mà quyến rũ cu li vào làm đồn điền.

Hãy cộng tác tranh đấu cùng lao nông kỳ cho được đất để cày cấy, chống các sắc thuế, chống tiền tá thổ và các hình thức nông nô mà bọn bóc lột và áp chế bắt buộc.

Hãy ấy cộng tác tranh đấu cùng lao nầy cộng tác tranh đấu cùng lao nông kỳ cho được đất để cày cấy, chống các sắc thuế, chống tiền tá thổ và các hình thức nông



nô mà bọn bóc lột và áp chế bắt buộc.

Hãy lập ra các chi bộ độc lập của đày tớ trại và cu li trong các nông hội.

**CHÚNG TA KHÔNG PHẢI LÀ CÔ ĐỘC TRONG TRƯỜNG CHIẾN ĐẤU**

Tụi đế quốc muốn bóp nghấu phá cách mạng Tàu, để chia xẻ Tàu và để dự bị cuộc chiến tranh hoàn cầu, trước nhất là chống Liên bang Xôviết.

Vì các số lời lãi cướp giết của đế quốc, chúng dự bị xô đẩy anh em vào cuộc thăm sát mới, để hại kẻ đệ huynh giai cấp. Bọn cải lương Pháp là bọn Tổng công hội và bọn quốc gia cải lương Đông Dương là đồng loã của đế quốc Pháp trong cuộc bóp nghẹt và cướp bóc quần chúng lao động. Chúng giúp vào cuộc làm cho xứ ta thành là căn cứ quân đội để dự bị cuộc xô sát ở Thái Bình Dương.

Anh em và chị em, thợ thuyền nam nữ!

Chống các mưu đồ đế quốc! Kiên cố cơ vận động thợ thuyền cách mạng của các xứ ở trong Thái Bình Dương, dưới quyền chỉ huy của bộ thư ký công hội đại Thái Bình Dương. Hãy nhớ rằng chúng ta không phải cô độc trong cuộc chiến đấu đâu! Cuộc chiến đấu của chúng ta liên lạc cùng cuộc chiến đấu của thợ thuyền cách mạng toàn cầu.

**MUÓN CHO THỢ THUYỀN VÀ DÂN CÀY ĐẮC THẮNG**

Thợ thuyền đàn ông và đàn bà, thiếu niên lao động, do theo lập trường này mà đoàn kết cùng nhau! Hãy tổ chức các chi bộ công hội trong các xí nghiệp. Hãy chiến đấu cho yêu cầu được thắng! Chỉ có con đường này là anh em chống được sự kiên cố quyền áp chế thuộc địa! Giai cấp thợ thuyền ở Liên bang tranh đấu đã thắng lợi, đã dựng cái quốc gia vô sản thứ nhất trong thế giới, một cái quốc gia mà hàng chục triệu người lao động đuổi được bọn tư bản và đại địa chủ rồi, và dựng ra

cuộc đòi mới, dựng ra xã hội chủ nghĩa.

Đế quốc Pháp dù trấn áp thế nào, cũng không ngăn nổi cuộc cách mạng bùng nổ. Những việc xảy ra ở Đông Dương mới rồi báo cho ta biết là *bắt đầu một thời kỳ mới trong cuộc tranh đấu của quần chúng bị bóc lột*; một làn sóng cách mạng mới đang lên.

Kìa, anh em ta làm thợ sắp chữ ở nhà in Ardin, tại Sài Gòn đã bước vào đường tranh đấu. Hãy noi gương ấy!

Anh em, chị em thợ thuyền, đoàn kết cùng nhau, tự tổ chức trong các xí nghiệp; trong các xưởng bắc Trung Kỳ và Bắc Kỳ, mỏ ở Bắc Kỳ và Ai Lao, đồn điền miền nam Trung Kỳ và Nam Kỳ. Tàu hoả, các bến, các sở Ba Son trong xứ ta phải thành chỗ nương dựa cho cuộc vận động thợ thuyền. Phải lập khắp nơi trong các xí nghiệp, *các chi bộ công hội*, tổ chức các công hội quần chúng, phải làm cho đàn bà và thanh niên tham dự vào cuộc tranh đấu và các tổ chức công hội tổ chức các chi bộ thanh niên trong các công hội. Đoàn kết cùng nhau khắp nơi, trong các hội người đồng bang, trong các câu lạc bộ, trong các xéc thể thao, trong các sở mộ dân, v.v.. Hãy giao tiếp cùng các công hội đỏ và các hội viên; hãy vào công hội đỏ! Hãy dùng các cách thức hợp pháp (công khai) để tổ chức và để tranh đấu, được mở rộng thêm, củng cố thêm và thâm hoạch quyền công khai cho các công hội của chúng ta.

Phải làm thế nào cho ngay đến thợ khốn khó hơn hết, không kể tín ngưỡng chánh trị gì, quốc tịch gì, nam hay nữ, tuổi tác nào, ngay đến những kẻ không thấy được mục đích cuối cùng của cuộc tranh đấu, *mà muốn tranh đấu để cải thiện số phận mình*, có thể hiểu biết rằng: các công hội đỏ sẽ bênh vực tất cả các điều yêu cầu của họ, gọi họ hợp tác cùng chúng ta, vào chân các chi hội công hội trong xí nghiệp, cử

các đại biểu cách mạng, liên hợp với các đồng chí tiên phong đã bước vào trường chiến đấu.

Các Công hội đỏ mời giai cấp thợ thuyền làm thất bại tất cả âm mưu của kẻ làm tôi tớ cho giai cấp thù địch, mưu toan đứng đầu cuộc vận động thợ thuyền. Việc giải phóng thợ thuyền là công việc chính tay thợ thuyền phải làm. Sự trấn áp của đế quốc Pháp dù hung bạo đến đâu cũng không cản nổi vận động cách mạng. Những sự thất bại tạm thời có thể xảy ra luôn, nhưng giai cấp thợ thuyền sẽ đến đắc thắng hẳn, trong cuộc tranh đấu không thôi vì quyền lợi của giai cấp mình.

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Đảng toàn tập,*

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, t.4, tr.38-48.

---

\*Qua xác minh đây là “Cương lĩnh của Công hội giai cấp Đông Dương” ngày 20-11-1932. Đầu đề là do chúng tôi đặt. Tờ bìa có tên "*Lettres de mon moulin*" (Những bức thư viết từ cối xay gió của tôi) (B.T).

<sup>1)</sup> *Sous-contrat: Làm công theo hợp đồng* (B.T).

<sup>2)</sup> *Côngta: contrat (hợp đồng)* (B.T.).

## CƯỜNG LĨNH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG\*

### IV<sup>1</sup>. NHỮNG NHIỆM VỤ CƠ BẢN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG

#### 1. Cuộc cách mạng phản đế và điền địa

Người ta nói "cách mạng tư sản đế quốc", điều đó không có nghĩa là đó là giai cấp tư sản làm cách mạng hay làm cách mạng cho giai cấp tư sản. Những nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện nay có những tính chất "dân chủ", "tư sản", cho nên chúng ta gọi cuộc cách mạng này, cuộc cách mạng tranh đấu để lật đổ chủ nghĩa đế quốc và địa chủ, là cách mạng tư sản dân quyền. Có cuộc cách mạng tư sản dân quyền mà giai cấp tư sản lãnh đạo nông dân để lên nắm chính quyền, cũng có cuộc cách mạng tư sản dân quyền mà giai cấp vô sản lãnh đạo nông dân làm suy yếu giai cấp tư sản để thiết lập chính quyền công nông và cuộc cách mạng này được nâng lên trình độ xã hội chủ nghĩa - vô sản.

Chủ nghĩa đế quốc đã nắm trong tay nó tất cả quyền lực kinh tế và chính trị của đất nước, cho nên nếu không lật đổ nó sẽ không thể thực hiện một nhiệm vụ cách mạng nào dù nhỏ đến đâu. Lật đổ chủ nghĩa đế quốc để cho Đông Dương hoàn toàn độc lập, đó là cách mạng phản đế. Nhưng nếu chỉ lo cách mạng phản đế đồng thời không lo cách mạng điền địa - tịch thu tài sản của bọn địa chủ, chia ruộng đất cho nông dân - thì sẽ không thể lật đổ chủ nghĩa đế quốc cũng không thể lật đổ bọn vua quan bản xứ, bởi lẽ bọn này là đồng minh của chủ nghĩa đế quốc để tước đoạt và chà đạp những người lao động. Và vì vậy chỉ có giai cấp vô sản mới có đủ lực lượng để giải phóng Đông Dương khỏi áp bức, phải bên vực lợi ích của nông dân, tịch thu tài sản của địa chủ và chia cho nông dân để lôi kéo họ về phía chúng ta và lãnh đạo họ chống chủ nghĩa đế quốc Pháp áp bức.

Điều đó giải thích vì sao người ta không thể "làm cách mạng phản đế sau đó mới làm cách mạng điền địa". Cách mạng sẽ chỉ thắng lợi với điều kiện hai cuộc cách mạng ấy gắn bó chặt chẽ với nhau và cùng đi với nhau.

Với thắng lợi của cuộc cách mạng tư sản dân quyền, thiết lập "nền chuyên chính cách mạng dân chủ của giai cấp vô sản và giai cấp nông dân" dưới hình thức Xôviết (chính quyền Xôviết công nông). Dĩ nhiên giai cấp nông dân nằm dưới quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản với Đảng Cộng sản lãnh đạo chính quyền Xôviết. Chỉ có điều đó mới bảo đảm cho cách mạng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tổ chức nền chuyên chính công nông là tổ chức cuộc tranh đấu liên tục nhằm tiêu diệt bọn phong kiến đã bị lật đổ và bị tịch thu; cuộc tấn công quyết liệt chống giai cấp tư sản thành thị và nông thôn là giai cấp đã trở thành kẻ thù chính của cách mạng để có được những điều kiện cần thiết cho "chuyên chính cách mạng dân chủ của giai cấp vô sản và nông dân" chuyển hoá thành "chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản"... Đảng Cộng sản Đông Dương chống lại khẩu hiệu cơ hội chủ nghĩa "chuyên chính của giai cấp vô sản dựa trên nông dân" là khẩu hiệu mượn tên của Rôda Lúcxămbua để che đậy việc thực hành cuộc cách mạng rõ ràng là tiểu tư sản...

Tính đến "cách mạng vô sản", "chuyên chính vô sản" trong giai đoạn hiện nay của cách mạng Đông Dương là không hiểu tính chất áp bức giai cấp mà chúng ta đang là đối tượng, là không hiểu tầm quan trọng của cách mạng điền địa, là đánh giá thấp vai trò cách mạng của nông dân dưới quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản. Chủ nghĩa Tờrôttxki, đặc biệt là chủ nghĩa Tờrôttxki Đông Dương đang bảo vệ khẩu hiệu ấy dưới cái mặt nạ "chủ nghĩa cộng sản tả" để che giấu bản chất của chủ nghĩa "cải lương quốc gia phản cách mạng".

Trong lúc cần phải thực hành những nhiệm vụ của cách mạng dân chủ, giai cấp nông dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, có năng lực tham gia chính quyền để đẩy cách mạng tiến lên.

Chế độ nghị trường chỉ là một hình thức chuyên chính của chủ nghĩa tư bản. Chúng ta, những người lao động, không muốn gạt bỏ chủ nghĩa đế quốc để lại rơi vào ách của "những người đồng loại" cho nên chúng ta nhằm thực hiện chế độ Xôviết thực sự; đó là nền dân chủ rộng rãi của giai cấp những người lao động chống lại bọn bóc lột.

## *2. Tịch thu của những kẻ thù giai cấp của giai cấp vô sản và của giai cấp nông dân*

Phải sử dụng chính quyền Xôviết của giai cấp vô sản và giai cấp nông dân như là vũ khí để làm một cuộc "cách mạng kinh tế", để giành lấy những điều kiện cần thiết cho việc thủ tiêu phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Bước thứ nhất là tịch thu của chủ nghĩa đế quốc và bọn phong kiến:

### **A- Công nghiệp, vận tải, bưu chính**

a) Tịch thu và quốc hữu hoá tất cả những nhà máy công nghiệp của chủ nghĩa đế quốc (nhà máy, hầm mỏ, các nhà máy điện, v.v.); lần lượt tịch thu tất cả tài sản của giai cấp tư sản phản cách mạng bản xứ; quốc hữu hoá các ngành công nghiệp khác nhau.

b) Tịch thu và quốc hữu hoá các phương tiện vận tải của đế quốc (vận tải đường biển, đường sông, đường sắt, hàng không, xe ca).

c) Tịch thu và quốc hữu hoá các phương tiện liên lạc (bưu điện, điện tín, điện thoại, vô tuyến điện tín).

d) Mở rộng mọi ngành công nghiệp ở Đông Dương, đặc biệt là công nghiệp nặng; tổ chức công nghiệp theo những nhu cầu của quần chúng lao động, phát triển nông nghiệp trong mối liên hệ chặt chẽ với công nghiệp, để cho các lực lượng sản xuất của đất nước phát triển tự do.

e) Tổ chức việc giai cấp vô sản quản lý công nghiệp; tổ chức các cơ quan chính quyền Xôviết sao cho những cơ quan này gắn bó chặt chẽ với công đoàn và các uỷ ban nhà máy để lãnh đạo nền công nghiệp có kế hoạch.

## **B- Nông nghiệp**

Về cách mạng điền địa, Đảng Cộng sản tuân theo những nguyên tắc sau đây: để xoá bỏ hoàn toàn phương thức bóc lột phong kiến, người ta sẽ không chỉ tịch thu những sở hữu ruộng đất lớn, mà toàn bộ giai cấp địa chủ. Một địa chủ không phải là một người sở hữu 50 hay 100 mẫu và hơn nữa, số ruộng đất không đủ để quy định giai cấp; địa chủ là người có ruộng đất - rất thường khi là vô hạn - phát canh để thu tô.

Đảng Cộng sản dự tính:

a) Tịch thu không bồi thường tất cả ruộng đất, đồng cỏ, vườn tược của địa chủ cùng một lúc cả súc vật và nông cụ của chúng để sau đó chia lại cho nông dân lao động theo nguyên tắc tiêu dùng chứ không phải nguyên tắc tư liệu sản xuất. Chia cho nông dân lao động ruộng đất công, ruộng đất thuộc cha cố, nhà thờ và chùa chiền.

b) Tịch thu tất cả những đồn điền của đế quốc và bọn đại tư bản nông thôn bản xứ phân cách mạng; tịch thu những công trình thủy lợi chính và chuyển giao cho các Xôviết công nông; quốc hữu hoá tất cả rừng núi.

c) Cấm bán và mua đất để bảo vệ nông dân khỏi bị bọn bóc lột chiếm đoạt; tranh đấu chống bọn cho vay nặng lãi; xoá nợ của nông dân vay của phú nông, địa chủ và đế quốc; miễn thuế cho nông dân nghèo.

d) Phát triển lực lượng sản xuất nông nghiệp. Sử dụng máy móc, điện, phân bón hoá học; chọn giống, giúp đỡ tài chính cho nông dân trong vụ gặt hái; truyền bá tư tưởng tập thể hoá.

e) Quốc hữu hoá toàn bộ ruộng đất.

Đảng Cộng sản kiên quyết phản đối khuynh hướng cơ hội "không chia đất cho nông dân để giữ được tập trung, không bị phân chia manh mún, nếu không về sau sẽ khó mà tập trung đất". Phải chia đất để nông dân gắn bó với giai cấp vô sản, tin cậy chính quyền Xôviết rồi dựa vào họ và từng bước giai cấp vô sản

dẫn dắt tiểu nông đi vào con đường tập thể hoá. Chia đất trước hết cho bản nông rồi cho trung nông; có hai loại vô sản nông thôn chủ yếu:

Ở các đồn điền, họ đã được tập trung, chúng ta không bao giờ định phân chia đồn điền cao su, cà phê, bông..., còn những người đi cày, đi cấy, đi gặt để lấy công, rất thường là nửa vô sản, họ muốn có đất cho nên phải chia đất đã tịch thu của địa chủ cho họ; nhưng bao giờ Đảng cũng phải làm cho tất cả những người lao động nông nghiệp hiểu rằng tương lai của họ là ở chủ nghĩa xã hội.

Quốc hữu hoá đất đai là nhiệm vụ triệt để nhất của cách mạng tư sản dân quyền, sau đó người ta bắt đầu cuộc tranh đấu thực sự để thực hiện chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng tư hữu đã ăn sâu trong trí óc người nông dân, điều đó giải thích rằng phải từng bước xoá bỏ quyền tư hữu đất đai. Không nên vội vã, vội vã sẽ không tránh khỏi làm hại cho liên minh giữa vô sản với nông dân, cho chính quyền Xôviết.

Sở hữu của nông dân (xem tiếng Việt) là một ngã tư. Có khả năng là nông nghiệp phát triển theo con đường tư bản và cả theo con đường xã hội chủ nghĩa. Chính quyền Xôviết do Đảng Cộng sản lãnh đạo là vũ khí chắc chắn để đưa nông nghiệp và toàn bộ nền kinh tế của đất nước vào con đường của chủ nghĩa xã hội, đó là nhiệm vụ quan trọng của cách mạng vô sản.

### **C- Thương nghiệp và ngân hàng**

a) Quốc hữu hoá tất cả các ngân hàng và công ty tín dụng (chuyển giao vàng bạc cho chính phủ Xôviết); tổ chức một ngân hàng trung ương.

b) Tịch thu và quốc hữu hoá tất cả các cửa hàng lớn của đế quốc (và của giai cấp tư sản bản xứ phản cách mạng).

c) Tổ chức các hợp tác xã mua bán và tiêu thụ.

d) Độc quyền ngoại thương.

e) Xoá tất cả các món nợ nhà nước vay tư bản ngoại quốc và bản xứ.

### **D- Bảo hộ lao động**



- a) Áp dụng luật mỗi tuần làm năm ngày, mỗi ngày làm tám giờ, bảy giờ ở những ngành công nghiệp có hại cho sức khoẻ của người lao động; giảm bớt dần thời gian lao động với sự phát triển của kỹ thuật; tăng tiền công.
- b) Cấm bắt đàn bà làm ban đêm và ở những nơi độc hại; cấm sử dụng trẻ con; cấm chế độ làm thêm; thiếu niên dưới 18 tuổi làm việc sáu giờ mỗi ngày; dạy cho con cái người lao động học nghề, học chữ và chính trị.
- c) Áp dụng luật bảo hiểm xã hội do nhà nước và giới chủ chi phí (trợ cấp cho người già, người tàn tật và người thất nghiệp, v.v.) bảo hiểm phải do những người lao động điều hành.
- d) Về vệ sinh cho người lao động: thuốc men và khám bệnh không mất tiền, trừ những bệnh hoa liễu, bệnh lao, nghiện rượu, hút thuốc phiện...
- e) Bình đẳng nam nữ trước pháp luật, trong phong tục; triệt để thay đổi luật hôn nhân; bảo vệ đàn bà và trẻ em.

### **E- Nhà ở**

- a) Tịch thu không bồi thường các lâu đài và bất động sản của đế quốc và đại tư bản bản xứ và chuyển giao cho các Xôviết địa phương quản lý.
- b) Cấp cho công nhân và những người lao động những lâu đài và đường phố rộng rãi sạch sẽ do bọn đế quốc tư bản ở trước cách mạng, biến những câu lạc bộ của bọn bóc lột thành nơi nghỉ ngơi và giáo dục của người lao động.
- c) Xây dựng nhà ở của công nhân bên cạnh nơi làm việc.
- d) Mở rộng giáo dục vô sản, quốc tế chủ nghĩa; nâng cao trình độ tư duy chính trị, mức sống của người lao động; phổ thông hoá giáo dục trong người lao động và con cái họ.

Giai cấp vô sản không chỉ tiến hành cuộc tranh đấu trong kinh tế và chính trị mà cả trong tư tưởng. Giáo dục vô sản phải được phát triển đi đôi với kinh tế và chính trị cách mạng. Cách mạng xoá bỏ độc quyền giáo dục của đế quốc, phong kiến - những kẻ nhồi sọ nhân dân, đào tạo những đày

tở trung thành, giam hãm người lao động trong cảnh tối tăm của sự dốt nát - nhà nước Xôviết giành về mình sự độc quyền giáo dục để đào tạo những con người vô sản có tài năng, thức tỉnh nhân dân đến với nền văn minh sáng sủa, đẩy mạnh tranh đấu giai cấp để trừ diệt bọn bóc lột, xoá bỏ các ý thức hệ tư sản và tiểu tư sản... Chính phủ và Đảng hành động dựa trên chủ nghĩa duy vật, trên sự tồn tại, trên quan điểm chống mọi tư tưởng duy tâm.

### *3. Vấn đề dân tộc và những nhiệm vụ của cuộc cách mạng Đông Dương*

Có nhiều dân tộc ở Đông Dương, đông nhất là người An Nam, sau đó là người Cao Miên, người Lào, người Mán, người Mường, người Mọi, v.v. và nhiều tộc người khác lạc hậu hơn ở miền thượng du Bắc Kỳ.

Lý thuyết về chủng tộc của chủ nghĩa đế quốc Pháp ở đây cũng như ở khắp nơi là chia để trị. Đế quốc chủ trương gây hận thù chủng tộc, đẩy dân tộc này tranh chấp với dân tộc kia, tổ chức quân đội Miên và Mọi, v.v. chống các cuộc biểu tình của người lao động An Nam, mặt khác chúng lại động viên lính An Nam để bảo vệ hoà bình ở Cao Miên, để cai trị người Mọi và áp bức người Mường.

Bọn tư bản và địa chủ ủng hộ và thực hành chính sách chủng tộc này, chính sách kích động hận thù và trả thù của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Chúng còn cầu mong rằng các dân tộc thiểu số sẽ bị loại trừ để chúng có thể chiếm toàn Đông Dương. Khẩu hiệu "Đông Dương cho người An Nam" của bọn quốc gia cải lương chứa đựng cùng một ý nghĩa.

Các đảng quốc gia cách mạng thường không hiểu vấn đề dân tộc. Đầu óc quốc gia hẹp hòi của họ bao giờ cũng nổi trội, họ coi khinh người Cao Miên, người Mọi, người Mường, người Mán, người Lào và tự coi mình là "văn minh", "thượng đẳng"! Quốc dân Đảng còn chủ trương chiếm Cao Miên và Lào sau khi An Nam được độc lập. Chưa được giải phóng khỏi xiềng xích đế quốc mà người ta đã nghĩ đến áp bức các dân tộc thiểu số.

Chiến lược của Đảng Cộng sản trong vấn đề dân tộc thiểu số là: vì họ bị áp bức nhiều đồng thời bởi chủ nghĩa đế quốc Pháp và phong kiến bản xứ, cho nên họ có nghị lực cách mạng biểu hiện trong các cuộc nổi dậy anh hùng chống kẻ thù chung. Chúng ta phải sử dụng năng lực tranh đấu này. Cuộc tranh đấu đẫm máu ở Ninh - Thanh - Lợi năm 1927, mặc dù có tính chất tự phát, nhưng có tính chất phản đế, phản phong rất rõ rệt. Ngày nay nhiều dân tộc thiểu số còn nổi dậy chống sự thâm nhập của đế quốc để bảo vệ độc lập, chống việc cướp đoạt ruộng đất của người bản xứ cho bọn thực dân đồn điền. Vấn đề dân tộc là một vấn đề quan trọng của cách mạng Đông Dương. Nếu những dân tộc này được giải phóng khỏi kiếp ngựa trâu thì sẽ có thể mở đầu thắng lợi hoàn toàn của cuộc cách mạng tư sản dân chủ. Đảng Cộng sản tranh đấu cho:

- a) Sự tự quyết của các dân tộc cho đến sự độc lập của xứ sở.
- b) Sự tự do lãnh đạo và tập trung các lực lượng vũ trang, kinh tế vào tay các dân tộc tự do... bộ phận của Liên bang Xôviết thế giới.
- c) Sự bình đẳng hoàn toàn của các dân tộc.
- d) Việc tổ chức một nền giáo dục vô sản quốc tế đối với mỗi nước dưới hình thức dân tộc (ngôn ngữ dân tộc).
- e) Việc tận tình giúp đỡ sự phát triển của lực lượng sản xuất ở những vùng lạc hậu thuộc các dân tộc thiểu số (kinh tế, chính trị, giáo dục) trên cơ sở đó chúng ta thực sự thực hành quyền bình đẳng của các dân tộc.
- f) Việc xoá bỏ những dấu vết dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi về chủng tộc theo tinh thần con người, trước hết là trong những người lao động.

Hai khẩu hiệu: "Tự do tách ra để tổ chức nền độc lập dân tộc" và "Tự do liên hợp... các Cộng hoà Xôviết Đông Dương" hoàn toàn không mâu thuẫn nhau, khẩu hiệu này không phải là một trở ngại cho khẩu hiệu kia, bởi vì giai cấp vô sản An Nam phải tranh đấu cho quyền tự quyết của các dân tộc nhỏ yếu, nếu nó

muốn rằng các dân tộc này tin cậy ở nó và nếu nó muốn bóc bỏ chính sách chủng tộc của chủ nghĩa đế quốc. Do đó mà các dân tộc chỉ có thể liên hiệp lại nếu họ tin cậy lẫn nhau.

Trong một vùng có nhiều dân tộc sinh sống và nhất là ở Đông Dương, nơi có không ít dân tộc rất nhỏ với số dân chỉ mấy ngàn người, thì khẩu hiệu "Quyền tự quyết cho đến độc lập dân tộc" là không đủ, nó phải được bổ sung bằng khẩu hiệu "Bình đẳng dân tộc".

Để thi hành những khẩu hiệu chiến lược nói trên, Đảng Cộng sản phải có một sách lược đúng đắn, hằng ngày Đảng Cộng sản tranh đấu chủ yếu cho người lao động, trước hết cho những phần tử vô sản trong các dân tộc thiểu số, tổ chức mặt trận tranh đấu thống nhất; chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc, chống bọn bóc lột bản xứ. Phải tuyên truyền tối đa để loại trừ hận thù chủng tộc, phải tổ chức các cuộc tranh đấu để đoàn kết một dân tộc này với một dân tộc khác trong cuộc tranh đấu chống chủ nghĩa đế quốc và bọn phong kiến. Còn phải tùy theo trình độ phân hoá giai cấp mà đưa ra những khẩu hiệu chống bọn tù trưởng còn lạc hậu, ở một vài nơi những tù trưởng này còn lãnh đạo các dân tộc chống đế quốc, ở nhiều nơi khác các tù trưởng này cũng đầu hàng trước chủ nghĩa đế quốc và liên minh với đế quốc để khủng bố nhân dân. Cuộc tranh đấu để giải phóng các dân tộc thiểu số ở Đông Dương có một ảnh hưởng rộng rãi vượt ra ngoài các biên giới bởi vì trước hết người Thái ở Lào và người Thái ở Xiêm cũng là một.

#### *4. Sự chuyển biến của cách mạng tư sản dân chủ sang cách mạng xã hội chủ nghĩa*

Cách mạng tư sản dân chủ là một bước tất yếu, một giai đoạn quá độ của cách mạng Đông Dương sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Giai cấp vô sản liên minh với giai cấp nông dân; nắm quyền lãnh đạo giai cấp nông dân để lật đổ chủ nghĩa đế quốc và bọn địa chủ, thiết lập chuyên chính công nông, đó là làm cách

mạng tư sản dân chủ; giai cấp vô sản nắm quyền lãnh đạo nông dân nghèo để đè bẹp giai cấp tư sản thành thị và nông thôn, để thiết lập chuyên chính của giai cấp vô sản, để xoá bỏ các giai cấp, đó là làm cách mạng vô sản, hai giai đoạn nối tiếp nhau, điều đó không mấy may có nghĩa là chúng không khác nhau theo tinh thần và lịch sử; không có một vụn lý tưởng thành ngăn cách cuộc cách mạng này với cuộc cách mạng kia. Cách mạng tư sản dân chủ phát triển thành cách mạng vô sản xã hội chủ nghĩa, cuộc cách mạng sau ngoài những nhiệm vụ cơ bản có thể làm một số nhiệm vụ còn lại của cuộc cách mạng tư sản dân chủ. Vào lúc mà chủ nghĩa đế quốc liên minh với bọn phong kiến để thống trị; chủ nghĩa tư bản thế giới đang hấp hối; giai cấp tư sản rõ ràng ngày càng phản động, thì cách mạng tư sản dân chủ không thể không chuyển thành cách mạng vô sản xã hội chủ nghĩa. Nó chuyển biến nhanh hay chậm là tùy vào những điều kiện chủ yếu sau đây: một là, lực lượng của Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp vô sản; hai là, liên minh và quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản đối với giai cấp nông dân, nhất là đối với nông dân nghèo; ba là, lực lượng của các nước chuyên chính vô sản trên quả địa cầu.

Ở Đông Dương, ngay trong thời đại cách mạng phản đế và điền địa, đã có cuộc chiến đấu giữa giai cấp tư sản bản xứ và những người công nhân và nông dân; phú nông lùi từng bước sang phe cải lương phản động; sự phân hoá giai cấp là một điều kiện thuận lợi cho sự biến đổi thành cách mạng xã hội chủ nghĩa sau này.

Chủ nghĩa Lênin dạy rằng trong giai đoạn biến đổi, phải trung lập hoá trung nông, đó là con đường chính của chúng ta. Nếu chuyên chính công nông được củng cố, trung nông thoát khỏi nguy cơ bán cùng hoá, ách địa chủ, tư bản, buôn bán, chủ nghĩa đế quốc, nhận được thêm đất, thêm sự giúp đỡ của chính quyền Xôviết về mọi mặt..., tinh thần chao đảo ở trung nông có thể yếu đi, giai đoạn

trung lập hoá họ sẽ được rút ngắn lại hay chúng ta sẽ có thể nhảy qua giai đoạn trung lập hoá ấy để trực tiếp liên minh với họ.

Nếu cuộc cách mạng tư sản dân chủ là triệt để, chính quyền của công nông được thiết lập với quyền lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản thì sự chuyển tiếp từ cách mạng tư sản dân chủ sang cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ không trải qua một cuộc khởi nghĩa vũ trang như cuộc Cách mạng Tháng Mười, mà phát triển một cách hoà bình hơn, điều đó không mấy may có nghĩa là sẽ không có tranh đấu quyết liệt đổ máu. Giai cấp tư sản, phú nông, tất cả những bọn bóc lột bị đánh bại sẽ cùng nhau liên minh để phản kháng chống lại chính quyền Xôviết công nông, để bảo vệ quyền tồn tại, quyền cướp đoạt cho đến giọt máu cuối cùng của chúng. Tuy nhiên là giai cấp vô sản không thể "nhân đạo" tự do chủ nghĩa với kẻ thù, nó phải tăng thêm năng lực chiến đấu bằng vũ khí, kinh tế, hành chính, giáo dục, v.v.. Nếu nó muốn thực hiện chủ nghĩa xã hội; cho đến nay "sức mạnh vũ trang là sức khoẻ của lịch sử nhân loại".

Cách mạng Đông Dương là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới; chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi trên 1/6 địa cầu; trên quả đất có một phong trào Xôviết mạnh mẽ; ở Đông Dương chủ nghĩa tư bản đã phát triển, nhưng lực lượng sản xuất chỉ phát triển ở một mức độ còn rất thấp, không đủ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội một cách độc lập. Nếu cuộc cách mạng tư sản dân chủ thắng lợi, chính quyền Xôviết được thiết lập thì Đông Dương Xôviết sẽ gia nhập vào hệ thống thế giới của chuyên chính vô sản, vào Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xôviết. Mặc dù tình trạng lạc hậu của nó thì so với các nước chuyên chính vô sản tiên tiến, Đông Dương cũng sẽ được xem như nông thôn với thành thị, nông nghiệp với công nghiệp. Nếu công nghiệp xã hội chủ nghĩa có khả năng lôi kéo nông nghiệp vào công cuộc tập thể hoá thì các nước chuyên chính vô sản tiên tiến cũng có khả năng giúp đỡ các nước Xôviết lạc hậu phát triển thông qua giai đoạn phi tư bản chủ nghĩa và trực tiếp đi

vào xây dựng chủ nghĩa xã hội không giai cấp, không có người bóc lột người. Dưới chế độ chuyên chính vô sản thế giới, Đông Dương sẽ không còn đóng vai trò người cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp các nước khác. Trái lại lực lượng sản xuất phát triển một cách tự do ở Đông Dương theo một kế hoạch để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của quảng đại quần chúng lao động. Tóm lại, do sự giúp đỡ của các nước chuyên chính vô sản tiên tiến, sự chuyển tiếp của cách mạng Đông Dương sang chủ nghĩa xã hội sẽ nhanh chóng hơn và dễ dàng hơn. Với giai cấp vô sản thế giới những người vô sản Đông Dương tranh đấu kiên quyết cho đến khi thiết lập chủ nghĩa cộng sản thế giới, mục đích cuối cùng của Quốc tế Cộng sản. (Dự thảo đề thảo luận trong Đảng).

## V- CÁC GIAI CẤP VÀ CÁC LỰC LƯỢNG TÍCH CỰC CỦA CÁCH MẠNG ĐÔNG DƯƠNG

### 1. *Giai cấp tư sản bản xứ và chủ nghĩa cải lương quốc gia*

Giai cấp tư sản ở Đông Dương có những tính chất riêng biệt sau đây mà chúng ta phải xác định rõ để hiểu được vai trò của nó trong cách mạng, để có một sách lược đúng với nó.

a) Nó không "thống nhất" và bao gồm các nhóm chủ yếu: giai cấp tư sản người Ấn Độ chuyên cho vay nặng lãi và bán sản phẩm của Anh; giai cấp tư sản người Hoa chiếm một địa vị quan trọng trong kinh tế Đông Dương nhất là ở miền Nam, không chỉ làm nghề buôn mà còn làm công nghiệp nhất là trong các ngành công nghiệp nhẹ: xay xát, xà phòng, cán thép, ấn loát, v.v.. Họ được tổ chức chặt chẽ và bị đế quốc Pháp đánh thuế nặng; giai cấp tư sản An Nam chiếm ưu thế trong giai cấp tư sản bản xứ nói chung. Ba loại tư bản ấy có lợi ích mâu thuẫn nhau nhưng họ có thể tạm thời liên kết lại chống kẻ thù chung, chẳng hạn chống lại Ngân hàng Đông Dương cũng như chống lại phong trào cộng sản.

Trong cách mạng Đông Dương, chúng ta phải chú ý nhiều hơn đến giai cấp tư sản bản xứ.

b) Nói chung, giai cấp tư sản bản xứ chỉ tồn tại từ khi chiến tranh đế quốc thế giới kết thúc, từ khi chính sách thực dân của chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Đông Dương hướng vào những thủ đoạn và những lợi ích của tư bản tài chính. Địa vị của họ trong đời sống kinh tế còn yếu nhất là ở phía nam. Dù sao, những năm vừa qua - từ 1925 - 1926 họ hoạt động tích cực để chiếm lấy quyền bóc lột công nhân, để phân chia giá trị thặng dư và quyết tâm giữ một vị trí tốt hơn trước trong bộ máy hành chính của chủ nghĩa đế quốc Pháp. Họ còn yếu về số lượng, họ đã nắm được ngành vận tải, thương mại, công nghiệp, v.v.. Ở phía bắc họ có ưu thế hơn giai cấp tư sản người Tàu.

c) Nói chung, giai cấp tư sản bản xứ là giai cấp tư sản trí thức buôn bán. Với bằng cấp của chúng, chúng phục vụ nhà nước hiện nay trong việc đàn áp nhân dân, đó là mục tiêu của giai cấp tư sản trí thức; về giai cấp tư sản buôn bán, chúng trực tiếp phụ thuộc vào lợi ích ăn cướp của chủ nghĩa đế quốc. Giai cấp tư sản công nghiệp quá ít vì chủ nghĩa đế quốc hạn chế sự phát triển tự do của công nghiệp dân tộc. Chúng có lợi ích cơ bản hoàn toàn trái với lợi ích của chủ nghĩa đế quốc, bởi vì ý muốn của chúng là phát triển công nghiệp ở Đông Dương một cách tự do, chấm dứt sự cạnh tranh của hàng hoá của chủ nghĩa đế quốc. Vì tư bản, những kỹ sư, các bộ máy áp bức công nhân, v.v., giai cấp tư sản dân tộc phục tùng và phụ thuộc mật thiết vào đế quốc Pháp.

d) Giai cấp tư sản bản xứ gắn bó mật thiết với bọn địa chủ; bọn đại tư bản tất cả đều có ruộng đất không giới hạn, nó bóc lột đồng thời cả công nhân và nông dân; chính là những đại địa chủ Nam Kỳ đã lập ra tín dụng An Nam, v.v.. Vì vậy cho nên giai cấp tư sản bản xứ không chỉ không tán thành cách mạng điền địa mà còn không dám chấp nhận thật sự cải cách điền địa.



e) Giai cấp tư sản bản xứ là giai cấp ở nước thuộc địa. Nó không có chính quyền, cũng không chia sẻ chính quyền với chủ nghĩa đế quốc. Nó chỉ là tôi tớ của chủ nghĩa đế quốc như tay chân của chúng, ở địa vị phụ thuộc vào bộ máy chính quyền của chủ nghĩa đế quốc.

f) Giai cấp tư sản bản xứ không bao giờ công khai chống chủ nghĩa đế quốc, bao giờ nó cũng liên kết với chủ nghĩa đế quốc để đàn áp phong trào cách mạng. Lập trường của nó đối với chủ nghĩa đế quốc là dựa trên những đặc tính nói ở trên. Phong trào cách mạng càng mạnh thì giai cấp ấy càng liên kết chặt chẽ với chủ nghĩa đế quốc và bọn địa chủ.

\*

\* \*

Một bộ phận của giai cấp tư sản Đông Dương công khai phản cách mạng; một bộ phận khác đứng trên lập trường quốc gia cải lương, cũng thù địch với phong trào cách mạng, do đó nó nguy hiểm cho chúng ta hơn bộ phận phản cách mạng. Tự nhiên là thái độ của nó là do dự, không bảo vệ cách mạng, mà cũng không dám công khai tuyên bố đi với chủ nghĩa đế quốc. Đôi khi nó đứng về phía công nhân với tất cả mọi nghị lực nhưng nhằm mục đích duy nhất là làm cho công nhân hợp tác với kẻ thù giai cấp của mình. Đường lối chính trị của nó tóm lại trong các chữ "Pháp - Việt đề huề", lý thuyết của hai ông già Phan Sào Nam và Phan Tây Hồ.

Chiến lược của Đảng Cộng sản đối với giai cấp tư sản bản xứ và bọn quốc gia cải lương là:

a) Trong thời kỳ cách mạng phản đế và điền địa, cách mạng tư sản dân chủ, không có khẩu hiệu "Lật đổ giai cấp tư sản", chỉ có khẩu hiệu "Lật đổ chủ nghĩa đế quốc và bọn địa chủ". Lật đổ giai cấp tư sản là khẩu hiệu của cách mạng vô sản xã hội chủ nghĩa. Ngay cả trong thời kỳ cách mạng tư sản dân chủ, chúng ta đã thấy giai cấp vô sản trong cuộc tranh đấu chính trị của mình cũng đã kịch

liệt chống giai cấp tư sản. Sự phân hoá giai cấp càng sâu sắc thì cách mạng càng tiến triển.

b) Thừa nhận rằng phái quốc gia cải lương tranh đấu cho sự hợp tác giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, giữa nông dân và địa chủ, giữa tất cả những người lao động và chủ nghĩa đế quốc để phá hoại phong trào cách mạng, cho nên Đảng Cộng sản coi nó là nguy hiểm hơn trong giai đoạn hiện nay của cách mạng. Hơn nữa nó đã có một ảnh hưởng lớn trong quần chúng lao động. Không thể lôi kéo giai cấp vô sản, những người lao động về phía chúng ta, không thể lật đổ chủ nghĩa đế quốc và bọn địa chủ nếu không tiến hành một cuộc tranh đấu kiên quyết chống lại ảnh hưởng ấy.

c) Từ nay chúng ta phải tập trung những lực lượng to lớn của chúng ta để tranh đấu chống mọi nguy hiểm ấy, nghĩa là tiêu diệt hoàn toàn ảnh hưởng quốc gia cải lương trong những người lao động, cô lập ảnh hưởng ấy khỏi quần chúng, đó là một điều kiện căn bản cho thắng lợi của cuộc cách mạng tư sản dân chủ.

d) Trong cuộc tranh đấu này, chúng ta phải vạch trần một cách chu đáo bọn quốc gia cải lương "tả khuynh", đó là kẻ đang lừa bịp quần chúng bằng cách động viên họ ra đường vì mục đích duy nhất là bảo vệ chế độ thuộc địa ở Đông Dương. Đảng Cộng sản hoàn toàn chống lại những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa nói rằng: "Quốc gia cải lương là một nguy cơ lớn, hiện nay nó chưa phải là như vậy đối với cách mạng"; và đánh giá thấp cuộc tranh đấu chống quốc gia cải lương "tả khuynh"; và lẫn lộn chuyên chính của chủ nghĩa đế quốc và chuyên chính của giai cấp tư sản bản xứ.

## *2. Các loại tiểu tư sản và quốc gia cải lương*

Có nhiều loại tiểu tư sản, mỗi loại có một thái độ khác đối với cách mạng: người thủ công lớn có lợi ích đối địch với chủ nghĩa đế quốc bởi vì chủ nghĩa đế quốc nhập khẩu hàng hoá vào Đông Dương và đánh thuế nặng những người thủ công này, nhưng đồng thời họ cũng bóc lột những thợ học việc của mình cho

nên họ chống lại các phong trào giai cấp của giai cấp vô sản. Thái độ của họ rõ ràng ngả nghiêng, không thể đứng về phía cách mạng. Người thợ thủ công nhỏ một mặt không bóc lột ai, mặt khác bị đế quốc và bọn tư bản lớn bóc lột nhiều, họ nhanh chóng rơi vào cảnh bần cùng, phải phụ thuộc vào những nhà máy lớn, cho nên họ có thể đứng về phía cách mạng. Họ phải được giai cấp vô sản lãnh đạo để không đi vào khủng bố cá nhân, làm loạn, v.v.. Những lợi ích sâu xa không phải là bảo vệ một cửa hàng nhỏ như họ hy vọng mà chủ yếu là đi vào hợp tác mua bán dưới chế độ Xôviết và từng bước đi vào chủ nghĩa xã hội.

Học sinh nghèo, con cái người lao động có thể đi với cách mạng. Phần đông trong số họ là con cái địa chủ, tư bản, quan lại, vai trò của họ trong cuộc tranh đấu phản đế không nhỏ trong thời kỳ cao trào cách mạng. Các phong trào học sinh lên từ 1925 đến 1929 như gió thổi trên mặt nước mà không lay động tận dưới đáy và hầu như không thể lay chuyển gì các cơ sở kinh tế và chính trị của chủ nghĩa đế quốc. Dần dần từng bước, nếu các phong trào cách mạng của vô sản và nông dân lớn lên về bề sâu và bề rộng và rõ ràng mang tính chất giai cấp như trong năm 1930 và sau đó, thì phong trào học sinh xẹp xuống, mất tính chất phản đế trước kia của nó và hơn nữa chuyển sang phe quốc gia cải lương chống lại cách mạng công nông. Chỉ có một bộ phận không đáng kể học sinh hiểu được sự tiến hoá của xã hội, chuyển sang phe giai cấp vô sản. Trong số họ có những phần tử, hoặc là do dự trong bước ngoặt khó khăn của khủng bố, hoặc là phản bội giữa trường tranh đấu giai cấp, nhưng cũng có một số phần tử rất trung thành với sự nghiệp của giai cấp vô sản và do đó đóng một vai trò cách mạng quan trọng.

Những thương nhân thường tìm cách bảo tồn "cải tiến" chế độ bóc lột hiện nay. Về những người dân nghèo thành thị (người bán rong, trí thức, thất nghiệp, nông dân bị bần cùng hoá, tiểu công chức của chính phủ và của tư nhân, v.v.) ở vào những điều kiện khó khăn, dưới ách nặng nề của chủ nghĩa đế quốc nên có thể

đi với cách mạng. Giai cấp vô sản phải sử dụng họ như những lực lượng dự trữ của mình cho cuộc cách mạng phản đế và điền địa.

Khuynh hướng chính trị đặc thù của giai cấp tiểu tư sản ở Đông Dương - ở các thuộc địa nói chung - là quốc gia cách mạng. Người quốc gia cách mạng muốn lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc Pháp, và chỉ chủ nghĩa đế quốc Pháp mà thôi, và sau đó tuyên bố nền cộng hoà tư sản. Họ kiên quyết phản đối cách mạng điền địa, tóm lại họ không muốn thay thế một ông chủ này bằng một ông chủ khác. Những tập đoàn quốc gia cách mạng như Quốc dân Đảng, đảng của giai cấp tiểu tư sản, tranh đấu cho quyền lực của giai cấp tư sản bản xứ, cho sự tự do phát triển của tư bản ở Đông Dương, từ đó không tránh khỏi làm phá sản giai cấp tiểu tư sản theo những quy luật tích tụ và tập trung tư bản.

Quốc dân Đảng là đảng nổi tiếng nhất trong tất cả các đảng tiểu tư sản (họ tổ chức cuộc khởi nghĩa Yên Bái), là đảng có ảnh hưởng nhất trong dân chúng. Đã có thời nó có một tổ chức vững chắc với tính chất rõ ràng tư sản. Đảng "nhân dân cấp tiến" quá cố đã mượn chủ nghĩa Tôn Dật Tiên, đã du nhập lý thuyết "Tam dân" của ông thầy Tưởng Giới Thạch. Điều đặc biệt, trong sinh hoạt chính trị Đông Dương là bọn tư bản quốc gia cải lương không có một đảng thật sự của mình. Đảng Lập hiến chỉ có tên mà không có tổ chức. Lợi ích của tất cả giai cấp tư sản bản xứ là do các nhóm tiểu tư sản bảo vệ.

Đảng Cộng sản phân biệt một cách rõ ràng các khuynh hướng quốc gia cách mạng với các khuynh hướng quốc gia cải lương. Khuynh hướng thứ nhất còn tìm cách tranh đấu chống chủ nghĩa đế quốc, còn khuynh hướng thứ hai thì tìm cách hợp tác với chủ nghĩa đế quốc. Chính là do sự áp bức dân tộc mà thành kiến "chống Pháp, cứu nhân dân và Tổ quốc" của những người quốc gia cách mạng thâm vào trong đầu óc quần chúng, đó là một mối nguy hiểm đối với cách mạng, chắc chắn là những người quốc gia cách mạng không thể làm cách mạng phản đế như họ muốn, bởi vì họ từ chối cuộc cách mạng điền địa, bởi vì họ dựa

vào giai cấp tiểu tư sản, vì họ không thể lôi kéo và lãnh đạo giai cấp vô sản nông dân là hai nhân tố cơ bản của cách mạng Đông Dương. Không chỉ như vậy, Đảng Cộng sản còn dự đoán rằng vào lúc phong trào cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân đi sâu vào quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, muốn thực hiện cách mạng điền địa thì các nhóm quốc gia cách mạng sẽ chuyển sang lập trường quốc gia cải lương. Có khả năng là có một vài nhóm quốc gia cách mạng đi đến khởi nghĩa vũ trang, nhưng về sau họ không thể không tỏ ra thù địch với chính quyền Xôviết. Sau khởi nghĩa Yên Bái, lãnh tụ Quốc dân Đảng đã tuyên bố "Liên minh Pháp - Nam là có khả năng nếu người Pháp coi người An Nam là anh em". Ở đây người ta đã thấy mầm mống của quốc gia cải lương. Những người kế nghiệp khôi phục tính chất cách mạng đang suy vong dưới những mặt nạ tôn giáo.

Chỉ vì những lý do ấy mà Đảng Cộng sản chủ trương lập mặt trận thống nhất tạm thời với những nhóm quốc gia cách mạng, một là để mở rộng cuộc tranh đấu chống chủ nghĩa đế quốc dưới ngọn cờ cộng sản, hai là để lôi kéo những quần chúng quốc gia cách mạng về phía giai cấp vô sản. Trong liên minh này, Đảng Cộng sản phải giữ tính độc lập về tổ chức, lý luận, giữ quyền tự do phê bình thái độ do dự của họ, thuyết "thay đổi chủ" của phái quốc gia cách mạng, cho đến sự phản bội không tránh khỏi sau này của họ đối với người lao động. Phải hoạt động sao cho quần chúng qua kinh nghiệm bản thân của mình từ bỏ chủ nghĩa quốc gia và đi theo con đường của chủ nghĩa cộng sản.

Lẽ ra một sai lầm nếu từ chối tổ chức mặt trận thống nhất với các nhóm quốc gia cách mạng. Sẽ còn là nguy hiểm hơn nếu tổ chức mặt trận này mà quên những điều kiện nói trên. Bất cứ lúc nào, Đảng Cộng sản phải tranh đấu dưới ngọn cờ của chính mình. Trong giai đoạn cách mạng tư sản dân chủ sẽ cần thiết phải tuyên bố lật đổ phái quốc gia cải lương, nhưng lật đổ phái quốc gia cách

mạng thì có nghĩa là làm bùng cháy sự căm thù của quần chúng không có ý thức đối với Đảng Cộng sản.

## 6.<sup>2</sup> *Giai cấp nông dân*

Trong thời kỳ hiện nay, cách mạng Đông Dương là cuộc cách mạng phản đế và điền địa, hoàn toàn tự nhiên là giai cấp nông dân là một nhân tố to lớn trong cuộc cách mạng này. Giai cấp nông dân không thể là nhân tố lãnh đạo cách mạng Đông Dương, mặc dù họ chiếm đa số trong dân cư, do tính chất phân tán và không tập trung của họ trong lao động, do tinh thần tiểu sở hữu và cũng do chỗ dưới chủ nghĩa tư bản trọng tâm sinh hoạt là ở thành thị dựa trên các nhà máy chứ không phải ở nông thôn. Và cũng do đó mà giai cấp tiểu tư sản nông dân hằng ngày hằng giờ đẻ ra tư bản chủ nghĩa; điều đó có cùng một cơ sở: "chế độ tư hữu". Chủ nghĩa tư bản càng phát triển thì giai cấp nông dân càng phân hoá. Giai cấp nông dân không phải là một giai cấp thống nhất mà chia thành nhiều tầng lớp khác nhau. Nông thôn phải đi theo thành thị, cho nên muốn có thể lật đổ địa chủ và chia ruộng đất, giai cấp nông dân phải được giai cấp vô sản lãnh đạo và giai cấp vô sản cũng chỉ có thể tự giải phóng mình khỏi địa ngục đế quốc chủ nghĩa, tư bản chủ nghĩa, nếu nó giữ quyền lãnh đạo giai cấp nông dân; do đó mà đánh giá thấp lực lượng cách mạng của giai cấp nông dân là một khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa phản động.

Công nhân nông nghiệp là những người sống ở nông thôn, không có ruộng đất và công cụ và muốn sống họ phải bằng hai bàn tay của mình lao động ở các nhà địa chủ và phú nông. Tầng lớp này - không kể phu đồn điền cao su và bông - còn có một tính chất nửa vô sản. Khi thì họ làm thuê, khi thì họ làm tá điền. Khi còn nhỏ họ làm việc theo tháng và theo mùa, nhưng khi đã lớn thì họ thuê đất và súc vật để cày bừa. Ở nông thôn Đảng Cộng sản dựa trước hết vào công nhân nông nghiệp.

Bần nông là những người không có ruộng đất hay có rất ít không đủ để sống. Họ phải làm rẽ ruộng đất cho địa chủ và trả tô cho địa chủ. Cả năm họ ở trong cảnh thiếu thốn và có một đời sống khổ cực và phải làm thuê ngày để có thêm chút ít tiền. Nông dân nghèo chiếm đa số trong nông thôn Đông Dương. Trong cách mạng tư sản dân chủ, ngay cả trong cách mạng vô sản xã hội chủ nghĩa nông dân nghèo là đồng minh kiên quyết của giai cấp vô sản.

Trung nông là những người có đủ ruộng đất và tự mình lao động, không bóc lột ai cả. Cũng có một vài tá điền có thể liệt vào số trung nông. Hoàn cảnh trung nông thuộc địa không khá giả chút nào. Trái lại, số trung nông đã không nhiều và ngày càng giảm bớt. Trong đa số trường hợp họ rơi xuống bần nông. Có vài người bề ngoài khá giả, do tiết kiệm bằng chất bóp miếng ăn hoặc do may rủi. Trong giai đoạn cách mạng tư sản dân chủ, trung nông còn có vai trò chống đế quốc và chống địa chủ. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đôi lúc họ do dự, giai cấp vô sản lúc đó dựa vào bần nông tìm cách liên minh với trung nông để xoá bỏ phú nông bóc lột.

Phú nông là những người có nhiều thóc lúa, tiền bạc, ruộng đất và sử dụng người làm thuê. Số ruộng đất còn lại họ cho bần nông thuê. Họ là những người tư sản nông thôn. Họ giàu nhờ vào những người làm thuê. Trong khủng hoảng nông nghiệp có một số trong bọn họ bị phá sản. Họ bị đánh thuế nặng nề, nhưng vì về bản tính họ là người bóc lột cho nên họ hướng tới chỗ trở thành địa chủ. Thường họ là những người bàn lý, tôi tớ của chính quyền thực dân, cho nên mặc dù mâu thuẫn đối với chủ nghĩa đế quốc và bọn địa chủ, họ sẽ không có nghị lực cách mạng. Vào lúc phong trào nông dân chỉ mới bắt đầu, lúc đó tính chất phản đế còn 10 lần gay gắt hơn tính chất phản phong, thì ở một số nơi, phú nông đã liên minh với bần nông và trung nông để yêu sách chống thuế, nhưng vào lúc phong trào nông dân đi sâu, khi công nhân nông nghiệp, bần nông có giác ngộ tranh đấu không chỉ

chống chủ nghĩa đế quốc mà đồng thời chống bọn địa chủ, tư bản bóc lột thì phú nông sẽ lùi từng bước sang phe cải lương phản động... Trong giai đoạn tư sản dân chủ của cách mạng, Đảng Cộng sản chủ trương liên minh giữa giai cấp vô sản với giai cấp nông dân lao động để lật đổ bọn địa chủ. Lật đổ phú nông là chính sách của cách mạng vô sản. Nhưng từ nay chúng ta phải kiên quyết phản đối tất cả những ai có khuynh hướng muốn hợp tác nông dân lao động với phú nông. Trong cuộc tranh đấu xoá bỏ địa chủ, đã có tranh đấu chống phú nông. Không nên làm trở ngại cho cuộc tranh đấu này. Phú nông chạy sang phe phản động, đó là một điều không tránh khỏi. Sự phân hoá này không làm yếu chút nào các lực lượng cách mạng, mà đó chính là bằng chứng chỉ rõ cách mạng đang lên.

#### *7. Giai cấp vô sản, nhân tố lãnh đạo của cách mạng tư sản dân chủ*

Giai cấp vô sản Đông Dương chỉ mới xuất hiện từ cuộc chiến tranh đế quốc thế giới. Giai cấp này không đông bởi vì chủ nghĩa đế quốc ngăn chặn sự tự do phát triển của công nghiệp bản xứ - và đa số ở trong các đồn điền ngành vận tải, xây dựng, dệt, v.v., giai cấp vô sản chúng ta khá tập trung trong những xí nghiệp chính đang là những trung tâm của xã hội hiện nay, điều đó khiến cho sức mạnh của nó lớn gấp 10 lần số lượng của nó. Nếu nó hành động thì chính là ở trong những vị trí chết người của kẻ thù giai cấp.

Với sự phát triển của nó, chủ nghĩa tư bản sản sinh ra giai cấp vô sản là kẻ đào huyệt chôn chủ nghĩa tư bản.

Có nhiều trở ngại cho các phong trào công nhân ở Đông Dương: giai cấp vô sản của chúng ta còn non trẻ, có ít kinh nghiệm tranh đấu, không thấm nhuần chủ nghĩa Mác-Lênin. Đại bộ phận xuất thân từ giai cấp nông dân, từ thợ thủ công phá sản, điều này giải thích vì sao nó còn chịu nhiều ảnh hưởng của tinh thần tiểu tư sản, đây chuyền chuyền tải ảnh hưởng nguy hiểm của chủ nghĩa cải lương quốc gia, nguồn gốc của những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa. Một mặt, giai



cấp vô sản Đông Dương luôn luôn di chuyển chỗ, một tháng ở chỗ này, tháng khác ở chỗ khác, luôn thay đổi nhà máy hay rời bỏ nhà máy để trở về nông thôn và ngược lại; mặt khác đàn bà và trẻ con rất đông, chủ nghĩa đế quốc trả cho họ một tiền công khốn khổ. Nhiều người thợ không biết chữ và còn mê tín dị đoan.

Nhưng giai cấp vô sản là giai cấp bị bóc lột nhất: ngày làm việc từ 10 đến 12 giờ, tiền công rẻ mạt với đủ thứ khoản tiền phạt; lao động hợp đồng (mô tả sự khốn cùng trong các đồn điền...); không có quyền hội họp; không có quyền bãi công; chịu một sự bóc lột chưa từng thấy. Giai cấp vô sản Đông Dương không chỉ là đối tượng áp bức của chủ nghĩa đế quốc mà còn là đối tượng của chủ nghĩa tư bản bản xứ. Sự bóc lột càng nặng nề thì phong trào cách mạng càng rộng lớn, cho nên ở Đông Dương để động viên những cuộc tranh đấu của công nhân có tính chất quần chúng.

Giai cấp vô sản có một tinh thần quần chúng hơn các giai cấp khác. Nó không có gì khác ngoài hai bàn tay và không gắn với chế độ "tư hữu" và muốn được giải phóng nó phải đánh đổ chế độ đang đẻ ra chủ nghĩa tư bản đế quốc. Từ lao động tập trung, từ phân công lao động nảy sinh tinh thần tập thể hoá. Giai cấp vô sản toàn thế giới không có lợi ích mâu thuẫn nhau, do đó nó sẽ không có tinh thần dân tộc chủ nghĩa mà trái lại có tinh thần quốc tế chủ nghĩa.

Những lý do đó giải thích vì sao giai cấp vô sản là nhân tố lãnh đạo của cách mạng Đông Dương. Cuộc cách mạng phản đế và điền địa chỉ có thể thắng lợi nếu giai cấp vô sản nắm quyền lãnh đạo nông dân, những người lao động và các tầng lớp nghèo thành thị. Giai cấp vô sản càng mạnh thì sự chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa càng nhanh.

Đảng Cộng sản Đông Dương tranh đấu kiên trì chống các khuynh hướng đánh giá thấp năng lực cách mạng của giai cấp vô sản. Đảng

Cộng sản tranh đấu để tách giai cấp vô sản khỏi ảnh hưởng tư sản, tiểu tư sản, để biến nó thành một lực lượng chính trị độc lập dưới sự lãnh đạo thống nhất.

## VI- TỔ CHỨC CUỘC CÁCH MẠNG

### 1. Những tư tưởng trái với chủ nghĩa cộng sản trong giai cấp vô sản

Các cuộc tranh đấu lý luận và tư tưởng là những hình thức tranh đấu giai cấp của giai cấp vô sản. Giai cấp vô sản không phải là giai cấp khép kín: có những người tiểu tư sản vô sản hoá, để sống họ đã bán sức lao động nhưng vẫn còn giữ trong mình hệ tư tưởng tiểu tư sản; cũng có những người vô sản tư sản hoá, sống một cuộc sống thoả mãn với một tiền công cao và có khuynh hướng đi theo giai cấp tư sản. Ở Đông Dương không có đủ điều kiện vật chất như ở các nước đế quốc (Anh, Mỹ, Pháp) có thể sản sinh ra tầng lớp quý tộc vô sản, hệ tư tưởng tiểu tư sản của nó là do nó còn non trẻ, còn mới là thế hệ thứ nhất. Và hơn nữa, chủ nghĩa đế quốc, bọn phong kiến có trường học, báo chí, nhà thờ... là những vũ khí hùng mạnh để nhồi sọ tinh thần nhân dân, phá hoại bản chất tranh đấu của người lao động và lôi kéo quần chúng theo chúng (liên minh Pháp - Nam, trung thành với chính phủ bảo hộ). Chúng nuôi dưỡng trong quần chúng đầu óc mê tín và truyền cho họ chủ nghĩa duy tâm thuộc mọi màu sắc để giam hãm họ trong vòng nô lệ đáng ghét, trong đạo đức phong kiến của đạo Khổng, đạo Phật, nền đạo đức các giai cấp thống trị bóc lột duy trì từ hàng nghìn năm nay.

Những hệ tư tưởng trái với chủ nghĩa cộng sản trong giai cấp vô sản là một trở ngại đối với phong trào cách mạng.

Ở quy mô thế giới, có các đảng của Quốc tế II truyền bá hệ tư tưởng tư sản cho giai cấp vô sản. Các lãnh tụ của chúng đưa hàng trăm triệu người vô sản ra chiến trường để bảo vệ "tổ quốc", bảo vệ bọn tư sản là bọn đang áp bức nhân dân các nước thuộc địa một cách tàn bạo (Mác Đônan, Varen...), bảo vệ chế độ nghị trường và đàn áp các phong trào cách mạng vô sản (Đức 1919). Đâu đâu chúng cũng lừa bịp quần chúng công nhân, dọn đường để đưa chủ nghĩa phát xít

lên nắm chính quyền, chúng là những đội tiên phong trong việc chuẩn bị chiến tranh phản cách mạng, chống Liên Xô.

Một mặt các lãnh tụ này xuyên tạc chủ nghĩa Mác, chúng từ bỏ lý luận: về các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản và bảo vệ lý luận về chủ nghĩa tư bản có tổ chức; từ bỏ lý luận về khởi nghĩa vũ trang của giai cấp vô sản để giành chính quyền và bảo vệ lý luận về hợp tác giai cấp và tranh đấu để giành đa số trong nghị viện nhằm mục đích duy nhất là leo lên được các ghế bộ trưởng trong bộ máy chính quyền của giai cấp tư sản; mặt khác chúng tổ chức công nhân và sau đó phá hoại công nhân trong các cuộc tranh đấu của họ chống phá lại chính phủ. Các chiến sĩ cộng sản phân biệt hẳn chúng với các lãnh tụ xã hội dân chủ, thống nhất mặt trận tranh đấu của quần chúng và lột mặt nạ bọn thủ lĩnh, đó là sách lược cộng sản. Qua kinh nghiệm của bản thân mình quần chúng hiểu rằng tất cả các đảng xã hội dân chủ đều là tay chân của chủ nghĩa đế quốc, rằng chỉ có các đảng cộng sản là đội tiên phong của giai cấp vô sản, bộ tham mưu của cách mạng, chỉ với điều kiện đó cách mạng Xôviết mới có thể thắng. Chủ nghĩa Tôrôtski cũng mang màu sắc như phái xã hội dân chủ, như chủ nghĩa mensovích. Nó hình dung rằng cách mạng không thể thắng lợi, không thể đứng vững trong chỉ một nước. Nó đánh giá thấp năng lực cách mạng của giai cấp nông dân và truyền bá lý luận về đối kháng giữa giai cấp vô sản và giai cấp nông dân. Nó kêu lên rằng chủ nghĩa xã hội không thể thắng lợi ở Liên Xô và Liên Xô đi vào con đường phản động Téciđo<sup>3</sup> vào con đường của chủ nghĩa tư bản và sẽ bị cuốn vào trong nền kinh tế thế giới. Bọn tôrôtkit là đội quân tiên phong của giai cấp tư sản phản cách mạng, dưới cái mặt nạ "cộng sản", "mác xít" chúng phá hoại các cuộc tranh đấu của giai cấp vô sản dưới ngọn cờ của Quốc tế III.

Ở Đông Dương bọn xã hội dân chủ là bọn quan lại đang cướp đoạt ruộng đất của nông dân như những con chó, những con sói. Về những bọn đi theo chủ nghĩa

Tờ rớt xki thì chúng là những trí thức tư bản chủ nghĩa địa chủ, chúng chủ trương sự hợp tác giữa nông dân với phong kiến, nài xin nhà nước đế quốc mua lại ruộng đất của địa chủ và sau đó bán lại cho nông dân, truyền bá tư tưởng cho rằng chủ nghĩa đế quốc không giữ vai trò phản động trong kinh tế (nó không phải là trở ngại cho sự tự do phát triển của lực lượng sản xuất ở Đông Dương). Đó là cái vỏ ngoài của "cách mạng vô sản" trong giai đoạn hiện nay ở Đông Dương, nó chứa đầy những tư tưởng cải lương phản động.

Đông Dương là một thuộc địa nằm giữa Ấn Độ và Tàu, nó không thể không chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Tôn Dật Tiên và chủ nghĩa Găngđi. Hai học thuyết này, những trở ngại đối với sự tấn công của chủ nghĩa cộng sản, đều thấy có những điều kiện kinh tế, chính trị và xã hội để nảy sinh ở Đông Dương.

Tôn Dật Tiên đại biểu cho khuynh hướng chính trị của giai cấp tiểu tư sản Tàu. Trong "ba nguyên tắc", quan niệm "nhân dân" che đậy quan niệm "giai cấp". Bản thân ông cũng thù địch với tranh đấu giai cấp và muốn sự hợp tác giai cấp. Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên là cùng màu sắc với phái cách mạng quốc gia. Theo ông, cuộc tranh đấu chống chủ nghĩa đế quốc không được gắn với cuộc tranh đấu giai cấp ở trong nước. Ông chủ trương chuộc lại số ruộng đất thừa của địa chủ và sau đó chuyển giao cho những người không có ruộng đất và không muốn làm cách mạng điền địa để xoá bỏ địa chủ. Lý luận của ông về "dân sinh" cũng không mấy may có tính chất xã hội chủ nghĩa, đó chỉ là tượng trưng để chỉ mức sống khá giả. Làm thế nào để có thể có một cuộc sống khá giả vì Tôn Dật Tiên không muốn lật đổ chủ nghĩa tư bản mà chỉ hạn chế nó. "Ba nguyên tắc" của ông trong tất cả sự lộ liễu của nó tiêu biểu cho thái độ do dự, không triệt để của các tầng lớp tiểu tư sản. Điều đó giải thích vì sao, lúc đầu lý luận này giữ vai trò cách mạng chống đế quốc và trở thành phản cách mạng vào lúc giai cấp phân hoá rất rõ ràng, vào lúc cách mạng phát triển. Lịch sử của Quốc dân Đảng Tàu xác nhận điều đó.

Ở Đông Dương các đảng quốc gia cách mạng chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Tôn Dật Tiên và đặc biệt là hai đảng có tên mà không có tuổi "Đảng cách mạng nhân dân cấp tiến" và "Liên minh của bốn dân tộc". "Việt Nam Quốc dân Đảng" chủ trương chuyên chính tư sản và địa chủ, chế độ nghị viện, tự do phát triển chủ nghĩa tư bản, không có cảm tình với chủ nghĩa xã hội, mặc dù nó không bị lúng túng vì chủ nghĩa Tôn Dật Tiên.

Giai cấp tư sản nói chung và phái quốc gia cải lương nói riêng tôn vinh "Găngđi thiên tài". Các nhà báo tư sản bản xứ còn truyền bá tư tưởng cho rằng Găngđi là một "nhà cách mạng" lão thành...

Chống lại tất cả những hệ tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, chủ nghĩa cộng sản là hệ tư tưởng duy nhất đối với toàn thể giai cấp vô sản quốc tế. Chủ nghĩa cộng sản sử dụng các phương pháp tranh đấu có tính quần chúng của giai cấp vô sản, tổ chức cuộc tranh đấu cách mạng về mặt lý luận cũng như về mặt thực tiễn và luôn luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin.

## *2. Các phạm trù tranh đấu cơ bản*

Muốn cho cách mạng thắng lợi thì phải có một Đảng Cộng sản dày dặn kinh nghiệm, già dặn trong tranh đấu, tập trung với một kỷ luật sắt, có một lý luận đúng, liên hệ chặt chẽ với quần chúng và lãnh đạo họ.

Đảng Cộng sản là đội tiên phong của giai cấp vô sản bao gồm những phần tử giác ngộ nhất, tích cực nhất, triệt để nhất của giai cấp vô sản. Đảng thu thập tất cả các kinh nghiệm tranh đấu của giai cấp vô sản, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, giảng giải những lợi ích thực sự chung cho giai cấp vô sản. Kỷ luật sắt được rèn đúc trong cách mạng. Chủ nghĩa tập trung dân chủ được áp dụng trong những điều kiện khác nhau và dựa trên chi bộ nhà máy coi như cơ sở của tổ chức. Nhờ có các đảng đoàn, Đảng tổ chức và lãnh đạo các tổ chức quần chúng, đó là những nguyên tắc cơ bản để xây dựng một đội tiên

phong vô sản rắn như sắt vững như đồng, với một ý thức giai cấp sâu sắc, một tinh thần cách mạng anh hùng, một đường lối chính trị bônsovích.

Ở Đông Dương, các phong trào công nhân bắt đầu từ năm 1925 và tiếp tục phát triển từng ngày. Những nhóm thanh niên lưu vong chịu ảnh hưởng của cách mạng Tàu, của chủ nghĩa cộng sản, tổ chức "Tâm tâm xã", sau đó là Hội cách mạng Thanh niên, đảng này có một cơ sở mạnh ở trong nước, mặc dù nó có tư tưởng cộng sản, nhưng nó vẫn còn là một đảng quốc gia cách mạng phái tả như Đảng "Tân Việt cách mạng Đảng". Thái độ do dự, không rõ ràng của "Hội cách mạng Thanh niên", của "Tân Việt" là dễ hiểu. Đảng thứ nhất bị giải thể trong Đại hội lần thứ nhất hồi tháng 5-1929, đó là một bước đi không tránh khỏi, một bước tiến của phong trào cách mạng. Những quần chúng tiên tiến của nó tổ chức ra ở phía bắc "Đông Dương Cộng sản Đảng", ở phía nam "An Nam Cộng sản Đảng" và "Tân Việt" đổi thành "Đông Dương Cộng sản Liên đoàn". Do vậy trong hai đảng này khuynh hướng vô sản mạnh hơn khuynh hướng tiểu tư sản, điều đó không mấy may có nghĩa là các nhóm mang tên "cộng sản" là những đảng của giai cấp vô sản. Thật sự họ có một khuynh hướng vô sản, muốn chuyển thành Đảng Cộng sản nhưng xét theo những thành phần xã hội của họ, lý luận của họ, hành động của họ, thì người ta hiểu rằng các nhóm này chưa phải là cộng sản hiểu theo nghĩa chính xác của từ đó. Từ 1929 đến 1930, phong trào công nhân lên cao, số cuộc bãi công và người bãi công tăng lên và trình độ tổ chức và tranh đấu cũng được nâng cao, giai cấp vô sản đang trở thành một lực lượng chính trị độc lập, tình hình buộc phải có một đảng vô sản thống nhất để tổ chức và lãnh đạo cách mạng Đông Dương. Tháng giêng năm 1930, Hội nghị hợp nhất quyết định tuyển chọn những phần tử kiên quyết nhất trong tranh đấu của "Đông Dương Cộng sản Đảng", "An Nam Cộng sản Đảng", "Đông Dương Cộng sản Liên đoàn" để tổ chức ra Đảng Cộng sản thống nhất ngày nay.

Vì phong trào cộng sản còn yếu, đảng vô sản mới được xây dựng; không chú ý đến thành phần xã hội, đến lòng tin đối với chủ nghĩa bônsovích trong khi tuyển chọn để tổ chức đảng; và cũng do sự thất bại của Quốc dân Đảng sau Yên Bái, Đảng Cộng sản Đông Dương vẫn là đảng duy nhất giương cao ngọn cờ giải phóng công nông, chống chủ nghĩa đế quốc và phong kiến, cho nên có nhiều phần tử tiểu tư sản, dân tộc chủ nghĩa bị phong trào cách mạng lôi cuốn vào hàng ngũ chúng ta và đem theo họ nhiều hệ tư tưởng và hành động cơ hội chủ nghĩa vào trong Đảng và Đảng đã không sàng lọc thật sớm một cách nghiêm ngặt những phần tử phi vô sản, đồng thời không chú ý mở cửa Đảng cho những công nhân tiên tiến để xây dựng một cơ sở vững chắc trong các nhà máy.

Muốn thắng kẻ thù giai cấp, giai cấp vô sản phải có một đảng thật sự bônsovích với một sự lãnh đạo bônsovích. Đảng Cộng sản hoà vào quần chúng, bao gồm đa số trong giai cấp vô sản, tổ chức và lãnh đạo các hình thức tranh đấu của nhân dân lao động, xây dựng cơ sở của mình trong các nhà máy, tranh đấu trên hai mặt trận chống bọn cơ hội "tả" và hữu khuynh để bảo vệ một cách trong sáng chủ nghĩa Mác - Lênin. Giai đoạn giữa hai làn sóng cách mạng, bọn cơ hội tiểu tư sản mọc lên như cỏ trong mùa mưa. Chỉ với một đảng mạnh, một giai cấp vô sản giác ngộ, nhân dân lao động tranh đấu dưới ngọn cờ của Đảng, người ta mới có được những điều kiện chủ quan cần thiết để cách mạng thắng lợi.

\*

\* \*

Xung quanh Đảng Cộng sản và dưới sự lãnh đạo của nó, cần có nhiều tổ chức quần chúng lao động bởi vì trong giai cấp vô sản, trong những người lao động, trình độ giác ngộ không đều nhau.

Liên hiệp Thanh niên Cộng sản tập hợp những thanh niên lao động tiên tiến, thực hành đường lối chính trị của Đảng, nghiên cứu chủ nghĩa cộng sản trong tranh

đấu. Nó cũng rèn luyện những chiến sĩ anh hùng cho Đảng là đội tiên phong của những người lao động trẻ tuổi.

Đảng Cộng sản tổ chức Công hội đỏ, một tổ chức quần chúng của giai cấp vô sản đang tranh đấu cho những lợi ích trước mắt, cho việc nắm chính quyền, cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Công hội đỏ được tổ chức trên cơ sở các công xưởng, được tập trung theo chiều dọc, theo chiều ngang để làm dễ dàng cho việc tổ chức các cuộc tranh đấu kinh tế và chính trị của giai cấp vô sản. Nó hoạt động đồng thời cả trong các công hội cải lương phản động để thức tỉnh quần chúng bị lừa gạt. Công hội chỉ có thể có một tính chất quần chúng bằng cách đập tan chủ nghĩa biệt phái, điều kiện chủ yếu để xây dựng một Đảng Cộng sản bônsovích. Bên cạnh Công hội có Hội cứu tế công nhân, các uỷ ban nhà máy.

*Nông hội* bao gồm quần chúng nhân dân lao động để bảo vệ lợi ích trước mắt của họ, để làm cách mạng điền địa, tịch thu ruộng đất của địa chủ và chia ruộng cho nông dân. Dù sao, các "đảng nông nghiệp" sớm hay muộn đều trở thành những đảng của phú nông, địa chủ chống lại những lợi ích cơ bản của nông dân lao động. Chỉ có Đảng Cộng sản, đảng của giai cấp vô sản - là đảng bảo vệ lợi ích của nông dân.

Phải tổ chức công nhân nông nghiệp thành Công hội là tổ chức đảm nhiệm một nhiệm vụ cụ thể việc thực hiện bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản đối với giai cấp nông dân.

*Cứu tế đỏ* Đông Dương không phải là một hội của những người tiểu tư sản, của tư sản để thu góp tiền bạc cho Đảng. Đó là một tổ chức quần chúng của những người lao động để tranh đấu chống khủng bố trắng, giúp đỡ các chiến sĩ và tổ chức của cách mạng bị khủng bố trắng. Cứu tế đỏ Đông Dương phải có một sinh hoạt độc lập để có thể phát triển.



*Công tác trong quân đội* là một nhiệm vụ lớn của Đảng. Do kỷ luật nghiêm khắc của chế độ quân sự, Đảng tổ chức những chi bộ trong mỗi trại lính chứ không phải những hội nhà binh. Đảng tuyên truyền sự hợp tác công - nông - binh, binh lính đồng tình với cuộc tranh đấu của binh lính chống lại bọn quân phiệt đế quốc chủ nghĩa. Chống lại sự đào ngũ, và đồng thời giải thích những khẩu hiệu "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng", "Tán thành sự thất bại của chính phủ đế quốc ở nước mình", "Ủng hộ việc bảo vệ Liên Xô"...

Qua vài năm tranh đấu, chúng ta đã có thành công và cũng có không ít sai lầm - cần phải loại bỏ những sai lầm này. Phải tranh đấu chống chủ nghĩa tiền phong bằng cách tổ chức Thanh niên Cộng sản - anh em trẻ không chỉ tổ chức các cuộc tranh đấu kinh tế, vì nó là trường học của chủ nghĩa cộng sản, nó cũng lãnh đạo các cuộc tranh đấu chính trị. Kinh tế và chính trị khác nhau nhưng không như nước và bờ. Một cuộc tranh đấu kinh tế chuyển thành một cuộc tranh đấu chính trị, "chính trị là sự tập trung của kinh tế"... Trong Nông hội phải tách khỏi các khuynh hướng van xin, làm bạn, và giữ tính chất giai cấp của nó, không để cho phú nông, địa chủ vào nhằm mục đích duy nhất là phá hoại.

Đảng Cộng sản chỉ có thể lãnh đạo các tổ chức quần chúng thông qua các đảng đoàn của nó. Đảng đoàn là những người cộng sản ở trong một tổ chức, một ủy ban, một cuộc họp thi hành đường lối chính trị của Đảng bằng những giải thích, những đề nghị.

\*

\* \*

### *3. Trên con đường tranh đấu giành chính quyền*

Để xác định sách lược của mình một cách đúng đắn, Đảng Cộng sản phải theo dõi tình hình cụ thể ở bên trong và bên ngoài nước, quan hệ giữa lực lượng xã hội, tình hình của giai cấp thống trị, trình độ tổ chức và tranh đấu của giai cấp vô sản và thái độ của các tầng lớp trung gian, v.v.. Chỉ từ đó

Đảng Cộng sản mới có thể có một khẩu hiệu đúng đắn, tập hợp và lãnh đạo được quần chúng. Những khẩu hiệu do những lợi ích trước mắt và những thủ đoạn tranh đấu hằng ngày phải phục tùng mục đích cách mạng của Đảng: giành chính quyền. Một mặt không nên coi nhẹ và đánh giá thấp các cuộc tranh đấu để bảo vệ những lợi ích trước mắt của người lao động (phạm sai lầm này sẽ xa rời quần chúng); mặt khác không nên kìm giữ những người lao động trong vòng tranh đấu để bảo vệ những lợi ích nhỏ nhất hằng ngày (đó là một sai lầm nghiêm trọng, một chính sách cải lương để lừa bịp quần chúng và làm cho họ xa rời cách mạng). Những nhiệm vụ sách lược của Đảng là bắt đầu cuộc tranh đấu để bảo vệ những lợi ích hằng ngày của người lao động và đưa họ lên con đường tranh đấu cách mạng để giành chính quyền.

Vào lúc cách mạng đang lên Đảng Cộng sản đưa ra những khẩu hiệu trung gian cấp tiến. Nếu ngày nào cũng đưa ra những khẩu hiệu trung gian của thời kỳ cách mạng như: vũ trang quần chúng, công nhân kiểm soát sản xuất, tổ chức các uỷ ban nông dân cách mạng để tịch thu bọn địa chủ, v.v. thì đó là làm môi cho bọn tư bản, là đẩy quần chúng vào chỗ làm loạn, bởi vì đa số nhân dân chưa thể với tới những khẩu hiệu đó, không thể đi theo Đảng. Trái lại nếu có tình thế cách mạng và Đảng không đưa ra những khẩu hiệu trung gian nói trên, thì quần chúng sẽ không biết con đường đúng đắn để theo và sẽ tự mình hành động, như vậy Đảng sẽ theo đuôi quần chúng, theo đuôi phong trào tự phát.

Chủ nghĩa Lênin dạy rằng Đảng Cộng sản phải hoạt động sao cho quần chúng qua kinh nghiệm của bản thân mình sẽ hiểu được đường lối chính trị của Đảng là đúng đắn, rằng các khẩu hiệu là của họ để dẫn dắt quần chúng tiến tới vị trí cách mạng.

Vào lúc phong trào cách mạng sôi sục, giai cấp thống trị bối rối và đang phá sản, quần chúng bị bóc lột tranh đấu dũng cảm, quần chúng trung gian ngã về phía giai cấp vô sản, quần chúng lao động sẵn sàng tranh đấu, hy sinh cho đến giọt

máu cuối cùng thì lúc đó Đảng Cộng sản sẽ phải dẫn dắt họ, phát động khởi nghĩa vũ trang để đập tan bộ máy chính quyền hiện có, phá tan xiềng xích áp bức cho giai cấp vô sản và nông dân. Đảng Cộng sản bắt đầu bằng việc tổ chức các phong trào quần chúng: bãi công, biểu tình, thị uy có vũ trang, và cuối cùng tổng bãi công chính trị và khởi nghĩa vũ trang để giành chính quyền. Trước cuộc khởi nghĩa, Xôviết là cơ quan động viên quần chúng; trong khởi nghĩa nó là cơ quan tranh đấu để giành chính quyền; sau khởi nghĩa nó là hình thức chính quyền của vô sản và nông dân. Chỉ có một mình đội tiên phong không thể giành chính quyền, phải có lực lượng của đa số dân cư, ít ra là đa số này phải giữ thái độ trung lập, có thiện cảm với cách mạng, quân đội phải đáp ứng lại một cách có lợi cho công nông. Khởi nghĩa vũ trang là hình thức cao nhất của các cuộc tranh đấu giai cấp, điều đó đòi hỏi một kỷ luật quân sự, một kế hoạch tấn công, nhất là một tinh thần hy sinh, chủ nghĩa anh hùng của giai cấp vô sản và của các chiến sĩ tiên phong.

Chỉ với khởi nghĩa vũ trang mới giành được chính quyền. Cho đến ngày nay, khởi nghĩa vũ trang đóng vai trò "cô mụ" ("bà đỡ") trong lịch sử nhân loại nó phải kịp thời, sớm thì nó sẽ thất bại (nổi loạn) muộn thì nó cũng sẽ thất bại: kẻ thù giai cấp có thời gian để đi tới tấn công trước để phá hoại cuộc cách mạng, trì hoãn công cuộc giải phóng những người lao động không biết cho đến bao giờ. Cơ hội để nắm chính quyền không xảy ra mỗi năm.

Thời kỳ trước khi cách mạng sôi sục, Đảng Cộng sản có một chương trình hành động bảo vệ lợi ích kinh tế nhỏ nhất hằng ngày của giai cấp vô sản, của những người lao động; phải sử dụng những khả năng hợp pháp để phổ biến đường lối chính trị của Đảng và giúp đỡ các phong trào bất hợp pháp. Đảng đặt những lợi ích, những khẩu hiệu bộ phận phụ thuộc vào cách mạng để thực hành những nhiệm vụ cơ bản của cách mạng.

### **A- Cùng với tất cả những người lao động, Đảng Cộng sản tranh đấu để:**

1. Xoá bỏ thuế thân (xem tiếng An Nam).
2. Phản đối độc quyền thuốc phiện, rượu cồn, muối.
3. Phản đối sự khủng bố của đế quốc; đòi trả tự do cho tù chính trị.
4. Đòi tự do hội họp, ngôn luận, đi lại và đi ra nước ngoài cho những người lao động.

### **B- Đặc biệt đối với giai cấp vô sản**

1. Ngày làm việc tám giờ.
2. Phản đối việc giảm tiền công và sa thải công nhân, đòi trợ cấp đầy đủ cho những người thất nghiệp.
3. Tự do lập công hội và bãi công.
4. Bảo hiểm xã hội do chủ và nhà nước bảo đảm kinh phí.

### **C- Về những người nông dân**

1. Phản đối tô cáo; xoá bỏ lệ biểu xén.
2. Phản đối các khoản nợ. Lấy các khoản trợ cấp của nhà nước cho các chủ đồn điền để giúp nông dân lao động.
3. Phản đối việc tịch thu nhà, ruộng thuộc về những nông dân mắc nợ.
4. Phản đối việc canh phòng bắt buộc; cấm lính tráng vào làng để thu thuế.

### **D- Đối với quân đội (lục và thuỷ quân)**

1. Thời gian phục vụ rút xuống một năm.
2. Quân dịch ở nơi quê hương; phản đối việc đưa binh lính ra nước ngoài.
3. Phản đối các hình phạt vô lý; cải thiện việc cấp dưỡng.
4. Giải thể các đội lê dương; giảm tiền lương của bọn sĩ quan. Lấy số tiền đó và tiền lương trả cho bọn lính lê dương để trả cho binh lính và trợ cấp cho gia đình họ.

### **E- Đối với tiểu tư sản thành thị**

1. Phản đối việc giảm tiền lương, việc sa thải các công chức cơ quan nhà nước và cơ quan tư nhân. Công chức Pháp và An Nam có quyền và tiền lương như nhau.
2. Xoá thuế môn bài, thuế chỗ ngồi đối với tiểu thương, và những người bán rong.
3. Xoá các khoản nợ ngày, nợ tuần, nợ tháng của dân nghèo thành thị vay của những người cho vay nặng lãi.

### **F- Đối với phụ nữ và những người lao động trẻ**

1. Chống những tập quán duy trì người phụ nữ trong cảnh nô lệ, trong tình trạng bất bình đẳng với nam giới. Bình đẳng nam nữ.
2. Tiền công ngang nhau đối với nam và nữ công nhân; cấm dùng đàn bà, trẻ con làm ban đêm, ở những nơi độc hại; bốn giờ lao động mỗi ngày đối với trẻ con từ 10 đến 14 tuổi, và sáu giờ đối với trẻ con từ 16 đến 18 tuổi. Xây dựng trường dạy nghề, dạy chữ cho những người lao động trẻ.
3. Nghỉ hai tháng trước và hai tháng sau khi sinh đẻ với tiền lương đầy đủ do chủ và nhà nước trả. Xây dựng vườn trẻ cho con cái người lao động mà không phải trả tiền.

Chương trình hành động bao gồm các lợi ích nhỏ nhất của người lao động là một tiếng chuông kêu gọi những người đàn ông và đàn bà bất hạnh đứng lên tranh đấu dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đảng cùng tranh đấu để bảo vệ tất cả các lợi ích của người lao động, tìm cách động viên một phong trào cách mạng dũng cảm có tính quần chúng với một sức mạnh có thể lật đổ nền chuyên chính đế quốc chủ nghĩa và thiết lập nền chuyên chính công nông ở Đông Dương Xôviết.

Đông Dương là căn cứ vũ trang của chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Viễn Đông. Ở vùng Thái Bình Dương có nhiều mâu thuẫn đối kháng giữa các bọn đế quốc đang tiến hành chiến tranh. Đảng Cộng sản kêu gọi công nhân và nông dân cùng tranh đấu với các binh lính chống chiến tranh đế quốc để bảo vệ Liên Xô và

các Xôviết Tàu và để vạch mặt nạ Hội Quốc liên và cuộc hội nghị giải trừ quân bị. Chiến tranh là một cơ hội để Đảng Cộng sản tập hợp công nhân, nông dân và binh lính để tiến hành một cuộc khởi nghĩa cách mạng giành chính quyền. Là sai lầm nếu nghĩ rằng cần có một cuộc chiến tranh để quốc để cho cách mạng thắng lợi.

Nhân dân lao động Đông Dương kiên quyết cùng nhau tranh đấu cho đến khi lật đổ kẻ thù chung: chủ nghĩa đế quốc Pháp, và đó chính là điều kiện căn bản để cách mạng thắng lợi ở Pháp và ở Đông Dương.

### **Kết luận**

Hỡi những người lao động nam nữ và binh lính Đông Dương!

Hỡi tất cả những người bất hạnh!

Chúng ta đứng khoanh tay, nín thở dưới sự áp bức chưa từng có của đế quốc, phong kiến hay sao? Không! Không! Vì chủ nghĩa cộng sản, vì lợi ích chung của công nông binh, chúng ta quyết tâm tranh đấu kiên quyết bằng những hy sinh cho đến giọt máu cuối cùng, để hoàn toàn giải phóng những người lao động khỏi xiềng xích trời buộc họ.

Vì sao lại van xin? Vì sao lại than phiền? Không thần phật độ lượng nào đến cứu chúng ta cả! Chỉ những người lao động mới có thể tự giải phóng mình. Tương lai của loài người nằm trong bàn tay của giai cấp vô sản.

Đừng đánh giá thấp và run sợ trước người khác; một cây không thể làm được gì cả, trăm người đoàn kết lại sẽ có một sức mạnh vượt qua nghìn người. Hỡi nam nữ lao động, hãy sát cánh nhau dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương m phân bộ Quốc tế Cộng sản và bước lên con đường cách mạng thế giới.

Bạo loạn, ám sát, khủng bố cá nhân là chính sách của giai cấp tiểu tư sản. Đảng Cộng sản Đông Dương kiên quyết chống lại những hành động ấy và kêu gọi công nông binh tổ chức các cuộc tranh đấu quần chúng như mít tinh, bãi công,

biểu tình, v.v. để tự bảo vệ lợi ích trước mắt của mình tiến lên thiết lập chính quyền Xôviết.

Những người chiến sĩ cộng sản khinh thường nhìn đầu rơi, máu chảy, không sợ tra tấn, tù đày, đói rét, quyết tâm làm tròn nghĩa vụ đội tiên phong của mình. Họ tuyên bố một cách công khai trước kẻ thù giai cấp rằng phải tiến hành khởi nghĩa vũ trang của giai cấp vô sản, nông dân, binh lính để lật đổ trật tự xã hội hiện hành, để đi tới đích cuối cùng của Đảng: hạnh phúc chung của nhân loại. Tiến lên! Hỡi những người lao động Đông Dương! Tranh đấu dũng cảm cho thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới!

Vô sản và các dân tộc bị áp bức tất cả các nước đoàn kết lại!

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Đảng toàn tập,*

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.5, tr. 418-459.

---

\* Bản Dự thảo Cương lĩnh được đưa vào chương trình chuẩn bị cử đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc của Đảng (B.T).

1. Trong tài liệu không có mục I, II, III (B.T).
2. Trong tài liệu không có các mục 3, 4, 5 (B.T).
3. Téciđo: "tháng nóng" ( B.T).

# CƯƠNG LĨNH CỦA ĐẢNG LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Tháng 11 năm 1953

## VỀ VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT

Để cải thiện đời sống của nông dân, để đẩy mạnh kháng chiến, đánh đuổi đế quốc Pháp, can thiệp Mỹ, đánh đổ nguy quyền, hoàn toàn giải phóng dân tộc.

Để giải phóng sức sản xuất ở nông thôn, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, mở đường cho công thương nghiệp phát triển, lợi cho kháng chiến và kiến quốc.

Cần phải xoá bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của đế quốc ở Việt Nam, xoá bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, thực hiện chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân, thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng.

Trong nhân dân ta, nông dân chiếm gần 90%. Đối với kháng chiến, nông dân đóng góp nhiều nhất, hy sinh nhiều nhất. Nhưng nông dân phần nhiều lại không có, hoặc có rất ít ruộng đất. Nông dân làm lụng vất vả quanh năm mà vẫn không được no cơm, ấm áo. Tình hình ấy rất không hợp lý, không công bằng. Vì vậy, nông dân yêu cầu được ruộng đất là một điều rất chính đáng, rất hợp với lợi ích giải phóng dân tộc. Chỉ có thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng, làm cho hàng chục triệu nông dân hăng hái tham gia kháng chiến, thì kháng chiến mới hoàn toàn thắng lợi, cách mạng chắc chắn thành công.

Vì vậy, Đảng Lao động Việt Nam định ra cương lĩnh ruộng đất như sau:

1. Tịch thu toàn bộ ruộng đất và tài sản của thực dân Pháp và của đế quốc xâm lược khác.
2. Tịch thu ruộng đất, trâu bò, nông cụ và tài sản khác của bọn Việt gian phản quốc.
3. Tịch thu hoặc trưng thu (tùy tội nặng nhẹ), ruộng đất trâu bò, nông cụ và tài sản khác của địa chủ phản động và cường hào gian ác.



4. Trưng thu ruộng đất công và ruộng đất nửa công, nửa tư bao gồm ruộng phe, ruộng giáp, ruộng tư văn, tư võ, ruộng các đoàn thể, v.v..
5. Trưng thu hoặc trưng mua (tùy trường hợp) ruộng đất của các tôn giáo.
6. Tịch thu ruộng đất, trâu bò, nông cụ và tài sản khác của ngoại kiều hợp tác với đế quốc xâm lược và nguy quyền. Trưng mua ruộng đất, trâu bò, nông cụ của những địa chủ ngoại kiều khác.
7. Trưng mua ruộng đất, trâu bò nông cụ của địa chủ kháng chiến và địa chủ thường; địa chủ kháng chiến, nhân sĩ dân chủ được chiếu cố một cách thích đáng. Giá tiền và cách giả tiền do Chính phủ quy định.
8. Xoá bỏ nợ mà nông dân lao động và những người thuộc tầng lớp nghèo ở nông thôn vay của địa chủ.
9. Xoá bỏ độc quyền của đế quốc và phong kiến về mặt biển và khúc sông.
10. Không đụng đến ruộng đất, trâu bò, nông cụ, nhà cửa và tài sản khác của phú nông.
11. Kiên quyết bảo hộ ruộng đất, trâu bò, nông cụ, nhà cửa và tài sản khác của trung nông.
12. Bảo hộ công nghiệp và thương nghiệp. Không đụng đến công thương nghiệp của địa chủ kháng chiến và địa chủ thường và những đất đai trực tiếp dùng vào công thương nghiệp của họ.
13. Không đụng đến ruộng đất của những người có ít ruộng đất phải phát canh vì tham gia công tác kháng chiến, vì thiếu sức lao động hoặc vì bận làm nghề khác.
14. Ruộng đất, trâu bò, nông cụ, v.v. tịch thu, trưng thu và trưng mua đều chia hẳn cho nông dân không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất; họ được quyền sở hữu vĩnh viễn những thứ được chia và không phải trả tiền.
15. Lấy xã làm đơn vị chia ruộng đất và theo đầu người mà chia một cách công bằng.

16. *Liệt sĩ*, quân nhân cách mạng, thương binh, bệnh binh, cán bộ, nhân viên phục vụ kháng chiến và gia đình họ ở nông thôn không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất đều được chia ruộng đất. *Liệt sĩ*, quân nhân cách mạng, thương binh, bệnh binh được ưu đãi trong khi chia.

17. Khi tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất để lại cho địa chủ (trừ những người bị tù từ trên 5 năm trở lên) và gia đình họ một phần ruộng đất tương đương với phần ruộng đất được chia của nông dân.

18. Gia đình nguy binh thuộc thành phần nông dân lao động không có ruộng đất hoặc thiếu ruộng đất thì được chia ruộng đất. Nguy binh cũng được một phần ruộng đất nhưng khi họ chưa bỏ hàng ngũ nguy quân trở về với Tổ quốc thì ruộng đất ấy do Ủy ban kháng chiến hành chính hay nông hội xã quản lý.

19. Những rừng nhỏ, ao hồ, đầm, đất hoang, vườn cây ăn quả nếu có thể chia, đều chia cho nông dân.

20. Những đồn điền canh tác bằng máy, hoặc những đồn điền trồng cà phê, cao su, v.v. theo kỹ thuật tiến bộ, các trại thí nghiệm, những hầm mỏ, những nơi có cổ tích lịch sử, v.v. thì không chia mà do chính quyền quản lý.

21. Để thực hiện cải cách ruộng đất phải phát động quần chúng theo đúng đường lối chung của Đảng ở nông thôn: dựa hẳn vào bản, cốt nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp phú nông, tiêu diệt chế độ bóc lột phong kiến từng bước và có phân biệt, phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến.

22. Chính quyền sẽ thành lập Ủy ban cải cách ruộng đất từ cấp trung ương đến cấp tỉnh. Dưới sự lãnh đạo của chính quyền, những Ủy ban này có nhiệm vụ lãnh đạo cụ thể phong trào quần chúng, thực hiện cải cách ruộng đất.

Ở cấp xã, nhiệm vụ lãnh đạo quần chúng đấu tranh thực hiện cải cách ruộng đất thuộc về Hội nghị đại biểu nông dân và Ban Chấp hành Nông hội.

23. Cương lĩnh này định cho toàn quốc, những vùng tự do có đủ điều kiện thì thi hành trước, các vùng khác chưa đủ điều kiện thì thi hành sau. Đối với những vùng dân tộc thiểu số sẽ có quy định riêng.

Các cấp uỷ chưa được thông tri thực hiện bản cương lĩnh này thì nhất thiết không được tự tiện làm bừa.

Toàn thể đảng viên Đảng Lao động Việt Nam phải phấn đấu một cách triệt để và trung thành đảng thực hiện cương lĩnh của Đảng về vấn đề ruộng đất. Những đảng viên nào chống lại hoặc có thái độ giả dối trong khi thực hiện bản cương lĩnh này, những đảng viên nào che chở cho địa chủ, không kiên quyết giúp đỡ nông dân, đều không xứng đáng là đảng viên Đảng Lao động Việt Nam và sẽ bị Đảng thi hành kỷ luật.

Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch và của Đảng, nhất định nhân dân ta sẽ vượt mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ lịch sử:

- Tiêu diệt đế quốc xâm lược,
- Xoá bỏ chế độ bóc lột phong kiến,
- Thực hiện một nước Việt Nam độc lập thống nhất, dân chủ, phú cường.

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Đảng toàn tập,*

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.14, tr. 499-503.

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG  
ĐẢNG (KHOÁ VIII)

Số 02-NQ/TW, ngày 24 tháng 12 năm 1996

Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp  
hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000

(Trích)

.....

II. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO  
TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

A- NHỮNG TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO  
TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ LÀ:

1- Nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục là nhằm xây dựng những con người và thế hệ thiết tha gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức trong sáng, có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ tổ quốc; công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; phát huy tiềm năng của dân tộc và con người Việt Nam, có ý thức cộng đồng và phát huy tính tích cực của cá nhân, làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành giỏi, có tác phong công nghiệp, có tính tổ chức kỷ luật ; có sức khoẻ, là những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên" như lời dặn của Bác Hồ.

Giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong nội dung, phương pháp giáo dục - đào tạo, trong các chính sách, nhất là chính sách công bằng xã hội , phát huy ảnh hưởng tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của cơ chế thi trường đối với giáo dục

- đào tạo. Chống khuynh hướng "thương mại hoá", đề phòng khuynh hướng phi chính trị hoá giáo dục - đào tạo. Không truyền bá tôn giáo trong trường học.

2- Thực sự coi giáo dục - đào tạo, là quốc sách hàng đầu. Nhận thức sâu sắc giáo dục - đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, đầu tư cho giáo dục - đào tạo là đầu tư phát triển. Thực hiện các chính sách ưu tiên ưu đãi đối với giáo dục - đào tạo, đặc biệt là chính sách đầu tư và chính sách tiền lương. Có các giải pháp mạnh mẽ để phát triển giáo dục.

3- Giáo dục - đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Mọi người đi học, học thường xuyên, học suốt đời. Phê phán thói lười học. Mọi người chăm lo cho giáo dục. Các cấp uỷ và tổ chức Đảng, các cấp chính quyền, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế, xã hội, các gia đình và các cá nhân đều có trách nhiệm góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, đóng góp trí tuệ, nhân lực, vật lực, tài lực cho giáo dục - đào tạo. Kết hợp giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh ở mọi nơi, trong từng công đồng, từng tập thể.

4- Phát triển giáo dục - đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, những tiến bộ khoa học - công nghệ và củng cố quốc phòng, an ninh. Coi trọng cả ba mặt: mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả. Thực hiện giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nghiên cứu khoa học, lý luận gắn với thực tế, học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với gia đình và xã hội.

5- Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục và đào tạo. Tạo điều kiện để ai cũng được học hành. Người nghèo được nhà nước và cộng đồng giúp đỡ để học tập. Bảo đảm điều kiện cho những người học giỏi phát triển tài năng.

6- Giữ vai trò nòng cốt của nhà trường công lập đi đôi với đa dạng hoá các loại hình giáo dục - đào tạo, trên cơ sở nhà nước thống nhất quản lý, từ nội dung chương trình, quy chế học, thi cử, văn bằng, tiêu chuẩn giáo viên, tạo cơ hội cho mọi người có thể lựa chọn cách học phù hợp với nhu cầu và hoàn cảnh của mình. Phát triển các trường bán công, dân lập ở những nơi có điều kiện, từng bước mở các trường tư thục ở một số bậc học như: mầm non , phổ thông trung học (cấp III), trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, đại học. Mở rộng các hình thức đào tạo không tập trung, đào tạo từ xa, từng bước hiện đại hóa hình thức giáo dục.

## B- TỪ NAY ĐẾN NĂM 2020 GIÁO DỤC – ĐÀO TẠO NHẪM CÁC MỤC TIÊU SAU ĐÂY:

Xây dựng hoàn chỉnh và phát triển bậc học mầm non cho hầu hết các trẻ em trong độ tuổi. Phổ biến kiến thức nuôi, dạy trẻ cho các gia đình.

Nâng cao chất lượng toàn diện bậc tiểu học. Hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2010 và trung học phổ thông vào năm 2020. Phát triển giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn, phấn đấu giảm chênh lệch về phát triển giáo dục giữa các vùng lãnh thổ.

Phát triển đào tạo đại học, trung học chuyên nghiệp, đẩy mạnh đào tạo công nhân lành nghề, bảo đảm có được nhiều nhân tài cho đất nước vào thế kỷ 21.

Nâng cao chất lượng và bảo đảm đủ số giáo viên cho toàn hệ thống giáo dục. Tiêu chuẩn hoá và hiện đại hoá các điều kiện dạy và học. Phấn đấu sớm có một số cơ sở đại học và trung học chuyên nghiệp, dạy nghề đạt tiêu chuẩn quốc tế.

### III. NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỪ

NAY ĐẾN NĂM 2000

1- Nhiệm vụ:

- Phát huy những thành tựu đã đạt được, phát huy các mặt yếu kém theo hướng: *chấn chỉnh* công tác quản lý, khẩn trương lập lại trật tự, kỷ cương, kiên quyết đẩy lùi tiêu cực; *sắp xếp và củng cố* hệ thống giáo dục - đào tạo và mạng lưới trường lớp; nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo; phát triển quy mô giáo dục - đào tạo, chuẩn bị *tiền đề cho những bước phát triển mạnh vào đầu thế kỷ 21.*

- Trên cơ sở định hướng chiến lược trình bày ở trên, tiến hành *xây dựng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo* cho thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Ban hành *Luật giáo dục.*

Trong năm năm này, Đảng, Nhà nước, các tổ chức kinh tế, chính trị xã hội và toàn dân phải tập trung sức thực hiện bằng các nhiệm vụ trên, giải quyết các vấn đề bức xúc, nổi cộm, tạo nên sự phát triển ổn định với một chất lượng được cải thiện, phát triển nguồn nhân lực yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, điều kiện giải quyết việc làm cho nhân dân, nhất là thanh niên.

2- Mục tiêu cụ thể năm 2000

Mục tiêu chủ yếu là thực hiện giáo dục toàn diện đức dục trí dục, thẩm dục, mỹ dục ở tất cả các bậc học. Hết sức coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, nhân cách, khả năng tư duy sáng tạo và năng lực thực hành. Cụ thể là:

- Phát triển bậc học mầm non phù hợp với điều kiện và yêu cầu của từng nơi. Bảo đảm hầu hết trẻ em 5 tuổi được học chương trình mẫu giáo lớn, chuẩn bị vào lớp 1.

- Phổ cập giáo dục bậc tiểu học được học đủ 9 môn theo chương trình quy định. Thực hiện tốt 5 điều dạy của Bác Hồ. Phổ cập trung học cơ sở ở các thành phố, đô thị, các vùng kinh tế trọng điểm và những nơi có điều kiện.

- Tính chung cả nước có khoảng 60% trẻ em độ tuổi 11 - 15 học phổ thông trung học cơ sở. Mở rộng và nâng cao chất lượng dạy kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, ngoại ngữ, tin học ở trường trung học. Nâng cao năng lực tự học và thực hành cho học sinh.

- Thanh toán nạn mù chữ cho những người trong độ tuổi 15 - 35, thu hẹp diện mù chữ ở độ tuổi khác, đặc biệt chú ý vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, để tất cả các tỉnh đều đạt chuẩn quốc gia về xoá mù chữ và phổ cập tiểu học trước khi bước sang thế kỷ 21.

- Tăng quy mô học nghề bằng mọi hình thức để đạt 22% - 25% đội ngũ lao động được qua đào tạo vào năm 2000. Kế hoạch đào tạo nghề phải theo sát chương trình kinh tế - xã hội của từng vùng, phục vụ cho sự chuyển đổi lao động, cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn và nông nghiệp. Tăng cường đầu tư, củng cố và phát triển các trường dạy nghề, xây dựng trường trọng điểm. Đào tạo đủ công nhân lành nghề cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, có tính đến nhu cầu xuất khẩu lao động.



- Nâng quy mô giáo dục đại học, cao đẳng lên 1,5 lần so với năm 1995 với cơ cấu đào tạo hợp lý, theo sát nhu cầu phát triển. Tiếp tục sắp xếp lại các trường đại học. Xây dựng một số trường đại học trọng điểm. Xây dựng một số trường cao đẳng công đồng ở các địa phương để đào tạo nhân lực tại chỗ. Tăng nhanh một số người đi học tập, bồi dưỡng ở nước ngoài.

- Mở rộng các hình thức học tập thường xuyên, đặc biệt là hình thức học từ xa. Quan tâm đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý, kỹ thuật, nghiệp vụ và công nhân các doanh nghiệp. Kiện toàn hệ thống trường chính trị và hành chính. Tăng cường đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp các ngành.

- Có hình thức trường, lớp thích hợp nhằm đào tạo bồi dưỡng cán bộ chủ chốt xuất thân từ công nông và lao động ưu tú, con em các gia đình thuộc diện chính sách.

- Đối với miền núi, vùng sâu vùng khó khăn, xoá "điểm trắng" về giáo dục ở bản, ấp. Mở thêm các trường dân tộc nội trú và bán trú cụm xã, các huyện, tạo nguồn cho các trường chuyên nghiệp và đại học để tạo cán bộ cho các dân tộc, trước hết là giáo viên, cán bộ y tế, cán bộ lãnh đạo và quản lý.

#### IV. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1- Tăng cường các nguồn lực cho giáo dục - đào tạo

- Đầu tư cho giáo dục - đào tạo lấy từ nguồn chi thường xuyên và nguồn chi phát triển trong ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ yếu trong tổng nguồn lực cho giáo dục - đào tạo và được sử dụng tập trung, ưu tiên cho việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đào tạo cán bộ cho một số ngành trọng điểm, bồi dưỡng

nhân tài, trợ giúp cho giáo dục ở những vùng khó khăn và diện chính sách. Tăng dần tỷ trọng chi ngân sách cho giáo dục - đào tạo để đạt được 15% tổng chi ngân sách vào năm 2000.

- Tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách như học phí, nghiên cứu ban hành chính sách đóng góp phí đào tạo từ các cơ sở sử dụng lao động, huy động một phần lao động công ích để xây dựng trường sở. Khuyến khích các đoàn thể, các tổ chức kinh tế, xã hội xây dựng quỹ khuyến học, lập quỹ giáo dục quốc gia. Phát hành xổ số kiến thiết để xây dựng trường học.

- Cho phép các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và các viện nghiên cứu lập cơ sở sản xuất và dịch vụ khoa học đúng với ngành nghề đào tạo.

- Xây dựng và công bố công khai quy định về học phí và các khoản đóng góp theo nguyên tắc không thu bình quân, miễn giảm cho người nghèo và người thuộc diện chính sách. Căn cứ vào nhu cầu phát triển giáo dục, tình hình kinh tế và khả năng đóng góp của các tầng lớp nhân dân địa phương, hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định mức học phí cụ thể trong khung học phí do chính phủ quy định cho từng khu vực và các khoản đóng góp ỏn định khác. Không thu học phí ở bậc tiểu học trong các trường công lập.

- Có chính sách ưu tiên, ưu đãi đối với các việc xuất bản sách giáo khoa, tài liệu dạy học, sản xuất và cung ứng máy móc, đồ dùng dạy học, nhập khẩu sách, báo, tài liệu, thiết bị dạy học mà trong nước chưa sản xuất được để phục vụ cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của nhà trường.

- Các ngân hàng lập quỹ tín dụng đào tạo cho con em các gia đình có thu nhập thấp, trước hết ở nông thôn và các vùng khó khăn, cho vay với lãi suất ưu đãi, để có điều kiện học tập ở các trường đào tạo học chuyên nghiệp dạy nghề.

- Nhà nước quy định cơ chế cho các doanh nghiệp đầu tư vào công tác đào tạo và đào tạo lại. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các cá nhân, các tổ chức trong và ngoài nước giúp đỡ phát triển giáo dục - đào tạo Việt Nam. Phần tài trợ cho giáo dục - đào tạo mọi hình thức sẽ được khấu trừ trước khi tính thuế lợi tức, thuế thu nhập.

- Dành ngân sách nhà nước thoả đáng để cử những người giỏi và có phẩm chất tốt đi đào tạo và bồi dưỡng về những ngành nghề và lĩnh vực then chốt ở những nước có nền khoa học, công nghệ phát triển.

Khuyến khích đi học nước ngoài bằng con đường tự túc, hướng vào những ngành mà đất nước đang cần, theo quy định của nhà nước.

- Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam ở nước ngoài có khả năng về nước tham gia giảng dạy và đào tạo, mở trường học, hoặc hợp tác với các cơ sở đào tạo trong nước; các tổ chức và cá nhân nước ngoài có thể vào Việt Nam mở các trung tâm đào tạo quốc tế, tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ tài chính theo quy định của Nhà nước.

- Sử dụng một phần vốn vay và viện trợ của nước ngoài để xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục - đào tạo.

- Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, các tổ chức xã hội, các cơ sở sản xuất,

kinh doanh, dịch vụ tích cực góp sức phát triển giáo dục - đào tạo. Kết hợp giáo dục xã hội, giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Hệ thống phát thanh, truyền hình thời lượng thích đáng phát các trương trình giáo dục. Các ngành văn hoá, nghệ thuật, thông tấn, báo chí có trách nhiệm cung cấp những sản phẩm tinh thần có nội dung tốt cho việc giáo dục thế hệ trẻ. Không để các sản phẩm văn hoá tư tưởng độc hại, các tệ nạn xã hội thâm nhập vào trường học. Định kỳ tổ chức hội nghị giáo dục các cấp để kiểm điểm, rút kinh nghiệm, bàn biện pháp giáo dục, khen thưởng cá nhân và đơn vị có thành tích. Thể chế hoá chủ trương xã hội hoá giáo dục đã ghi trong nghị quyết đại hội VIII.

Tiếp tục phát triển các trường dân lập ở tất cả các bậc học. Từng bước phát triển vững chắc các trường lớp tự thực ở giáo dục mầm non, phổ thông trung học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và đại học. Nhà nước hỗ trợ, hướng dẫn và quản lý thống nhất chương trình, nội dung chất lượng giảng dạy và học tập ở các trường dân lập và tự thực. Hiệu trưởng và giáo viên của các trường này đều do nhà nước đào tạo, cấp bằng. ở các trường dân lập, tự thực lập các tổ chức đảng và đoàn thể như trường dân lập, tự thực do nhà nước quy định.

2- Xây dựng đội ngũ giáo viên, tạo động lực cho người dạy, người học.

Giáo viên là nhân tố quyết định chất lượng của giáo dục và được xã hội tôn vinh. Giáo viên phải có đủ đức tài. Do đó phải:

- Củng cố và tập trung đầu tư nâng cấp các trường sư phạm. Xây dựng một số trường đại học sư phạm trọng điểm để vừa đào tạo giáo viên có chất lượng cao vừa nghiên cứu khoa học giáo dục đạt trình độ tiên tiến.

- Không thu học phí và thực hiện chế độ học bổng ưu đãi đối với học sinh, sinh viên ngành sư phạm. Có chính sách thu hút học sinh tốt, khá, giỏi vào ngành sư phạm. Tăng chỉ tiêu đào tạo của các trường sư phạm, đồng thời giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên một số môn học phù hợp cho các trường đại học và cao đẳng khác.

Đào tạo giáo viên gắn với địa chỉ và có chính sách sử dụng hợp lý để khắc phục nhanh chóng tình trạng thiếu giáo viên hiện nay.

- Thực hiện chương trình bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng chuẩn hoá, nâng cao phẩm chất và năng lực cho đội ngũ giáo viên để đến năm 2000 có ít nhất 50% giáo viên phổ thông và 30% giáo viên đại học đạt tiêu chuẩn quy định. ở đại học cần có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng trong và ngoài nước các cán bộ phụ trách các bộ môn khoa học và giảng viên trẻ kế cận, để khắc phục tình trạng hẫng hụt cán bộ. Không bố trí người kém phẩm chất, đạo đức làm giáo viên, kể cả giáo viên hợp đồng.

- Lương giáo viên được xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp và có thêm chế độ phụ cấp tùy theo tính chất công việc, theo vùng do Chính phủ quy định. Có chế độ ưu đãi và quy định hợp lý tuổi nghỉ hưu đối với giáo viên cũng như các trí thức khác có trình độ cao.

- Có chính sách sử dụng và đãi ngộ đúng giá trị nguồn nhân lực được đào tạo. Trọng dụng người tài. Khuyến khích mọi người, nhất là thanh niên say mê học tập và tu dưỡng vì tiền đồ bản thân và tương lai đất nước.

3- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục - đào tạo và tăng cường cơ sở vật chất các trường học

- Rà soát lại và đổi mới một bước sách giáo khoa, loại bỏ những nội dung không thiết thực, bổ xung những nội dung cần thiết theo hướng bảo đảm kiến thức cơ bản, cập nhật với tiến bộ của khoa học công nghệ, tăng nội dung khoa học, công nghệ ứng dụng, tăng cường giáo dục kỹ thuật tổng hợp và năng lực thực hành ở bậc học phổ thông, kỹ năng hành nghề ở khối đào tạo. Trên cơ sở một bước đổi mới và cải tiến ấy, bảo đảm sự ổn định tương đối về nội dung, chương trình, sách giáo khoa ở các cấp học cho đến năm 2000.

- Tăng cường giáo dục công dân, giáo dục tư tưởng - đạo đức, lòng yêu nước, chủ nghĩa Mác-Lênin, đưa việc giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh vào nhà trường phù hợp với lứa tuổi và với từng bậc học. Coi trọng hơn nữa các môn khoa học xã hội và nhân văn, nhất là tiếng Việt, lịch sử dân tộc, địa lý và văn hoá Việt Nam. Soát xét lại nội dung sách giáo khoa các môn khoa học xã hội và nhân văn, tham khảo kinh nghiệm nước ngoài một cách có chọn lọc, xây dựng các môn khoa học kinh tế, quản lý, luật pháp phù hợp với điều kiện nước ta và quan điểm đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động xã hội, văn hoá - thể thao phù hợp với lứa tuổi và với yêu cầu giáo dục toàn diện.

- Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục - đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình dạy - học, bảo đảm điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, nhất là sinh viên đại học. Phát triển mạnh phong trào tự học, tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp trong

toàn dân, nhất là thanh niên.

- Chấm dứt tình trạng lớp học ca ba. Bảo đảm diện tích đất đai và sân chơi, bãi tập cho các trường theo đúng quy định của nhà nước. Tất cả các trường phải có công trình vệ sinh hợp quy cách. trong quy hoạch khu dân cư mới, khu công nghiệp tập trung phải có đại điểm trường học, nơi sinh hoạt văn hoá, thể dục thể thao cho thanh niên, thiếu niên. Ban hành chuẩn quốc gia về trường học. Tất cả các trường phổ thông đều có tủ sách, thư viện và các trang bị tối thiểu để thực hiện các thí nghiệm trong chương trình. Sớm chấm dứt tình trạng "dạy chay".

- Thay thế, bổ xung cơ sở vật chất và các thiết bị cho các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp và đại học. Xây dựng thêm và quản lý tốt các ký túc xá của học sinh, sinh viên. Xây dựng một số phòng thí nghiệm trọng điểm và trạm sản xuất thử ở trình độ hiện đại phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Bổ xung thường xuyên sách và tạp chí chuyên ngành để các trường đại học có điều kiện tiếp cận những thành tựu mới của khoa học và công nghệ.

- Tổ chức các hội đồng bộ môn gồm các nhà giáo dục và khoa học đầu ngành có uy tín nhằm nghiên cứu, biên soạn, thử nghiệm nội dung, chương trình, sách giáo khoa, tài liệu, phương pháp giảng dạy, cùng danh mục thiết bị đồ dùng dạy học các môn học, các mặt hoạt động trong nhà trường của tất cả các bậc học sẽ áp dụng sau năm 2000.

4- Đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Tăng cường công tác dự báo và kế hoạch hoá sự nghiệp giáo dục. Đưa giáo dục

vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và từng địa phương. Có chính sách điều tiết quy mô và cơ cấu đào tạo cho phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khắc phục tình trạng mất cân đối hiện nay, gắn đào tạo với sử dụng. Đối với miền núi và các vùng khó khăn, các lĩnh vực và ngành nghề cần thiết tiếp tục thực hiện chính sách cử tuyển để đào tạo theo địa chỉ. Xây dựng quan hệ chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo với cơ quan quản lý nhân lực và việc làm. Khuyến khích thành lập các tổ chức thông tin tư vấn, hướng nghiệp cho học sinh chọn ngành nghề và tìm việc làm sau khi tốt nghiệp. Ban hành chế độ nghĩa vụ công tác sau khi tốt nghiệp các trường.

- Quy định lại chức năng, nhiệm vụ các cơ quan quản lý giáo dục - đào tạo theo hướng tập trung làm tốt chức năng quản lý nhà nước, xây dựng, hoàn thiện các chính sách, cơ chế về giáo dục đào tạo, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các chương trình và chất lượng. Sớm ban hành các luật giáo dục và các văn bản dưới luật (điều lệ các loại trường, trách nhiệm, quyền hạn của các cấp quản lý giáo dục - đào tạo, quy định hệ thống chuẩn kiến thức...). Nhanh chóng cải tiến các hình thức thi và đánh giá. Sớm có kết luận về một số chủ trương như phân ban ở bậc phổ thông trung học, đào tạo 2 giai đoạn ở bậc đại học... Trong lúc chưa có kết luận, không mở rộng các chủ trương đó. Không tổ chức lớp chọn ở các cấp học. Không tổ chức trường chuyên ở tiểu học và trung học cơ sở, trừ các trường năng khiếu về nghệ thuật và thể thao.

- Xử lý nghiêm các hiện tượng tiêu cực trong ngành giáo dục. Trong năm 1997 tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng tiêu cực thi, tuyển sinh, bảo vệ luận án, cấp bằng. Có biện pháp sớm chấm dứt tình trạng thu tiền của học sinh không chính thức, không công khai và tình trạng dạy thêm tràn lan.



- Đổi mới cơ chế quản lý, bồi dưỡng cán bộ sắp xếp, chấn chỉnh và nâng cao năng lực của bộ máy quản lý giáo dục - đào tạo. Hoàn thiện hệ thống thanh tra giáo dục, tăng cường cán bộ thanh tra, tập trung vào thanh tra chuyên môn.

- Tiếp tục sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu để gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, tận dụng tối ưu năng lực của đội ngũ và cơ sở vật chất hiện có. Rút kinh nghiệm việc tổ chức các đại học quốc gia và đại học khu vực, làm tốt việc xây dựng một số trường đại học quốc gia lớn, một số trung tâm đào tạo kỹ thuật có chất lượng và uy tín cao. Các trường đại học phải là các trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ vào sản xuất và đời sống. Hết sức quan tâm quản lý tốt nội dung và chất lượng đào tạo của các đại học mở, đại học dân lập và các loại hình không chính quy.

- Coi trọng hơn nữa công tác nghiên cứu khoa học giáo dục, nhằm giải đáp những vấn đề lý luận và thực tiễn trong giáo dục và phổ biến các tri thức khoa học giáo dục thường thức đến các gia đình. Các chủ trương về chính sách giáo dục, những đổi mới về nội dung, quy trình phương pháp giáo dục, đánh giá, thi... đều phải dựa trên cơ sở nghiên cứu kỹ lưỡng và trải qua thực nghiệm, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và đưa vào nhà trường theo đúng quy định.

- Thành lập hội đồng quốc gia giáo dục với nhiệm vụ cấp bách trước mắt là giúp Chính phủ tổng kết công cuộc đổi mới về giáo dục và soạn thảo chiến lược giáo dục - đào tạo.

- Phân cấp cho uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý toàn diện giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề,

có thể cả một số trường cao đẳng. Phát triển các trường lớp đào tạo cán bộ và công nhân chuyên ngành ở các tổng công ty, các doanh nghiệp. Tổ chức thí điểm mô hình gắn đào tạo với nghiên cứu triển khai trong một số doanh nghiệp lớn. Định rõ trách nhiệm, tăng thêm quyền chủ động cho các cơ sở đào tạo, nhất là các trường đại học.

- Tiếp tục đổi mới và mở rộng quan hệ trao đổi và hợp tác giáo dục - đào tạo với nước ngoài.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII,*

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr, 19, 28 - 45

**NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI BAN CHẤP HÀNH TRUNG  
ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VIII)**

Số 02-NQ/HNTW, ngày 24 tháng 12 năm 1996

**Về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ  
công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000**

*(Trích)*

.....

**II. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ**

***Định hướng chung của chiến lược khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2020  
là:***

1. Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, đi sâu điều tra, nghiên cứu thực tế, tổng kết sâu sắc quá trình đổi mới đất nước. Xây dựng, không ngừng phát triển và hoàn thiện hệ thống lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam; cung cấp luận cứ khoa học cho việc tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

2. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong tất cả các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng - an ninh, *nhANH chóng nâng cao trình độ công nghệ của đất nước*. Coi trọng nghiên cứu cơ bản, làm chủ và cải tiến các công nghệ nhập từ bên ngoài, tiến tới sáng tạo ngày càng nhiều công nghệ mới ở những khâu quyết định đối với sự phát triển của đất nước trong thế kỷ 21.

3. Nâng cao năng lực nội sinh, xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của nước nhà: đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công

nhân lành nghề, trẻ hoá và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có đủ đức, tài, kiện toàn hệ thống tổ chức, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, mở rộng các nguồn cung cấp thông tin, từng bước hình thành một nền khoa học và công nghệ hiện đại của Việt Nam có khả năng giải quyết phần lớn những vấn đề then chốt được đặt ra trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

### ***Nhiệm vụ của các lĩnh vực khoa học và công nghệ:***

#### **1. Khoa học xã hội và nhân văn**

- Vận dụng sáng tạo lý luận, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để nghiên cứu phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học; nghiên cứu sâu sắc chủ nghĩa tư bản hiện đại, những biến đổi trong các quan hệ quốc tế; dự báo xu hướng phát triển của thế giới, khu vực và đất nước. Xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.

- Nghiên cứu sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp. Nghiên cứu lý luận và chính sách quản lý kinh tế - xã hội trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị; xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân; nghiên cứu vấn đề đảng cầm quyền và xây dựng đảng trong điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường theo con đường xã hội chủ nghĩa.

- Tổng kết thực tiễn sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, tham khảo kinh nghiệm phát triển của thế giới, đề xuất luận cứ khoa học về mô hình và các giải pháp của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta.

- Nghiên cứu các vấn đề lịch sử, dân tộc, tôn giáo, ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật, tư tưởng, triết học và đặc điểm con người Việt Nam qua các thời đại, kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống văn hoá dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hoá thế giới, hình thành hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức mới, làm chỗ dựa cho việc giáo dục và bồi dưỡng truyền thống cách mạng, lòng yêu nước và tinh thần quốc tế

chân chính, ý chí tự lực, tự cường của nhân dân ta. Xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

- Tiếp tục nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm các cuộc chiến tranh cứu nước, giữ nước trong lịch sử dân tộc; xây dựng, phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong điều kiện mới.

- Nghiên cứu về lịch sử, văn hoá, kinh tế, chính trị, quân sự... của các nước, nhất là các nước trong khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương.

## **2. Khoa học tự nhiên**

Nghiên cứu cơ bản có định hướng, có trọng điểm các lĩnh vực khoa học tự nhiên (toán học, tin học, cơ học, vật lý, hoá học, sinh học, các khoa học về trái đất và biển...) nhằm tạo cơ sở khoa học cho việc sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống, hạn chế hậu quả thiên tai và nhằm xây dựng năng lực khoa học cho việc làm chủ các công nghệ tiên tiến được chuyển giao từ nước ngoài và sáng tạo ra công nghệ mới. Chú trọng đúng mức những nghiên cứu lý thuyết hiện đại cần thiết để đón đầu sự phát triển của khoa học và công nghệ.

## **3. Khoa học kỹ thuật và công nghệ**

Đến năm 2020 đạt trình độ công nghệ tiên tiến trong khu vực ở các ngành kinh tế trọng điểm như công nghệ sinh học, sản xuất lương thực, chế biến nông - lâm - hải sản, cơ khí điện tử, công nghệ thông tin, bưu chính - viễn thông, khai thác và chế biến dầu khí, giao thông vận tải, xây dựng, vật liệu cơ bản, sản xuất và sử dụng năng lượng, y dược. Phát triển một số ngành công nghiệp biển. Ứng dụng có chọn lọc các thành tựu khoa học hiện đại nhằm tiếp cận với trình độ thế giới trong một số lĩnh vực quan trọng, làm cơ sở vững chắc cho phát triển các ngành công nghiệp hiện đại.

## **4. Tiềm lực khoa học và công nghệ**

Nâng cao năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ để có khả năng tiếp thu các tri thức mới của thế giới, thích nghi, làm chủ các công nghệ tiên tiến từ nước ngoài; nghiên cứu giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ do thực tiễn đặt ra trong quá trình phát triển; bảo đảm căn cứ khoa học cho các quy hoạch, kế hoạch phát triển.

Đến năm 2020 có một số phòng thí nghiệm, viện nghiên cứu, trường đại học đạt trình độ quốc tế. Đạt mức độ tiên tiến trong khu vực về các chỉ tiêu đặc trưng cho tiềm lực khoa học và công nghệ như: tỷ lệ phần trăm tổng thu nhập quốc dân đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, số lượng cán bộ nghiên cứu - triển khai trên 1 vạn dân, số phát minh, sáng chế được đăng ký cấp giấy chứng nhận, v.v..

Để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ chiến lược trên, cần quán triệt *các quan điểm chỉ đạo* sau đây:

1. Cùng với giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải bằng và dựa vào khoa học và công nghệ. Đảng và Nhà nước có chính sách đầu tư khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ.

2. Khoa học và công nghệ là nội dung then chốt trong mọi hoạt động của tất cả các ngành, các cấp, là nhân tố chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và củng cố quốc phòng - an ninh.

Khoa học và công nghệ gắn với giáo dục và đào tạo, khoa học tự nhiên và kỹ thuật gắn với khoa học xã hội và nhân văn.

3. Phát triển khoa học và công nghệ là sự nghiệp cách mạng của toàn dân. Phát huy cao độ khả năng sáng tạo của quần chúng, của các tập thể khoa học và công nghệ, của các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, các tổ chức chính trị - xã hội và của mỗi công dân trong hoạt động khoa học, công nghệ.

4. Phát huy năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ kết hợp với tiếp thu thành tựu khoa học, công nghệ thế giới.

5. Phát triển khoa học, công nghệ gắn liền với bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

### III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỪ NAY ĐẾN NĂM 2000

#### 1. Mục tiêu

*Nâng cao mặt bằng khoa học và dân trí* để tiếp thu và vận dụng các thành tựu khoa học, tiến bộ kỹ thuật trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; đạt được những chuyển biến rõ nét về các mặt sau đây:

- Bảo đảm luận cứ khoa học cho việc xây dựng các định hướng chiến lược, chính sách, chủ trương, kế hoạch, quy hoạch phát triển đất nước của Đảng và Nhà nước.

- Lựa chọn, tiếp thu và làm chủ các công nghệ nhập từ bên ngoài, kết hợp với cải tiến và hiện đại hoá công nghệ truyền thống, nâng cao trình độ công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất, dịch vụ, tạo bước chuyển biến mới về năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất; đặc biệt là chất lượng các sản phẩm xuất khẩu để có sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới.

- Đạt trình độ công nghệ trung bình trong khu vực ở những ngành sản xuất và dịch vụ chủ yếu.

#### *Phát triển tiềm lực khoa học công nghệ:*

- Xây dựng đội ngũ trí thức giàu lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có chí khí và hoài bão lớn, quyết tâm đưa đất nước lên đỉnh cao mới. Phân đầu đưa số lượng cán bộ nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ lên gấp rưỡi so với hiện nay và nâng cao hiệu quả sử dụng đội ngũ.

- Tăng cường một bước cơ bản về cơ sở vật chất - kỹ thuật cho khoa học và công nghệ. Tập trung xây dựng một số phòng thí nghiệm cần thiết đạt trình độ tiên tiến trong khu vực trên các lĩnh vực công nghệ trọng điểm, như công nghệ thông tin,

công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu, hoá dầu, năng lượng, chế tạo máy tự động hoá, để phát triển nhanh các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên.

## **2. Nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2000**

### ***1. Khoa học xã hội và nhân văn***

Tập trung nghiên cứu các vấn đề:

- Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam.
- Phương hướng, mục tiêu, tiến trình và những giải pháp nhằm công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
- Xây dựng quan hệ sản xuất theo con đường xã hội chủ nghĩa; sự biến đổi các giai cấp, tầng lớp xã hội; các chính sách bảo đảm tiến bộ xã hội và công bằng xã hội.
- Xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát huy mạnh mẽ nhân tố con người; đấu tranh chống những ảnh hưởng độc hại từ mặt trái của cơ chế thị trường và mở cửa với bên ngoài.
- Tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, tăng cường đoàn kết dân tộc trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường theo con đường xã hội chủ nghĩa.
- Những vấn đề về chủ nghĩa tư bản hiện đại.
- Làm rõ bản chất và con đường phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo con đường xã hội chủ nghĩa. Hoàn thiện cơ chế quản lý mới.
- Đổi mới, nâng cao hiệu quả và vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế quốc dân.
- Vấn đề kinh tế tư bản nhà nước, mối quan hệ giữa chế độ đa sở hữu và các hình thức phân phối, giữa quản lý vĩ mô và điều hành vi mô đối với sản xuất và kinh doanh trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.



- Những vấn đề về lịch sử, dân tộc, tôn giáo, triết học, văn học nghệ thuật..., đặc điểm con người Việt Nam.
- Tổng kết kinh nghiệm của các cuộc chiến tranh cứu nước, giữ nước trong lịch sử dân tộc, xây dựng, phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự Việt Nam trong điều kiện mới.
- Tình hình chính trị, kinh tế thế giới, khu vực Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương.

## ***2. Khoa học tự nhiên***

Nghiên cứu một số vấn đề lý thuyết thuộc lĩnh vực mũi nhọn và ứng dụng có chọn lọc các thành tựu khoa học hiện đại nhằm tạo cơ sở cho đổi mới công nghệ, định hướng sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Trước mắt tập trung chủ yếu vào các ngành toán học, công nghệ thông tin, các khoa học hệ thống và điều khiển học; vật lý chất rắn, quang học, vật lý laser, vật lý hạt nhân; cơ học các kết cấu công trình, cơ học các vật liệu mới, động lực học, các hệ thủy khí động học; hoá hữu cơ, hấp phụ và xúc tác, hoá phân tích; sinh vật học nhiệt đới, kỹ thuật tế bào, công nghệ gen, sinh học phân tử; cấu trúc địa chất và đặc điểm địa động lực Việt Nam, vật lý địa cầu, nghiên cứu địa lý, biến đổi khí hậu, dự báo các quá trình tai biến tự nhiên Việt Nam, nghiên cứu biển, thềm lục địa.

## ***3. Công nghệ***

Lấy ứng dụng, chuyển giao công nghệ là chính. Tạo được khả năng lựa chọn, thích nghi và làm chủ các công nghệ nhập; đi thẳng vào các công nghệ tiên tiến nhất, trước hết ở những ngành, những lĩnh vực có tác động chi phối nền kinh tế quốc dân, những ngành có giá trị gia tăng cao, ngành công nghiệp mới xây dựng, ngành sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực. Đồng thời, đổi mới công nghệ từng phần, hiện đại hoá từng khâu đối với những lĩnh vực còn cơ sở vật chất - kỹ thuật và sản xuất còn hiệu quả.

***- Về nông nghiệp và phát triển nông thôn:***

Đẩy mạnh nghiên cứu tuyển chọn các giống cây, con có năng suất và chất lượng cao. Làm chủ được các công nghệ sản xuất các giống ưu thế lai về lúa, ngô và rau quả. Áp dụng các biện pháp sinh học hiện đại và công nghệ sinh học, sử dụng hợp lý hoá chất, sản xuất các loại nông sản sạch. Phát triển chăn nuôi; nâng cao trình độ chế biến và bảo quản lương thực, thực phẩm, đánh bắt và chế biến thủy sản; đẩy nhanh cơ giới hoá; sử dụng phương pháp tưới tiêu tiên tiến; có các chính sách, giải pháp công nghệ để đưa diện tích có rừng che phủ lên 40%, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả diện tích đất trồng trọt cũng như khai thác hợp lý các vùng đất mới; áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật để phát triển các ngành công nghiệp, dịch vụ và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, gắn hợp tác hoá với công nghiệp hoá nông nghiệp và công nghiệp hoá nông thôn; hình thành các cụm dân cư, các thị tứ, xây dựng các mô hình làng sinh thái, giải quyết nước sạch, vệ sinh môi trường ở nông thôn.

- **Về công nghiệp và kết cấu hạ tầng:** Làm chủ các công nghệ mới trong chế tạo máy, nhất là công nghệ đúc, hàn, nhiệt luyện, xử lý bề mặt, gia công chính xác; ứng dụng công nghệ sử dụng máy tính và tự động hoá trong chế tạo máy; nâng cao năng lực thiết kế và chế tạo các dây chuyền sản xuất cho các ngành công nghiệp. Ứng dụng các công nghệ mới nhất về thăm dò, khai thác và chế biến dầu khí. Tiếp cận những công nghệ mới để chuẩn bị xây dựng các cơ sở gang thép, sản xuất nhôm, các vật liệu mới, hợp kim và kim loại khác, các cơ sở sản xuất phân bón cũng như một số hoá chất cơ bản. Lập cân bằng tổng thể các dạng nhiên liệu, năng lượng cho nhu cầu đến năm 2020; nâng cao hiệu quả xây dựng các nhà máy điện, chuyển tải điện năng, giảm tổn thất điện năng; đẩy mạnh việc ứng dụng năng lượng mặt trời, địa nhiệt, gió, khí sinh vật; chuẩn bị tiền đề khoa học cho việc sử dụng năng lượng nguyên tử sau năm 2000. Hiện đại hoá công nghệ trong các lĩnh vực bưu chính - viễn thông, hàng không, hàng hải, đường sắt, đường bộ, giao

thông đô thị v.v.. Nghiên cứu quy hoạch đô thị, quy hoạch dân cư phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- **Bảo vệ sức khỏe:** Nghiên cứu các vấn đề y sinh cơ bản, ảnh hưởng của môi trường tới sức khỏe, các bệnh nhiễm khuẩn chủ yếu, ngăn chặn AIDS; cải thiện tình trạng dinh dưỡng, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền; ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất thuốc.

- **Công nghệ cao:** Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... nhằm nhanh chóng hiện đại hoá công nghệ trong các ngành kinh tế quốc dân và tạo ra các ngành công nghiệp mũi nhọn có giá trị gia tăng cao. Bước đầu xây dựng hai khu công nghệ cao tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

#### **4. Tài nguyên và môi trường**

Sử dụng các giải pháp khoa học, công nghệ nhằm khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phòng chống, giảm nhẹ tác hại thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng dụng những công nghệ mới trong điều tra tài nguyên, dự báo khí tượng thủy văn, kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường; tiếp tục xây dựng chiến lược phát triển vùng, bố trí hợp lý không gian lãnh thổ và dân cư; bảo vệ đa dạng sinh học, giữ cân bằng sinh thái.

#### **5. Quốc phòng - an ninh**

Tổ chức điều tra, nghiên cứu các vấn đề khoa học kỹ thuật phục vụ quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn xã hội; ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong sản xuất, sửa chữa, bảo trì các loại vũ khí, quân trang, quân dụng. Nghiên cứu kế hoạch phòng thủ bảo vệ vững chắc biên giới lãnh thổ của Tổ quốc.

### **IV. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

#### **1. Tạo lập thị trường cho khoa học và công nghệ**

- Dùng các công cụ về thuế, về tín dụng để hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ hiện đại phù hợp với các hướng ưu tiên của Nhà nước. Áp dụng chế độ thuế nhập khẩu thấp đối với các thiết bị công nghệ tiên tiến. Miễn mọi loại thuế cho các sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử bằng công nghệ mới. Giảm thuế lợi tức trong một số năm đối với các sản phẩm làm ra bằng công nghệ mới lần đầu tiên được áp dụng trong nước, có chính sách ưu đãi đối với việc áp dụng các công nghệ do trong nước sáng tạo ra.

- Đối với các doanh nghiệp, Nhà nước quy định chế độ thưởng cho tập thể lao động và các tác giả về sáng chế, phát minh, cải tiến kỹ thuật và ứng dụng công nghệ mới.

- Các viện nghiên cứu được thành lập các cơ sở sản xuất - kinh doanh, các trung tâm ứng dụng, tư vấn và chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực chuyên môn mà viện đảm nhận, được phép liên doanh với nước ngoài theo quy định của Nhà nước.

- Thành lập các tổ chức nghiên cứu - triển khai trong các tổng công ty và doanh nghiệp lớn.

- Mở rộng mạng lưới dịch vụ tư vấn khoa học và công nghệ. Miễn hoặc giảm thuế doanh thu cho các hoạt động tư vấn khoa học và công nghệ.

- Hoàn thiện hệ thống luật pháp về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và khuyến khích chuyển giao công nghệ.

## **2. Chính sách đối với cán bộ khoa học và công nghệ**

- Có chính sách lương thỏa đáng đối với cán bộ nghiên cứu khoa học và triển khai. Có chế độ thưởng, phụ cấp và trợ cấp cho các công trình khoa học và công nghệ có giá trị. Có cơ chế để cán bộ khoa học và công nghệ bảo đảm thu nhập thích đáng thông qua việc tham gia các hợp đồng nghiên cứu - triển khai.

Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, hoài bão, lý tưởng say mê khoa học; áp dụng nhiều hình thức biểu

dương, tôn vinh địa vị xã hội của các nhà khoa học và chuyên gia công nghệ hàng đầu.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học và công nghệ; trẻ hoá đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ. Khơi dậy nhiệt tình của thế hệ trẻ theo đuổi sự nghiệp khoa học và công nghệ.

- Xây dựng và thực hiện quy chế bảo đảm dân chủ, phát huy tinh thần sáng tạo, tăng cường đoàn kết, ý thức trách nhiệm xã hội của các nhà khoa học trong hoạt động nghiên cứu và triển khai. Khuyến khích, trân trọng những tìm tòi khám phá khoa học, những kiến nghị giải pháp khác nhau về các vấn đề của tự nhiên, kỹ thuật cũng như kinh tế - xã hội. Có những hình thức tổ chức, phương pháp và cơ chế hoạt động hợp lý để phát huy tối đa trí tuệ tập thể cũng như tài năng cá nhân của nhà khoa học.

- Trang bị kỹ thuật, thông tin, thiết bị đồng bộ cho một số phòng thí nghiệm, một số viện nghiên cứu trọng điểm, một số bộ môn ở các trường đại học đạt mức tiên tiến trong khu vực. Tăng dần trang thiết bị và nâng cấp các thư viện cho các trường, các viện nghiên cứu.

- Có chính sách khuyến khích cán bộ khoa học và công nghệ về làm việc tại các vùng nông thôn, vùng núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Quy định tuổi về hưu thích hợp đối với cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao; có nhiều hình thức sử dụng và phát huy năng lực của đội ngũ trí thức tuổi cao còn sức cống hiến.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ khoa học và công nghệ người Việt Nam ở nước ngoài chuyển giao về nước những tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến. Có chính sách thoả đáng đối với cán bộ khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài về làm việc trong nước.

**3. Phát động phong trào quần chúng tiến quân vào khoa học phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng chế phát minh, áp dụng khoa học và công nghệ vào**

mọi mặt của sản xuất, đời sống. Đẩy mạnh phong trào thi đua tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả công tác trong toàn xã hội. Nhà nước có chính sách khuyến khích, động viên khen thưởng và tôn vinh kịp thời đối với những tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào này.

#### **4. Tăng đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ từ nhiều nguồn**

- Tăng dần tỷ lệ ngân sách nhà nước hàng năm chi cho khoa học và công nghệ để đến năm 2000 đạt không dưới 2% tổng chi ngân sách.
- Chương trình phát triển khoa học và công nghệ phải là một bộ phận quan trọng trong nội dung của mỗi chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Việc thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội phải là cơ sở thực tiễn và là nơi tạo nhu cầu và cung cấp nguồn lực cho phát triển khoa học và công nghệ.
- Trích một phần vốn của các dự án đầu tư để tiến hành nghiên cứu, phân biện, đánh giá những vấn đề khoa học và công nghệ có liên quan tới nội dung, chất lượng dự án.
- Có cơ chế để doanh nghiệp dành một phần vốn cho nghiên cứu đổi mới, cải tiến công nghệ và đào tạo nhân lực. Phần vốn này không chịu thuế.
- Nhà nước chú trọng đầu tư cho nghiên cứu cơ bản, nhất là những lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn cũng như những lĩnh vực khoa học và công nghệ đặc thù của Việt Nam.

#### **5. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ**

- Có chính sách mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, các tổ chức quốc tế; thu hút các chuyên gia giỏi của thế giới đến nước ta hợp tác mở trường, lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân kỹ thuật, lập các cơ sở nghiên cứu khoa học và chuyển giao những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại.
- Có cơ chế sử dụng vốn vay và viện trợ nước ngoài để đầu tư có hiệu quả cho khoa học và công nghệ. Hình thành một số cơ sở quốc tế về khoa học tự nhiên và công nghệ.

- Nhà nước dành một khoản ngân sách thích đáng để cử người có đức, có tài đi đào tạo những ngành nghề thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên ở những nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến; khuyến khích việc tự túc đi học ở nước ngoài về khoa học và công nghệ.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là cán bộ trẻ được đi bồi dưỡng và trao đổi khoa học ở nước ngoài.

## **6. Tăng cường kiểm soát, giám định công nghệ và chất lượng sản phẩm**

- Các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trong mọi ngành, mọi cấp đều phải có sự thẩm định của các tổ chức khoa học về giải pháp công nghệ và về những tác động của nó đến môi trường và xã hội. Việc thẩm định phải được luật pháp hoá.

- Tăng cường hiệu quả hoạt động của các tổ chức quản lý tiêu chuẩn, đo lường và kiểm tra chất lượng sản phẩm. Có biện pháp phát hiện kịp thời, ngăn chặn và đình chỉ sản xuất lưu thông hàng giả.

- Tiến hành nghiêm ngặt công tác thanh tra, kiểm tra môi trường sinh thái. Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng công nghệ sạch. Ngăn ngừa và xử lý nghiêm các trường hợp nhập và sử dụng các công nghệ gây ô nhiễm môi trường. Tất cả các dự án đầu tư, các quy hoạch phát triển sản xuất, quy hoạch đô thị, khu công nghiệp đều phải thực hiện nghiêm chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường và phải có một phần vốn đầu tư cho các giải pháp bảo vệ môi trường.

## **7. Đổi mới hệ thống tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ**

- Kiện toàn tổ chức và nâng cao trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ từ Trung ương đến cấp huyện, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý khoa học công nghệ, tăng cường công tác thanh tra công nghệ và thanh tra môi trường.

- Đổi mới cơ chế phân bổ và quản lý ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm mục tiêu. Kiểm tra hoạt

động, hiệu quả sử dụng kinh phí nghiên cứu của các tổ chức khoa học và công nghệ.

- Kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia, của Hội đồng khoa học và công nghệ ngành và địa phương.

- Ban hành Luật khoa học và công nghệ. Nhà nước quản lý thống nhất các hoạt động khoa học và công nghệ, đồng thời phân cấp quản lý và phát huy tính chủ động của các cơ sở nghiên cứu - triển khai.

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn các cơ quan khoa học và công nghệ theo hướng củng cố trung tâm khoa học quốc gia và một số cơ quan khoa học công nghệ trọng điểm ngành, bảo đảm kết hợp giữa viện nghiên cứu và trường đại học, gắn nghiên cứu - triển khai với sản xuất - kinh doanh.

- Khuyến khích thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài khu vực nhà nước.

- Củng cố và tăng cường hoạt động của các Hội khoa học và kỹ thuật nhằm tập hợp rộng rãi các lực lượng trí thức. Phát huy vai trò chính trị - xã hội của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật ở Trung ương và địa phương trong việc phổ biến và ứng dụng kiến thức khoa học vào sản xuất và đời sống, trong nghiên cứu khoa học, triển khai công nghệ và bảo vệ môi trường, cũng như trong công tác tư vấn, phản biện và giám định xã hội. Đảng và Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các Hội khoa học và kỹ thuật.

## **8. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ cập kiến thức khoa học và công nghệ**

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ cập tri thức khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, khoa học xã hội và nhân văn nói chung, những hiểu biết thường thức về khoa học tự nhiên và công nghệ, bảo vệ môi trường trong nhân dân, đặc biệt là ở vùng nông thôn, vùng núi, vùng dân tộc ít người, hình thành lối sống văn minh và sự lành mạnh của môi trường xã hội.



- Đẩy mạnh các dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ về lãnh đạo - quản lý, nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ ở các doanh nghiệp, đặc biệt là thông tin công nghệ.
- Phát triển và quản lý tốt mạng lưới thu thập, xử lý thông tin về khoa học và công nghệ nước ngoài.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII,*

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 48, 55-74.

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG  
ĐẢNG (KHOÁ VIII)

Số 03 – NQ/HNTW, ngày 18 tháng 6 năm 1997

Về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

(Trích)

.....

***Phần thứ hai***

**PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN  
BỘ**

Trước bối cảnh quốc tế và trong nước với những thuận lợi và khó khăn như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã xác định, việc xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ cần quán triệt các quan điểm, mục tiêu và tiêu chuẩn sau đây:

**I. QUAN ĐIỂM VỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ**

**1. Phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa** nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Công tác cán bộ được đổi mới có vai trò quyết định thực hiện thắng lợi mục tiêu đó. Mặt khác, quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là môi trường thực tiễn để rèn luyện, tuyển chọn và đào tạo cán bộ, nâng cao phẩm chất, kiến thức, năng lực của đội ngũ cán bộ.

**2. Quán triệt quan điểm giai cấp công nhân của Đảng, phát huy truyền thống**

**yêu nước và đoàn kết dân tộc**

Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng lập trường, quan điểm, ý thức tổ chức của giai cấp công nhân cho đội ngũ cán bộ. Đồng thời tăng cường số cán bộ xuất thân từ công nhân, trước hết là cán bộ chủ chốt trọng hệ thống chính trị các cấp.

Phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng nhân tài, không phân biệt đảng viên hay người ngoài Đảng, dân tộc, tôn giáo, người ở trong nước hay người Việt Nam định cư ở nước ngoài; không định kiến với những người có sai lầm trong quá khứ, nay đã hối cải và sửa chữa.

Kế thừa, phát huy truyền thống tốt đẹp của đội ngũ cán bộ cách mạng để xây dựng các thể hệ cán bộ hiện tại và tương lai.

### **3. Gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng tổ chức và đổi mới cơ chế, chính sách.**

Xây dựng đội ngũ cán bộ và xây dựng tổ chức, đổi mới cơ chế chính sách, phương thức, lề lối làm việc có quan hệ chặt chẽ, tác động lẫn nhau. Có nhiệm vụ chính trị mới lập tổ chức; có tổ chức mới bố trí cán bộ, không vì cán bộ và lập ra tổ chức. Mỗi cán bộ trong tổ chức phải có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm rõ ràng.

Quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ phải gắn với yêu cầu và nội dung xây dựng bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, kiện toàn hệ thống chính trị, đổi mới cơ chế chính sách.

**4- Thông qua hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng của nhân dân, nâng cao trình độ dân trí để tuyển chọn, giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng cán bộ.**

Trên cơ sở phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí để xây dựng đội ngũ cán bộ một cách cơ bản, chính quy, có hệ thống; đồng thời thông qua hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng của nhân dân để giáo dục, rèn luyện, đào tạo, đánh giá, sàng lọc, tuyển chọn cán bộ.

Không đánh giá, sử dụng cán bộ một cách cảm tính, chủ quan. Mọi phẩm giá và bằng cấp, danh hiệu và chức vụ tài năng và cống hiến đều phải được kiểm nghiệm qua hoạt động thực tiễn. Phong trào cách mạng của quần chúng là trường học lớn của cán bộ. Phải dựa vào dân để phát hiện, kiểm tra và giám sát cán bộ.

**5- Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị.**

Đảng phải trực tiếp chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cho hệ thống chính trị, trên mọi lĩnh vực. Đảng thực hiện đường lối, chính sách cán bộ thông qua các tổ chức đảng (ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ) và đảng viên trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân, thực hiện đúng quy trình, thủ tục, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của các đoàn thể và tổ chức xã hội.

Phân công, phân cấp quản lý cán bộ cho các cấp uỷ và các tổ chức đảng; đồng thời thường xuyên kiểm tra việc thực hiện công tác cán bộ của các ngành, các cấp, coi đây là một trong những công việc quan trọng bậc nhất của lãnh đạo.

Những vấn đề về chủ trương, chính sách, đánh giá, bố trí, sử dụng, điều động, đề bạt, khen thưởng, xử lý kỷ luật cán bộ nhất thiết phải do cấp uỷ có thẩm quyền quyết định theo đa số.

Nghiêm túc chấp hành các nghị quyết của cấp uỷ về cán bộ và công tác cán bộ; cá nhân phải chấp hành quyết định của tập thể; tổ chức đảng cấp dưới phải chấp hành quyết định của tổ chức đảng cấp trên.

## II. MỤC TIÊU

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp từ trung ương đến cơ sở, đặc biệt là cán bộ đứng đầu, có phẩm chất và năng lực, có bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở lập trường giai cấp công nhân, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo sự chuyển tiếp liên tục và vững vàng giữa các thế hệ cán bộ nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ vững độc lập tự chủ, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bảo đảm có đủ nguồn cán bộ để mỗi nhiệm kỳ có thể đổi mới khoảng 30%-40% số cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đoàn thể các cấp, cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang. Phần đầu đến năm 2020 số người có trình độ đại học, cao đẳng trở lên bằng khoảng 4% dân số cả nước.

Trước mắt chuẩn bị tốt nhân sự hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân, đại hội đảng các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

## III. TIÊU CHUẨN CÁN BỘ TRONG THỜI KỲ MỚI

**Tiêu**

**chuẩn**

**chung:**

- Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thực, không cơ hội, giấu bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

- Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực và sức khoẻ để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Các tiêu chuẩn đó, có quan hệ mật thiết với nhau. Coi trọng cả đức và tài, đức là gốc.

**Ngoài các tiêu chuẩn chung nói trên, Cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân còn phải:**

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở lập trường giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng, với chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Có năng lực dự báo và định hướng sự phát triển, tổng kết thực tiễn, tham gia xây dựng đường lối, chính sách, pháp luật; thuyết phục và tổ chức nhân dân thực hiện. Có ý thức và khả năng đấu tranh bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Gương mẫu về đạo đức, lối sống. Có tác phong dân chủ, khoa học, có khả năng tập hợp quần chúng, đoàn kết cán bộ.

- Có kiến thức về khoa học lãnh đạo và quản lý. Đã học tập có hệ thống ở các trường của Đảng, Nhà nước và đoàn thể nhân dân; trải qua hoạt động thực tiễn có hiệu quả.

***Cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang còn phải:***

- Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân, sẵn sàng hy sinh bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Có tinh thần cảnh giác cách mạng cao, có ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm, giữ gìn bí mật quân sự, bí mật quốc gia.

- Nắm vững và có khả năng vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng và xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Nắm được những vấn đề cơ bản về quản lý kinh tế xã hội.

***Cán bộ khoa học, chuyên gia còn phải:***

- Có tư duy độc lập, sáng tạo, có ý thức hợp tác, say mê trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Bám sát đời sống xã hội, có khả năng tổng kết thực tiễn.
- Chuyên gia đầu ngành phải có khả năng tập hợp và đào tạo cán bộ khoa học.

***Cán bộ quản lý kinh doanh còn phải:***

- Hiểu biết sâu sắc các quan điểm kinh tế của Đảng. Có phẩm chất và đạo đức, cần kiệm, liêm chính, không lợi dụng chức quyền để tham ô, lãng phí, xa hoa.
- Có kiến thức về kinh tế thị trường và quản trị doanh nghiệp, hiểu biết khoa học, công nghệ, pháp luật và thông lệ quốc tế.
- Có khả năng tổ chức kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế - xã hội.

Các ngành, các cấp căn cứ vào những tiêu chuẩn trên đây để xây dựng tiêu chuẩn cụ thể của tất cả các loại cán bộ, công chức cho sát hợp.

***Phần thứ ba***

**MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP LỚN**

**I. XÂY DỰNG QUY HOẠCH VÀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ**

**1. Quy hoạch cán bộ**

Quy hoạch cán bộ là một nội dung trọng yếu của công tác cán bộ, bảo đảm cho công tác cán bộ đi vào nề nếp, chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.



Phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ tổ chức; đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức hiện có; dự kiến nhu cầu và khả năng phát triển của đội ngũ cán bộ, công chức để chủ động có phương hướng đào tạo, bồi dưỡng. Đặc biệt chú trọng tạo được nguồn cán bộ dồi dào, đủ tiêu chuẩn để kịp thời đáp ứng yêu cầu, tập trung vào cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân các cấp, cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang, cán bộ khoa học và chuyên gia, cán bộ quản lý kinh doanh.

Mỗi cấp, mỗi ngành phải có kế hoạch tạo nguồn cán bộ, chú trọng:

- Những cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, công chức có thành tích xuất sắc trong công cuộc đổi mới dưới 45 tuổi ở các quận, huyện, tỉnh, thành, các bộ, ban ngành Trung ương và các doanh nghiệp...
- Những công nhân, nông dân, trí thức, cán bộ và chiến sĩ lực lượng vũ trang ưu tú, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, con em các gia đình có công với cách mạng có triển vọng, có thành tích, sáng kiến trong lao động, công tác.
- Các sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, các nhà khoa học trẻ tuổi thuộc các lĩnh vực.

Định kỳ kiểm tra, tổng kết và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ.

## **2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ**

- *Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với từng loại cán bộ:*

Mở rộng diện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong hệ thống chính trị và tổ chức xã hội,

các thành phần kinh tế. Đặc biệt chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp từ Trung ương đến cơ sở; cán bộ khoa học đầu ngành; cán bộ quản lý kinh doanh các doanh nghiệp lớn.

Phấn đấu chậm nhất từ năm 2005 trở đi, nói chung những cán bộ chủ chốt dưới 45 tuổi từ cấp huyện trở lên ít nhất phải có trình độ đại học về chuyên môn, cao cấp về lý luận chính trị. Đào tạo, bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm, đề bạt; khắc phục tình trạng bầu cử, bổ nhiệm rồi mới đưa đi đào tạo.

Đào tạo lại đội ngũ giảng viên, giáo viên, chú ý bồi dưỡng chính trị, nâng cao giác ngộ giai cấp để phần đông giáo viên trong các trường học có đủ tiêu chuẩn trở thành đảng viên.

*- Nội dung đào tạo bồi dưỡng cán bộ:*

Lấy tiêu chuẩn cán bộ làm căn cứ xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng thống nhất trong hệ thống các trường. Nội dung đào tạo phải thiết thực, phù hợp với yêu cầu đối với từng loại cán bộ; chú trọng cả phẩm chất đạo đức và kiến thức, cả lý luận và thực tiễn; bồi dưỡng kiến thức cơ bản và hướng dẫn kỹ năng thực hành.

Chú trọng bồi dưỡng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chi Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các kiến thức về lịch sử, địa lý, văn hóa...

Bồi dưỡng kiến thức về quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, quản lý kinh tế, khoa học, công nghệ, chuyên môn nghiệp vụ, phong cách lãnh đạo...

*- Phương thức đào tạo, bồi dưỡng:*

Kết hợp đào tạo chính quy với các hình thức khác cho từng loại cán bộ.

Mở rộng đào tạo trong nước, đồng thời chú trọng đào tạo ở nước ngoài. Nhà nước dành ngân sách thích đáng để cử cán bộ giỏi đi nghiên cứu và học tập ở các nước phát triển. Khuyến khích, tạo thuận lợi cho các tổ chức, tập thể và cá nhân trong và ngoài nước tài trợ, đưa người đi học ở nước ngoài.

Kết hợp việc đào tạo tại các trường lớp với việc rèn luyện qua thực tiễn công tác, trong lao động sản xuất, trong phong trào quần chúng.

Có chế độ khuyến khích và bắt buộc đối với việc tự học, tự nghiên cứu. Định kỳ kiểm tra kiến thức và trình độ nghiệp vụ đối với từng loại cán bộ.

Có quy chế kiểm soát việc sử dụng cán bộ sau đào tạo, bảo đảm làm đúng ngành nghề và chấp hành sự phân công.

*- Kiện toàn hệ thống đào tạo, bồi dưỡng cán bộ:*

Nghiên cứu sắp xếp hợp lý hơn hệ thống tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể từ trung ương đến địa phương theo hướng tập trung, thống nhất, có chỉ đạo chặt chẽ.

Các trường đào tạo, bồi dưỡng ở trung ương (trường Đảng, Nhà nước và các đoàn thể) cần được sắp xếp lại, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất về quan điểm chính trị, tư tưởng; có sự phân công hợp lý để không chồng chéo, trùng lặp.

Các trường đào tạo, bồi dưỡng ở địa phương cần được củng cố, tăng cường để đảm nhiệm tốt việc đào tạo, bồi dưỡng các loại cán bộ theo phân cấp.

Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, cải tiến việc biên soạn giáo trình, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

## II. XÂY DỰNG CÁC QUY CHẾ CÔNG TÁC CÁN BỘ

### ***1. Về đánh giá cán bộ***

Việc đánh giá cán bộ phải làm hàng năm, trước khi kết thúc nhiệm kỳ, hoặc chuyển công tác, căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ, hiệu quả công việc thực tế, có tính đến môi trường, điều kiện công tác, mức độ tin nhiệm của nhân dân.

Trách nhiệm đánh giá cán bộ thuộc về cấp uỷ, tổ chức đảng nơi cán bộ sinh hoạt, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cán bộ và bản thân cán bộ tự đánh giá. Việc đánh giá cán bộ phải trên cơ sở thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình; theo nguyên tắc tập thể, dân chủ, công khai, kết luận theo đa số.

Cán bộ được thông báo ý kiến nhận xét của cơ quan có thẩm quyền về bản thân mình, được trình bày ý kiến, có quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp trên, nhưng phải chấp hành ý kiến kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

### ***2. Về tuyển chọn cán bộ***

Thực hiện chế độ dân chủ, công khai trong việc tuyển chọn cán bộ, công chức, bảo

đảm tuyển chọn đúng những người có đủ tiêu chuẩn theo từng chức danh. Xây dựng và thực hiện các quy trình tuyển chọn, bổ nhiệm một cách chặt chẽ.

Các tổ chức cơ quan có nhu cầu tuyển chọn cán bộ, công chức công bố công khai nhu cầu, đối tượng, tiêu chuẩn cán bộ cần tuyển. Kết quả sát hạch, thi tuyển là một căn cứ chủ yếu đề ra quyết định tuyển dụng cán bộ.

Lập hội đồng thi tuyển quốc gia, các hội đồng thi tuyển của ngành, địa phương. Quy định nhiệm vụ, chức năng, quy chế làm việc của các hội đồng thi tuyển, bảo đảm việc thi tuyển tiến hành một cách chặt chẽ, khách quan và công bằng.

### ***3. Về bầu cử***

Việc bầu cử phải thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Đảng, đoàn thể. Các cán bộ do tổ chức đảng giới thiệu tham gia vào các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể phải được tập thể cấp uỷ thảo luận và nhất trí giới thiệu theo đúng thể lệ, quy chế, quy trình bầu cử.

Người được bầu vào các chức vụ cấp trưởng phải đề xuất được đề án, chương trình công tác trong nhiệm kỳ, cam kết hoàn thành nhiệm vụ, giữ gìn phẩm chất đạo đức.

Cán bộ đứng đầu từ cấp huyện, quận trở lên không giữ một chức vụ quá hai nhiệm kỳ ở cùng một đơn vị, địa phương.

### ***4. Về bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ***

Thực hiện chế độ bổ nhiệm có thời hạn. Hết thời hạn giữ chức vụ, cấp có thẩm quyền căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ và các yêu cầu công tác để xem xét quyết định có tiếp tục bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ đó nữa hay không.

Trong thời hạn đảm nhiệm chức vụ, người nào vì việc công, lý do sức khỏe, hoàn cảnh cá nhân được từ chức, miễn chức; người không hoàn thành nhiệm vụ, có sai phạm, uy tín giảm sút thì tùy theo mức độ mà bị miễn chức, hoặc cách chức kịp thời.

Cán bộ đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cùng với tập thể lãnh đạo đào tạo, bồi dưỡng người kế nhiệm.

Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ phải thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Đảng, đoàn thể.

### ***5. Về luân chuyển cán bộ***

Thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý giữa các vùng, các ngành, các cấp nhằm sử dụng có hiệu quả và tạo nên sự đồng đều trong đội ngũ cán bộ; bồi dưỡng toàn diện cán bộ, tạo điều kiện cho cán bộ trẻ có triển vọng, cán bộ trong quy hoạch được rèn luyện trong thực tiễn; khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng ngành, từng địa phương, từng tổ chức.

Căn cứ vào đặc điểm từng vùng, từng ngành, từng cấp, nhu cầu công tác và năng lực, sở trường cán bộ, cấp uỷ đảng lập quy hoạch, kế hoạch luân chuyển cán bộ theo một quy trình chặt chẽ và có chế độ, chính sách thích hợp. Mọi cán bộ, đảng viên phải phục tùng tuyệt đối quyết định điều động, luân chuyển của Đảng và Nhà

nước.

## **6. Về chế độ học tập**

Học tập là quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, đảng viên. Thực hiện chế độ học tập bắt buộc nhằm nâng cao trình độ mọi mặt, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn đội ngũ cán bộ.

Mọi cán bộ công chức phải có kế hoạch thường xuyên học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn và năng lực hoạt động thực tiễn. Bồi dưỡng đạo đức cách mạng, trước hết là những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tinh thần và kết quả học tập lý luận chính trị là một tiêu chuẩn để để xem xét đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

Các cấp ủy đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn cán bộ, ngành, đoàn thể có trách nhiệm tổ chức, quản lý và kiểm tra chế độ học tập. Có chế độ chính sách, kinh phí, tạo điều kiện thuận lợi để công tác giáo dục lý luận, chính trị đạt chất lượng và hiệu quả cao.

## **7. Về việc nhân dân tham gia xây dựng và giám sát cán bộ**

Có cơ chế để nhân dân phát hiện, tiến cử những người có đức, có tài cho các cơ quan lãnh đạo Đảng, Nhà nước và đoàn thể; lựa chọn, bầu cử những người lãnh đạo trực tiếp của mình.

Nhân dân giám sát các công việc và phẩm chất của cán bộ, trước hết là những cán

bộ có quan hệ trực tiếp với mình; biểu dương cán bộ tốt, phát hiện, đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực, quan liêu, tham nhũng... Bảo đảm thực hiện quyền khiếu nại của nhân dân đối với cán bộ theo pháp luật.

Có chế độ quy định cán bộ tự phê bình, lắng nghe và tiếp thu những ý kiến của dân, sửa chữa những khuyết điểm mà dân nêu ra.

### ***8. Về chế độ kiểm tra***

Cấp uỷ và tổ chức đảng có trách nhiệm xây dựng chế độ kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ.

Kịp thời nêu gương cán bộ tốt, giúp đỡ cán bộ gặp khó khăn, ngăn chặn những biểu hiện lệch lạc, cơ hội, thoái hóa, biến chất.

Kịp thời kiểm tra, kết luận các vụ việc có liên quan đến cán bộ để đánh giá chính xác cán bộ.

Phát hiện và uốn nắn những cơ sở, thiếu sót trong công tác cán bộ.

### ***9. Về bảo vệ chính trị nội bộ***

Xây dựng quy chế bảo vệ chính trị nội bộ, nhằm:

- Bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ cương lĩnh và đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chống "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.



- Bảo vệ sự trong sạch chính trị nội bộ, trước hết là cán bộ cấp chiến lược và cán bộ lãnh đạo trong hệ thống chính trị, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các phần tử chống đối và cơ hội về chính trị.
- Thẩm tra kết luận về các cán bộ có vấn đề về lịch sử chính trị hoặc có quan hệ chính thức phức tạp.
- Phát hiện và xử lý kịp thời các tổ chức chống đối ngay từ khi chúng nhen nhóm hoạt động.
- Bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước.

### ***10. Về phân công, phân cấp quản lý cán bộ***

Xác định trách nhiệm, quyền hạn của các cấp quản lý cán bộ; quyền hạn phải đi liền với trách nhiệm.

Bộ Chính trị ban hành quy chế quản lý cán bộ, quy định về phân cấp quản lý cán bộ đối với các cấp uỷ, các tổ chức đảng; trách nhiệm của cơ quan tham mưu về quản lý cán bộ.

Cấp uỷ, cấp uỷ viên và thủ trưởng quản lý cán bộ phải chịu trách nhiệm trước cấp uỷ và thủ trưởng cấp trên về cán bộ thuộc quyền quản lý của mình.

Chi bộ, đảng bộ có trách nhiệm quản lý cán bộ là đảng viên thuộc chi bộ, đảng bộ mình (kể cả đảng viên là cán bộ cấp cao), nhất là về lập trường quan điểm, ý thức

tổ chức kỷ luật, chấp hành chính sách và pháp luật, phẩm chất đạo đức và quan hệ với quần chúng.

Các ban tổ chức, tư tưởng văn hóa, kiểm tra, bảo vệ chính trị nội bộ, dân vận cùng các ban khác của Đảng có trách nhiệm giúp đỡ cấp ủy, tổ chức đảng và thủ trưởng cơ quan Nhà nước làm tốt công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

Căn cứ vào những quan điểm, chủ trương về một số quy chế công tác cán bộ trên đây, các ngành, các cấp nghiên cứu xây dựng các quy chế cụ thể của tất cả các loại cán bộ, công chức cho sát hợp.

### III. ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH CÁN BỘ

#### 1. Chính sách đào tạo và bồi dưỡng cán bộ

Đầu tư thích đáng cho việc đào tạo, bồi dưỡng những người ưu tú trở thành cán bộ chủ chốt. Chú ý con em gia đình cách mạng, những người có công với nước, công nhân, nông dân, trí thức, lực lượng vũ trang, cán bộ nữ, con em các dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng. Có chính sách học bổng và miễn giảm học phí cho con em các gia đình có công với cách mạng, gia đình liệt sĩ, thương binh, con các gia đình nghèo vượt khó, cho học sinh giỏi, đạo đức tốt, sinh viên các ngành sư phạm. Bồi dưỡng tài năng ngay từ các trường phổ thông, đại học và trung học chuyên nghiệp. Dành kinh phí để cử cán bộ ưu tú và sinh viên xuất sắc đi đào tạo, tham quan, bồi dưỡng ở nước ngoài. Tổ chức tốt trường bồi túc văn hóa, dự bị đại học, trường dân tộc nội trú.

Nguồn đầu tư để phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng cán bộ bao gồm từ ngân sách Nhà nước các cấp, kinh phí của các tổ chức đảng, đoàn thể,

của doanh nghiệp, tài trợ của các tổ chức quốc tế và các nước.

## **2. Chính sách sử dụng và quản lý cán bộ**

Việc bố trí và sử dụng cán bộ phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn phù hợp với sở trường. Đề bạt cán bộ phải đúng lúc, đúng người, đúng việc. Có chính sách đoàn kết tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng những người có đức, có tài trong Đảng và ngoài Đảng, người ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Phát hiện, lựa chọn và giới thiệu những người đủ tiêu chuẩn trong các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế tham gia các tổ chức chính trị, xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để họ đóng góp vào các công việc chung của đất nước.

Có chế độ quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ. Các cấp uỷ, thủ trưởng các cơ quan phải nắm chắc từng cán bộ, cả về đức, tài và tình trạng sức khỏe.

Trên cơ sở đó có kế hoạch sử dụng, đề bạt, giúp đỡ, khen thưởng đúng mức những cán bộ có thành tích, xử lý kỷ luật kịp thời và nghiêm minh những cán bộ vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước.

## **3. Chính sách bảo đảm lợi ích vật chất và động viên tinh thần**

Tinh giản biên chế, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả lao động, chống tham nhũng, lãng phí, mở rộng bảo hiểm xã hội, tăng tỉ lệ động viên thu nhập quốc dân vào ngân sách Nhà nước, đổi mới cơ bản chính sách bảo đảm lợi ích vật chất cho từng loại cán bộ, trước hết là chế độ tiền lương, nhà ở và phương tiện đi lại. Tiền lương phải thật sự trở thành bộ phận cơ bản trong thu nhập của cán bộ, bảo đảm tái sản xuất mở rộng sức lao động.

Thực hiện tiếp việc tiền tệ hóa tiền lương.

Tiếp tục có các hình thức thích hợp để tôn vinh những người có công với nước, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, những người có tài, có đóng góp lớn cho sự nghiệp đổi mới. Biểu dương, khen thưởng kịp thời những người có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, trong phát minh sáng chế khoa học và công nghệ, trong sáng tạo văn hóa nghệ thuật, trong quản lý và công tác. Nghiên cứu đổi mới chính sách tặng thưởng huân chương.

Đi đôi với khuyến khích lợi ích vật chất, chú trọng giáo dục lý tưởng cách mạng là động lực lớn nhất để thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của từng cán bộ.

#### IV. ĐỔI MỚI VÀ CHỈNH ĐỐN TỔ CHỨC BỘ MÁY LÀM CÔNG TÁC CÁN BỘ

Việc xây dựng đội ngũ cán bộ phải tiến hành đồng thời với việc đổi mới và củng cố tổ chức Đảng, bộ máy Nhà nước, đoàn thể nhân dân, các đơn vị sản xuất kinh doanh, sự nghiệp, công tác; đổi mới cơ chế chính sách, phương thức, lề lối làm việc. Trong đó chú trọng đổi mới, chỉnh đốn các tổ chức bộ máy làm công tác cán bộ.

Các cấp ủy, tổ chức đảng và đích thân cán bộ đứng đầu phải chăm lo xây dựng, đổi mới và chức năng và đội ngũ cán bộ làm công tác cán bộ. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ công tác của các cơ quan làm công tác cán bộ. Khắc phục tình trạng chồng chéo, phân tán, không rõ trách nhiệm, không nắm chắc cán bộ.

Nâng cao phẩm chất, trình độ kiến thức và năng lực của đội ngũ làm công tác cán bộ. Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn những người công tâm, trung thực, trong sáng, có kinh nghiệm làm công tác cán bộ.

Đổi mới phong cách và phương pháp làm công tác cán bộ. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, chú trọng tổng kết thực tiễn, từng bước xây dựng khoa học về công tác tổ chức cán bộ. Trang bị các phương tiện làm việc hiện đại cho công tác tổ chức cán bộ.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII,*

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 66, 75-95.

## B: MỘT SỐ VĂN KIẾN MANG TÍNH CƯƠNG LĨNH, CHIẾN LƯỢC

Trung ương Hội nghị lần thứ tám Đảng Cộng sản Đông Dương

*(Trích)*

.....

### IV. CHÍNH SÁCH MỚI CỦA ĐẢNG

Tình hình thay đổi. Pháp mất nước cho Đức, Đức gây chiến với Liên Xô. Nhật đến chiếm Đông Dương, đó là những biến cố lớn đã xảy ra, cuộc chiến tranh thế giới đã bước vào một giai đoạn mới, giai đoạn các nước đế quốc phát xít cùng với các nước dân chủ hoàn cầu xâu xé nhau dữ dội hơn. Trong lúc đó Liên Xô đã trở nên một đội quân tiên phong trong mặt trận dân chủ đã tập hợp tất cả lực lượng dân chủ toàn thế giới quanh mình để diệt trừ tội phát xít .

Tình hình Đông Dương cũng không kém thay đổi. Đế quốc Nhật chiếm Đông Dương trông thêm một cái ách nô lệ cho nhân dân Đông Dương. Nhân dân Đông Dương nay không phải chỉ làm nô lệ cho giặc Pháp mà còn làm trâu ngựa cho giặc Nhật nữa. Pháp đầu hàng Đức và Nhật gây ra Chiến tranh Thái Bình Dương, chúng càng tăng thêm sự áp bức bóc lột xứ Đông Dương. Trước tình thế đó nhân dân Đông Dương vô cùng khốn đốn không những các tầng lớp thợ thuyền, dân cày, quần chúng lao khổ cũng phải ráo riết dưới hai tầng áp bức của Pháp - Nhật mà ngay các tầng lớp tiểu tư sản, phú nông, địa chủ, viên chức thầy đều bị phá sản và khánh kiệt dưới sự bóc lột của Pháp - Nhật. Do đó thái độ của các giai cấp nhân dân thay đổi nhiều. Sự thay đổi thái độ của các giai cấp trong nhân dân làm cho lực lượng cách mạng và phản cách mạng cũng thay đổi. Thái độ của các giai cấp nhân dân thay đổi như thế nào? Giai cấp vô sản và dân cày nghèo nàn, khốn khổ nặng nề hơn lúc nào hết, đã hăng hái quyết liệt hơn chống đế quốc. Xem những cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ và Bắc Sơn, giai cấp công nông đã có một tinh thần hy sinh và quyết liệt hơn ngày trước. Đền anh em binh lính trước kia họ là một lợi khí cho

quân đế quốc trước kia lợi dụng đàn áp cách mạng, ngày nay căn cứ vào cuộc bạo động Nam Kỳ, vào cuộc khởi nghĩa Đô Lương tinh thần cách mạng binh lính đã lên cao, họ không ngần ngại trên bước đường cùng với thợ thuyền, dân cày tranh đấu chống đế quốc xâm lược. Giai cấp tiểu tư sản đặc biệt là các hàng viên chức, tiểu chủ, tiểu nông vì nạn bóc lột của đế quốc và sinh hoạt khốn đốn, đối với cách mạng một phần đã hăng hái tham gia, một phần nữa lại tỏ cảm tình với cách mạng một cách sốt sắng hơn trước.

Giai cấp địa chủ - phú nông và một phần tư bản bản xứ thay đổi thái độ nhiều hơn. Trước kia đối với cách mạng hoặc có một thái độ ác cảm, tìm cách phá hoại, hoặc thờ ơ lãnh đạm. Thế mà ngày nay lại khác, chỉ trừ một số ít làm tay sai cho giặc Pháp, hoặc đi bợ đỡ ton hót bọn Nhật, còn phần đông đã có cảm tình với cách mạng hoặc giữ thái độ trung lập. Thái độ của các đảng phái chính trị cũng có thay đổi ít nhiều.

Những đảng phái có tính chất chân thành cách mạng thì nay đã có một thái độ rõ rệt và quyết tâm hơn tuy lực lượng của họ còn yếu. Còn các đảng phái thân Nhật thì một số đông quần chúng trước kia bị chúng nó lừa phỉnh mà nghe theo nay đã thấy rõ chỗ dã tâm của Nhật, lại càng chán Nhật, nên họ cũng có khuynh hướng cách mạng. Xem như quần chúng của Việt Nam Phục quốc đồng minh hội sau lúc quân Nhật đem tổ giác cho Pháp bắt và giết hại thì họ lại càng tức ghét Pháp - Nhật, tỏ một thái độ muốn đi với Đảng ta để chống kẻ thù chung. Các đoàn thể tôn giáo như đạo Cao đài trước kia là thân Nhật, nhưng ngày nay trước những hành động gian trá của Nhật một số đông tín đồ dưới hạ tầng quần chúng lại có khuynh hướng cách mạng mà ghét Nhật, chống Pháp. Kèm theo sự thay đổi thái độ ấy lại đi theo với sự thay đổi lực lượng cách mạng những giai cấp trước còn xa cách mạng nay đi gần về cách mạng, hạng trước kia ghét cách mạng nay trung lập hay cảm tình với cách mạng. Những hạng như địa chủ, tư bản bản xứ trước kia có thể là đội quân hậu bị của đế quốc chống cách mạng nay đã biến thành hậu bị quân của

cách mạng. Trong sự thay đổi ấy ta thấy lực lượng của phe cách mạng tăng gia mà hậu bị quân của địch quân sẽ do đó mà giảm xuống nhiều. Hơn nữa những cuộc cách mạng dân tộc giải phóng của Tàu, ấn độ, cuộc cách mạng vô sản Pháp - Nhật cuộc chiến tranh thế giới và Thái Bình Dương, cuộc kháng chiến của Liên Xô.

Nói tóm lại, trong cuộc cách mạng Đông Dương hai lực lượng cách mạng và phản cách mạng đã bày ra như sau:

### **A- Lực lượng cách mạng:**

1. Tiền phong quân: vô sản giai cấp Đông Dương.

2. Hậu bị quân trực tiếp:

a) Trong nước:

1) Nông dân:

2) Các tầng lớp nhân dân phản đế toàn quốc.

b) Ngoài nước:

1) Cuộc kháng chiến của nhân dân Tàu.

2) Cuộc cách mạng dân tộc giải phóng của các dân tộc dưới ách thống trị của Pháp - Nhật.

3) Cuộc cách mạng của nhân dân Pháp, Nhật.

4) Liên xô, v.v. .

3. Hậu bị quân gián tiếp: .

a) Những mâu thuẫn ngấm ngầm và biểu lộ giữa phát xít Nhật, Pháp.

b) Những mâu thuẫn ngấm ngầm và biểu lộ trong hàng ngũ thống trị Pháp và Nhật ở Đông Dương.

c) Những mâu thuẫn ngấm ngầm và biểu lộ giữa bọn tay sai Pháp và tay sai Nhật.

d) Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương.

e) Cuộc chiến tranh thế giới.

### **B. Lực lượng phản cách mạng:**

1. Thống trị Pháp ở Đông Dương và bọn tay sai của chúng.



2. Phát xít Nhật và bọn tay sai của chúng nó.

Cần phải thay đổi chiến lược. Sự thay đổi về kinh tế, chính trị Đông Dương, sự thay đổi thái độ, lực lượng các giai cấp Đông Dương, buộc Đảng ta phải thay đổi chính sách cách mạng ở Đông Dương cho hợp với nguyện vọng chung của toàn thể nhân dân Đông Dương, cho hợp với tình hình thay đổi, Đảng ta phải có một chính sách cách mạng thích hợp với tình trạng ấy, mới chỉ dẫn cuộc cách mạng đến thắng lợi chắc chắn được. Vậy nguyện vọng của nhân dân Đông Dương hiện nay là gì? Là đánh Pháp đuổi Nhật, giành quyền độc lập cho xứ Đông Dương. Mục đích của nhân dân Đông Dương hiện nay là gì? Là phải đánh đuổi Pháp - Nhật làm cho xứ Đông Dương độc lập.

Vậy lực lượng cách mạng Đông Dương hiện nay là gì? chính là nhân dân Đông Dương, không phân biệt dân tộc nào, giai cấp nào. Nhiệm vụ đánh Pháp đuổi Nhật cũng không phải riêng của giai cấp vô sản và dân cày, mà là nhiệm vụ chung của toàn thể nhân dân Đông Dương.

Tóm lại, nhiệm vụ giải phóng dân tộc, độc lập cho đất nước là một nhiệm vụ trước tiên của Đảng ta và của cách mạng Đông Dương hợp với nguyện vọng chung của tất cả nhân dân Đông Dương. Muốn làm tròn nhiệm vụ đó Đảng ta phải thống nhất lực lượng cách mạng của nhân dân Đông Dương dưới một hiệu cờ thống nhất, tất cả các tầng lớp, các giai cấp, các đảng phái, các dân tộc, các tôn giáo có tinh thần chống Pháp, chống Nhật thành thật muốn độc lập cho đất nước, thành một mặt trận cho cách mạng chung. Vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp "dân tộc giải phóng", vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng.

3. Cách mạng dân tộc giải phóng. Chưa chủ trương làm Cách mạng tư sản dân quyền mà chủ trương làm cách mạng giải phóng dân tộc. Không phải giai cấp vô

sản Đông Dương bỏ mất nhiệm vụ điền địa đi đâu, cũng không phải đi lùi lại một bước, mà chỉ bước một bước ngắn hơn để có sức mà bước một bước dài hơn. Trong giai đoạn hiện tại ai cũng biết rằng: nếu không đánh đuổi được Pháp - Nhật thì vận mạng của dân tộc phải chịu kiếp trâu ngựa muôn đời mà vấn đề ruộng đất cũng không làm sao giải quyết được. Vậy thì trong lúc này muốn giải quyết nhiệm vụ giải phóng không thể đưa thêm một nhiệm vụ thứ hai chưa cần thiết với toàn thể nhân dân, giải quyết trước mà có hại cho nhiệm vụ thứ nhất. Vì muốn đánh đổ Pháp - Nhật ta phải liên hiệp với tất cả nhân dân Đông Dương không chừa một giai cấp nào, mà trong lúc đó nếu đưa nhiệm vụ điền địa ra giải quyết nghĩa là phải đánh đổ địa chủ, như thế chẳng phải là mâu thuẫn lắm sao? Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới quyền lợi giải phóng của toàn thể dân tộc. Vậy thì quyền lợi của nông dân và thợ thuyền phải đặt dưới quyền lợi giải phóng độc lập của toàn thể nhân dân. Ngay bây giờ nếu ta nêu khẩu hiệu đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày, như thế chẳng những ta bỏ mất một lực lượng đồng minh, một lực lượng hậu thuẫn trong cuộc cách mạng đánh đuổi Pháp - Nhật mà còn đẩy lực lượng ấy về phe địch làm thành hậu bị quân cho phe địch nữa. Nhưng ta cũng đừng tưởng rằng chưa giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân sẽ làm giảm bớt sức chiến đấu đâu. Không, nông dân vẫn không giảm bớt sự hăng hái tranh đấu mà vẫn nỗ lực tranh đấu mạnh hơn vì trong cuộc tranh đấu giải phóng dân tộc họ cũng được hưởng nhiều quyền lợi to tát:

- a) Đánh đuổi phát xít Pháp - Nhật, đó là lật được một cái ách áp bức bóc lột nặng nhất của họ.
- b) Đánh đuổi Pháp - Nhật, thủ tiêu thuế đinh, điền và các thứ thuế khác đó là cái lợi thứ hai.
- c) Được chia công điền lại một cách công bằng hơn, giảm địa tô, sửa đổi nền chính trị hương thôn cho họ hưởng được nhiều quyền lợi hơn, lại hưởng được nhiều

quyền lợi ruộng đất tịch thu của bọn Việt gian phản quốc và một phần của đế quốc tư bản, đó là quyền lợi thứ ba.

d) Họ cũng được hưởng quyền lợi kinh tế, chính trị khác mà toàn thể nhân dân đều được hưởng. Như vậy không giảm bớt được lực lượng cách mạng của nông dân trong cuộc tranh đấu chống Pháp, chống Nhật, mà lại còn tăng thêm những lực lượng đồng minh. Như vậy là giai cấp vô sản đi đúng con đường chính trị hoàn toàn có lợi mới mau hoàn thành cách mạng.

4. Nhiệm vụ của dân tộc giải phóng (xem bản Chương trình Việt Minh).

5. Cách mạng dân tộc giải phóng và cách mạng xã hội. Trên kia đã nói cách mạng giải phóng dân tộc phải đi đến cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Vậy nên không thể làm cách mạng giải phóng rồi ngừng lại, mà phải tiến lên làm tròn nhiệm vụ tư sản dân quyền và chinh phục chính quyền vô sản 1. Chính quyền vô sản làm xong Cách mạng xã hội như thế không phải kéo dài thời gian ra vì:

a) Nếu ngày nay sự tổ chức của vô sản mạnh và đội tiền phong của nó có thể hiệu triệu toàn dân ra làm cách mạng, thì sự chuyển biến sau đây rất dễ dàng và không kéo dài thì giờ. Vậy nên cuộc hoạt động của Đảng ta là cần thiết, cấp bách và sự chuẩn bị điều kiện chuyển biến cuộc cách mạng phải chuẩn bị ngay từ bây giờ.

b) Nhờ những chính quyền giành được sau cuộc cách mạng dân tộc giải phóng mà giai cấp vô sản có một tổ chức mạnh mẽ và đủ sức để tiến lên làm xong những bước cách mạng cao hơn. Mác có nói: "Hai mươi năm biến chuyển trong ngày thường không bằng ba tháng cách mạng". Vậy thì cái bước nhảy vọt của cuộc cách mạng Đông Dương sau đây có thể mau chóng.

c) Một điều nữa là sau lúc cách mạng Đông Dương thành công tình hình thế giới nhất định biến chuyển to lớn và cả thế giới như một nồi nước sôi. Tình hình bên ngoài sẽ ảnh hưởng đến cách mạng bên trong. Lúc bấy giờ vô sản giai cấp sẽ bước

những bước vĩ đại của lịch sử để tiến lên cách mạng vô sản, lập nền chuyên chính vô sản, kiến thiết xã hội chủ nghĩa để qua cộng sản chủ nghĩa.

## V- CHIẾN THUẬT VẬN ĐỘNG

Căn cứ vào tình hình thay đổi như đã nói trên kia, lẽ tất nhiên chiến thuật vận động của Đảng ta cũng phải thay đổi. Muốn có một chiến thuật vận động thích hợp với sự thay đổi ấy trước hết ta phải nhận rằng:

1. Cốt yếu của cuộc vận động hiện thời là làm thế nào đánh đuổi được giặc Pháp - Nhật; thực hiện cho được cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Vậy thì một chiến thuật làm thế nào có lợi cho cuộc cách mạng ấy là cần thiết.

2. Những khẩu hiệu cao chưa thực hiện được trong tình thế hiện tại thì không để vào, một là không thiết thực thì không bỏ ích, hai là không thực hiện được thì hoá ra trống rỗng. Vậy nên chiến thuật hiện tại của Đảng ta là phải vận dụng một phương pháp hiệu triệu hết sức thống thiết làm sao đánh thức được tinh thần dân tộc xưa nay trong nhân dân (hơn hết là dân tộc Việt Nam). Cho nên cái mặt trận hiệu triệu của Đảng ta hiện nay không thể gọi như trước là Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, mà phải đổi ra cái tên khác cho có tính chất dân tộc hơn, cho có một mãnh lực để hiệu triệu hơn và nhất là có thể thực hiện được trong tình thế hiện tại; vậy mặt trận hiệu triệu của Đảng ta hiện nay ở Việt Nam là Việt Nam độc lập đồng minh hay nói tắt là Việt Minh. Đảng ta và Việt Minh phải hết sức giúp đỡ các dân tộc Miên, Lào tổ chức ra Cao Miên độc lập đồng minh, Ai Lao độc lập đồng minh để sau đó lập ra Đông Dương độc lập đồng minh. Mặt trận thống nhất tất cả dân tộc Đông Dương giành quyền độc lập cho Đông Dương với một cái tên vẫn tắt dễ hiểu và có ý nghĩa từng dân tộc như thế, ta chắc rằng sự kêu gọi các dân tộc, các đoàn thể lên hàng ngũ tranh đấu sẽ dễ dàng hiệu quả hơn. Còn các dân tộc thiểu số khác sống trong đất Việt Nam với Miên, Lào ta sẽ tổ chức vào các đoàn thể riêng và tham gia vào đồng minh của các xứ ấy.

Việt Nam độc lập đồng minh sẽ lấy ngọn cờ đỏ có ngôi sao vàng năm cánh làm huy hiệu. Việt Nam độc lập đồng minh có một bản chương trình đưa ra hiệu triệu nhân dân, khẩu hiệu chính hiện nay của Việt Minh là: phản Pháp - kháng Nhật - liên Hoa - độc lập.

Cách tổ chức Việt Minh. Việt Minh lấy làng, đường phố, nhà máy làm cơ sở tổ chức. Trong một làng có hai tổ chức cứu quốc trở lên, ví dụ: Nông dân cứu quốc hội với Thanh niên cứu quốc đoàn hay với chi bộ đảng được quyền thành lập Việt Minh làng. Đoàn thể nào quan trọng hơn thì được nhiều đại biểu hơn. Nếu có một đoàn thể quốc gia nào mà họ thành thật đánh Pháp đuổi Nhật giành quyền độc lập cho nước nhà thì cũng được vào Việt Minh. Vào Việt Minh tất phải công nhận chương trình và điều lệ của Việt Minh. Trong một tổng, Thanh niên cứu quốc đoàn, Nông dân cứu quốc hội, tổng bộ đảng hoặc tổng bộ của một đoàn thể quốc gia cách mạng nào sẽ cùng nhau thành lập Tổng uỷ Việt Minh. Chú ý là đại biểu của Việt Minh làng không dự thành lập Việt Minh tổng và nghị quyết chương trình của Việt Minh tổng chỉ thị hành trong Việt Minh tổng mà thôi, chứ không bắt buộc Việt Minh làng phục tùng theo. Việt Minh phủ, huyện hay Việt Minh tỉnh, xứ, toàn quốc (Việt Nam) cũng theo nguyên tắc ấy. Việt Minh nhà máy, đường phố, khu vực và thành phố cũng như thế. Nhưng trong khi thành lập một cấp bộ Việt Minh ta phải đặc biệt chú ý những điều này:

- 1) Sự thống nhất Việt Minh không phải chú trọng trên hình thức và lý thuyết của sự thống nhất, có giá trị và hiệu quả hơn cả là căn cứ vào sự hành động chung của các đoàn thể cứu quốc như tranh đấu chung, hiệu triệu chung.
- 2) Việt Minh chỉ có hệ thống ngang mà không có hệ thống dọc.
- 3) Sự liên hiệp các đoàn thể cứu quốc trong Việt Minh là sự thống nhất lực lượng để tranh đấu thực hiện vấn đề độc lập cho đất nước, cho nên trong đó phải tránh sự tranh giành quyền chúng giữa các đoàn thể đối với nhau mà chỉ có sự phê bình chỉ trích một cách huynh đệ để đi đúng đường lối chính trị và tránh những hành động

sai lầm. Đảng ta lại phải hết sức giúp đỡ cho các đoàn thể quốc gia phát triển và tăng lực lượng chống bọn thù chung.

Cách lãnh đạo Việt Minh. Đảng ta lãnh đạo Việt Minh hai cách:

1) Đảng ta nhân danh là một đoàn thể cứu quốc khác, ở đó Đảng ta có thể đưa chính sách cách mạng của mình ra đề nghị với Việt Minh, lại có thể hăng hái tham gia trực tiếp chỉ huy các cuộc tranh đấu của quần chúng trong Việt Minh. ở đó nhờ chính trị đúng đắn của Đảng và tình thần hy sinh của Đảng ta sẽ có ảnh hưởng lớn và uy tín mạnh để lãnh đạo toàn dân tranh đấu chống quân thù.

2) Nhờ các đảng viên của Đảng ta tham gia các đoàn thể cứu quốc như công, nông, phụ nữ, thanh niên mà có thể đem chính sách của Đảng ta tuyên truyền phổ biến trong Việt Minh.

Vấn đề tổ chức các đoàn thể quần chúng.

Vì chính sách của Đảng ta hiện tại là chính sách cứu quốc, cho nên mục đích của các hội quần chúng cũng xoay về việc cứu quốc là cốt yếu, một điều nữa là hiện nay ta phải mở rộng phạm vi cách mạng vào trong các tầng lớp nhân dân có thể có ít tinh thần yêu nước và muốn giải phóng cho dân tộc. Vậy nên phải hạ thấp điều lệ xuống cho dễ thu phục hội viên và cho các đoàn thể phát triển hơn. Các đảng viên phải tránh cái bệnh cô độc, lâu nay quen lối lựa chọn quá kỹ lưỡng và bắt buộc điều kiện quá cao làm cho sự phát triển các đoàn thể cách mạng trở nên khó khăn. Ta phải chú ý rằng: Trong khi đi tổ chức một đoàn thể cứu quốc điều cốt yếu là không phải những hội viên phải hiểu chủ nghĩa cộng sản, mà điều cốt yếu hơn hết là họ có tinh thần cứu quốc và muốn tranh đấu cứu quốc; phương pháp tổ chức lại phải hết sức mềm dẻo thích hợp từng lúc và từng chỗ, đừng quá chú trọng hình thức mà bỏ mất thực tế ích lợi của nó. Công hội từ nay lấy tên là Công nhân cứu quốc hội, thu nạp hết thầy những người thợ Việt Nam muốn tranh đấu đánh Pháp - Nhật, lại có thể thu nạp hết cả những hạng cai ký, đốc công trong xưởng mà những công hội trước kia không hề tổ chức. Nông hội từ nay gọi là Việt Nam Nông dân

cứu quốc hội, thu nạp hết thầy nông dân đến cả hạng phú nông, địa chủ muốn tranh đấu đũa Pháp - Nhật. Chú ý việc mở rộng nông hội và công hội trong nhiệm vụ cứu quốc mà thôi, để tỏ rằng cuộc vận động của Đảng ta hiện nay là đặt dân tộc quốc gia cao hơn hết. Các đồng chí đừng tưởng lầm rằng đó là một việc có mãi mãi trong cuộc hoạt động của Đảng ta đến mục đích cách mạng xã hội. Nhưng trong khi tổ chức ta lại phải chú ý một điều là sự thành thật giác ngộ của những người trong ấy (cai ký, đốc công, phú nông, địa chủ) đối với mục đích cách mạng.

Nếu quả họ là kẻ thành thật vì cách mạng cứu dân, cứu nước thì chẳng những họ sốt sắng vào công, nông hội, mà họ còn có thể vào các tổ chức khác nữa. Nếu tiện, tốt hơn là ta tổ chức họ vào các đoàn thể khác cho thích hợp với địa vị xã hội của họ, như nhóm bạn Liên Xô, ủng hộ quỹ Việt Minh, hay Phú hào cứu quốc hội, v.v.. Việt Nam Thanh niên cứu quốc đoàn từ nay là đoàn thể của tất cả thanh niên từ 18 tuổi đến 22 tuổi muốn tranh đấu đánh Pháp đũa Nhật. Việt Nam Phụ nữ cứu quốc đoàn là đoàn thể cứu quốc của chị em phụ nữ muốn tranh đấu đánh đũa Pháp Nhật, Việt Nam Quân nhân cứu quốc hội là đoàn thể cứu quốc của anh em binh lính. Lại còn có thể tổ chức ra các đoàn thể cứu quốc như "Nhi đồng cứu vong đoàn" là đoàn thể cứu quốc của trẻ em từ 10, 11 tuổi trở lên 15, 16 tuổi. Văn nhân cứu quốc hội, Giáo viên cứu quốc hội, Phụ lão cứu quốc hội, Học sinh cứu quốc đoàn, v.v.. Các đoàn thể này muốn sự tham gia dễ dàng không cần phải hình thức điều lệ phiền phức.

Về mặt tài chính, không nên tổ chức vào Hội cứu tế đũa, mà chỉ nên tổ chức những nhóm ủng hộ quỹ cứu tế, ủng hộ Bắc Sơn, quỹ ủng hộ Liên Xô. Trong các đoàn thể cứu quốc ta lại lựa chọn những phần tử hăng hái, trung thành hơn tổ chức ra Việt Nam Tự vệ cứu quốc hội và tiểu tổ du kích. Tự vệ cứu quốc là tổ chức để bảo vệ các tổ chức quần chúng trong khi tranh đấu và bảo vệ cách mạng. Còn tiểu tổ du kích cứu quốc là một tổ chức cao hơn tự vệ đội mà thấp hơn đội du kích chính thức.

Công tác tuyên truyền.

Về mặt tuyên truyền phải áp dụng một chiến thuật hết sức mềm dẻo thống nhất thích hợp với chính sách cứu quốc của Đảng và sát hợp với tình thế xảy ra hàng ngày, phải tránh những lối tuyên truyền khô khan, trong lúc này không nên đưa chủ nghĩa cộng sản ra tuyên truyền, huy hiệu cờ đỏ búa liềm không nên dùng luôn. Các sách báo tuyên truyền không nên dùng danh nghĩa Đảng nhiều, phải lấy danh nghĩa các đoàn thể cứu quốc và Việt Minh thay vào. Phải kêu gọi tinh thần ái quốc mạnh mẽ thức tỉnh một cách thống thiết những tình ái quốc của nhân dân. Phải nêu cao những gương hy sinh phấn đấu của Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương và những bậc tiền bối hy sinh vì Tổ quốc như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Trần Công ái, Phan Đăng Lưu, Hà Huy Tập. Phải nêu cao nữa cho toàn thể quốc dân noi theo. Phải tuyên truyền sự mật thiết giữa dân tộc Việt Nam và Tàu. Tuyên truyền ủng hộ cuộc Hoa quân nhập Việt và chống lại sự phản tuyên truyền của bọn Pháp - Nhật. Chống lại sự nhồi sọ của tên phản quốc Pétanh, lấy những khẩu hiệu: cần lao, gia đình, Tổ quốc mà tuyên truyền vạch mặt nó. Lấy khẩu hiệu khoẻ để phụng sự đoàn kết của tên phản động Ducouroy đối với thanh niên ta mà hiệu triệu thanh niên đoàn kết để phụng sự Tổ quốc Việt Nam, để đánh đuổi Pháp - Nhật. Phải tuyên truyền ủng hộ Liên Xô và ủng hộ Mặt trận dân chủ. Tóm lại, phải nhằm vào tình thế biến chuyển đặt ra những khẩu hiệu tuyên truyền thích hợp, để kịp huy động quần chúng ra tranh đấu chống Pháp - Nhật. Muốn cho sự tuyên truyền cho kịp thời và khỏi gián đoạn, mỗi khi các đảng bộ mất mối liên lạc với nhau thì mỗi đảng bộ địa phương phải tìm cách ra báo chí tuyên truyền. ít nhất là các ban tỉnh uỷ phải có ban tuyên truyền chuyên môn xuất bản báo riêng ở trong tỉnh để tuyên truyền cho kịp thời. Trong khi tuyên truyền, không được dùng những khẩu hiệu quá thời, không hợp với chính sách hiện tại của Đảng. Ta không nên nói đả đảo đế quốc chủ nghĩa mà nói đánh đổ Pháp - Nhật. Không nên nói đả đảo đế quốc chiến tranh mà nói chống chiến tranh xâm lược. Không nên nói đánh



đổ Nam triều phong kiến và tịch thu đất ruộng của địa chủ mà nói diệt trừ bọn Việt gian phản quốc, v.v.. không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xô viết mà phải nói toàn thể nhân dân liên hợp và lập chính phủ dân chủ cộng hoà, v.v..

Tranh đấu.

Vì cuộc tranh đấu trong lúc này Đảng ta phải chú ý lãnh đạo cuộc tranh đấu chống Pháp - Nhật, chĩa tất cả mũi nhọn vào kẻ thù của dân tộc hơn là chú ý lãnh đạo cuộc tranh đấu giành quyền lợi cho giai cấp. Phải giải thích cho nhân dân biết rằng: lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn thầy, quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới quyền lợi của toàn thể dân tộc. Cho nên trong lúc này cuộc tranh đấu chống địa chủ, tư bản bản xứ không quan trọng bằng cuộc tranh đấu chống Pháp - Nhật. Tuy nhiên ta không bỏ qua quyền lợi của bộ phận. Mỗi khi quyền lợi thợ thuyền và dân cày bị bọn tư bản và địa chủ thắng tay đục khoét, mỗi khi quyền lợi của hai giai cấp xung đột nhau đến cực điểm mà Đảng ta xét cuộc tranh đấu là cần thiết, thì Đảng phải cương quyết lãnh đạo cuộc tranh đấu ấy. Nhưng trước lúc lãnh đạo cuộc tranh đấu kịch liệt, Đảng ta phải đứng ra dàn xếp làm cho hai giai cấp nhân nhượng quyền lợi cho nhau để khỏi xảy ra sự chia rẽ các tầng lớp nhân dân trong khi sự hợp nhất là cần thiết để chống lại Pháp - Nhật. Trong khi đó Đảng ta phải giải thích cho phe chủ hiểu rằng họ nên bóc lột dân chúng ít lại và đem những sự bóc lột của giặc Pháp - Nhật đối với họ ra tuyên truyền như sự tịch thu lúa gạo, đậu phụng và các vật dụng về chiến tranh, làm cho họ nhận thấy và cảm tức kẻ thù chung của dân tộc. Ta phải làm cho họ hiểu sự cần thiết phải nhân nhượng quyền lợi cho dân chúng, để dân chúng có thể sống được và chung sức tranh đấu chống kẻ thù chung của Tổ quốc. Đối với dân chúng, ta nên giải thích cho họ hiểu rằng trong lúc này không nên quá găng với phe chủ mà nên nhường đôi phần có lợi cho cuộc nhân dân đánh Pháp - Nhật. Đáng lẽ tranh đấu mười phần thì ta phải tranh đấu có năm phần thôi, để lại năm phần làm chỗ thoả hiệp giữa hai

phe chủ và thợ. Sau lúc đã dàn xếp như vậy mà dân chúng không chịu nghe theo, thì ta phải cương quyết lãnh đạo tranh đấu, bởi vì tội chủ ấy không nhân nhượng một chút quyền lợi cho dân chúng, tức là chúng ra mặt phản động hẳn không thèm đếm xỉa đến công cuộc đánh Pháp, đuổi Nhật, mà còn phá công cuộc ấy là khác. Mỗi khi lãnh đạo cuộc tranh đấu như thế, ngoài những khẩu hiệu thực tế phải đòi, ta lại phải nêu lên những khẩu hiệu chính trị như chủ thợ liên hiệp chống sự áp bức bóc lột của Pháp - Nhật, nông dân và địa chủ liên hiệp chống sự tịch thu lúa, đậu phụng; có đem những khẩu hiệu ấy vào mới làm cho phe chủ hiểu rằng Đảng ta luôn luôn chú ý đến quyền lợi toàn dân và đó là chỗ có thể thoả hiệp được giữa hai giai cấp nhân dân.

Hằng ngày ta phải khôn khéo huy động toàn thể nhân dân cùng với địa chủ, phú nông tranh đấu chống lại sự tịch thu lúa, gạo, đậu phụng, v.v. của Pháp - Nhật. Huy động thợ thuyền tranh đấu chống lại sự bắt làm công như nô lệ dưới bóng súng, ngọn roi của quân Nhật trong những công xưởng quan hệ đến quân sự. Huy động nhân dân tranh đấu chống lại sự tàn bạo của lính Nhật. Ngoài ra hằng ngày phải mở rộng tranh đấu cứu quốc như tổ chức ra tuần lễ cứu quốc, tuần lễ ủng hộ Bắc Sơn, tuần lễ ủng hộ Liên Xô bằng những hình thức mít tinh, diễn thuyết, mở lạc quyên, rải truyền đơn, biểu tình, v.v..

Võ trang khởi nghĩa.

Cuộc cách mạng Đông Dương phải kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa võ trang, muốn gây cuộc khởi nghĩa bằng võ trang phải nhằm vào những điều kiện này:

- 1) Mặt trận cứu quốc đã thống nhất được toàn quốc.
- 2) Nhân dân không thể sống được nữa dưới ách thống trị của Pháp - Nhật, mà đã sẵn sàng hy sinh bước vào con đường khởi nghĩa.
- 3) Phe thống trị Đông Dương đã bước vào cuộc khủng hoảng phổ thông đến cực điểm vừa về kinh tế, chính trị lẫn quân sự.

4) Những điều kiện khách quan tiện lợi cho cuộc khởi nghĩa Đông Dương như quân Tàu đại thắng quân Nhật, Cách mạng Pháp hay Cách mạng Nhật nổi dậy, phe dân chủ đại thắng ở Thái Bình Dương, Liên Xô đại thắng, cách mạng các thuộc địa Pháp, Nhật sôi nổi và nhất là quân Tàu hay quân Anh - Mỹ tràn vào Đông Dương. Về mặt trận cứu quốc tuy Đảng ta đã huy động được nhiều cuộc tranh đấu và đã có những phong trào khởi nghĩa ở Bắc Sơn, Nam Kỳ và Đô Lương và hiện nay đội quân Bắc Sơn còn đang hoạt động, song lực lượng toàn quốc chưa được thống nhất. Muốn có một lực lượng toàn quốc đủ sức gây ra và củng cố cho một cuộc khởi nghĩa thì Đảng ta phải:

a) Mở rộng và củng cố các tổ chức cứu quốc sẵn có làm cho các đoàn thể có một tinh thần hy sinh tranh đấu, sẵn sàng gây cuộc khởi nghĩa.

b) Mở rộng các tổ chức vào những nơi thành thị, sản nghiệp, hầm mỏ, đồn điền.

c) Mở rộng sự tổ chức vào các tỉnh phong trào còn yếu ớt và dân tộc thiểu số.

d) Đào luyện cho các đảng viên cộng sản có một tinh thần cương quyết hy sinh.

e) Đào luyện cho các đảng viên đủ năng lực và kinh nghiệm, đủ sức chỉ huy và xoay sở tình thế.

f) Phải có những tổ chức tiêu tổ du kích, du kích chính thức và tổ chức binh lính để quốc. Hiện nay, tuy lực lượng của Đảng ta chưa được lan rộng mạnh mẽ khắp toàn quốc, nhưng thời gian và không gian sẽ làm việc cho ta. Thật vậy, những sự áp bức bóc lột của giặc Pháp - Nhật quá tàn bạo, quá gay gắt càng làm cho dân chúng không thể chịu nổi. Do đó phong trào cách mạng sẽ bùng nổ một cách mau chóng. Hơn nữa Liên Xô thắng trận, quân Tàu phản công, quân Nhật đang mắc sự phản công của Anh - Mỹ. Cách mạng Pháp và Cách mạng Nhật sôi nổi. Tất cả các điều kiện ấy sẽ giúp cho các cuộc vận động của Đảng ta mau phát triển và rồi đây lực lượng sẽ lan rộng toàn quốc để gây một cuộc khởi nghĩa toàn quốc rộng lớn, tình hình thế giới sẽ biến chuyển ghê gớm làm cho tình hình Đông Dương thay đổi có lợi cho cách mạng. Phe thống trị Pháp - Nhật tuy đã gặp những bước khó khăn,

nhưng chưa bước vào thời kỳ khủng hoảng phổ thông đến cực điểm. Nhưng rồi đây cuộc chiến tranh xoay ra hoàn toàn thắng lợi cho phe dân chủ, chính quyền Pétanh bên kia và của Nhật phát xít cũng lung lay đổ nát, đó là đến lúc mà chúng nó không thể đem sức đàn áp cách mạng của ta. Còn dân ta ngày nay tuy đã khổ sở nhiều, nhưng cũng chưa phải hết đường sống, cho nên chưa quyết liệt bước vào con đường khởi nghĩa. Nhưng rồi đây tình thế chết đã đến chân, bắt buộc họ phải đứng dậy, liều chết vật lộn với quân giặc cướp nước. Lúc ấy cả thế giới như một nồi nước sôi và tình hình Cách mạng Đông Dương bước những bước vĩ đại để dọn đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa mạnh mẽ. Nói thế không phải ta ngồi mà ỷ lại đâu đâu. Trái lại, ta phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù, nghĩa là nay mai đây cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và cuộc kháng chiến của nhân dân Tàu xoay ra hoàn toàn cho cuộc cách mạng Đông Dương thắng lợi thì lúc đó với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn.

.....

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Đảng toàn tập,*

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.96, 115-132.

---

1. Chinh phục chính quyền vô sản: theo chúng tôi hiểu là thiết lập chính quyền vô sản (B. T).

## ĐỀ CƯƠNG VỀ VĂN HOÁ VIỆT NAM

(Năm 1943 của T.U.)

### CÁCH ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Phạm vi vấn đề: Văn hoá bao gồm cả tư tưởng, học thuật, nghệ thuật.
2. Quan hệ giữa văn hoá và kinh tế, chính trị: nền tảng kinh tế của một xã hội và chế độ kinh tế dựng trên nền tảng ấy quyết định toàn bộ văn hoá của xã hội kia (hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc).
3. Thái độ Đảng Cộng sản Đông Dương đối với vấn đề văn hoá:
  - a) Mặt trận văn hoá là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hoá) ở đó người cộng sản phải hoạt động.
  - b) Không phải chỉ làm cách mạng chính trị mà còn phải làm cách mạng văn hoá nữa.
  - c) Có lãnh đạo được phong trào văn hoá, Đảng mới ảnh hưởng được dư luận, việc tuyên truyền của Đảng mới có hiệu quả.

### LỊCH SỬ VÀ TÍNH CHẤT VĂN HOÁ VIỆT NAM

1. Các giai đoạn trong lịch sử văn hoá Việt Nam
  - a) Thời kỳ Quang Trung trở về trước: văn hoá Việt Nam có tính chất nửa phong kiến, nửa nô lệ, phụ thuộc vào văn hoá Trung Quốc.
  - b) Thời kỳ từ Quang Trung đến khi đế quốc Pháp xâm chiếm, văn hoá phong kiến có xu hướng tiêu tư sản.
  - c) Thời kỳ từ Pháp sang xâm chiếm đến nay: văn hoá nửa phong kiến, nửa tư sản và hoàn toàn có tính cách thuộc địa (chú ý phân biệt mấy giai đoạn trong thời kỳ này).
2. Tính chất văn hoá Việt Nam hiện tại: văn hoá Việt Nam hiện nay về hình thức là thuộc địa, về nội dung là tiền tư bản.

Chiến tranh và xu trào văn hoá hiện nay: ảnh hưởng của văn hoá phát xít làm cho tính chất phong kiến, nô dịch trong văn hoá Việt Nam mạnh lên, nhưng đồng thời chịu ảnh hưởng của văn hoá tân dân chủ, xu trào văn hoá mới của Việt Nam đang cố vượt hết mọi trở lực để nảy nở (văn nghệ bất hợp pháp).

## NGUY CƠ CỦA VĂN HOÁ VIỆT NAM DƯỚI ÁCH PHÁT XÍT NHẬT - PHÁP

### 1. Những thủ đoạn phát xít trói buộc văn hoá và giết chết văn hoá Việt Nam:

#### a) Chính sách văn hoá của Pháp:

- Đàn áp các nhà văn hoá cách mạng dân chủ chống phát xít.
- Ra tài liệu tố chức các cơ quan và các đoàn thể văn hoá để nhồi sọ.
- Kiểm duyệt rất ngặt những tài liệu văn hoá.
- Mua chuộc và hăm dọa các nhà văn hoá.
- Mật thiết liên lạc với tôn giáo để truyền bá văn hoá trung cổ, văn hoá ngu dân, v.v..
- Tuyên truyền chủ nghĩa đầu hàng và chủ nghĩa ái quốc mù quáng và hẹp hòi (chauvinisme).
- Làm ra vẻ sẵn sóc đến trí dục, thể dục và đức dục cho dân.

#### b) Chính sách văn hoá của Nhật:

- Tuyên truyền chủ nghĩa Đại Đông á.

Gây ra một quan niệm cho người Nhật là cứu tinh của giống da vàng và văn hoá Nhật Bản chiếu rọi những tia sáng văn minh tiến bộ cho các giống nòi Đại Đông á, v.v..

- Tìm hết cách phô trương và giới thiệu văn hoá Nhật Bản (triển lãm, diễn thuyết, đặt phòng du lịch, viện văn hoá, trao đổi du học sinh, mời nghệ sĩ Đông Dương sang thăm nước Nhật, mở báo chí tuyên truyền, tổ chức ca kịch, chiếu bóng ...).
- Đàn áp các nhà văn chống Nhật và mua chuộc các nhà văn có tài.

### 2. Tiền đồ văn hoá Việt Nam: hai ức thuyết:

- Nền văn hoá phát xít (văn hoá trung cổ và nô dịch hoá) thắng thì văn hoá dân tộc Việt Nam nghèo nàn thấp kém.
- Văn hoá dân tộc Việt Nam sẽ do cách mạng dân chủ giải phóng thắng lợi mà được cởi mở xiềng xích và sẽ đuổi kịp văn hoá tân dân chủ thế giới. Hai ức thuyết, cái nào sẽ trở nên sự thực? Căn cứ vào điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội hiện nay, cách mạng dân tộc Việt Nam nhất quyết sẽ làm cho ức thuyết thứ hai trở nên sự thực.

## VẤN ĐỀ CÁCH MẠNG VĂN HOÁ VIỆT NAM

1. Quan niệm của người cộng sản về vấn đề cách mạng văn hoá:

- a) Phải hoàn thành cách mạng văn hoá mới hoàn thành được cuộc cải tạo xã hội.
- b) Cách mạng văn hoá muốn hoàn thành phải do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo.
- c) Cách mạng văn hoá có thể hoàn thành khi nào cách mạng chính trị thành công (cách mạng văn hoá phải đi sau cách mạng chính trị. Những phương pháp cải cách văn hoá đề ra bây giờ chỉ là dọn đường cho cuộc cách mạng triệt để mai sau).

2. Nền văn hoá mà cuộc cách mạng văn hoá Đông Dương phải thực hiện sẽ là văn hoá xã hội chủ nghĩa.

3. Cách mạng văn hoá Việt Nam và cách mạng dân tộc giải phóng:

- a) Cách mạng văn hoá ở Việt Nam phải dựa vào cách mạng dân tộc giải phóng mới có điều kiện phát triển.
- b) Cách mạng dân tộc giải phóng Việt Nam chỉ có thể trong trường hợp may mắn nhất đưa văn hoá Việt Nam tới trình độ dân chủ và có tính chất dân tộc hoàn toàn độc lập dựng nên một nền văn hoá mới.
- c) Phải tiến lên thực hiện cách mạng xã hội ở Đông Dương, gây dựng một nền văn hoá xã hội ở khắp Đông Dương.

4. Ba nguyên tắc vận động cuộc vận động văn hoá nước Việt Nam trong giai đoạn này:

a) Dân tộc hoá (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa khiến cho văn hoá Việt Nam phát triển độc lập).

b) Đại chúng hoá (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hoá phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng).

c) Khoa học hoá (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hoá trái khoa học, phản tiến bộ).

Muốn cho ba nguyên tắc trên đây thắng, phải kịch liệt chống những xu hướng văn hoá bảo thủ, chiết trung, lập dị, bi quan, thần bí, duy tâm, v.v.. Nhưng đồng thời cũng phải chống xu hướng văn hoá quá trốn của bọn tởrốtkit.

5. Tính chất của nền văn hoá mới Việt Nam: văn hoá mới Việt Nam do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo chủ trương chưa phải là văn hoá xã hội chủ nghĩa hay văn hoá Xôviết (như văn hoá Liên Xô chẳng hạn).

Văn hoá mới Việt Nam là một thứ văn hoá có tính chất dân tộc về hình thức và tân dân chủ về nội dung. Chính vì thế nó cách mạng nhất và tiến bộ nhất ở Đông Dương trong giai đoạn này.

## NHIỆM VỤ CẦN KÍP CỦA NHỮNG NHÀ VĂN HOÁ MÁC XÍT ĐÔNG

### DƯƠNG

## VÀ NHẤT LÀ NHỮNG NHÀ VĂN HOÁ MÁC XÍT VIỆT NAM

### **I- Mục đích trước mắt**

- Chống lại văn hoá phát xít phong kiến, thoái bộ, nô dịch, văn hoá ngu dân và phỉnh dân.

- Phát huy văn hoá tân dân chủ Đông Dương.

### **II- Công việc phải làm**

a) Tranh đấu về học thuyết, tư tưởng (đánh tan những quan niệm sai lầm của triết học Âu, Á, có ít nhiều ảnh hưởng tai hại ở ta: triết học Không, Mạnh, Đêcác (Descartes), Bécông (Bergson), Căng (Kant), Nítơ (Niesche), v.v. ; làm cho thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử thắng.



b) Tranh đấu về tông phái văn nghệ (chống chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên, chủ nghĩa tượng trưng, v.v.) làm cho xu hướng tả thực xã hội chủ nghĩa thắng.

c) Tranh đấu về tiếng nói, chữ viết:

1- Thống nhất và làm giàu thêm tiếng nói;

2- ấn định mẹo văn ta;

3- Cải cách chữ quốc ngữ, v.v..

### **III- Cách vận động**

a) Lợi dụng tất cả khả năng công khai và bán công khai để:

1- Tuyên truyền và xuất bản.

2- Tổ chức các nhà văn.

3- Tranh đấu giành quyền lợi thực tại cho các nhà văn, nhà báo, nghệ sĩ, v.v..

4- Chống nạn mù chữ, v.v..

b) Phối hợp mật thiết phương pháp bí mật và công khai thống nhất mọi hoạt động văn hoá tiến bộ dưới quyền lãnh đạo của đảng vô sản mácxít.

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Đảng toàn tập,*

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.316-321.

## NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ 15 (MỞ RỘNG)

Về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà

(Trích)

.....

### *Phần thứ hai*

## ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG VIỆT NAM Ở MIỀN NAM

...

## II. NHIỆM VỤ CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM Ở MIỀN NAM

Căn cứ vào các đặc điểm tình hình hiện nay và thái độ chính trị của các giai cấp ở miền Nam, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 đề ra nhiệm vụ cách mạng Việt Nam ở miền Nam như sau:

*1. Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.*

*2. Nhiệm vụ trước mắt là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân, giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và*

*dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.*

### *3. Phương hướng phát triển của cách mạng ở miền Nam*

Vì chế độ miền Nam là một chế độ thực dân và nửa phong kiến cực kỳ phản động và tàn bạo, vì chính quyền miền Nam là chính quyền đế quốc và phong kiến độc tài, hiếu chiến, cho nên ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác để tự giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ. Chỉ có sự thắng lợi của cách mạng mới chấm dứt cảnh cùng khổ của nhân dân miền Nam, mới triệt để đánh bại mọi chính sách nô dịch, chia cắt và gây chiến của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam. Cách mạng Việt Nam ở miền Nam nói chung không thể đi ra ngoài quy luật chung của cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa từ trước đến nay, cho nên con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là *lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân*. Đó là mục tiêu phấn đấu của nhân dân miền Nam hiện nay. Vì chế độ thống trị của Mỹ - Diệm dựa vào vũ lực để tồn tại, mà chúng ta thì phải dựa vào lực lượng quần chúng, lấy lực lượng quần chúng đánh đổ chúng, cho nên muốn đạt được mục tiêu đó, *cần phải có một quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ, phải tích cực xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng, thì mới có thể có điều kiện nắm lấy thời cơ thuận lợi và giành lấy thắng lợi cuối cùng.*

Tuy vậy, cần thấy rằng cách mạng ở miền Nam vẫn có khả năng hoà bình phát triển, tức là khả năng dần dần cải biến tình thế, dần dần thay đổi cục diện chính trị

ở miền Nam có lợi cho cách mạng. *Khả năng đó hiện nay rất ít, song Đảng ta không gạt bỏ khả năng đó, mà cần ra sức tranh thủ khả năng đó.* Nhưng đồng thời, vì Mỹ - Diệm quyết tâm bám lấy miền Nam, chúng không thể tự nguyện từ bỏ chính quyền, từ bỏ hành động bạo lực nhằm tiêu diệt cách mạng ở miền Nam và xâm lược miền Bắc, cho nên Đảng ta vẫn phải tích cực chuẩn bị về mọi mặt theo phương hướng căn bản là khởi nghĩa đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm.

Quá trình cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam hiện nay là quá trình xây dựng, củng cố và phát triển phong trào quần chúng đấu tranh về chính trị, kinh tế, văn hoá và bảo đảm cho phong trào đi đúng đường lối của Đảng, tiến từ những hình thức thấp, từ đẩy lùi chính quyền địch từng bước đến những hình thức cao với những chuyển biến làm lay chuyển tận gốc chính quyền đó, và cuối cùng phát động quần chúng khởi nghĩa đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm, khi có thời cơ thuận lợi ở trong nước và trên thế giới. Cuộc khởi nghĩa ấy đổ máu nhiều hay ít là tùy ở mức độ chống trả của địch đối với cách mạng, tùy ở lực lượng so sánh giữa ta và địch. Quá trình đó là quá trình đấu tranh gay go, gian khổ, phức tạp giữa ta và địch để thực hiện những nguyện vọng hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và cải thiện đời sống của nhân dân miền Nam. Trong quá trình đó, cần kết hợp sử dụng những hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp, cần phối hợp chặt chẽ phong trào ở đô thị với phong trào ở nông thôn và vùng căn cứ.

Trong quá trình đấu tranh lâu dài, gay go, gian khổ, phức tạp đó, *hình thức đấu tranh chính trị là chủ yếu.* Song do quân thù quyết định cách mạng trong máu lửa, do nhu cầu của phong trào cách mạng ở miền Nam, cho nên trong một chừng mực nhất định và ở những địa bàn nhất định, đã xuất hiện những lực lượng vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền để trợ lực cho đấu tranh chính trị. Đó là một điều cần thiết. Tuy nhiên, khi sử dụng lực lượng vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền, cần

phải thấu suốt nguyên tắc phục vụ cho đấu tranh chính trị, và phục tùng lợi ích của đấu tranh chính trị, phải làm cho cán bộ và nhân dân nắm vững khẩu hiệu chính trị, nắm vững công tác động viên và tổ chức lực lượng chính trị của quần chúng làm cơ bản. Trừ gian phải phục vụ lợi ích của đấu tranh chính trị, và phải phục tùng lợi ích của phong trào, phải làm có trọng điểm và hết sức thận trọng, phải hết sức che giấu lực lượng và giữ gìn cơ sở. Phải kiên quyết khắc phục thiên hướng lấy khủng bố cá nhân thay cho đấu tranh của quần chúng.

Trong quá trình tiến hành đấu tranh cách mạng chống Mỹ - Diệm, cũng có thể nảy ra những hình thức quá độ nhằm phục vụ cho đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, như đặt quan hệ kinh tế, văn hoá, đi lại, v.v. giữa hai miền Nam - Bắc mà Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đề ra. Chúng ta cần tranh thủ và triệt để sử dụng các hình thức ấy để đưa cách mạng tiến lên, thực hiện thống nhất trên cơ sở độc lập và dân chủ.

Tình hình cũng có thể diễn biến phức tạp khi phong trào cách mạng đã đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm. Để tránh bớt những khó khăn không cần thiết cho cách mạng, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong phe đế quốc, phân hoá hàng ngũ kẻ thù và cô lập cao độ đế quốc Mỹ, thì trên bước đường tiến lên của cách mạng việc thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ rộng rãi bao gồm đại biểu các giai cấp và tầng lớp chống Mỹ - Diệm là cần thiết. Nhưng điều căn bản là Đảng phải giữ vững vai trò lãnh đạo và nắm chặt cơ sở quần chúng. Các chính sách nội trị và ngoại giao của chính quyền đó cần một mặt nhằm đưa cách mạng tiến lên, mặt khác phải nhằm triệt để cô lập đế quốc Mỹ và tay sai.

Nhưng đế quốc Mỹ là đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc

đấu tranh vũ trang trường kỳ. Trong tình hình đó, cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một cục diện mới: đó là chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch, và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta. Trong khi lãnh đạo, Đảng ta phải thấy trước khả năng ấy để chuẩn bị chu đáo và chủ động đối phó trong mọi tình thế.

\*

\* \*

Để đảm bảo cho cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam thành công, sự lãnh đạo của một đảng *Mác-Lênin vững mạnh* là một nhân tố quyết định. Không ngừng củng cố và phát triển Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ khăng khít giữa Đảng và quần chúng, đó là vấn đề chủ yếu có tính chất quyết định cho sự thắng lợi của cách mạng.

Đảng phải đẩy mạnh công tác dân vận, tiến tới thành lập một *Mặt trận dân tộc thống nhất chống Mỹ - Diệm thật rộng rãi* lấy liên minh công nông làm cơ sở, bao gồm tất cả những lực lượng yêu nước ở miền Nam, tranh thủ mọi người có thể tranh thủ được, ngay cả những phần tử có khuynh hướng chống Mỹ - Diệm trong chính quyền của đối phương. Đảng phải xúc tiến đặc biệt *công tác binh vận*, kiên trì, bí mật và khéo léo đi sâu tranh thủ cho được đa số binh lính đồng tình với cách mạng, tiến tới xây dựng khối công nông binh liên hiệp.

Về mặt sách lược, trong tình hình phức tạp của cách mạng ở miền Nam, Đảng phải theo dõi sát phong trào, nắm vững tình hình, đánh giá đúng lực lượng so sánh giữa ta và địch, dự đoán đúng chuyển biến của phong trào, để định hình thức đấu tranh và hình thức tổ chức cho thích hợp và kịp thời. *Phải biết triệt để lợi dụng mâu thuẫn nội bộ của chế độ Mỹ - Diệm*, luôn luôn chủ động và tranh thủ thêm bạn, bớt thù, làm cho hàng ngũ cách mạng ngày càng lớn mạnh, thế lực của địch ngày càng

suy yếu và bị động.

Trong công tác, phải làm cho tổ chức của Đảng không ngừng ăn sâu trong quần chúng, bám chặt vào quảng đại quần chúng; nắm vững các phương châm *khéo công tác, khéo che giấu lực lượng, bảo tồn cơ sở và tích trữ lực lượng để có thể đấu tranh lâu dài và giành thắng lợi cuối cùng, càng đấu tranh càng mở rộng cơ sở và mở rộng phong trào*, chứ không thể làm tiêu hao lực lượng và bó hẹp phong trào, phải khéo kết hợp các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp; tùy nơi tùy lúc phải biết khéo kết hợp các khẩu hiệu kinh tế, văn hoá với khẩu hiệu chính trị; khéo kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị với vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ; phải phối hợp chặt chẽ phong trào ở thành thị, ở nông thôn và vùng căn cứ, phong trào ở miền Nam và ở miền Bắc, phong trào trong nước với phong trào cách mạng thế giới. Việc nắm lấy thời cơ cách mạng là vấn đề rất quan trọng cho sự thành công của cách mạng, nắm không kịp thời cơ hoặc đi quá sớm cũng đều đưa đến tổn thất cho cách mạng. Để có thể sử dụng được thời cơ, vấn đề căn bản là phải tích cực xây dựng cơ sở, bảo tồn cơ sở, tích trữ lực lượng, phát triển phong trào và cô lập kẻ địch.

Trong các công tác và phương châm nói trên, cần phải nắm vững mấy công tác chính là: không ngừng củng cố và phát triển Đảng, đẩy mạnh công tác dân vận, không ngừng củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, xúc tiến đặc biệt công tác binh vận.

### III. VẤN ĐỀ MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT Ở MIỀN NAM

Củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước là nhiệm vụ chung của toàn Đảng và toàn dân ta. Nhưng vì nhiệm vụ cơ bản

của mỗi miền khác nhau, cho nên nhiệm vụ, tính chất, thành phần Mặt trận ở mỗi miền có chỗ khác nhau. Vì vậy, cần có Mặt trận riêng cho miền Nam.

Cách mạng Việt Nam ở miền Nam hiện nay là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cho nên Mặt trận ở miền Nam hiện nay có tính chất dân tộc dân chủ, nhằm tập hợp tất cả các lực lượng chống đế quốc và phong kiến. Thành phần của nó bao gồm bốn giai cấp trong nhân dân miền Nam (giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản, giai cấp tư sản dân tộc) và những nhân sĩ yêu nước, lấy liên minh công nông làm cơ sở, và do Đảng ta lãnh đạo. Đối với địa chủ và tư sản mại bản, cần phải phân hoá cao độ, lôi kéo những phần tử chống Mỹ - Diệm, trung lập những phần tử lừng chừng, để cô lập hơn nữa bọn tư sản mại bản thân Mỹ và bọn địa chủ phản động nhất, ngoan cố theo Mỹ - Diệm.

Trong tình hình cụ thể hiện nay, để phân hoá triệt để, cô lập và đánh bại kẻ thù cụ thể trước mắt và nguy hiểm nhất là Mỹ - Diệm, Mặt trận dân tộc thống nhất ở miền Nam phải rất rộng rãi, phải đoàn kết tất cả các dân tộc đa số và thiểu số, các đảng phái, các tôn giáo và những cá nhân yêu nước, đoàn kết với ngoại kiều, đặc biệt là Hoa kiều; không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, chính kiến, điều cốt yếu là chống Mỹ - Diệm, tán thành tự do dân chủ, cải thiện dân sinh và hoà bình thống nhất Việt Nam. Phải tranh thủ đoàn kết mọi người có thể đoàn kết được, phải trung lập mọi người có thể trung lập được, kể cả những người có ít nhiều khuynh hướng chống Mỹ - Diệm trong chính quyền miền Nam, đặc biệt chú ý những tầng lớp bên dưới trong các cơ quan hành chính và quân đội miền Nam.

Khuynh hướng hoà bình trung lập là một khuynh hướng chính trị đang bắt đầu nảy nở trong một số tư sản dân tộc và trí thức lớp trên ở miền Nam, cho nên cần phải chú ý tranh thủ và sử dụng khuynh hướng chính trị này để mở rộng mặt trận chống



Mỹ - Diệm. Đảng ta phải theo dõi sát tình hình trong nước và các mặt phát triển hiện nay của thế giới, để có thể chủ động sử dụng khuynh hướng ấy một cách có lợi nhất cho cách mạng.

Cách mạng ở miền Nam phải có chính sách đúng đắn đối với các dân tộc thiểu số để phá âm mưu xây dựng căn cứ quân sự của địch và phá chính sách chia rẽ dân tộc của địch, để mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất ở miền Nam.

Mặt trận ở miền Nam phải nhằm tập hợp mọi lực lượng nhân dân miền Nam chung quanh các yêu cầu cấp bách nhất ở miền Nam hiện nay là:

- Đòi hoà bình, chống chính sách gây chiến của Mỹ - Diệm.
- Đòi thống nhất nước nhà, chống chính sách chia cắt của Mỹ - Diệm.
- Đòi độc lập, dân chủ, chống chính sách nô dịch và độc tài hung bạo của Mỹ - Diệm.
- Đòi an ninh, đòi tôn trọng tính mạng, tài sản của nhân dân, chống chính sách càn quét, khủng bố của Mỹ - Diệm.
- Đòi cải thiện đời sống nhân dân: công nhân có công ăn việc làm, nông dân được giảm tô, giảm tức và tiến tới người cày có ruộng, binh lính được tăng lương và đổi đãi tử tế; chống chế độ độc quyền công thương nghiệp của tập đoàn thống trị, bảo vệ nội hoá, đòi xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Để nêu rõ những yêu cầu trên đây, Mặt trận ở miền Nam cần phải có một bản

cương lĩnh cụ thể, và phải đề ra những khẩu hiệu thiết thực, phù hợp với tình hình từng nơi, từng lúc để động viên và tập hợp quảng đại quần chúng, thống nhất hành động chống Mỹ - Diệm trong mọi trường hợp cụ thể, từ thấp đến cao.

Mặt trận miền Nam tuy là riêng cho miền Nam, không nằm trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhưng phải cùng thực hiện mục tiêu chung với Mặt trận Tổ quốc là nhằm xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và thực tế phải do Đảng ta lãnh đạo.

.....

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Đảng toàn tập,*

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.20, tr. 57, 70, 81-89

## NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ 15 (MỞ RỘNG)

Về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà

(Trích)

.....

### *Phần thứ hai*

## **ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG VIỆT NAM Ở MIỀN NAM**

...

## II. NHIỆM VỤ CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM Ở MIỀN NAM

Căn cứ vào các đặc điểm tình hình hiện nay và thái độ chính trị của các giai cấp ở miền Nam, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 đề ra nhiệm vụ cách mạng Việt Nam ở miền Nam như sau:

*1. Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.*

*2. Nhiệm vụ trước mắt là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân, giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và*

*dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.*

### *3. Phương hướng phát triển của cách mạng ở miền Nam*

Vì chế độ miền Nam là một chế độ thực dân và nửa phong kiến cực kỳ phản động và tàn bạo, vì chính quyền miền Nam là chính quyền đế quốc và phong kiến độc tài, hiếu chiến, cho nên ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác để tự giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ. Chỉ có sự thắng lợi của cách mạng mới chấm dứt cảnh cùng khổ của nhân dân miền Nam, mới triệt để đánh bại mọi chính sách nô dịch, chia cắt và gây chiến của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam. Cách mạng Việt Nam ở miền Nam nói chung không thể đi ra ngoài quy luật chung của cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa từ trước đến nay, cho nên con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là *lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân*. Đó là mục tiêu phấn đấu của nhân dân miền Nam hiện nay. Vì chế độ thống trị của Mỹ - Diệm dựa vào vũ lực để tồn tại, mà chúng ta thì phải dựa vào lực lượng quần chúng, lấy lực lượng quần chúng đánh đổ chúng, cho nên muốn đạt được mục tiêu đó, *cần phải có một quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ, phải tích cực xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng, thì mới có thể có điều kiện nắm lấy thời cơ thuận lợi và giành lấy thắng lợi cuối cùng.*

Tuy vậy, cần thấy rằng cách mạng ở miền Nam vẫn có khả năng hoà bình phát triển, tức là khả năng dần dần cải biến tình thế, dần dần thay đổi cục diện chính trị

ở miền Nam có lợi cho cách mạng. *Khả năng đó hiện nay rất ít, song Đảng ta không gạt bỏ khả năng đó, mà cần ra sức tranh thủ khả năng đó.* Nhưng đồng thời, vì Mỹ - Diệm quyết tâm bám lấy miền Nam, chúng không thể tự nguyện từ bỏ chính quyền, từ bỏ hành động bạo lực nhằm tiêu diệt cách mạng ở miền Nam và xâm lược miền Bắc, cho nên Đảng ta vẫn phải tích cực chuẩn bị về mọi mặt theo phương hướng căn bản là khởi nghĩa đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm.

Quá trình cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam hiện nay là quá trình xây dựng, củng cố và phát triển phong trào quần chúng đấu tranh về chính trị, kinh tế, văn hoá và bảo đảm cho phong trào đi đúng đường lối của Đảng, tiến từ những hình thức thấp, từ đẩy lùi chính quyền địch từng bước đến những hình thức cao với những chuyển biến làm lay chuyển tận gốc chính quyền đó, và cuối cùng phát động quần chúng khởi nghĩa đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm, khi có thời cơ thuận lợi ở trong nước và trên thế giới. Cuộc khởi nghĩa ấy đổ máu nhiều hay ít là tùy ở mức độ chống trả của địch đối với cách mạng, tùy ở lực lượng so sánh giữa ta và địch. Quá trình đó là quá trình đấu tranh gay go, gian khổ, phức tạp giữa ta và địch để thực hiện những nguyện vọng hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và cải thiện đời sống của nhân dân miền Nam. Trong quá trình đó, cần kết hợp sử dụng những hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp, cần phối hợp chặt chẽ phong trào ở đô thị với phong trào ở nông thôn và vùng căn cứ.

Trong quá trình đấu tranh lâu dài, gay go, gian khổ, phức tạp đó, *hình thức đấu tranh chính trị là chủ yếu.* Song do quân thù quyết định cách mạng trong máu lửa, do nhu cầu của phong trào cách mạng ở miền Nam, cho nên trong một chừng mực nhất định và ở những địa bàn nhất định, đã xuất hiện những lực lượng vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền để trợ lực cho đấu tranh chính trị. Đó là một điều cần thiết. Tuy nhiên, khi sử dụng lực lượng vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền, cần

phải thấu suốt nguyên tắc phục vụ cho đấu tranh chính trị, và phục tùng lợi ích của đấu tranh chính trị, phải làm cho cán bộ và nhân dân nắm vững khẩu hiệu chính trị, nắm vững công tác động viên và tổ chức lực lượng chính trị của quần chúng làm cơ bản. Trừ gian phải phục vụ lợi ích của đấu tranh chính trị, và phải phục tùng lợi ích của phong trào, phải làm có trọng điểm và hết sức thận trọng, phải hết sức che giấu lực lượng và giữ gìn cơ sở. Phải kiên quyết khắc phục thiên hướng lấy khủng bố cá nhân thay cho đấu tranh của quần chúng.

Trong quá trình tiến hành đấu tranh cách mạng chống Mỹ - Diệm, cũng có thể nảy ra những hình thức quá độ nhằm phục vụ cho đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, như đặt quan hệ kinh tế, văn hoá, đi lại, v.v. giữa hai miền Nam - Bắc mà Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đề ra. Chúng ta cần tranh thủ và triệt để sử dụng các hình thức ấy để đưa cách mạng tiến lên, thực hiện thống nhất trên cơ sở độc lập và dân chủ.

Tình hình cũng có thể diễn biến phức tạp khi phong trào cách mạng đã đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm. Để tránh bớt những khó khăn không cần thiết cho cách mạng, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong phe đế quốc, phân hoá hàng ngũ kẻ thù và cô lập cao độ đế quốc Mỹ, thì trên bước đường tiến lên của cách mạng việc thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ rộng rãi bao gồm đại biểu các giai cấp và tầng lớp chống Mỹ - Diệm là cần thiết. Nhưng điều căn bản là Đảng phải giữ vững vai trò lãnh đạo và nắm chặt cơ sở quần chúng. Các chính sách nội trị và ngoại giao của chính quyền đó cần một mặt nhằm đưa cách mạng tiến lên, mặt khác phải nhằm triệt để cô lập đế quốc Mỹ và tay sai.

Nhưng đế quốc Mỹ là đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc

đấu tranh vũ trang trường kỳ. Trong tình hình đó, cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một cục diện mới: đó là chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch, và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta. Trong khi lãnh đạo, Đảng ta phải thấy trước khả năng ấy để chuẩn bị chu đáo và chủ động đối phó trong mọi tình thế.

\*

\* \*

Để đảm bảo cho cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam thành công, sự lãnh đạo của một đảng *Mác-Lênin vững mạnh* là một nhân tố quyết định. Không ngừng củng cố và phát triển Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ khăng khít giữa Đảng và quần chúng, đó là vấn đề chủ yếu có tính chất quyết định cho sự thắng lợi của cách mạng.

Đảng phải đẩy mạnh công tác dân vận, tiến tới thành lập một *Mặt trận dân tộc thống nhất chống Mỹ - Diệm thật rộng rãi* lấy liên minh công nông làm cơ sở, bao gồm tất cả những lực lượng yêu nước ở miền Nam, tranh thủ mọi người có thể tranh thủ được, ngay cả những phần tử có khuynh hướng chống Mỹ - Diệm trong chính quyền của đối phương. Đảng phải xúc tiến đặc biệt *công tác binh vận*, kiên trì, bí mật và khéo léo đi sâu tranh thủ cho được đa số binh lính đồng tình với cách mạng, tiến tới xây dựng khối công nông binh liên hiệp.

Về mặt sách lược, trong tình hình phức tạp của cách mạng ở miền Nam, Đảng phải theo dõi sát phong trào, nắm vững tình hình, đánh giá đúng lực lượng so sánh giữa ta và địch, dự đoán đúng chuyển biến của phong trào, để định hình thức đấu tranh và hình thức tổ chức cho thích hợp và kịp thời. *Phải biết triệt để lợi dụng mâu thuẫn nội bộ của chế độ Mỹ - Diệm*, luôn luôn chủ động và tranh thủ thêm bạn, bớt thù, làm cho hàng ngũ cách mạng ngày càng lớn mạnh, thế lực của địch ngày càng

suy yếu và bị động.

Trong công tác, phải làm cho tổ chức của Đảng không ngừng ăn sâu trong quần chúng, bám chặt vào quảng đại quần chúng; nắm vững các phương châm *khéo công tác, khéo che giấu lực lượng, bảo tồn cơ sở và tích trữ lực lượng để có thể đấu tranh lâu dài và giành thắng lợi cuối cùng, càng đấu tranh càng mở rộng cơ sở và mở rộng phong trào*, chứ không thể làm tiêu hao lực lượng và bó hẹp phong trào, phải khéo kết hợp các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp; tùy nơi tùy lúc phải biết khéo kết hợp các khẩu hiệu kinh tế, văn hoá với khẩu hiệu chính trị; khéo kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị với vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ; phải phối hợp chặt chẽ phong trào ở thành thị, ở nông thôn và vùng căn cứ, phong trào ở miền Nam và ở miền Bắc, phong trào trong nước với phong trào cách mạng thế giới. Việc nắm lấy thời cơ cách mạng là vấn đề rất quan trọng cho sự thành công của cách mạng, nắm không kịp thời cơ hoặc đi quá sớm cũng đều đưa đến tổn thất cho cách mạng. Để có thể sử dụng được thời cơ, vấn đề căn bản là phải tích cực xây dựng cơ sở, bảo tồn cơ sở, tích trữ lực lượng, phát triển phong trào và cô lập kẻ địch.

Trong các công tác và phương châm nói trên, cần phải nắm vững mấy công tác chính là: không ngừng củng cố và phát triển Đảng, đẩy mạnh công tác dân vận, không ngừng củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, xúc tiến đặc biệt công tác binh vận.

### III. VẤN ĐỀ MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT Ở MIỀN NAM

Củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước là nhiệm vụ chung của toàn Đảng và toàn dân ta. Nhưng vì nhiệm vụ cơ bản



của mỗi miền khác nhau, cho nên nhiệm vụ, tính chất, thành phần Mặt trận ở mỗi miền có chỗ khác nhau. Vì vậy, cần có Mặt trận riêng cho miền Nam.

Cách mạng Việt Nam ở miền Nam hiện nay là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cho nên Mặt trận ở miền Nam hiện nay có tính chất dân tộc dân chủ, nhằm tập hợp tất cả các lực lượng chống đế quốc và phong kiến. Thành phần của nó bao gồm bốn giai cấp trong nhân dân miền Nam (giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản, giai cấp tư sản dân tộc) và những nhân sĩ yêu nước, lấy liên minh công nông làm cơ sở, và do Đảng ta lãnh đạo. Đối với địa chủ và tư sản mại bản, cần phải phân hoá cao độ, lôi kéo những phần tử chống Mỹ - Diệm, trung lập những phần tử lừng chừng, để cô lập hơn nữa bọn tư sản mại bản thân Mỹ và bọn địa chủ phản động nhất, ngoan cố theo Mỹ - Diệm.

Trong tình hình cụ thể hiện nay, để phân hoá triệt để, cô lập và đánh bại kẻ thù cụ thể trước mắt và nguy hiểm nhất là Mỹ - Diệm, Mặt trận dân tộc thống nhất ở miền Nam phải rất rộng rãi, phải đoàn kết tất cả các dân tộc đa số và thiểu số, các đảng phái, các tôn giáo và những cá nhân yêu nước, đoàn kết với ngoại kiều, đặc biệt là Hoa kiều; không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, chính kiến, điều cốt yếu là chống Mỹ - Diệm, tán thành tự do dân chủ, cải thiện dân sinh và hoà bình thống nhất Việt Nam. Phải tranh thủ đoàn kết mọi người có thể đoàn kết được, phải trung lập mọi người có thể trung lập được, kể cả những người có ít nhiều khuynh hướng chống Mỹ - Diệm trong chính quyền miền Nam, đặc biệt chú ý những tầng lớp bên dưới trong các cơ quan hành chính và quân đội miền Nam.

Khuynh hướng hoà bình trung lập là một khuynh hướng chính trị đang bắt đầu nảy nở trong một số tư sản dân tộc và trí thức lớp trên ở miền Nam, cho nên cần phải chú ý tranh thủ và sử dụng khuynh hướng chính trị này để mở rộng mặt trận chống

Mỹ - Diệm. Đảng ta phải theo dõi sát tình hình trong nước và các mặt phát triển hiện nay của thế giới, để có thể chủ động sử dụng khuynh hướng ấy một cách có lợi nhất cho cách mạng.

Cách mạng ở miền Nam phải có chính sách đúng đắn đối với các dân tộc thiểu số để phá âm mưu xây dựng căn cứ quân sự của địch và phá chính sách chia rẽ dân tộc của địch, để mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất ở miền Nam.

Mặt trận ở miền Nam phải nhằm tập hợp mọi lực lượng nhân dân miền Nam chung quanh các yêu cầu cấp bách nhất ở miền Nam hiện nay là:

- Đòi hoà bình, chống chính sách gây chiến của Mỹ - Diệm.
- Đòi thống nhất nước nhà, chống chính sách chia cắt của Mỹ - Diệm.
- Đòi độc lập, dân chủ, chống chính sách nô dịch và độc tài hung bạo của Mỹ - Diệm.
- Đòi an ninh, đòi tôn trọng tính mạng, tài sản của nhân dân, chống chính sách càn quét, khủng bố của Mỹ - Diệm.
- Đòi cải thiện đời sống nhân dân: công nhân có công ăn việc làm, nông dân được giảm tô, giảm tức và tiến tới người cày có ruộng, binh lính được tăng lương và đổi đãi tử tế; chống chế độ độc quyền công thương nghiệp của tập đoàn thống trị, bảo vệ nội hoá, đòi xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ.

Để nêu rõ những yêu cầu trên đây, Mặt trận ở miền Nam cần phải có một bản

cương lĩnh cụ thể, và phải đề ra những khẩu hiệu thiết thực, phù hợp với tình hình từng nơi, từng lúc để động viên và tập hợp quảng đại quần chúng, thống nhất hành động chống Mỹ - Diệm trong mọi trường hợp cụ thể, từ thấp đến cao.

Mặt trận miền Nam tuy là riêng cho miền Nam, không nằm trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhưng phải cùng thực hiện mục tiêu chung với Mặt trận Tổ quốc là nhằm xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và thực tế phải do Đảng ta lãnh đạo.

.....

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Đảng toàn tập,*

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.20, tr. 57, 70, 81-89.

**NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU BAN CHẤP HÀNH TRUNG  
ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VI)**

Số 06-NQ/TW, ngày 29 tháng 3 năm 1989

**Kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng, nhiệm  
vụ ba năm tới**

*(Trích)*

.....

***Phần thứ hai***

**NHỮNG QUAN ĐIỂM VÀ PHƯƠNG HƯỚNG LỚN CHỈ ĐẠO CÔNG  
CUỘC ĐỔI MỚI TRONG BA NĂM TỚI**

...

Trong quá trình triển khai công cuộc đổi mới, phải *quán triệt những nguyên tắc cơ bản sau đây*:

- Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của nước ta, là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ, của Đảng ta. *Xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.*

- *Chủ nghĩa Mác - Lênin luôn luôn là nền tảng tư tưởng của Đảng ta, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Đổi mới tư duy là nhằm khắc phục những quan niệm không đúng, làm phong phú những quan niệm đúng về thời đại, về chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo và phát triển chứ không phải xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.*

- *Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, có nghĩa là tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chuyên*

*chính vô sản*, làm cho các tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động năng động và có hiệu quả hơn.

*Sự lãnh đạo của Đảng* là điều kiện quyết định thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Phê phán những khuynh hướng phủ nhận hoặc hạ thấp sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời lắng nghe, tiếp nhận những ý kiến trung thực, phê bình những khuyết điểm trong sự lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng đảng.

- Xây dựng nền *dân chủ xã hội chủ nghĩa*, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Dân chủ phải đi đôi với tập trung, với kỷ luật, pháp luật, với ý thức trách nhiệm công dân. *Dân chủ phải có lãnh đạo*, lãnh đạo để phát huy dân chủ đúng hướng; mặt khác phải lãnh đạo bằng phương pháp dân chủ trên cơ sở phát huy dân chủ. Dân chủ với nhân dân nhưng phải nghiêm trị những kẻ phá hoại thành quả cách mạng, an ninh trật tự và an toàn xã hội.

- *Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản và quốc tế xã hội chủ nghĩa; kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại* trong điều kiện mới.

.....

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Đảng toàn tập*,

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t. 49, tr. 583, 590 – 592.

**NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY  
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VI)**

Số 07-NQ/TW, ngày 24 tháng 8 năm 1989

**Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng  
trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay  
(Trích)**

....

II

Căn cứ vào những diễn biến của tình hình trong nước và quốc tế, tình hình tư tưởng và công tác lãnh đạo tư tưởng trên đây, trong thời gian tới, công tác tư tưởng cần được tiến hành toàn diện và tập trung vào những nhiệm vụ và nội dung quan trọng sau đây:

1. *Khẳng định tính tất yếu lịch sử của chủ nghĩa xã hội và những thành tựu vĩ đại của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới*

Sự ra đời, lớn mạnh của Liên Xô và sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa là sự kiện cách mạng xã hội trọng đại nhất của thế kỷ XX. Đó là một tất yếu lịch sử, thể hiện quy luật phát triển khách quan của xã hội loài người, quy luật chủ nghĩa xã hội thay thế chủ nghĩa tư bản. Trong quá trình hình thành và phát triển, chủ nghĩa xã hội cũng như các chế độ khác mới ra đời trước đây, đã trải qua con đường không bằng phẳng, thăng thàng, mà gặp ghềnh, khúc khuỷu; có thuận lợi và khó khăn, thành công và vấp vấp; các nước xã hội chủ nghĩa có những chính sách, giải pháp đúng đắn, nhưng cũng có không ít sai lầm, kể cả những sai lầm gây ra những tổn thất rất lớn. Nhưng tất cả những cái đó không làm phai mờ được hiện thực vĩ đại là sự ra đời của Liên Xô, sự hình thành của hệ thống xã hội chủ nghĩa, với vai trò lịch sử của nó, đã làm thay đổi sâu sắc bộ mặt hành tinh chúng ta. Nếu không có Cách mạng Tháng Mười và Liên Xô, lực lượng chủ yếu tiêu diệt chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa quân phiệt; nếu không có sự tan rã của hệ thống thuộc địa của chủ

nghĩa đế quốc, trong đó có sự tác động lớn lao của các nước xã hội chủ nghĩa và có phần của Việt Nam; nếu không có Liên Xô với nỗ lực rất lớn thực hiện được sự cân bằng chiến lược quân sự với đế quốc Mỹ và cùng với các nước xã hội chủ nghĩa, lực lượng nòng cốt trong phong trào đấu tranh bảo vệ hoà bình, ngăn chặn chủ nghĩa đế quốc gây ra chiến tranh hạt nhân, thì các dân tộc trên trái đất này sẽ sống ra sao? Trong lĩnh vực kinh tế và khoa học - kỹ thuật, các nước xã hội chủ nghĩa còn có một số mặt thua kém so với một số nước tư bản phát triển, nhưng so với toàn bộ hệ thống tư bản chủ nghĩa gồm hơn trăm nước, có những nước đã được xây dựng trải qua mấy trăm năm, thì sự phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa là sự thay đổi về chất cả về tốc độ và trình độ. Từ nước Nga lạc hậu, chỉ trong vòng hai mươi năm, Liên Xô đã trở thành một nước công nghiệp hùng cường đủ sức đánh bại chủ nghĩa phát xít. Những năm 50-60, tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã tạo được sức hút mãnh liệt đối với nhân dân các dân tộc trên thế giới. Những năm 70, nhiều nước sau khi được giải phóng, thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, đã lựa chọn con đường phát triển không tư bản chủ nghĩa. Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản không chỉ có trong lý thuyết mà được thể hiện trong cuộc sống. Cuộc khủng hoảng về nhiều mặt hiện nay ở một số nước xã hội chủ nghĩa là nghiêm trọng. Song đó không phải là khủng hoảng nảy sinh từ bản chất của chủ nghĩa xã hội. Sự rêu rao của bọn đế quốc về sự phá sản của chủ nghĩa cộng sản là hoàn toàn không có căn cứ. Những khó khăn mà chủ nghĩa xã hội đã và đang phải vượt qua là khó khăn trong quá trình phát triển, trong sự tìm kiếm những hình thức, phương pháp xây dựng một xã hội mới chưa từng có trong lịch sử, trong cuộc đấu tranh một mất một còn đối với những âm mưu và hành động thâm độc của chủ nghĩa đế quốc. Những người cộng sản không vì những điều đó mà động dao trước con đường đúng đắn đã lựa chọn. Các nước xã hội chủ nghĩa nhất định sẽ khắc phục được khó khăn, phát triển lên trình độ cao với chất lượng mới. Chúng ta tin rằng các dân tộc bị áp bức và bóc lột đang đấu tranh chống chủ

nghĩa tư bản, sớm hay muộn sẽ đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới tránh được nguy cơ chiến tranh huỷ diệt, nhân loại mới bảo tồn được cuộc sống, các dân tộc bị áp bức, lệ thuộc mới được giải phóng khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, giai cấp công nhân, nhân dân lao động mới trở thành người làm chủ xã hội.

## *2. Khẳng định tính tất yếu khách quan và phương hướng xã hội chủ nghĩa của quá trình cải tổ, cải cách, đổi mới*

Trong quá trình xây dựng và phát triển, các nước xã hội chủ nghĩa đã đạt được những thành tựu to lớn trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, nhưng những năm gần đây, như trên đã nói, ở một số nước xã hội chủ nghĩa xuất hiện nhiều khó khăn, trì trệ. Có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân: nhiều quan niệm về chủ nghĩa xã hội chưa được xác định đúng, có những nhận thức lệch lạc, áu trĩ, nhiều chủ trương, chính sách không kịp thay đổi cho phù hợp với tình hình mới, hoặc có sai lầm nghiêm trọng. Cải tổ, cải cách, đổi mới đối với các nước đó là một tất yếu khách quan, một quá trình có tính cách mạng nhằm nhận thức cho đúng và bổ sung những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội, khắc phục những sai lầm và khuyết điểm, đề ra những giải pháp đúng để đưa chủ nghĩa xã hội phát triển lên một giai đoạn mới. Điều kiện quyết định bảo đảm cho thắng lợi của sự nghiệp cải tổ, cải cách, đổi mới là những người cộng sản nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp đúng đắn những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của mỗi nước, tìm ra những *hình thức, phương pháp và bước đi* thích hợp để thực hiện những mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Vận dụng nguyên lý một cách máy móc, thiếu sáng tạo, áp dụng rập khuôn kinh nghiệm nước ngoài, hoặc "sáng tạo" đi tới xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin đều là những khuynh hướng sai lầm, đưa đến những tác hại rất lớn cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, cho sự nghiệp cải tổ, cải cách, đổi mới.



### *3. Nhận rõ bản chất và con đường diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản, nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế*

Sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản là bước tiến lớn của lịch sử loài người; song chế độ tư bản chủ nghĩa là chế độ tồn tại dựa vào sự bóc lột và áp bức giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản là lịch sử chông chát những tội ác của chúng đối với nhân loại. Chủ nghĩa tư bản hiện đại đã tìm cách thích nghi nhất định với những điều kiện mới, lợi dụng được những thành tựu của khoa học, kỹ thuật tiến bộ, tiếp tục phát triển sản xuất, nhằm kéo dài cuộc sống của nó; nhưng điều đó không làm mất đi bản chất bóc lột, xâm lược và thối nát của chủ nghĩa tư bản cùng những mâu thuẫn nội tại của chúng. Trong điều kiện hiện nay, các mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc thực dân và các dân tộc, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản chủ nghĩa, mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với nhau không mất đi, trái lại vẫn tiếp tục phát triển. Cuộc đấu tranh từ các mâu thuẫn đó tất yếu dẫn đến sự diệt vong của chủ nghĩa tư bản. Luận điểm của Lênin: chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn cuối cùng, giai đoạn giãy chết (nói cho đúng hơn là đang đi dần vào cõi chết không tránh khỏi) của chủ nghĩa tư bản vẫn đúng. Nhưng chúng ta không nên hiểu điều đó một cách giản đơn, thô thiển. Phải hiểu đó là cái chết của một hình thái kinh tế - xã hội, kéo dài hàng trăm năm, chết từng phần, chết từng bước, bắt đầu từ thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại.

Trong tình hình thế giới hiện nay, đấu tranh bảo vệ hoà bình, bảo vệ môi trường sống và đấu tranh cách mạng gắn bó mật thiết với nhau; đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hoà bình là cuộc đấu tranh giai cấp gay gắt giữa hai hệ thống xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa bằng những hình thức và phương pháp mới, trong đó có hình thức đối ngoại. Các nước xã hội chủ nghĩa dùng hình thức đối ngoại với

các nước tư bản chủ nghĩa để ngăn ngừa chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hoà bình thế giới là cần thiết. Xu thế đối thoại tăng lên những năm gần đây là điều tốt, nhưng không thể từ đó đi tới kết luận là thế giới đã chuyển từ đối đầu sang đối thoại, làm lu mờ bản chất đấu tranh giai cấp trên thế giới.

Chủ nghĩa đế quốc chưa bao giờ từ bỏ mục tiêu của chúng là xoá bỏ chủ nghĩa xã hội và xoá bỏ các phong trào cách mạng. Chúng chỉ điều chỉnh sách lược và phương pháp thực hiện mục tiêu đó mà thôi.

Những người cộng sản không xem xét phiên diện mặt phát triển của chủ nghĩa tư bản, không mất cảnh giác trước các âm mưu, thủ đoạn thâm độc của bọn đế quốc, không mơ hồ trước những khẩu hiệu giả dối về nhân quyền, về dân chủ tự do của giai cấp tư sản. Chúng không có chút tư cách gì để nói về nhân quyền. Lịch sử đầy tội ác của chủ nghĩa tư bản, hai cuộc chiến tranh thế giới do chúng gây ra làm chết và bị thương hàng trăm triệu người, những cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa đế quốc đem lại biết bao đau khổ cho hàng nghìn triệu người ở các nước thuộc địa, những cuộc chúng đàn áp khủng bố dã man những người lao động ở các nước đế quốc, đó là bằng chứng hùng hồn nhất đập tan cái gọi là nhân quyền của chủ nghĩa đế quốc. Nhân dân Việt Nam hiểu rất rõ cái gọi là nhân quyền của đế quốc Mỹ khi chúng xâm lược Việt Nam, trút xuống đất nước ta một khối lượng bom đạn nhiều hơn khối lượng bom đạn trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

*4. Giáo dục trong Đảng và trong nhân dân kiên trì mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở quán triệt năm nguyên tắc và những chính sách đổi mới của Đảng*

Khi nêu năm nguyên tắc đổi mới, Nghị quyết Trung ương 6 khẳng định: "Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của nước ta, là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ, của Đảng ta. Xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan

niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp". Cần khắc phục nhận thức lệch lạc cho rằng nước ta chưa có đủ điều kiện để xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa nên hãy dừng lại ở trình độ dân chủ nhân dân; coi những khuyết điểm, sai lầm trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội như là những khuyết tật của bản thân chế độ, từ đó cho rằng chủ nghĩa tư bản tốt hơn chủ nghĩa xã hội và động dao về mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Căn cứ vào tình hình hiện nay, Hội nghị Trung ương 7 nhấn mạnh một số điểm sau đây về năm nguyên tắc và các chính sách đổi mới, khẳng định mục tiêu xã hội chủ nghĩa của chúng ta:

- Để đạt được mục tiêu xã hội chủ nghĩa, về lâu dài, chúng ta phải *làm cho quan hệ sở hữu xã hội chủ nghĩa chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế quốc dân*. Trong thời gian dài, Đảng ta chủ trương "thực hiện nhất quán chính sách cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, giải phóng mọi năng lực sản xuất", tức là không chủ trương vội vã cải tạo các thành phần kinh tế tư nhân chuyển thành kinh tế hợp tác xã hoặc kinh tế quốc doanh. Nhưng không thể từ đó mà coi nhẹ việc củng cố và phát triển cơ sở kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác. Cần tập trung sức xây dựng các cơ sở kinh tế quốc doanh chiếm các vị trí then chốt trong nền kinh tế và phát huy được vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh. Các hợp tác xã phải được củng cố và phát triển trong các ngành, nghề với hình thức và quy mô thích hợp. Khuynh hướng muốn tư nhân hoá hàng loạt cơ sở kinh tế quốc doanh, thực hiện khoán trắng ở hợp tác xã là sai lầm. Thừa nhận kinh tế tư nhân cần thiết lâu dài đối với nền kinh tế quốc dân, khuyến khích mọi người đầu tư sản xuất, kinh doanh trong những ngành nghề có lợi cho quốc kế dân sinh, nhưng phải bảo đảm sự hướng dẫn và kiểm soát của Nhà nước, hướng kinh tế tư nhân phát triển trong quỹ đạo xã hội chủ nghĩa và theo pháp luật, không để cho kinh tế tư nhân phát triển tự phát không đúng hướng cùng với những hoạt động phi pháp của họ.

Theo quan điểm phát triển nền kinh tế hàng hoá có kế hoạch, gồm nhiều thành phần đi lên chủ nghĩa xã hội; cần đổi mới nội dung và phương pháp kế hoạch hoá, sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hoá, tiền tệ, nhưng *không thể coi nhẹ kế hoạch, coi nhẹ việc quản lý thị trường*. Thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và các hình thức phân phối khác được pháp luật thừa nhận nhưng phải chống lại những hoạt động tìm kiếm thu nhập phi pháp và coi trọng từng bước phát triển phúc lợi xã hội phù hợp với khả năng của nền kinh tế. Trong sản xuất và kinh doanh, khuyến khích việc hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, nhưng phải chống cạnh tranh nhằm tiêu diệt lẫn nhau. Khuyến khích mọi người làm giàu chính đáng trong khuôn khổ pháp luật cho phép, nhưng phải hướng dẫn, giúp đỡ, tạo điều kiện cho những người có khó khăn phát triển sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống.

Trong lúc *mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại*, tham gia vào quá trình phân công lao động và hợp tác kinh tế với nước ngoài, trước hết chúng ta ưu tiên phát triển hợp tác kinh tế với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Đồng thời sẵn sàng mở rộng quan hệ kinh tế với tất cả các nước, các công ty nước ngoài trên cơ sở hai bên cùng có lợi và không có điều kiện chính trị ràng buộc, nhưng phải chủ động phòng ngừa, tránh bị lệ thuộc, hạn chế đến mức thấp nhất cái giá phải trả.

- *Chế độ chính trị* của chúng ta là chế độ làm chủ của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng, là nền chuyên chính vô sản được thiết lập và củng cố từng bước vững chắc trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; từ phương hướng cơ bản đó chúng ta chủ trương xây dựng và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị. Chúng ta không chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên chính trị, không để cho các tổ chức chống đối chủ nghĩa xã hội ra đời và hoạt động. Không coi việc thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần là thực hiện chủ trương đa nguyên về kinh tế. Nhân dân tự do bày tỏ ý kiến khác nhau với tinh thần xây dựng, nhằm mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã

hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, là thực hiện quyền dân chủ trong chế độ ta.

Hội nghị Trung ương 6 đã chỉ rõ phải quán triệt chủ trương đổi mới toàn diện và đồng bộ, đồng thời mỗi bước đi phải xác định đúng khâu then chốt. Trong quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, chúng ta tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các tổ chức chính trị. Không thể tiến hành cải cách hệ thống chính trị một cách vội vã khi chưa đủ căn cứ, mở rộng dân chủ không có giới hạn, không có mục tiêu cụ thể và không đi đôi với tập trung thì dẫn đến sự mất ổn định về chính trị, gây thiệt hại cho sự nghiệp đổi mới.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khẳng định *tiếp tục thực hiện chủ trương mở rộng dân chủ* trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, tư tưởng. Mở rộng dân chủ vừa tạo ra động lực to lớn cho công cuộc đổi mới, vừa thực hiện mục tiêu xây dựng quyền làm chủ của nhân dân. Đó là nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ của nhân dân, trước hết là công nhân, nông dân, trí thức. Trong quá trình mở rộng dân chủ phải nắm vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; mở rộng dân chủ phải có sự lãnh đạo của Đảng. Khi nói "lấy dân làm gốc" phải hiểu mỗi người dân đều có quan hệ giai cấp khác nhau nên có ý thức về lợi ích giai cấp khác nhau, trình độ giác ngộ chính trị cũng khác nhau. Biết lắng nghe ý kiến của nhân dân, tiếp thu ý kiến đúng, giải thích cho quần chúng biết những ý kiến sai. Đấu tranh chống những hành vi áp bức, ức hiếp nhân dân, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân nhưng phải phê phán khuynh hướng dân chủ tư sản, dân chủ cực đoan, những hành động vô tổ chức, vô kỷ luật, vô chính phủ, lợi dụng dân chủ, công khai để đả kích chế độ, đả kích sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân chủ trong nhân dân, đồng thời trừng trị đích đáng, kịp thời những kẻ phá hoại thành quả cách mạng, làm suy yếu nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và pháp chế xã hội chủ nghĩa.

- Trong công cuộc xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc, phải coi trọng đời sống văn hoá của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, quan tâm đời sống tinh thần ở nông thôn và các vùng dân tộc thiểu số. Xây dựng lối sống lành mạnh, văn minh, phát huy những thuần phong, mỹ tục của dân tộc, giáo dục tinh thần quý trọng và bảo vệ các di tích lịch sử và cách mạng; chống mê tín dị đoan, lối sống xa hoa truy lạc. Trên lĩnh vực văn nghệ, hướng văn nghệ sĩ đi sâu vào cuộc sống, vào thực tế của cuộc đấu tranh cho sự nghiệp đổi mới mà xây dựng tác phẩm có sức thuyết phục, giáo dục sâu sắc cái đẹp về tinh thần, tình cảm và tư tưởng đúng đắn cho công chúng, nhất là cho thanh niên. Khuyến khích tự do sáng tác, phê bình, giữ vững tính kế thừa của nền văn nghệ cách mạng; phê phán tư tưởng coi nhẹ hoặc phủ định những thành tựu to lớn của văn nghệ cách mạng và của lịch sử đấu tranh cách mạng, xa rời truyền thống tốt đẹp của dân tộc, truyền bá bạo lực, dâm ô, đồi trụy và những tư tưởng phi xã hội chủ nghĩa khác. Đấu tranh với những hoạt động bè phái, mọi biểu hiện xa rời đường lối chính trị và tư tưởng của Đảng, đối lập văn nghệ với sự lãnh đạo của Đảng; khắc phục quan điểm sai như: Đảng chỉ nên "lãnh đạo và quản lý theo định hướng rộng", "để cho công chúng tự chọn lấy món ăn". Không vì khôi phục vị trí và giá trị tác phẩm cho một số văn nghệ sĩ trước đây mà đề cao họ một cách quá đáng, thậm chí làm sống lại những khuynh hướng bệnh hoạn của thời kỳ thực dân Pháp và Mỹ - nguy. Khắc phục tình trạng tiếp thụ không chọn lọc những quan điểm và tác phẩm văn nghệ nước ngoài.

- Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng, Đảng lãnh đạo cách mạng không phải là một đặc quyền, đặc lợi mà là sứ mệnh lịch sử, là trách nhiệm vẻ vang của Đảng đối với giai cấp, với dân tộc, được nhân dân giao phó. Chân lý giản đơn ấy đã được chứng minh bằng những thắng lợi vĩ đại mà nhân dân ta đã giành được trong sáu thập kỷ qua. Đảng ta là người khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đảng phải được

củng cố vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức; phương pháp và phong cách lãnh đạo của Đảng phải được đổi mới theo hướng mở rộng dân chủ trong sinh hoạt đảng, trong việc chuẩn bị và ra các quyết định, trong việc lựa chọn, bố trí cán bộ, tôn trọng thể chế và chức năng của Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, khắc phục lối lãnh đạo quan liêu, độc đoán cá nhân, duy ý chí, bao biện, sự vụ, nhưng phải chống khuynh hướng phủ nhận, hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng.

Đảng lãnh đạo thông qua việc xây dựng cương lĩnh, đường lối, chiến lược, xác định những mục tiêu cơ bản của cách mạng, vạch ra những phương hướng, chủ trương, chính sách trên các lĩnh vực đối nội và đối ngoại để định hướng hoạt động của Nhà nước và của toàn dân; Đảng kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách; Đảng lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ, bố trí cán bộ các cơ quan của Đảng, chuẩn bị và giới thiệu các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước và đoàn thể quần chúng. Không được cho rằng "Đảng chỉ lãnh đạo bằng các định hướng lớn", để trên thực tế, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng.

*- Hệ tư tưởng chỉ đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa là chủ nghĩa Mác - Lênin.* Đảng ta luôn luôn trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, quán triệt bản chất cách mạng và khoa học của nó, vận dụng một cách sáng tạo vào điều kiện nước ta. Các tổ chức của Đảng phải hết sức quan tâm triển khai việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin một cách rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, mở rộng và tăng cường trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Đấu tranh chống lại mọi luận điệu phủ nhận, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin.

*- Sức mạnh của cách mạng là sức mạnh tổng hợp.* Phải kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản và quốc tế xã hội chủ nghĩa; kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới.

Trước đây cũng như hiện nay, Đảng ta luôn luôn góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, đấu tranh chống lại sự tiến công điên cuồng của bọn đế quốc và các

thế lực phản động quốc tế, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin và tình đoàn kết chiến đấu của phong trào công sản và công nhân thế giới một cách có lý, có tình. Trước sau như một, chúng ta nguyện làm hết sức mình nhằm tăng cường tình đoàn kết xã hội chủ nghĩa và sự hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, tăng cường mối quan hệ đặc biệt, gắn bó keo sơn không gì lay chuyển được với Lào và Campuchia anh em, tăng cường sự đoàn kết với phong trào công nhân, phong trào đấu tranh của các dân tộc và phong trào của các nước tiến bộ trên toàn thế giới.

*5. Nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng xã hội chủ nghĩa, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự thống nhất ý chí và hành động trong xã hội, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực*

- Điểm mấu chốt để nâng cao phẩm chất chính trị là tăng cường giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là cho thanh niên, thiếu niên, tinh thần yêu nước, lý tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa, lập trường của giai cấp công nhân, lòng tự hào dân tộc và truyền thống cách mạng vẻ vang của Đảng và nhân dân ta; đó là tài sản vô cùng quý báu của dân tộc, của nhân dân. Ngăn ngừa và khắc phục những biểu hiện động dao về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, phủ nhận những truyền thống tốt đẹp và quá khứ oanh liệt của dân tộc, của cách mạng. Giáo dục ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đề cao cảnh giác trước những âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế chống phá chủ nghĩa xã hội, không một chút lơ đãng về cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản.

- Giáo dục tinh thần học hỏi cầu tiến bộ, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và biết làm có lợi cho dân cho nước, có tinh thần đoàn kết tương trợ và hợp tác, lối sống lành mạnh, giản dị, tiết kiệm. Chống thói lười biếng, tư tưởng thực dụng chạy theo đồng tiền, lối sống xa hoa, truy lạc. Cùng với công tác giáo dục phải xây dựng



quy chế nhằm ngăn ngừa và khắc phục việc cán bộ lợi dụng chức quyền, tham ô, hối lộ, đặc quyền đặc lợi, quan liêu, hống hách với dân.

- Giáo dục cho mọi người ý thức làm tròn nghĩa vụ công dân, sống và làm việc theo pháp luật. Đấu tranh kiên quyết với những hành động lưu manh côn đồ phá rối trật tự an toàn xã hội, những hành vi xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, đầu cơ, buôn lậu, trốn thuế, lậu thuế, làm hàng giả, lưu hành văn hoá phẩm phản động, đòi truy.

- Cán bộ, đảng viên cộng sản phải nêu cao tính đảng, ý thức tổ chức, kỷ luật, ý thức phát huy trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân, gương mẫu thực hành dân chủ, tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Đấu tranh chống tư tưởng địa phương, cục bộ, bản vị, gây chia rẽ bè phái. Toàn Đảng cần hết sức quan tâm đến công tác vận động quần chúng, thường xuyên xây dựng thực lực cách mạng.

### III- ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

Tình hình trên đây đòi hỏi các cấp uỷ đảng, các cấp chính quyền, các đoàn thể quần chúng phải *hết sức coi trọng công tác tư tưởng, tăng cường sự lãnh đạo và quản lý công tác tư tưởng*; kết hợp chặt chẽ sự lãnh đạo, quản lý tư tưởng với lãnh đạo, quản lý các mặt kinh tế, xã hội; kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng với công tác tổ chức. Đó là điều kiện đầu tiên bảo đảm cho Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương được thực hiện tốt.

- Các cấp uỷ đảng, trước hết là đồng chí bí thư, trong sự lãnh đạo toàn diện của mình, phải coi việc lãnh đạo tư tưởng là công tác quan trọng số một, có chương trình kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng, không khoán trắng cho các cơ quan chuyên môn, không buông trôi hoặc đưa lên cấp trên giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình; mỗi đảng viên phải xác định rõ trách nhiệm làm công tác tư tưởng của mình và phải phấn đấu làm tròn trách nhiệm đó.

- Trong sự quản lý toàn diện của Nhà nước đối với lĩnh vực tư tưởng văn hoá, vấn đề rất quan trọng hiện nay là phải khẩn trương pháp luật hoá, thể chế hoá các hoạt động báo chí, xuất bản, văn hoá văn nghệ. Trước mắt xem xét lại những văn bản pháp quy về công tác thông tin tuyên truyền, báo chí, xuất bản, văn học nghệ thuật, bổ sung sửa đổi những điểm cần thiết theo tinh thần đổi mới của Nghị quyết Đại hội VI, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị; ban hành một số luật mới như Luật báo chí, xuất bản... Tích cực tuyên truyền, phổ biến và giáo dục những pháp luật đó trong nhân dân, coi trọng việc chỉ đạo thực hiện có kết quả những chính sách, chế độ, quy định. Nghiêm trị mọi hành vi vi phạm pháp luật. Đó là cơ sở để lập lại trật tự kỷ cương trên lĩnh vực báo chí, xuất bản, văn hoá văn nghệ. Trong ngân sách nhà nước phải dành phần thích đáng cho việc xây dựng cơ sở kỹ thuật, các phương tiện làm công tác tư tưởng, các hoạt động thông tin, báo chí, văn hoá văn nghệ. Cần có chính sách tài chính cho các hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin cổ động, văn hoá văn nghệ thích hợp với tính chất và nhiệm vụ của mỗi loại hoạt động này.

- Ban chấp hành các đoàn thể quần chúng cần có kế hoạch hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, bằng cách thường xuyên gặp gỡ trao đổi ý kiến với đoàn viên, hội viên, bằng những chương trình điều tra cơ bản, coi đó là một căn cứ quan trọng để tiến hành công tác tư tưởng. Nội dung và hình thức tuyên truyền cổ động, vận động quần chúng của các đoàn thể phải phong phú, sáng tạo, có tính thuyết phục và tính chiến đấu, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, với tâm lý và điều kiện hoạt động của hội viên.

- Đổi mới công tác thông tin tuyên truyền cổ động, nhất là tuyên truyền miệng. Các đồng chí Ủy viên Trung ương, tỉnh uỷ viên, thành uỷ viên, huyện uỷ viên, quận uỷ viên, các đồng chí phụ trách các bộ, sở phải được phân công định kỳ xuống các xí nghiệp, hợp tác xã, trường học, các đơn vị lực lượng vũ trang và công an nhân dân, gặp gỡ công nhân, nông dân, trí thức, bộ đội, công an, trực tiếp truyền đạt đường

lời, chính sách của Đảng, trao đổi, thu thập ý kiến, trả lời những vấn đề do quần chúng nêu ra.

Thông tin phải theo định hướng của Đảng, chính xác, bảo vệ bí mật của Đảng và quốc gia; lấy việc phục vụ lợi ích của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, tăng cường tình đoàn kết quốc tế làm mục đích cao nhất. Thông tin kịp thời những nhân tố mới, điển hình mới, những kinh nghiệm tốt, gây niềm tin có thể vượt qua khó khăn thử thách hiện nay, tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tiêu cực. Đấu tranh kịp thời với những hành vi lợi dụng dân chủ, công khai gây nhiễu thông tin, xuyên tạc, vu cáo, làm rối nội bộ. Công tác thông tin tuyên truyền cổ động cần được tiến hành thích hợp đối với mỗi tầng lớp quần chúng. Trong đó hết sức coi trọng việc toàn xã hội chăm sóc, giáo dục thế hệ trẻ, tổ chức phát động thanh niên cả nước lao động và học tập, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội, qua đó mà giác ngộ chính trị, giáo dục lý tưởng xã hội chủ nghĩa cho thanh niên, học sinh, sinh viên...

- Báo chí, xuất bản, văn hoá văn nghệ là những binh chủng trực tiếp tác chiến hàng ngày trên mặt trận tư tưởng, các cấp ủy đảng và lãnh đạo các ngành, đoàn thể phải lãnh đạo và quản lý tốt đội ngũ phóng viên, cán bộ biên tập, trước hết là tổng biên tập các báo chí, nhà xuất bản. Tạo điều kiện thuận lợi cho anh chị em làm tốt nhiệm vụ được giao: kịp thời thông tin những vấn đề về thời cuộc, chính sách, những chủ trương của cấp uỷ; tạo điều kiện cho anh em đi sát cuộc sống; từng thời gian đánh giá hoạt động của cơ quan báo chí, xuất bản, văn hoá văn nghệ, biểu dương mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc, khắc phục những khuyết điểm; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần và điều kiện làm việc của anh chị em, v.v.. Cần xử lý nghiêm những cán bộ phụ trách báo chí, xuất bản, văn hoá văn nghệ có ý đồ sử dụng tờ báo, tạp chí, nhà xuất bản, các hoạt động văn hoá văn nghệ để tuyên truyền khuynh hướng, quan điểm sai lầm của cá nhân, cố tình làm trái với quan điểm của Đảng...

- Phải coi trọng công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng. Công tác lý luận phải góp phần giải đáp kịp thời và sáng tỏ những vấn đề do cuộc đổi mới đặt ra, từng bước hoàn chỉnh hệ thống các quan điểm đổi mới do Đại hội VI và các nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị đề ra. Đổi mới giáo trình, giáo khoa, bài giảng và phương pháp giảng dạy bộ môn Mác - Lênin trong hệ thống các trường đảng, nhà nước và các đoàn thể quần chúng.

- Các cấp uỷ tổ chức chu đáo đợt sinh hoạt chính trị để quán triệt nghị quyết này trong toàn Đảng. Chú ý làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn các quan điểm của Đảng. Làm cho mọi người quán triệt các quan điểm của Đảng, hiểu rõ uốn nắn những lệch lạc được nêu ra trong nghị quyết này không phải là thu hẹp, trái lại là *đẩy mạnh công cuộc đổi mới tiến lên đúng hướng và vững chắc*; việc nắm vững những nguyên tắc và chính sách đổi mới là thể hiện sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với thực tiễn nước ta, bảo đảm cho sự nghiệp đổi mới của nhân dân ta thực hiện thắng lợi. Việc phê phán những quan điểm sai trái phải làm nghiêm túc, nhưng không thô bạo làm hạn chế sinh hoạt dân chủ trong Đảng, hạn chế việc phát huy trí tuệ của cán bộ, đảng viên. Cần phân biệt những người có quan điểm sai lầm nhưng có ý thức kỷ luật với những người không tôn trọng kỷ luật cố ý hành động sai trái. Hình thức, phương pháp sinh hoạt chính trị cần được cải tiến. Không chỉ truyền đạt nghị quyết mà còn chú ý kêu gọi vấn đề, cung cấp tư liệu, giúp cho mọi người suy nghĩ, trao đổi, thảo luận dân chủ, tự giác giải quyết những vấn đề nhận thức của mình.

Nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các ngày lễ lớn năm 1990, trong cán bộ, đảng viên mở đợt nghiên cứu tư tưởng và đạo đức của Bác Hồ, có liên hệ kiểm điểm tư tưởng, đạo đức, lối sống, ý thức phục vụ quần chúng, ý thức giữ gìn đoàn kết trong Đảng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Đảng toàn tập,*

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.49, tr.728, 737 -755.

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BAN CHẤP HÀNH TRUNG  
ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VIII)

Số 03-NQ/TW ngày 16 tháng 7 năm 1998

Về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

(Trích)

.....

***Phần thứ hai***

**PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ**

I . PHƯƠNG HƯỚNG

Phương hướng chung của sự nghiệp văn hóa nước ta là phát huy chủ nghĩa yêu nước và truyền thống đại đoàn kết dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, tự cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thụ tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

**Những quan điểm chỉ đạo cơ bản:**

***1. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội.***

Chăm lo văn hóa là chăm lo củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần tiến bộ và lành mạnh, không quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không thể có sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện Văn hóa là kết quả của kinh tế đồng thời là động lực của sự phát triển kinh tế. Các nhân tố văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, kỷ cương,... biến thành nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát triển.

## ***2. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.***

*Tiên tiến* là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác- Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung.

*Bản sắc dân tộc* bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân-gia đình-làng xã-Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc văn hóa dân tộc còn

đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo.

Bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc khác. Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lề thói cũ.

***3. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.***

Hơn 50 dân tộc sống trên đất nước ta đều có những giá trị và sắc thái văn hóa riêng. Các giá trị và sắc thái đó bổ sung cho nhau, làm phong phú nền văn hóa Việt Nam và củng cố sự thống nhất dân tộc là cơ sở để giữ vững sự bình đẳng và phát huy tính đa dạng văn hóa của các dân tộc anh em.

***4. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.***

Mọi người Việt Nam phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh đều tham gia sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa nước nhà. Công nhân, nông dân, trí thức là nền tảng khối đại đoàn kết toàn dân, cũng là nền tảng của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Đội ngũ trí thức gắn bó với nhân dân giữ vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa.

***5. Văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng.***



Bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa tốt đẹp của dân tộc, sáng tạo nên những giá trị văn hóa mới, xã hội chủ nghĩa, làm cho những giá trị ấy thấm sâu vào cuộc sống toàn xã hội và mỗi con người, trở thành tâm lý và tập quán tiến bộ, văn minh là một quá trình cách mạng đầy khó khăn, phức tạp, đòi hỏi nhiều thời gian. Trong công cuộc đó, "xây" đi đôi với "chống", lấy "xây" làm chính. Cùng với việc giữ gìn và phát triển những di sản văn hóa quý báu của dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hóa thế giới, sáng tạo, vun đắp nên những giá trị mới, phải tiến hành kiên trì cuộc đấu tranh bài trừ các hủ tục, các thói hư tật xấu, nâng cao tính chiến đấu, chống mọi mưu toan lợi dụng văn hóa để thực hiện "điển biến hòa bình".

## II. NHỮNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ

### *1. Xây dựng con người Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới với những đức tính sau*

- Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

- Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung.

- Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

- Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất

cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội.

- Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực.

## **2. Xây dựng môi trường văn hóa.**

Tạo ra ở các đơn vị cơ sở (gia đình, làng, bản, xã, phường, khu tập thể, cơ quan, xí nghiệp, nông trường, lâm trường, trường học, đơn vị bộ đội...), các vùng dân cư (đô thị, nông thôn, miền núi...) đời sống văn hóa lành mạnh, đáp ứng những nhu cầu văn hóa đa dạng và không ngừng tăng lên của các tầng lớp nhân dân.

Gìn giữ và phát huy những đạo lý tốt đẹp của gia đình Việt Nam. nêu cao vai trò gương mẫu của các bậc cha mẹ. coi trọng xây dựng gia đình văn hóa. xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

Đẩy mạnh phong trào xây dựng làng,ấp, xã, phường văn hóa, nâng cao tính tự quản của cộng đồng dân cư trong công cuộc xây dựng nếp sống văn minh.

Thu hẹp dần khoảng cách đời sống văn hóa giữa các trung tâm đô thị và nông thôn, giữa những vùng kinh tế phát triển với các vùng sâu, vùng xa, vùng núi, biên giới, hải đảo, giữa các tầng lớp nhân dân.

Phát triển và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa ở cơ sở; đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm tầm quốc gia. Tăng cường hoạt động của các tổ chức văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp, phát triển phong trào quần chúng hoạt động văn hóa, nghệ thuật.

### ***3. Phát triển sự nghiệp văn học - nghệ thuật.***

Phấn đấu sáng tạo nhiều tác phẩm văn học - nghệ thuật có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ, có tác dụng sâu sắc xây dựng con người.

Khuyến khích tìm tòi, thử nghiệm mọi phương pháp, mọi phong cách sáng tác vì mục đích đáp ứng đời sống tinh thần lành mạnh, bổ ích cho công chúng. Bài trừ các khuynh hướng sáng tác suy đồi, phi nhân tính.

Hướng văn nghệ nước ta phản ánh hiện thực sinh động, chân thật và sâu sắc sự nghiệp của nhân dân trong cách mạng và kháng chiến, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc cũng như tái hiện lịch sử kiên cường, bất khuất của dân tộc. Đặc biệt khuyến khích các tác phẩm về công cuộc đổi mới thể hiện nổi bật những nhân tố tích cực trong xã hội, những nhân vật tiêu biểu của thời đại. Cổ vũ cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, với thiên nhiên; phê phán những thói hư tật xấu, lên án cái ác, cái thấp hèn. Sáng tạo nhiều tác phẩm văn học-nghệ thuật cho thiếu niên, nhi đồng với hình thức, nội dung thích hợp; nghiêm cấm xuất bản loại sách kích thích bạo lực ở trẻ em.

Phát huy vai trò thẩm định tác phẩm, hướng dẫn dư luận xã hội phê bình văn học, nghệ thuật. Bảo đảm tự do sáng tác đi đôi với nêu cao trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội của văn nghệ sĩ, các nhà văn hóa. Nâng cao chất lượng, phát huy tác dụng của nghiên cứu, lý luận.

Tiếp tục đấu tranh chống các khuynh hướng trái với đường lối văn nghệ của Đảng.

Không ngừng nâng cao thị hiếu thẩm mỹ và trình độ thưởng thức nghệ thuật của công chúng, đặc biệt quan tâm tầng lớp thanh niên, thiếu niên, nhi đồng. Tạo điều kiện để nhân dân tham gia tích cực sáng tạo và phê bình, được hưởng thụ ngày càng nhiều tác phẩm văn nghệ có giá trị trong nước và ngoài nước.

Chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần, tạo điều kiện làm việc thuận lợi cho văn nghệ sĩ. Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo lớp văn nghệ sĩ trẻ. Làm tốt công tác bảo vệ bản quyền tác giả.

Liên hiệp văn học nghệ thuật Việt Nam (bao gồm các hội sáng tạo văn học, nghệ thuật ở Trung ương) và các hội văn nghệ ở các tỉnh, thành phố là những tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp do Đảng lãnh đạo có bộ máy chuyên trách gọn nhẹ, có sự tài trợ của Nhà nước về kinh phí.

#### ***4. Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa***

Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa. Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể.

Nghiên cứu và giáo dục sâu rộng những đạo lý dân tộc tốt đẹp do cha ông để lại.

#### ***5. Phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ***

Đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ. Coi trọng giáo dục đạo lý làm người, ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, đạo đức lối sống, nếp sống văn hóa, lịch sử dân tộc và bản sắc dân tộc, ý chí vươn lên vì tương lai của mỗi người và tiền đồ của đất nước; bồi dưỡng ý thức và năng lực phát huy giá trị văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ giảng viên và tu chỉnh hệ thống sách giáo khoa, nâng cao chất lượng giảng dạy các bộ môn ngữ văn, lịch sử, chính trị, pháp luật, đạo đức; giảng dạy nhạc và họa ở các trường phổ thông.

Hoạt động khoa học xã hội - nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ phải góp phần đắc lực giải quyết các vấn đề đặt ra trên lĩnh vực văn hóa, thúc đẩy các hoạt động văn hóa, thông tin, văn học, nghệ thuật.

## ***6. Phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng***

Củng cố, xây dựng, phát triển, từng bước hiện đại hóa hệ thống thông tin đại chúng.

Sắp xếp lại và quy hoạch hợp lý hệ thống truyền hình, phát thanh, thông tin, báo chí, xuất bản, thông tin mạng nhằm tăng hiệu quả thông tin, tránh lãng phí; phối hợp hoạt động của các loại hình thông tin, báo chí, giữa thông tin, báo chí với các lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật.

Xây dựng và từng bước thực hiện chiến lược truyền thông quốc gia phù hợp đặc điểm nước ta và xu thế phát triển thông tin đại chúng của thế giới.

Đẩy mạnh thông tin đối ngoại. Tận dụng thành tựu của mạng Internet để giới thiệu công cuộc đổi mới và văn hóa Việt Nam với thế giới, đồng thời có biện pháp hiệu quả ngăn chặn, hạn chế tác dụng tiêu cực qua mạng Internet cũng như qua các phương tiện thông tin khác.

Không ngừng nâng cao trình độ chính trị và nghề nghiệp, chất lượng tư tưởng, văn hóa của hệ thống truyền thông đại chúng. Khắc phục xu hướng thương mại hóa trong hoạt động báo chí, xuất bản.

Chăm lo đặc biệt về định hướng chính trị - tư tưởng, văn hóa, cũng như về kỹ thuật hiện đại đối với truyền hình là loại hình báo chí có ưu thế lớn, có sức thu hút công chúng đông đảo.

## ***7. Bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số***

Coi trọng và bảo tồn, phát huy những giá trị truyền thống và xây dựng, phát triển những giá trị mới về văn hóa, văn học, nghệ thuật của các dân tộc thiểu số.

Bảo tồn và phát triển ngôn ngữ, chữ viết của các dân tộc. Đi đôi với việc sử dụng ngôn ngữ, chữ viết phổ thông, khuyến khích thế hệ trẻ thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số học tập, hiểu biết và sử dụng thành thạo tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình. Phát hiện, bồi dưỡng, tổ chức lực lượng sáng tác, sưu tầm, nghiên cứu văn hóa, văn học, nghệ thuật là người dân tộc thiểu số. Ưu tiên tài trợ cho các tác giả dân tộc thiểu số có tài năng sáng tạo các tác phẩm về đề tài dân tộc và miền núi. Đào tạo đội ngũ trí thức thuộc đồng bào các dân tộc thiểu số và tạo điều kiện để trí thức, cán bộ dân tộc thiểu số trở về phục vụ quê hương. Phát huy tài năng các nghệ

nhân.

Đầu tư và tổ chức điều tra, sưu tầm, nghiên cứu, phổ biến các giá trị văn hóa, văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số.

Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, mở rộng mạng lưới thông tin ở vùng dân tộc thiểu số.

Thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở vùng dân tộc thiểu số, sớm giảm tỉ lệ hộ đói nghèo, ổn định và cải thiện đời sống, xóa mù chữ, nâng cao dân trí, xóa bỏ hủ tục.

#### **8. Chính sách văn hóa đối với tôn giáo**

Tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của dân, bảo đảm cho các tôn giáo hoạt động bình thường trên cơ sở tôn trọng pháp luật, nghiêm cấm xâm phạm tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng. Thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc.

Khuyến khích ý tưởng công bằng, bác ái, hướng thiện... trong tôn giáo, đồng thời tuyên truyền giáo dục khắc phục tệ mê tín dị đoan; chống việc lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng thực hiện ý đồ chính trị xấu.

Chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, giúp đỡ đồng bào theo đạo xóa đói giảm nghèo, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe, xây dựng môi trường văn hóa, thực hiện tốt trách nhiệm công dân đối với Tổ quốc.

## ***9. Mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa***

Làm tốt việc giới thiệu văn hóa, đất nước và con người Việt Nam với thế giới; tiếp thu có chọn lọc các giá trị nhân văn, khoa học, tiến bộ của nước ngoài. Phổ biến những kinh nghiệm tốt xây dựng và phát triển văn hóa của các nước. Ngăn ngừa sự xâm nhập các sản phẩm văn hóa phản động, đồi trụy.

Giúp đỡ cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài hiểu biết tình hình nước nhà, thu nhận thông tin và sản phẩm văn hóa từ trong nước ra, nêu cao lòng yêu nước, tự tôn dân tộc, giữ gìn truyền thống, bản sắc dân tộc, phát huy trí tuệ, tài năng sáng tạo, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước.

## ***10. Củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa***

- Củng cố, hoàn thiện thể chế văn hóa bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý có hiệu quả của Nhà nước, vai trò làm chủ của nhân dân và lực lượng những người hoạt động văn hóa, tạo nhiều sản phẩm và sinh hoạt văn hóa phong phú, đa dạng, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa hiện có, sắp xếp hợp lý các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp và kinh doanh, nâng cấp các đơn vị văn hóa - nghệ thuật trọng điểm, tạo chất lượng mới cho toàn ngành.

- Thực hiện khẩu hiệu "Nhà nước và nhân dân cùng làm văn hóa", hình thành các hình thức sáng tạo và tham gia hoạt động văn hóa của các tập thể, cá nhân trong khuôn khổ luật pháp và chính sách. Khuyến khích các hình thức bảo trợ văn hóa.



- Xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở.
- Hoàn chỉnh các văn bản luật pháp về văn hóa, nghệ thuật, thông tin trong điều kiện của cơ chế thị trường; ban hành các chính sách khuyến khích sáng tạo văn hóa và nâng mức đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

### III. NHỮNG NHIỆM VỤ CẤP BÁCH ĐẾN NĂM 2000

Từ nay đến năm 2000, đặt trọng tâm vào nhiệm vụ ***xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa lành mạnh*** trong xã hội, trước hết trong các tổ chức Đảng và Nhà nước, trong các đoàn thể quần chúng và trong từng gia đình.

Kiên quyết loại bỏ những phần tử thoái hóa biến chất về đạo đức ra khỏi tổ chức đảng và cơ quan Nhà nước. Nghiêm trị bọn tội phạm. Ngăn chặn và đẩy lùi các hoạt động phản văn hóa, các sản phẩm văn hóa độc hại.

Xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, đẩy lùi hủ tục, các tệ nạn cờ bạc, ma túy, mại dâm, bạo lực, gây rối trật tự công cộng. Cải thiện đời sống văn hóa ở những vùng đời sống văn hóa còn quá thấp kém, nhất là những vùng sâu, vùng xa, vùng núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, đáp ứng nhu cầu thiết yếu nhất về đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

#### ***Phần thứ ba***

### **NHỮNG GIẢI PHÁP LỚN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ**

#### **I. MỞ CUỘC VẬN ĐỘNG GIÁO DỤC CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC GẮN VỚI THI ĐUA YÊU NƯỚC VÀ PHONG TRÀO “ TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ ”**

- Bằng nhiều hình thức phong phú, tuyên truyền giáo dục làm chuyển biến nhận thức trong toàn xã hội, trước hết trong các cấp ủy đảng, đảng viên, cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ các đoàn thể quần chúng về tầm quan trọng, sự cần thiết cấp bách của sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa, về trách nhiệm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ văn hóa trong thời kỳ mới.

- Giáo dục chủ nghĩa yêu nước phải gắn chặt với phong trào thi đua yêu nước và giáo dục về chủ nghĩa xã hội, về nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước thoát nghèo nàn lạc hậu; làm cho mọi người thấm nhuần truyền thống lịch sử và cách mạng của dân tộc, đóng góp xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Các hoạt động tuyên truyền giáo dục phải gắn với quản lý xã hội bằng pháp luật, phát huy sức mạnh dư luận xã hội, gắn với các phong trào hành động của quần chúng.

- Phát động phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", huy động mọi lực lượng nhân dân và cả hệ thống chính trị từ trên xuống, từ trong đảng, cơ quan Nhà nước, các đoàn thể ra ngoài xã hội tích cực tham gia phong trào.

Phong trào đó bao gồm các phong trào hiện có như: Người tốt việc tốt, Uống nước nhớ nguồn, Đền ơn đáp nghĩa, Xóa đói giảm nghèo, Xây dựng gia đình văn hóa, làng, xã, phường văn hóa, Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở các khu dân cư... và toàn bộ các phong trào ấy đều hướng vào cuộc thi đua yêu nước "Tất cả vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Thông qua các cuộc vận động nói trên, thiết thực chuẩn bị tiến tới đại hội thi đua toàn quốc vào năm 2000.

## II. XÂY DỰNG, BAN HÀNH LUẬT PHÁP VÀ CÁC CHÍNH SÁCH VĂN HOÁ

### 1. *Xây dựng, ban hành luật pháp*

Xây dựng các luật, pháp lệnh, các văn bản pháp quy điều chỉnh các hoạt động trên lĩnh vực văn hóa. Bổ sung những luật đã ban hành cho phù hợp với tình hình mới. Nghiên cứu xây dựng Luật di sản văn hóa dân tộc, Luật quảng cáo, Pháp lệnh thư viện... Xây dựng quy chế về giải thưởng, tặng thưởng trong lĩnh vực văn hóa - văn nghệ, báo chí; quy chế kỷ niệm các sự kiện lịch sử và danh nhân (trong nước và thế giới), đặt tên đường phố, lập nhà bảo tàng, xây dựng tượng đài, v.v.

Bổ sung, hoàn thiện hoặc xây dựng mới các quy chế, quy định về lễ hội, việc tang, việc cưới, việc cúng bái ở các đền chùa, việc đốt vàng mã, việc giữ gìn trật tự vệ sinh nơi công cộng, v.v...

Khuyến khích nhân dân các xã, phường, thôn ấp, cụm dân cư, khu tập thể, xí nghiệp, cơ quan xây dựng các quy ước về nếp sống văn hóa, giữ gìn trật tự vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường thiên nhiên, cảnh quan sạch đẹp. Hoàn thiện hệ thống thanh tra chuyên ngành, thanh tra nhân dân, tăng cường công tác thanh tra văn hóa.

### 2. *Xây dựng, ban hành các chính sách*

- *Chính sách kinh tế trong văn hóa* nhằm gắn văn hóa với các hoạt động kinh tế, khai thác tiềm năng kinh tế, tài chính hỗ trợ cho phát triển văn hóa, đồng thời bảo đảm yêu cầu chính trị, tư tưởng của hoạt động văn hóa, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

+ Thực hiện cơ chế mở rộng hoạt động kinh doanh dịch vụ (hoạt động thể thao, dịch vụ văn hóa...), tạo nguồn thu hỗ trợ cho hoạt động sự nghiệp của các đơn vị văn hóa - nghệ thuật.

+ Cải tiến chế độ tài trợ, đặt hàng đối với điện ảnh, biểu diễn nghệ thuật, báo chí, xuất bản; thuế đối với báo chí; trợ giá cho một số báo chí, văn hóa phẩm đưa ra nước ngoài nhằm mục đích tuyên truyền đối ngoại và sách báo đưa lên miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

+ Quy định cụ thể chế độ cho các doanh nghiệp đặc thù của ngành văn hóa thông tin (hãng phim, rạp chiếu bóng, hiệu sách, khu vui chơi giải trí, nhà xuất bản, trung tâm triển lãm, tu bổ di tích...) được hưởng mức thuế ưu đãi trong hoạt động kinh doanh (thuế đất, thuế vốn khấu hao cơ bản...).

+ Cho phép các thành phần kinh tế, kể cả tư nhân trong nước và nước ngoài, thực hiện một số hình thức liên doanh, liên kết với một số cơ sở hoạt động văn hóa theo quy định của pháp luật nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng, đổi mới công nghệ và tham gia tổ chức một số hoạt động văn hóa có nội dung lành mạnh, bổ ích.

- *Chính sách văn hóa trong kinh tế* bảo đảm cho văn hóa thể hiện rõ trong các hoạt động kinh tế, đồng thời thúc đẩy các hoạt động kinh tế tạo điều kiện nhiều hơn cho sự nghiệp phát triển văn hóa. Việc xây dựng các mục tiêu, giải pháp kinh tế phải gắn với các mục tiêu, giải pháp văn hóa, chăm lo con người, nêu cao đạo đức trong sản xuất kinh doanh. Xây dựng văn minh thương nghiệp, đạo đức nghề nghiệp, văn hóa kinh doanh. Chú ý tính thẩm mỹ, bản sắc dân tộc và tính hiện đại của kiến trúc trong xây dựng các khu dân cư, khu công nghiệp... Trong quy hoạch xây dựng các

công trình lớn phải tính đến một số thiết chế văn hóa cần thiết nhất như thư viện, nhà thông tin, khu giải trí, bảo đảm cảnh quan môi trường cho các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh. Thực hiện chính sách miễn, giảm phần chịu thuế cho các khoản đầu tư, đóng góp của các doanh nghiệp vào sự nghiệp văn hóa.

- *Chính sách xã hội hóa hoạt động văn hóa* nhằm động viên sức người, sức của của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức xã hội để xây dựng và phát triển văn hóa. Chính sách này được tiến hành đồng thời với việc nâng cao vai trò và trách nhiệm của nhà nước. Các cơ quan chủ quản về văn hóa của Nhà nước phải làm tốt chức năng quản lý và hướng dẫn nghiệp vụ đối với các hoạt động xã hội về văn hóa.

- *Chính sách bảo tồn, phát huy di sản văn hóa dân tộc* hướng vào cả văn hóa vật thể và phi vật thể. Tiến hành sớm việc kiểm kê, sưu tầm, chỉnh lý vốn văn hóa truyền thống (bao gồm văn hóa bác học và văn hóa dân gian) của người Việt và các dân tộc thiểu số; phiên dịch, giới thiệu kho tàng văn hóa Hán Nôm. Bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa và các danh lam thắng cảnh, các làng nghề, các nghề truyền thống... Trọng đãi những nghệ nhân bậc thầy trong các ngành, nghề truyền thống.

- *Chính sách khuyến khích sáng tạo* trong các hoạt động văn hóa đòi hỏi tăng nguồn đầu tư thích đáng cho khu vực sáng tạo văn hóa, văn học, nghệ thuật. Chú trọng đầu tư hỗ trợ cho những tác giả có uy tín cao, những tài năng trẻ, đầu tư cho lực lượng chuyên nghiệp và cả cho phong trào quần chúng. Có chính sách chăm sóc đặc biệt đối với các văn nghệ sĩ cao tuổi tiêu biểu, các mầm non nghệ thuật xuất sắc. Sửa đổi chế độ nhuận bút phù hợp với tình hình mới; có chính sách khuyến khích đối với lao động nghệ thuật và báo chí. Thành lập quỹ văn hóa quốc gia và quỹ sáng tác của các Hội văn học, nghệ thuật, tạo thêm nguồn hỗ trợ tài chính cho xây dựng các tác phẩm. Có chính sách khuyến khích các văn nghệ sĩ,

nhà báo gắn bó với cơ sở, với thực tiễn lao động sản xuất. Tiếp tục thực hiện Pháp lệnh về giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng nhà nước và Pháp lệnh công nhận danh hiệu nghệ sĩ nhân dân, nghệ sĩ ưu tú.

- Xây dựng và ban hành *chính sách đặc thù hợp lý, hợp tình cho những loại đối tượng xã hội cần được ưu đãi tham gia và hưởng thụ văn hóa*: thương binh, bệnh binh, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, trẻ em, những người già không nơi nương tựa, những người thuộc các dân tộc thiểu số, những người tàn tật...

- Ban hành các *chính sách cụ thể về hợp tác quốc tế* trong quan hệ với các tổ chức quốc tế và các quốc gia ở những khu vực, những nhóm nước cụ thể. Đa dạng hóa, đa phương hóa các mối quan hệ về văn hóa (Nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, cá nhân) nhằm tiếp thu được nhiều tinh hoa, kinh nghiệm của nước ngoài, ngăn ngừa những tác động tiêu cực. Mở rộng, khuyến khích xuất khẩu sách, báo, văn hóa phẩm. Nâng công suất và thời lượng phát thanh, truyền hình ra nước ngoài. Tăng cường trao đổi các đoàn nghệ thuật, điện ảnh, các cuộc triển lãm, các cuộc thi đấu thể thao. Hình thành cơ chế phối hợp, chỉ đạo tập trung các cơ quan và lực lượng làm công tác đối ngoại trên lĩnh vực văn hóa - thông tin.

### III. TĂNG CƯỜNG NGUỒN LỰC VÀ PHƯƠNG TIỆN CHO HOẠT ĐỘNG VĂN HOÁ

- Tăng mức đầu tư cho văn hóa từ nguồn chi thường xuyên và nguồn chi phát triển trong ngân sách nhà nước. Tỉ trọng chi ngân sách cho văn hóa phải tăng tương ứng nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Khuyến khích các địa phương tăng thêm nguồn đầu tư cho văn hóa. Tích cực huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển văn hóa.

- Thực hiện các chương trình có mục tiêu về văn hóa nhằm đầu tư có trọng điểm, giải quyết các vấn đề có tính cấp bách. Xây dựng một số công trình văn hóa tiêu biểu chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long.

- củng cố, hoàn thiện tổ chức bộ máy, cán bộ của các cơ quan lãnh đạo, quản lý, tham mưu, các đoàn thể, các tổ chức nghề nghiệp của hoạt động văn hóa từ trung ương đến cơ sở, bảo đảm hoạt động có hiệu quả. Điều chỉnh, xác định rõ cơ cấu, chức năng nhiệm vụ, phương thức hoạt động của các ban của Đảng và các tổ chức đảng trong Bộ Văn hóa - Thông tin, các hội văn học nghệ thuật (các ban cán sự, đảng đoàn). Xây dựng quy chế về mối quan hệ làm việc giữa các tổ chức này, bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng.

Nâng cao trình độ mọi mặt của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa các cấp. Sử dụng và bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ hiện có. Xây dựng quy hoạch và thực hiện chương trình đào tạo lớp cán bộ mới (cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, chuyên gia) đủ phẩm chất và năng lực đảm đương công việc trong những năm tới. Củng cố, kiện toàn hệ thống các khoa, trường đào tạo cán bộ văn hóa, nghệ thuật, thông tin, báo chí, các viện nghiên cứu cả về tổ chức, đội ngũ giảng viên, chương trình, giáo trình. Tăng thêm điều kiện và phương tiện kỹ thuật giảng dạy, học tập. Tổ chức tốt đào tạo trên đại học...

Xây dựng và thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ văn hóa  
.....

T/M. BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

TỔNG BÍ THƯ

**LÊ KHẢ PHIÊU**

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII,*

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 40, 54-79.



**NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY BAN CHẤP HÀNH TRUNG  
ƯƠNG (KHOÁ IX)**

**Số 23 – NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2003**

**Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì "Dân giàu, nước mạnh, xã  
hội công bằng, dân chủ, văn minh"**

**(Trích)**

.....

**II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM**

**1. Mục tiêu**

Củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

**2. Quan điểm**

- Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đại đoàn kết toàn dân tộc lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai.

- Bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội; thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ

cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực, tự cường xây dựng đất nước; xem đó là những yếu tố quan trọng để củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

### III. NHỮNG CHỦ TRƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

#### **1. Xây dựng những định hướng chính sách nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc**

Phát triển mạnh mẽ nền kinh tế nhiều thành phần, lấy phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân là nhiệm vụ trung tâm; gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái trong từng bước phát triển; đẩy mạnh xoá đói, giảm nghèo, khuyến khích làm giàu chính đáng. Tổ chức việc kết nghĩa, giúp đỡ nhau giữa các vùng, các địa phương có kinh tế phát triển với vùng nghèo, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phát triển văn hoá, y tế, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, phấn đấu nâng dần độ đồng đều về trình độ dân trí, văn hoá và mức độ hưởng thụ, chăm sóc sức khoẻ của nhân dân các vùng trong nước; gìn giữ và phát huy văn hoá truyền thống tốt đẹp của từng dân tộc; xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương; đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc quyền, đặc lợi; thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", coi trọng vai trò của nhân dân trong đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

*Định hướng chính sách đối với các giai cấp, tầng lớp xã hội :*

*Giai cấp công nhân* : nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, bồi dưỡng tác phong công nghiệp, thực hiện "trí thức hoá công nhân". Giải quyết việc làm, giảm tối đa tỉ lệ công nhân thiếu việc làm và thất nghiệp. Thực hiện tốt pháp luật lao động, bảo hộ lao động và việc chăm sóc, phục hồi sức khoẻ cho công nhân. Sớm tổ chức thực hiện Quỹ trợ cấp thất nghiệp. Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với công nhân, viên chức, lao động; chính sách ưu đãi nhà ở đối với công nhân bậc cao.

Tăng cường đào tạo cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và phát triển đảng trong công nhân. Nghiên cứu việc giao cho tổ chức công đoàn giới thiệu những công nhân ưu tú để kết nạp vào Đảng.

*Giai cấp nông dân* : Nhà nước có chính sách điều tiết, hỗ trợ, tổ chức tốt việc tiêu thụ nông sản cho nông dân; đưa công nghệ sản xuất tiên tiến vào nông nghiệp, nông thôn; có chính sách điều chỉnh hợp lý việc sử dụng quỹ đất, vừa bảo đảm an ninh lương thực, vừa thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nâng cao hiệu quả sử dụng đất; có chính sách khuyến khích nông dân chuyển sang các nghề phi nông nghiệp; thúc đẩy khôi phục làng nghề, phát triển ngành nghề mới ở nông thôn; mở rộng thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội đối với nông dân hết tuổi lao động... Mở rộng các loại hình đào tạo nghề, chuyển giao khoa học - kỹ thuật và công nghệ thông qua các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, các trung tâm học tập cộng đồng và các điển hình nông dân sản xuất giỏi.

Hội Nông dân là trung tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và công cuộc xây dựng nông thôn mới.

*Đội ngũ trí thức* : có cơ chế cụ thể phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ xứng đáng các tài năng; mở rộng dân chủ, khuyến khích sáng tạo, phát minh, sáng kiến và bảo vệ sở hữu trí tuệ; mở rộng vai trò tư vấn, phản biện của các hội khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn và văn học nghệ thuật chuyên

ngành đối với các đề án phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội. Có chính sách động viên các nhà khoa học, kể cả những người đã nghỉ hưu và những người đang sinh sống ở nước ngoài tham gia các chương trình kinh tế - xã hội của quốc gia và xây dựng đường lối, chính sách, pháp luật. Đẩy mạnh phát triển đảng và nâng cao chất lượng công tác chính trị tư tưởng đối với trí thức và sinh viên.

*Thanh niên* : đẩy mạnh giáo dục nhận thức chính trị, giáo dục truyền thống và đạo đức cách mạng, nâng cao giác ngộ lý tưởng và hoài bão cho thanh niên, động viên thanh niên xung kích trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tích cực tạo việc làm cho thanh niên. Khuyến khích thanh niên tự học, tự nâng cao tay nghề, tự tạo việc làm. Tạo điều kiện, cơ hội cho thanh niên có tài năng đi học ở nước ngoài để trở về phục vụ đất nước. Chú trọng bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ, dạy nghề cho thanh niên trong lực lượng vũ trang khi hết thời gian làm nghĩa vụ quân sự. Tăng cường tuyên truyền về Đảng và công tác phát triển đảng trong thanh niên. Thu hút rộng rãi thanh, thiếu niên và nhi đồng vào các tổ chức do Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm nòng cốt.

*Phụ nữ* : tiếp tục nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và trong toàn xã hội về công tác phụ nữ và vấn đề bình đẳng giới. Khẩn trương thể chế hoá các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác phụ nữ và công tác cán bộ nữ trong tình hình mới; lồng ghép vấn đề giới trong quá trình xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch chung. Coi trọng các chính sách xã hội, các chính sách về giới để giảm nhẹ lao động nặng nhọc cho phụ nữ. Nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp cho phụ nữ. Chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em. Tạo điều kiện để phụ nữ tham gia ngày càng nhiều vào các hoạt động xã hội, các cơ quan lãnh đạo và quản lý các cấp.

*Cựu chiến binh* : phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa; giúp nhau cải thiện đời sống; xoá đói, giảm nghèo; góp phần giáo dục truyền thống và chủ nghĩa

anh hùng cách mạng cho thế hệ trẻ; là chỗ dựa tin cậy của Đảng và chính quyền ở cơ sở.

*Người cao tuổi* : xây dựng chính sách chăm sóc sức khỏe, quan tâm hơn đến người cao tuổi về y tế, hưởng thụ văn hoá, nhu cầu được thông tin, phát huy khả năng tham gia đời sống chính trị của đất nước và các hoạt động xã hội, nêu gương tốt, giáo dục lý tưởng và truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công với nước. Xây dựng Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi. Phát huy vai trò Hội Người cao tuổi Việt Nam.

*Các nhà doanh nghiệp* : coi trọng vai trò của các doanh nhân trong phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện khung pháp lý chung để các nhà doanh nghiệp yên tâm phát triển sản xuất - kinh doanh. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các tổ chức hiệp hội các nhà doanh nghiệp.

*Các dân tộc thiểu số* : thực hiện tốt chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam; chống kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc. Tập trung phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói, giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Nêu cao ý thức tự lực tự cường của đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng thời tăng cường sự hỗ trợ, giúp đỡ của Nhà nước và cộng đồng. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân sĩ, trí thức dân tộc thiểu số. Động viên, phát huy vai trò của mọi tầng lớp nhân dân trong việc bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội.

*Đồng bào các tôn giáo* : bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của đạo lý và truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh và nhớ ơn những người có công với nước, đấu tranh ngăn

chặn các hoạt động mê tín dị đoan. Đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo có trách nhiệm sống “tốt đời, đẹp đạo”, phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo. Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo luật pháp và được luật pháp bảo hộ. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo.

Nghiêm cấm lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm tổn hại đến an ninh quốc gia.

*Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài* : có chính sách động viên và tạo điều kiện cho người Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương tham gia xây dựng đất nước. Khuyến khích đồng bào đầu tư về trong nước, có chính sách thu hút, phát huy sự đóng góp của trí thức Việt kiều. Vận động đồng bào chấp hành tốt pháp luật ở các nước sở tại, đồng thời có biện pháp tích cực bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đồng bào. Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về tình hình trong nước và các chủ trương, chính sách của Nhà nước ta trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Có chính sách khen thưởng người Việt Nam ở nước ngoài có nhiều thành tích đóng góp cho Tổ quốc.

## **2. Phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền Nhà nước trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc**

- Không ngừng hoàn thiện các cơ chế dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện. Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, cụ thể hoá để thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong tất cả các loại hình tổ chức và đơn vị cơ sở thuộc các cấp, các ngành, kể cả trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Khắc phục mọi biểu hiện vi phạm dân chủ, coi nhẹ dân chủ hoặc dân chủ hình thức. Phát huy dân chủ đồng thời đề cao pháp luật, kỷ luật, kỷ cương trong toàn xã hội.

- Hoạt động của các cơ quan nhà nước phải đặt nhiệm vụ phục vụ nhân dân lên trên hết, giải quyết đúng đắn và nhanh chóng các công việc có quan hệ trực tiếp đến đời sống nhân dân; thực hiện đúng đắn chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng. Nhà nước có cơ chế phối hợp và bảo đảm các điều kiện cần thiết để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh trung thực tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân; tích cực tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật; tập hợp, động viên nhân dân đồng tâm, hiệp lực thực hiện thắng lợi những chủ trương, nhiệm vụ của Nhà nước; đồng thời, làm tốt vai trò giám sát đối với các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức, góp phần xây dựng và bảo vệ chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Đối với những vấn đề lớn và đặc biệt quan trọng của đất nước, cần có những hình thức thích hợp để nhân dân tham gia ý kiến. Trước khi ban hành những chủ trương, chính sách quan trọng, cần tổ chức chu đáo, thiết thực việc lấy ý kiến các tầng lớp nhân dân có liên quan, bảo đảm để nhân dân có thể thẳng thắn bày tỏ được ý kiến đóng góp. Khuyến khích trao đổi, tranh luận với tinh thần xây dựng về những vấn đề có ý kiến khác nhau, tránh chụm mũ, áp đặt.

- Nhà nước chăm lo đào tạo, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ, giáo dục đạo đức cho cán bộ chính quyền các cấp. Xây dựng phong cách và phương thức công tác của cán bộ, công chức phù hợp với đạo đức cách mạng và đáp ứng yêu cầu tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Giáo dục cán bộ, công chức xây dựng và thực hành phong cách "*trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân*", "*nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin*".

Cán bộ, công chức phải có thái độ chân thành, tôn trọng dân, hướng dẫn và giúp đỡ nhân dân; không thành kiến, phân biệt đối xử khi làm việc với dân.

Bổ sung, hoàn chỉnh Pháp lệnh cán bộ, công chức, chú ý phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cán bộ, công chức.

Thực hiện *phương thức dân chủ* trong lãnh đạo và quản lý điều hành, khắc phục lối làm việc mệnh lệnh, hành chính đơn thuần.

### **3. Mở rộng và đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc**

- Mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đa dạng hoá các hình thức tập hợp nhân dân. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các tổ chức xã hội và các tổ chức nhân dân. Sớm ban hành luật về hội quần chúng. Xây dựng các văn bản dưới luật để cụ thể hoá những nội dung nói trên và để Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy hiệu lực tốt hơn trong đời sống xã hội.

Xây dựng các cộng đồng dân cư tự quản ở các thôn, làng, bản, ấp, tổ dân phố, hoạt động trên cơ sở hương ước, quy ước không trái pháp luật. Chú trọng bồi dưỡng và hướng dẫn những người có uy tín trong cộng đồng tham gia đóng góp cho phong trào chung.

Phát huy những mặt tốt của các hình thức cộng đồng truyền thống như làng, bản, dòng họ, gia đình; đồng thời, kịp thời uốn nắn những biểu hiện cục bộ, lệch lạc.

- Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phối hợp với các cơ quan nhà nước hướng hoạt động nhiều hơn về cơ sở, đến từng hộ dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vận động và giúp nhân dân xoá đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng, hợp pháp, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở từng cộng đồng dân cư. Đi sát để hiểu tâm tư, nguyện vọng nhân dân, phát huy, nhân rộng những sáng kiến tích cực; vừa làm tốt chức năng tuyên truyền, giáo dục, vừa quan tâm bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân.

Cử đại diện của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tham gia các uỷ ban, hội đồng, ban điều hành một số dự án, chương trình kinh tế - xã hội có quan hệ trực tiếp đến quyền lợi và trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân ở cơ sở. Nghiên cứu việc đại



diện công đoàn tham gia hội đồng quản trị trong các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá mà Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối và việc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trích quỹ lương để tạo kinh phí cho công đoàn hoạt động.

#### **4. Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao trách nhiệm công dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước**

- Đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, mở rộng và nâng cao chất lượng giáo dục truyền thống yêu nước; trách nhiệm công dân; đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp trong nhân dân. Giáo dục ý thức chăm lo xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng và trong nhân dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội và đề cao ý thức cộng đồng trách nhiệm.

Củng cố và tăng cường các tổ chức làm công tác chính trị - tư tưởng. Phát huy vai trò tích cực của các phương tiện thông tin đại chúng, các loại hình văn hoá, nghệ thuật, coi trọng xây dựng và tạo điều kiện hoạt động cần thiết cho lực lượng tuyên truyền miệng, nhất là ở các vùng dân tộc thiểu số và vùng đồng bào có đạo, các trung tâm dân cư lớn, vùng sâu, vùng xa. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân cần có kế hoạch vận động, giáo dục, bồi dưỡng ý thức giác ngộ chính trị cho đoàn viên, hội viên và nhân dân.

- Phát động sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước. Thực hiện tốt các cuộc vận động về từng lĩnh vực cụ thể và cuộc vận động chung : *“Toàn dân đoàn kết phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*, tập trung vào các vấn đề :

+ Xây dựng phong trào toàn dân thi đua làm kinh tế giỏi, làm giàu hợp pháp, từng gia đình làm giàu cho mình, cho cộng đồng, cho đất nước; xoá đói, giảm nghèo, phấn đấu hàng năm có thêm nhiều đơn vị, địa phương không còn hộ nghèo.

+ Tiếp tục thực hiện tốt phong trào "Toàn dân xây dựng đời sống văn hoá" và các cuộc vận động ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội và "văn hoá phẩm" độc hại.

+ Xây dựng phong trào "*cả nước trở thành một xã hội học tập*", "*học tập suốt đời*", trước hết trong cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ.

+ Tôn vinh người tốt, biểu dương việc tốt; bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến; lên án, phê phán, đấu tranh chống tệ quan liêu, mất dân chủ, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, những hành động coi thường kỷ luật, dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật.

### **5. Xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để Đảng thật sự là hạt nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc**

- Kiên trì thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Cùng cố sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng và trong từng tổ chức đảng. Đảng viên gương mẫu tham gia sinh hoạt và làm nòng cốt trong các tổ chức nhân dân. Có cơ chế cụ thể để động viên nhân dân tham gia xây dựng Đảng.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân.

Kết hợp thực hiện chế độ tập trung, dân chủ trong Đảng và chế độ hiệp thương dân chủ trong tổ chức Mặt trận để làm phong phú thêm nền dân chủ ở nước ta.

Khi Đảng có các chủ trương, chính sách lớn, đại diện của cấp uỷ đảng cần chủ động trình bày trước hội nghị Mặt trận để mọi thành viên cùng bàn bạc, đóng góp ý kiến trên tinh thần dân chủ, xây dựng.

Tiếp tục cụ thể hoá việc phân công trách nhiệm giữa các bộ phận trong hệ thống chính trị trên lĩnh vực kinh tế - xã hội cho phù hợp với thời kỳ mới. Giao cho Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đảm nhiệm một số mặt công việc có liên quan đến đời sống nhân dân.

Chăm lo đào tạo bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể. Sắp xếp, tổ chức lại và hiện đại hoá từng bước hệ thống các trường đoàn thể ở Trung ương. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố cần có Khoa Dân vận. Cử những cán bộ đủ tiêu chuẩn sang công tác Mặt trận và đoàn thể theo chủ trương luân chuyển cán bộ, qua đó phát hiện những cán bộ tốt để bồi dưỡng, đề bạt vào những cương vị lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước.

.....

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ

NÔNG ĐỨC MẠNH

Đảng Cộng sản Việt Nam:

*Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá IX,*

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.9, 12-27.